

C 460 5  
HỘI VĂN NGHỆ DÂN GIÀN VIỆT NAM

PHAN ĐÌNH DŨNG

**CƠ SỞ TÍN NGƯỠNG VÀ LỄ HỘI  
TRUYỀN THỐNG Ở BIÊN HÒA**

2011/ĐC/W 000827

THƯ VIỆN  
TỈNH ĐỒNG NAI

NHÀ XUẤT BẢN THỜI ĐẠI

C 460 5  
HỘI VĂN NGHỆ DÂN GIAN VIỆT NAM

PHAN ĐÌNH DŨNG

**CƠ SỞ TÍN NGƯỠNG VÀ LỄ HỘI  
TRUYỀN THỐNG Ở BIÊN HÒA**

2011/ĐC/W 000827

THƯ VIỆN  
TỈNH ĐỒNG NAI

NHÀ XUẤT BẢN THỜI ĐẠI

## LỜI GIỚI THIỆU

Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam (VNDGVN) là một tổ chức chính trị xã hội nghề nghiệp, nằm trong khối Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam.

Quyết định số 82/NV, ngày 01/03/1967 của Bộ Nội vụ thay mặt Chính phủ đã cho phép Hội Văn nghệ dân gian thành lập và hoạt động trên phạm vi toàn quốc và có mối liên hệ nghề nghiệp với các tổ chức khác ở trong nước và nước ngoài.

Tôn chỉ mục đích của Hội là *“Sưu tầm, nghiên cứu, phổ biến và truyền dạy vốn văn hóa-văn nghệ dân gian các tộc người Việt Nam”*. Trên cơ sở thành quả của các công việc trên, Hội là một trong những đội quân chủ lực góp phần bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa - văn nghệ mang đậm bản sắc dân tộc đã được ông cha ta sáng tạo và giữ gìn trong suốt mấy nghìn năm của lịch sử dân tộc.

Những giá trị sáng tạo đó thể hiện mối quan hệ của các tộc người Việt Nam với thiên nhiên thông qua các tri thức sản xuất nông nghiệp, với xã hội thông qua phong tục tập quán, hội xuân, với nhân sinh quan thông qua các nghi lễ vòng đời người, với vũ trụ và thế giới tự nhiên đã được siêu nhiên hóa thông qua các loại hình tín ngưỡng tôn giáo, với lý tưởng thẩm mỹ thông qua các sáng tạo văn học nghệ thuật. Ở mỗi

tộc người Việt Nam, những lĩnh vực và hình thái văn hóa - văn nghệ này lại được thể hiện trong một sắc thái riêng. Chính kho tàng văn hóa đa dạng đó là nội dung, là đối tượng hoạt động của hội viên Hội VNDGVN.

Sau hơn bốn mươi năm hoạt động, được sự lãnh đạo của Đảng và sự chăm sóc của Nhà nước, Hội VNDGVN đã lớn mạnh với gần 1.200 hội viên. Số công trình do hội viên của Hội đã hoàn thành lên đến gần 5.000 công trình, hiện đang được lưu trữ và bảo vệ tại Văn phòng Hội.

Nay, được sự quan tâm của Ban Bí Thư và Thủ Tướng Chính Phủ, *Dự án “Công bố và phổ biến tài sản văn hóa - văn nghệ dân gian các dân tộc Việt Nam”* đã được phê duyệt. Trong thời gian 10 năm, Dự án sẽ chọn lọc khoảng 2000 công trình trong số bản thảo Hội lưu trữ của hội viên và xuất bản dưới dạng các cuốn sách nghiên cứu, sưu tầm. Trước mắt trong giai đoạn đầu (2008 - 2012), chúng tôi dự định sẽ chọn xuất bản 1.000 công trình.

Hy vọng, các xuất bản phẩm của Dự án sẽ cung cấp cho bạn đọc trong và ngoài nước một bộ sách mang tính chất bách khoa thư về các sắc màu văn hóa của các tộc người Việt Nam, phục vụ thiết thực vào việc tra cứu, mở rộng hiểu biết của bạn đọc về truyền thống văn hóa giàu có và độc đáo đó, góp phần xây dựng nền “Văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Dự án mong nhận được ý kiến chỉ bảo kịp thời của bạn đọc gần xa.

Xin chân thành cảm ơn!

**Trưởng Ban chỉ đạo thực hiện dự án**  
**GS. TSKH. TÔ NGỌC THANH**

## Chương I

# VÀI NÉT VỀ VÙNG ĐẤT BIÊN HÒA

*Biên Hòa* là thành phố trực thuộc tỉnh Đồng Nai. Diện tích khoảng 154,72 km<sup>2</sup>, với dân số trên 600.000 người. Thành phần dân tộc khá đa dạng với hơn 10 dân tộc cộng cư; trong đó, người Việt chiếm đa số. Dân số phân chia theo tín ngưỡng tôn giáo như sau: Công giáo có 184.378 người, Phật giáo có 62.440 người, Cao Đài có 3.196 người, Tin Lành có 710 người, Hòa Hảo có 26 người, Hồi giáo có 12 người... Số người không theo tín ngưỡng tôn giáo là 321.596 người<sup>1</sup>.

Thành phố Biên Hòa có vị trí địa lý: phía bắc giáp huyện Vĩnh Cửu, phía nam và tây giáp huyện Long Thành, huyện Thủ Đức (Thành phố Hồ Chí Minh), đông giáp huyện Trảng Bom, tây và tây bắc giáp huyện Thuận An, Tân Uyên (tỉnh Bình Dương). Các đơn vị hành chính trực thuộc có 26 phường, xã: An Bình, Bình Đa, Bửu Hòa, Bửu Long, Hòa Bình, Hố Nai, Long Bình, Long Bình Tân,

---

<sup>1</sup> Theo số liệu thống kê của Chi cục Thống kê thành phố Biên Hòa tính đến 30/6/2006.

Quang Vinh, Quyết Thắng, Tam Hiệp, Tam Hòa, Tân Biên, Tân Hiệp, Tân Hòa, Tân Mai, Tân Phong, Tân Tiến, Tân Vạn, Thanh Bình, Thống Nhất, Trảng Dài, Trung Dũng và xã Hiệp Hòa, Hóa An, Tân Hạnh.

Danh xưng Biên Hòa có từ lâu, tên gọi Biên Hòa trước đây là tên của một vùng đất rộng lớn ở Nam Bộ. Tỉnh Biên Hòa được thành lập năm 1832 dưới triều vua Minh Mạng, là một trong Lục tỉnh Nam Kỳ: Biên Hòa, Gia Định, Định Tường, Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên. Tỉnh Biên Hòa lúc bấy giờ bao gồm các phần đất của tỉnh Đồng Nai hiện nay, một phần của các tỉnh Bình Dương, Tây Ninh, Bình Phước, Bình Thuận, Bà Rịa – Vũng Tàu và Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay.

Trong diễn trình lịch sử của vùng đất Đồng Nai, Biên Hòa đóng một vai trò quan trọng, là trung tâm hành chính, phát triển kinh tế, xã hội. Vùng đất Biên Hòa nói riêng, Đồng Nai nói chung gắn liền với sự kiện năm 1698, khi Thống suất Nguyễn Hữu Cảnh vâng lệnh Chúa Nguyễn Phúc Chu thực hiện chuyển kinh lược vào vùng đất phương Nam của Tổ quốc. Trong chuyến kinh lược, sử sách có ghi những việc làm của vị tướng tài ba này, trong đó có việc ông sắp đặt bộ máy hành chánh, xem như chính thức hành chánh hóa vùng đất này vào sự cai quản của chúa Nguyễn. Sự kiện này được sử sách chép cụ thể: *“Mùa Xuân năm Mậu Dần (1698), đời vua Hiến Tông Hiếu minh hoàng đế, sai Thống suất Chương cơ Lễ thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh vào kinh lược vùng đất Đồng Nai (nay là Nam Bộ),*

đặt vùng đất mới thành phủ Gia Định gồm hai huyện: huyện Phước Long dựng dinh Trấn Biên, huyện Tân Bình dựng dinh Phiên Trấn. Mỗi dinh đặt chức Lưu thủ, Cai bạ và Ký lục để quản trị; nha thuộc có hai ty Xá, Lại để làm việc; quân binh thì có cơ, đội, thuyền, thủy bộ tinh binh và thuộc binh để hộ vệ. Đất đai mở rộng 1.000 dặm, dân số hơn 4 vạn hộ. Chiêu mộ những lưu dân từ châu Bồ Chính trở vô Nam đến ở khắp nơi, đặt ra phường, ấp, xã, thôn, chia cắt địa phận, mọi người phân chiếm ruộng đất, chuẩn định thuế đinh, điền và lập bộ tịch đình điền”<sup>2</sup>.

Biên Hòa có Cù lao Phố là một thương cảng lớn của xứ Đồng Nai – Gia Định vào thế kỷ XVII, XVIII. Trong lịch sử phát triển, Cù lao Phố được hình thành như một cảng sông sâu trong nội địa nên đã có ưu thế tối ưu như một trung tâm thu mua hàng hóa được từ nhiều nguồn, đa dạng và thương mại phát triển của một khu vực được khai phá sớm. Ngay từ vùng Cù lao Phố là nơi sớm tập trung các ngành nghề thủ công: dệt chiếu, làm tơ lụa, làm gốm, mộc, đúc đồng, làm pháo hay chăn nuôi tằm, trồng mía, nấu đường... Đặc biệt, những sản phẩm của Cù lao Phố được xem như những hàng đặc sản nhiều nơi đặt mua. Ngoài nguồn hàng cung cấp tại chỗ, thương cảng Cù lao Phố còn tiếp nhận các nguồn hàng hóa từ nơi khác trên vùng Đồng Nai lúc bấy giờ như Phước Thiên, Bến Gỗ, Bến Cá... nơi có một số người Hoa thạo nghề buôn bán sinh sống. Cù lao Phố trở thành “*phố chợ thương mại, giao thông với người*

---

<sup>2</sup> Trịnh Hoài Đức, *Gia Định thành thông chí*, NXB Tổng hợp Đồng Nai, 2005.

Tàu, người Nhật Bản, Tây Dương, Đô Bà (Java), thuyền buôn tụ tập đông đảo..”<sup>3</sup>. Sử sách ghi chép vắn tắt, song qua đó phản ánh sự phát triển kinh tế mạnh mẽ của Cù lao Phố, nhất là về giao thông hàng hóa, đây chính là một trung tâm thương mại và giao dịch vào loại nhất của Nam Bộ vào thời bấy giờ.

Biên Hòa là địa bàn có nhiều phát hiện về dấu tích của những cộng đồng người Tiền sơ sử sinh sống. Sự phát hiện của các nhà nghiên cứu khoa học xã hội nhân văn trong và ngoài nước suốt hơn một thế kỷ qua đã đưa đến những kết luận khoa học này với nhiều di chỉ khảo cổ được khai quật, hiện vật liên quan được tìm thấy. Trong số các địa điểm, di chỉ khảo cổ trước đây thuộc Biên Hòa nay thuộc các địa bàn các huyện, tỉnh khác.

Trong đó, có địa điểm Cù Lao Rùa (nay thuộc huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương). Tại đây, từ năm 1897 đến 1910, các nhà nghiên cứu đã phát hiện nhiều hiện vật đồ đá các loại, những mảnh gốm, bi gốm, dọi xe chỉ bằng đất nung<sup>4</sup>. Đây là những công cụ mà con người thời tiền sử sử dụng. Về sau, các nhà nghiên cứu khảo cổ trong nước tiến hành các đợt thám sát, khai quật trên vùng cù lao này và đã thu thập thêm những hiện vật liên quan đến thời kỳ tiền sử.

---

<sup>3</sup> Trịnh Hoài Đức, *Gia Định thành thông chí*, NXB Tổng hợp Đồng Nai, 2005

<sup>4</sup> Lê Xuân Diệm, Phạm Quang Sơn, Bùi Chí Hoàng, *Khảo cổ Đồng Nai thời tiền sử*, NXB Đồng Nai, 1991.



Những địa điểm, di chỉ khảo cổ thời tiền sử tiêu biểu hiện nay trên phần đất Biên Hòa gồm: di chỉ Bình Đa, Gò Me. Di chỉ Bình Đa nay thuộc phường An Bình, thành phố Biên Hòa. Từ cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX, các nhà địa chất người Pháp đã công bố những hiện vật bằng đá được phát hiện, được tập trung trong sưu tập của Chénieux J.

Cũng tại di chỉ Bình Đa, sau năm 1975, các nhà khảo cổ đã tiến hành khai quật hai lần. Lần thứ nhất vào năm 1979, lần thứ hai vào năm 1993. Qua hai đợt khai quật, giới nghiên cứu đã thu thập được một lượng lớn đến con số hàng ngàn hiện vật bằng đá, bằng gốm, đất nung, xương động vật. Đặc biệt, trong đợt khai quật năm 1979, sự phát hiện những thanh đoạn đàn đá tại đây đã tạo nên một sự chú ý đặc biệt. Đây là lần đầu tiên tại Việt Nam, khảo cổ đã phát hiện loại nhạc cụ đàn đá trong địa tầng văn hóa. Một số nhận định ban đầu đánh giá cao sự phát hiện này như: Đây là sản phẩm văn hóa tiêu biểu và độc đáo của cư dân cổ trên đất Đồng Nai và sự phát hiện này đã chứng minh *“đây không chỉ là chứng tích của sự tồn tại một hình thức sinh hoạt văn hóa, mà chính bản thân nó là một sản phẩm được làm tại chỗ trên đất Đồng Nai cổ kính. Cộng thêm vào đó, với tuổi được biết đích xác là khá cổ hoặc là thuộc loại cổ nhất, nên có thể coi đàn đá Bình Đa như một thành tựu của một phát minh kỹ thuật – nghệ thuật độc đáo của lớp người xưa”*<sup>5</sup>. Niên đại của di chỉ Bình Đa được xác định cách ngày nay khoảng 3.000 năm.

---

<sup>5</sup> Lê Xuân Diệm, Nguyễn Văn Long, *Đàn đá Bình Đa*, NXB Đồng Nai, 1983.

Di chỉ Gò Me thuộc địa bàn phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa. Qua phát hiện của người dân địa phương, các nhà nghiên cứu đã đào thám sát vào các năm đầu thập niên 80, thế kỷ XX. Hiện vật thu được gồm các loại rìu đá, những dọi xe chỉ, bi gốm, chén gốm dùng rót đồng và nhiều mảnh gốm vỡ. Di tích được ước tính niên đại khoảng 3.000 – 2.500 năm cách ngày nay.

Cùng với một số địa điểm phát hiện khác trên phạm vi thành phố Biên Hòa ngày nay, các địa điểm của các địa bàn phụ cận trong tỉnh Đồng Nai và các địa phương kế cận, giới nghiên cứu khảo cổ cho rằng, khu vực hạ lưu sông Đồng Nai là địa bàn mà các lớp cư dân tiền sử, sơ sử đã sinh sống, cư trú, từng bước tạo dựng nên một truyền thống văn hóa của khu vực.

Trong những thế kỷ đầu Công nguyên cho đến trước khi lưu dân Việt, Hoa đến khai khẩn, lập nghiệp vào cuối thế kỷ XV, XVI, vùng đất Biên Hòa hiện tại đã từng có những dấu vết về cuộc sống của các cư dân cổ. Những phát hiện khảo cổ cho thấy, một số địa bàn đã từng tồn tại một số kiến trúc tín ngưỡng, những pho tượng thờ, những hiện vật từ nhiều chất liệu có liên quan. Sự xuất hiện của các kiến trúc tín ngưỡng cho thấy vùng đất này vào những thế kỷ đầu Công nguyên là nơi tập trung sinh sống của các lớp dân cư cổ. Song song với việc xây dựng, phát triển cuộc sống kinh tế, đời sống tinh thần tại đây cũng phát triển.

Qua nghiên cứu những kiến trúc phát hiện tại Long Thành (Gò Chiêu Liêu, Gò Ông Tùng), tại Vĩnh Cửu (Cây

Gáo 1, Cây Gáo 2), tại Trảng Bom (Rạch Đông), tại Tân Phú (Nam Cát Tiên, Đạ Lắc)... các di tích phát hiện tại Biên Hòa như tại Cầu Hang (phường Bửu Hòa), những pho tượng Vishnu tìm thấy ở chùa Bửu Sơn (phường Quang Vinh), ở sông Đồng Nai (xã Hóa An), tượng Ganesa, các tượng thần bằng đá keo ở phường Quang Vinh... cho thấy bước vào kỷ nguyên dương lịch trở đi, vùng Biên Hòa nói riêng, Đồng Nai nói chung đã trải qua “4 giai đoạn phát triển văn hóa với nhiều biến cải quan trọng: văn hóa Óc Eo, văn hóa hậu Óc Eo, văn hóa hậu Óc Eo – Ăngco sớm – Chămpa và văn hóa Ăngco muộn – Chămpa muộn... diễn ra quanh địa bàn Cù lao Phố - Biên Hòa hoặc nói rộng ra vùng hạ lưu, trung lưu ven sông Đồng Nai”<sup>6</sup>.

Từ khi lưu dân Việt, Hoa đến khai khẩn Biên Hòa, diện mạo vùng đất này có nhiều đổi thay về các mặt. Những lớp di dân này đã góp phần mở mang, phát triển vùng đất Đồng Nai, trong đó, Biên Hòa là vị trí trung tâm. Song song với việc phát triển của lớp di dân, bộ máy của nhà Nguyễn hình thành, phát triển trên vùng đất mới. Trung tâm nội thị Biên Hòa hiện nay vào thời điểm bấy giờ là trung tâm hành chính chung cho cả vùng Biên Hòa rộng lớn. Biên Hòa có Cù lao Phố - một trong những nơi buôn bán sầm uất có tính chất thương cảng nổi tiếng của Nam Bộ, có Văn miếu Trấn Biên - văn miếu được xây dựng đầu tiên ở phương Nam, có thành trì Biên Hòa, chợ Dinh và nhiều công trình kiến trúc khác.

<sup>6</sup> Lưu Du, *Văn hóa khảo cổ thời sơ sử ở Đồng Nai*, Tạp chí Văn hóa nghệ thuật số 155, Bộ Văn hóa thông tin, 1997.

Một thời khai phá, thế hệ di dân Biên Hòa đã để lại những dấu ấn của mình. Sử sách của triều Nguyễn như *Đại Nam nhất thống chí* khi đề cập tỉnh Biên Hòa rộng lớn trước đây, có nhắc nhiều đến những di tích. Chúng tôi xin lược nêu khái quát những dấu tích trong phạm vi hành chánh thành phố Biên Hòa hiện nay.

Cổ thành Biên Hòa ngày nay còn lại những dấu tích 1 vách tường thành bằng đá ong tại phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa. Theo một số tư liệu: cổ thành Biên Hòa được bắt đầu xây đắp bằng đất vào tháng 6 năm 1834 với 4 mặt thành đều dài 70 trượng, cao 4 thước 3 tấc, dày 1 trượng, mở 4 cửa. Đào hào rộng 2 trượng, sâu sáu thước. Quan Khâm sai Đoàn Văn Phú chịu trách nhiệm trong việc trừ tính việc làm. Vua Minh Mạng đồng ý cho việc chọn lấy 1.000 dân trong hạt đứng ra xây đắp, số dân làm thành được hậu cấp cho tiền gạo. Ba năm sau “sự kiện khởi binh” Lê Văn Khôi, vào tháng Giêng năm 1938, vua Minh Mạng thấy việc xây thành Biên Hòa là công trình trọng đại, chuẩn cho xây thành Biên Hòa và sai phái trách nhiệm cho nhiều vị tướng quân. Đợt xây dựng thành lúc bấy giờ có quy mô lớn bằng đá ong với: “*Chu vi dài 338 trượng, cao 8 thước 5 tấc, dày 1 trượng 5 thước, hào đào rộng 3 trượng, cửa thành có 4 cửa*”. Vua Minh Mạng sai phát 4.000 binh dân làm việc và phái Vệ úy Vệ tả bảo nhị là Nguyễn Văn Gia, phó Vệ úy Tiền doanh Long Võ là Phan Văn Lăng, Vệ úy Tả thủy Gia Định là Lê Văn Tự, Vệ úy Bình Thuận là Tôn Thất Mậu trông coi việc thực hiện. Ngoài chức năng của một trung tâm các hoạt động nhiều mặt của xã hội đương

thời, cô thành Biên Hòa đóng góp rất quan trọng trong việc bố phòng, trấn an vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai<sup>7</sup>.

Một số đền miếu như: Đền Xã Tắc thuộc phía tây tỉnh thành, thôn Bình Thành được dựng năm Minh Mạng thứ 13, hằng năm tế vào ngày mậu tháng hai trọng xuân, trọng thu. Đền Tiên Nông thuộc phía đông tỉnh thành thuộc địa phận Bình Trúc, cũng được dựng vào thời gian với Đền Xã Tắc, có kho thóc và ruộng tịch phía bên tả. Đền Trung Tiết phía tây bắc tỉnh thành, cũng thuộc thôn Bình Thành, được dựng năm 1839, thờ những người có công trong cuộc bình định cuộc khởi binh Lê Văn Khôi đã hy sinh.

Về Văn miếu Trấn Biên ở địa phận thôn Tân Lại, cách tỉnh thành 2 dặm về phía tây bắc. Văn miếu được dựng năm 1715 trên một vị thế sơn thủy hữu tình. Công trình này được tu bổ vào năm Giáp Dần (1794) và năm Tự Đức thứ 5 (1853). Hằng năm lễ tế được tiến hành vào ngày đình mùa xuân, mùa thu. Đầu đời trung hưng nhà vua đến làm lễ, sau đó sai quan tế thay. Văn miếu Trấn Biên là văn miếu được xây dựng sớm nhất trên vùng đất Nam Bộ.

Một số miếu quan trọng của tỉnh Biên Hòa bây giờ như miếu Hội đồng và miếu Thành hoàng. Cả hai miếu này đều được dựng phía tây tỉnh thành thuộc vùng Bình Thành. Miếu Hội đồng thờ linh thần bản cảnh và các văn thần võ tướng có công lao thời khai quốc gồm 68 vị<sup>8</sup>.

---

<sup>7</sup> Hội Khoa học Lịch sử Tp. HCM, *Nam Bộ đất và người, Dấu tích thành Biên Hòa*, (tập V), NXB Trẻ, 2007.

<sup>8</sup> Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Sử học, *Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam nhất thống chí* (tập 5), NXB Thuận Hóa, 1992.

Đền thờ những vị có công vùng Biên Hòa nổi tiếng là đền Lễ Công thuộc thôn Bình Hành, nay thuộc Cù lao Phố, xã Hiệp Hòa. Tức đền thờ vị Tráng hoàn hầu Nguyễn Hữu Kính (Cảnh) – người vâng mệnh chúa Nguyễn kinh lược, đưa toàn xứ Biên Hòa – Đồng Nai nói riêng, Nam Bộ nói chung vào lãnh thổ nước Việt, bắt đầu cho một thời kỳ khai khẩn, phát triển mạnh mẽ.

Cũng trên vùng Cù lao Phố có đền Quan Công với kiến trúc đền đài tráng lệ. Tên dân gian gọi là miếu Quan Đế hay Chùa Ông. Di tích hiện nay vẫn còn trải qua bao lần trùng tu. Đây là cơ sở tín ngưỡng có thể liệt vào hàng cổ kính nhất của người cộng đồng người Hoa trên đất Biên Hòa.

Trên địa phận Biên Hòa nay còn lưu nhiều dấu tích của các ngôi chùa cổ. Tương truyền, các ngôi chùa cổ thường gắn liền với những chuyện tích lịch sử, truyền tích về những vua chúa, vị quan quân, những sư tăng hay chuyện tích về Phật pháp. Chùa Đại Giác, chùa Bửu Phong, Chùa Long Thiên, chùa Hộ Quốc... là những ngôi chùa được khai mở sớm trên đất Biên Hòa với các nhà sư của dòng Lâm tế.

Chùa Đại Giác gắn liền với câu chuyện của những ngày Nguyễn Ánh bôn tẩu tránh họa Tây Sơn. Sau đó, gắn với câu chuyện tình cảm động của một công chúa đối với nhà sư danh tiếng Thiệt Thành.

Chùa Hộ Quốc ở phía nam sông Phước Long thuộc thôn Đắc Phước, nay thuộc phường Tân Vạn do chánh Thống suất Nguyễn Văn Vân tạo dựng. Chùa được ban biển ngạch chữ vàng “Sắc tứ Hộ quốc tự”.

Một số chùa ở vùng Cù lao Phố như chùa Hoàng Ân, chùa Thủ Huồng gắn với những câu chuyện về tích đức của nhà Phật. Những câu chuyện thể hiện đậm nét tính nhân quả của cuộc sống con người “ở hiền gặp lành”, luật nhân quả hiển hiện như bài học nhắc nhở con người về đạo sống làm người lấy chữ tình thương mà đối xử với nhau<sup>9</sup>.

Nhiều di tích chùa chiền khác được nhắc đến với kiểu thức kiến trúc, những tượng thờ độc đáo như Bửu Phong, Bửu Sơn, Bửu Thành...

Qua thời gian dâu bể, những công trình kiến trúc xưa chỉ còn là dấu tích, ký ức. Một số di tích tồn tại với kiến trúc có nhiều đổi thay, gắn với những sự kiện lịch sử, văn hóa, kiến trúc được nhà nước liệt hạng di tích.

Năm 1861, Biên Hòa rơi vào tay xâm lược thực dân Pháp. Cùng cả nước, Biên Hòa rơi vào một giai đoạn bị ngoại xâm. Nhân dân Biên Hòa bằng nhiều hình thức đứng lên đấu tranh đánh giặc: tham gia trong các tổ chức khởi binh Trương Định, hội kín Đoàn Văn Cự, Lâm Trung... Thế nhưng, cùng chung trong thế thường thời cuộc bấy giờ, các cuộc khởi binh, đánh giặc đều thất bại.

Phục vụ cho mục đích khai thác thuộc địa, chính quyền thuộc địa của Pháp đã xây dựng một số công trình hành chánh, cơ sở công nghiệp, giao thông... Điều này đã làm

---

<sup>9</sup> Huỳnh Văn Tới, Phan Đình Dũng, *Văn hóa Đồng Nai* (sơ thảo), NXB Đồng Nai, 2005.

cho diện mạo của Biên Hòa thay đổi. Biên Hòa từng bước định hình, chuyển mình vào vị trí của đô thị nhưng quy mô chưa lớn.

Trong cuộc hành trình trường kỳ kháng chiến chống ngoại xâm, bao nhiêu con dân xứ sở Biên Hòa đã đóng góp công, của, sự hy sinh để cùng cách mạng cả nước hoàn thành sứ mệnh giải phóng dân tộc. Những sự kiện lịch sử của những này đầu cách mạng tháng Tám năm 1945, trận tấn công vào thị xã Biên Hòa năm 1946, cuộc phá khám Tân Hiệp (năm 1956) đến chiến thắng hiển hách Nhà Xanh (1959), sân bay Biên Hòa (1964), Long Bình... đã đi vào lịch sử vẻ vang của dân tộc, góp phần làm rạng ngời truyền thống vùng đất “miền Đông gian lao mà anh dũng”.

Nói tiếp truyền thống lịch sử đầy tự hào, người dân Biên Hòa bước vào cuộc sống mới với niềm tin, xây dựng quê hương ngày càng giàu mạnh. Ba mươi năm kể từ ngày đất nước thống nhất từ mùa Xuân 1975, thành phố Biên Hòa từng bước tiến lên. Lịch sử của một thời đấu tranh hào hùng của Biên Hòa được Nhà nước phong tặng Danh hiệu Thành phố Anh hùng Lực lượng Vũ trang nhân dân. Với những bước chuyển mình, phát triển, thành phố Biên Hòa được công nhận là đô thị loại II vào năm 1994.

Quá khứ là niềm tự hào để soi rọi, là hành trang bước vào tương lai. Người dân Biên Hòa trải qua những thời kỳ lịch sử đã góp phần quan trọng trong lịch sử của Đồng Nai, của hào khí Đồng Nai được lưu danh trong sử nước nhà.



Những con người như Trần Đại Độ<sup>10</sup> của đất Trấn Biên xưa còn được nhắc đến. Là vị quan thanh liêm, chánh trực, trọng nghĩa khí đã chém những kẻ lộng quyền hại dân, tự nhận hành phạt với triều đình. Lòng thương dân, dám làm dám chịu trách nhiệm xưa nay hiếm đó không chỉ làm cho người dân đồng tình mà chúa Nguyễn còn lấy làm gương điển hình, ban cho thêm quyền hạn để trừ bọn hại dân, hại nước. Phụ nữ Biên Hòa tự hào vì có một Nguyễn Thị Tồn của làng Mỹ Khánh, tổng Chánh Mỹ Thượng giữa cái thời nữ nhi phong kiến đã lặn lội ra đến cung đình đánh trống kêu oan cho chồng là Bùi Hữu Nghĩa. Tiếng trống không chỉ làm vang động kinh kỳ giữa thế thời bấy giờ mà còn là một hành động anh hùng của nữ nhi đất Biên Hòa. Không chỉ minh oan được cho người chồng thương yêu, giữ được cái nghĩa nặng tình sâu, bà Nguyễn Thị Tồn còn được Hoàng Thái hậu Từ Dũ ban cho danh hiệu “Liệt phụ khả gia”<sup>11</sup>.

Không chỉ đất Biên Hòa mà cả Gia Định còn tự hào về danh nhân Trịnh Hoài Đức. Một con người có tài năng, đức độ sáng ngời. Đương thời, cùng với Ngô Nhân Tịnh, Lê Quang Định, Trịnh Hoài Đức được người đời tôn phong “Gia Định tam gia thi”. Không chỉ giỏi về văn thơ, biên

---

<sup>10</sup> Trần Đại Độ người huyện Phong Đăng, tỉnh Quảng Bình. Đương thời làm Ký lục Trấn Biên. Sau hành động cương trực của mình, được chúa Nguyễn thăng làm Tuần phủ Gia Định, lại chuẩn cho đi tuần khắp 5 phủ: Quảng Ngãi, Quy Nhơn, Phú Yên, Bình Khang, Bình Thuận để thực thi xem xét các quan lại.

<sup>11</sup> Bà Nguyễn Thị Tồn quê Mỹ Khánh, nay thuộc phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa. Là con gái trưởng của Hộ trưởng Nguyễn Văn Lý, chánh thất của Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa.

khảo những công trình có giá trị về lịch sử, văn hóa của cả vùng đất phương Nam mà ông còn là một vị quan thanh liêm, đức độ trải ba triều vua nhà Nguyễn. Khi mất, Trịnh Hoài Đức được đưa về an táng tại chốn quê ngoại Biên Hòa. Lăng mộ của ông ngày nay còn hiện hữu ở phường Trung Dũng, Biên Hòa. Trịnh Hoài Đức<sup>12</sup> là danh nhân văn hóa ưu tú của đất Biên Hòa – Đồng Nai.

Đất Biên Hòa còn vang tiếng người anh hùng Đoàn Văn Cự<sup>13</sup> với tổ chức Hội kín chống Pháp ở căn cứ Linh tuyên đầu thế kỷ XX. Lòng yêu nước, vì đại nghĩa dân tộc, Đoàn Văn Cự đã chiêu tập nghĩa binh đánh giặc. Cuộc khởi binh chống kẻ thù ngoại xâm bất thành nhưng nghĩa khí anh hùng của ông để lại niềm kiêu hãnh cho hậu thế. Đoàn Văn Cự ngã xuống hiên ngang giữa căn cứ Linh Tuyên rực lửa, trong tay vẫn nắm chặt thanh đao vừa chém thẳng vào quân thù.

Thời chống Pháp đầu thế kỷ XX, Biên Hòa còn nổi danh với Lâm Trung trại. Những con dân xứ Biên Hòa không khuất phục bọn ngoại bang xâm lược đã tụ nghĩa tại căn cứ Gò Mọi. Họ hoạt động bí mật, chuẩn bị lương thảo, rèn vũ khí chờ cơ hội đánh Pháp. Tháng 2 năm 1916, trại

---

<sup>12</sup> Trịnh Hoài Đức có tên là An, tự Chi Sơn, hiệu Cán Trai. Ông sinh năm Ất Dậu (1765), mất năm 1825. Ông có nhiều tác phẩm, trong đó tiêu biểu là: *Lịch Đài kỳ nguyên*, *Khuông thế tục*, *Bắc sứ thi tập*, *Cán Trai thi tập*, *Gia Định thành thông chí*.

<sup>13</sup> Đoàn Văn Cự sinh năm 1835, người làng Bình An, Thủ Đức (trước thuộc Biên Hòa, nay thuộc quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh). Ông lập Hội kín chống Pháp. Năm 1905, ông hy sinh cùng với 16 nghĩa quân tại căn cứ Suối Linh, Biên Hòa.

Lâm Trung phát động cuộc tấn công giặc tại thành Săng – đá, khám đường Biên Hòa. Sau cuộc tấn công này, quân Pháp đã dùng nhiều thủ đoạn để bắt bớ những nghĩa quân. Những con người gọi với nhau thân mật như: Bá Hàu, Năm Hy, Hai Lựu, Lào Lọt, Hai Sở, Ba Vạn, Bảy Phát, Hai Danh... đã chấp nhận hy sinh hiên ngang trước họng súng quân thù. Họ vì đại nghĩa dân tộc, vì bình yên của dân làng đã xem nhẹ cái chết như lông hồng, chỉ tiếc nuôi đại cuộc chưa thành. Người dân Biên Hòa tôn kính, lập miếu thờ, còn tồn tại cho đến ngày hôm nay<sup>14</sup>.

Sự cộng cư của nhiều thành phần dân tộc trên qua các giai đoạn lịch sử đã làm đa dạng, phong phú thêm những sắc thái văn hóa vùng đất Biên Hòa. Những tín ngưỡng dân gian phong phú như đình, đền, miếu, chùa... và hàng năm có những lễ hội diễn ra là một trong những sinh hoạt văn hóa đáp ứng nhu cầu tinh thần người Việt nói chung và người dân Biên Hòa nói riêng. Những lễ hội mang tính cộng đồng của nhiều cơ sở tín ngưỡng đình, miếu, đền, chùa hiện nay đang được phục hồi sau một thời gian bị lãng quên. Lễ Kỳ yên được tổ chức hàng năm ở nhiều làng, xã với ước vọng về một cuộc sống bình yên, hạnh phúc. Bên cạnh các lễ Kỳ yên, lễ thường định kỳ 3 năm đáo lệ, các

---

<sup>14</sup> Thực dân Pháp đã xử tử chín người được xem là lãnh đạo Lâm Trung trại. Chúng xử bắn và chôn những người này chung một nấm mồ. Năm 1918, nhân dân địa phương xây miếu thờ các vị ở địa điểm Cây Đa khu vực Dốc Sỏi. Năm 1920, miếu được xây dựng thành ngôi chùa. Chùa có tên gọi dân gian là Chùa Cô Hồn, tên chữ là Bửu Hưng tự. Di tích nay thuộc phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa.

đình lớn của làng xã tổ chức Đại lễ Kỳ yên. Lễ trọng này với nhiều nghi thức trang trọng, những sinh hoạt văn hóa như hát bội, xô giàn... cuốn hút nhiều người tham dự. Bên cạnh lễ hội Kỳ yên ở đình, tại các miếu, cộng đồng người Việt thường tổ chức lễ vía Bà. Một số miếu tổ chức lễ cúng Bà với những chập múa bóng, diễn tuồng tích Địa Nàng, diễn xuất những trò chơi dân gian độc đáo.

Cộng đồng người Hoa ở Biên Hòa cũng có nhiều cơ sở tín ngưỡng: miếu Quan Đế, Phụng Sơn tự, Thiên Hậu cổ miếu... Vào các ngày lễ, các cơ sở tín ngưỡng này tổ chức những sinh hoạt, nghi thức nghiêm trang tỏ lòng thành kính với những vị thần linh, nhân thần mà cộng đồng tôn kính, thờ phụng. Trong các lễ tế quan trọng của người Hoa ở Biên Hòa, lễ vía Bà Thiên Hậu tại miếu Thiên Hậu phường Bửu Long, tên gọi dân gian là Chùa Bà diễn ra rất độc đáo, thu hút nhiều người. Lễ hội diễn ra nhiều ngày với các nghi thức đa dạng, quy mô rộng trên cả vùng Bửu Long.

Cộng đồng người Hoa Nùng với nhiều cơ sở tín ngưỡng thờ Quan Âm làm chủ đạo. Tùy theo từng địa bàn mà vào từng thời điểm, người Hoa Nùng tổ chức lễ Tả tài phán (đọc âm là Đại Phan). Lễ hội kéo dài nhiều ngày với các nghi thức cúng tế, cầu an, cầu siêu.

Trong nhịp sống hiện tại, với vị thế của thành phố duy nhất, trung tâm chính trị văn hóa tỉnh Đồng Nai, thành phố Biên Hòa không ngừng phát triển về diện mạo của mình. Trên đất Biên Hòa diễn ra những lễ hội hiện đại, phản ánh truyền thống lịch sử văn hóa, những nét chuyên mình trong

thời đại mới khá ấn tượng như: lễ Kỷ niệm 300 năm hình thành và phát triển vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai vào năm 1998, Lễ hội Thiên niên kỷ 2000, Lễ hội đường phố Biên Hòa 2005. Nhiều công trình văn hóa, lịch sử được xếp hạng, xây dựng tô thắm thêm những trang sử mà bao thế hệ con dân của Biên Hòa đã viết nên.

Lịch sử hào hùng với những nét son chói lọi trong sự nghiệp chống ngoại xâm, bề dày văn hóa được tạo dựng, nối trải bao đời, hành trang đó được người dân Biên Hòa tiếp tục mang theo trên những chặng hành trình của mình trong bước tiến chung của nhân loại, vào thế kỷ XXI.





## Chương II

# CƠ SỞ TÍN NGƯỠNG VÀ LỄ HỘI CỦA NGƯỜI VIỆT Ở BIÊN HÒA

### I. VÀI NÉT VỀ NGƯỜI VIỆT Ở BIÊN HÒA

Theo số liệu thống kê năm 2008, địa bàn Biên Hòa có trên 600.000 người; trong đó, người Việt chiếm số lượng đông nhất. Người Việt có mặt và chiếm đa số trong 26 đơn vị hành chính cấp phường, xã. Người Việt đến đất Biên Hòa khá sớm, từ thế kỷ XV trở đi và cho đến hôm nay bởi nhiều nguyên nhân xã hội tác động. Cho đến năm 2008, tỉnh Đồng Nai (tiền thân là tỉnh Biên Hòa) kỷ niệm 310 năm hình thành và phát triển vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai. (Khoảng thời gian được xác định này tính từ năm 1698 – khi mà Thống suất Nguyễn Hữu Cảnh vâng mệnh chúa Nguyễn vào kinh lược vùng đất phía Nam). Trong chuyến kinh lược này, Nguyễn Hữu Cảnh đã thiết lập bộ máy quản lý đầu tiên ở vùng đất này, đưa sự quản lý hành chính chính thức của Việt Nam thời bấy giờ.

Cư dân Việt đến vùng đất Biên Hòa khá sớm, có thể từ thế kỷ XV, XVI. Đó là những đợt di dân có tính tự phát của

những người dân từ miền Trung vào. Một số tư liệu cho rằng: “Vùng đất miền Đông Nam Bộ nói chung, vùng đất Đồng Nai nói riêng vào cuối thế kỷ XVI, về cơ bản vẫn còn là một vùng đất hoang dã, chưa được khai phá. Cuối thế kỷ XVI đầu thế kỷ XVII, vùng đất Đồng Nai trở nên sôi động với sự xuất hiện của lớp cư dân Việt từ miền Thuận Quảng di cư vào.

Bị khổ sở điêu đứng, những người dân miền Thuận Quảng phải rời bỏ quê hương bản quán, tìm đất sống. Đồng Nai - vùng đất gần như vô chủ lại màu mỡ, phì nhiêu đã thu hút mạnh mẽ lưu dân Việt. Làn sóng di cư tự phát của lưu dân người Việt vào đất Đồng Nai ngày càng tăng. Thành phần lưu dân rất đa dạng, gồm: nông dân nghèo, người trốn tránh binh dịch, sưu thuế, tù nhân bị lưu đày, binh lính đào ngũ, thầy lang, thầy đồ nghèo và cả những người vốn đã giàu có nhưng vẫn muốn tìm nơi đất mới để mở rộng công việc làm ăn.

Những di dân người Việt thuộc lớp tiên phong đi vào vùng đất mới Đồng Nai theo phương thức tự phát, đi lẻ tẻ. Có những trường hợp cả gia đình, hoặc người khỏe mạnh đi trước rồi đón gia đình đến sau hay một số gia đình kết lại thành nhóm cùng đi với nhau. Phương tiện di chuyển chính là thuyền buồm và ghe bầu vì thời bấy giờ việc đi lại giữa các phủ miền Trung với vùng đất mới Đồng Nai chủ yếu là bằng đường biển. Dĩ nhiên cũng có người vì không có ghe thuyền, phải mạo hiểm trèo đèo vượt suối đi dần từng chặng một, đến một địa phương ở một thời gian, thấy



*trụ được thì ở luôn, thấy không trụ lại được thì đi tiếp, cứ thế lần hồi rồi cũng vào tới vùng đất mới Đồng Nai”<sup>15</sup>.*

Trải qua nhiều giai đoạn lịch sử cận, hiện đại, người Việt từ các vùng miền trên cả nước tiếp tục đến vùng Biên Hòa sinh sống. Cùng với cư dân đã ổn định trước đây, những lớp cư dân sau này hòa chung trong cộng đồng, trong cuộc mưu sinh nơi vùng đất này. Trong quá trình khẩn hoang, lập nghiệp trên vùng đất mới, người Việt từng bước khẳng định sự tồn tại của cộng đồng bằng việc ra sức xây dựng một cuộc sống ổn định. Trong đời sống tinh thần, người Việt hình thành những cơ sở tín ngưỡng sinh hoạt cộng đồng để gắn kết cộng đồng, thỏa mãn nhu cầu tâm linh.

Từ lúc ban đầu, những cơ sở tín ngưỡng như đình, chùa, miếu, đền... được dựng lên với quy mô nhỏ, bằng những vật liệu vốn sẵn có tại chỗ như tre, lá, cây gỗ. Thường thì từng nhóm cộng đồng dân cư tại một vùng chung sức nhau để dựng lên. Về sau, trong quá trình phát triển, những cơ sở tín ngưỡng được nâng cấp cả quy mô lẫn hình thức do sự lớn mạnh của chính cộng đồng dân cư cư trú tại chỗ.

## **II. LOẠI HÌNH ĐÌNH VÀ LỄ HỘI**

### **1. Sự hình thành và tên gọi**

Hiện nay, trên địa bàn Biên Hòa có 34 ngôi đình. Có thể nói, đình làng là một dấu ấn xác định sự hình thành của

---

<sup>15</sup> Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, *Địa chí Đồng Nai*, tập III - Lịch sử, NXB Tổng hợp Đồng Nai, 2001.

cộng đồng người Việt trên vùng đất mới. Khi nhà nước chưa quản lý, những người di dân tự do đến vùng đất mới gắn kết nhau trong làng qua hình thức cộng đồng chung trong tín ngưỡng thờ phượng mà ngôi đình là cơ sở tiêu biểu nhất.

Trải qua bao thời kỳ, bao thay đổi về địa lý hành chính hay sự tác động của xã hội thì ngôi đình vẫn tồn tại. Sự hình thành và tồn tại của đình qua nhiều thời kỳ lịch sử minh chứng cho sức sống mãnh liệt không chỉ về mặt tâm linh mà còn là sự gắn kết thuộc “đời sống vật chất” của người Việt. Vì vậy, có thể nói, những giá trị di sản vật thể, phi vật thể đều ẩn chứa trong những di tích đình làng người Việt một cách sinh động.

Thông thường, mỗi làng người Việt đều có một ngôi đình. Người xưa chọn đất dựng đình thờ thần cho nhu cầu tâm linh làng xã nhưng cũng chính là ước vọng sự sung túc, thịnh vượng của cả cộng đồng. Nên thường, ngôi đình được xây dựng trên những “cuộc đất” có long mạch quý, phong cảnh minh quang tỏa xuất các hướng theo quan niệm về thuật phong thủy.

Tên gọi của các ngôi đình gắn liền với tên gọi đầu tiên của làng khi mới thành lập, mà người dân quen gọi là đình làng. Cụm từ này chỉ rõ yếu tố ban đầu là đình của làng – một đơn vị cư trú truyền thống của người Việt. Chẳng hạn: đình Tân Lâm, đình Bình Kính, đình Phước Lư, đình Mỹ Khánh, đình Tân Giám... Đây là một dữ liệu quan trọng cho việc nghiên cứu về làng xã trên vùng đất Biên Hòa.

Mặc dầu cho đến nay, nhiều địa bàn có sự thay đổi về tên gọi, vùng nông thôn xưa giờ lên phố thị nhưng thường các ngôi đình vẫn giữ nguyên tên trong cách gọi dân gian.

Một số đình thờ những nhân thần thì gắn liền với tên gọi của đối tượng được thờ. Ví dụ như đình Bình Kính thờ Nguyễn Hữu Cảnh thì gắn với một tên gọi song song là đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh, đình Mỹ Khánh thờ Nguyễn Tri Phương thì gọi là đền thờ Nguyễn Tri Phương, đình Tân Lâm thờ Trần Thượng Xuyên thì gọi là đền thờ Trần Thượng Xuyên, đình Tam Hiệp thờ Đoàn Văn Cự còn được gọi là đền thờ Đoàn Văn Cự... Như vậy, đình, đền là hai cách gọi nhưng cùng chỉ một cơ sở tín ngưỡng của làng xã đó là đình. Chắc chắn, tên gọi là đền thờ gắn liền với đối tượng được thờ xuất hiện về sau này, khi những đối tượng đó đã mất, hoặc cũng có thể muộn hơn nữa, trong những đợt cải tạo đình những năm vừa giải phóng (thập niên 70, 80 của thế kỷ XX), ngành văn hóa đã gắn việc thờ tự ở đình với một số nhân vật lịch sử được chính quyền cách mạng lúc bấy giờ công nhận.

Có ý kiến khi nghiên cứu về Nam Bộ, cho rằng: “Đình là chỗ thờ thần Thành hoàng, nơi dân làng hội họp, nơi tổ chức sinh hoạt hội hè đình kỳ thường xuyên. Có một giai đoạn, đình Nam Bộ cũng là trụ sở hành chính của chính quyền địa phương... Tính chất đa chức năng của đình làng Nam Bộ là một trong những nét cơ bản thể hiện sự phát triển truyền thống vốn có của ngôi đình Việt Nam mà người Việt trong quá trình khai hoang đã mang theo từ miền

*Ngoài vào*"<sup>16</sup>. Theo chúng tôi, trước tiên, đình là cơ sở tín ngưỡng của những người dân cùng một địa bàn cư trú (chủ yếu là làng, xã hoặc cùng nhiều làng, có ranh liên, giáp nhau) dựng nên để thờ Thần bảo hộ của địa bàn đó.

Những ngôi đình ở Biên Hòa thường bắt nguồn từ các miếu, đền. Từ lúc ban đầu, do những điều kiện gần giống nhau, có thể một số làng lân cận cùng chung dựng một ngôi đình. Sau này, về mặt phân chia hành chánh, những làng rộng lớn trước kia đông dân cư, phát triển thì được chia ra nhiều làng thôn khác. Bên cạnh yếu tố này, thì một số thôn làng khác tự lập dựng những ngôi đình mới cho cộng đồng mình theo địa lý quy định. Vì thế số lượng các ngôi đình ở vùng đất Biên Hòa ngày càng nhiều lên theo sự phát triển của cộng đồng dân cư khi hình thành các làng mới. Có nhiều trường hợp minh chứng cho sự phát triển này, cụ thể như miếu Ba Làng tại phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa hiện tại. Tên gọi Ba Làng cho thấy xuất xứ từ một ngôi miếu chung của ba làng là Lân Thị, Phước Lư và Vinh Thạnh cùng xây dựng, thờ tự. Về sau, miếu Ba Làng chỉ còn của làng Lân Thị, hai đình mới được lập thêm là Phước Lư và Vinh Thạnh. Đặc điểm này có tính quy luật cho sự phát triển trong xã hội.

Qua khảo sát, hiện nay trên địa bàn Biên Hòa, có 23 phường và 03 xã. Trong đó có 09 phường và 03 xã có đình. Các địa bàn phường, xã có đình được phân bố như sau: xã

---

<sup>16</sup> Huỳnh Quốc Thắng, *Lễ hội dân gian ở Nam Bộ*, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2003.

Hiệp Hòa có số lượng đình nhiều nhất là 11 đình, phường Thống Nhất 04 đình, phường Bửu Hòa 03 đình, phường Bửu Long 03 đình, phường An Bình 02 đình, các phường Long Bình Tân, Quyết Thắng, Tam Hiệp, Quang Vinh, Tân Phong, Tân Vạn, Tân Tiến mỗi phường có 01 đình, xã Hóa An có 02 đình, xã Tân Hạnh 01 đình. Tổng cộng có 33 đình. Xem xét trên một số yếu tố lịch sử, sự phân bố qua con số trên cho thấy, địa bàn phường, xã nào có nhiều đình là một trong những địa bàn có làng, thôn được khai khẩn sớm ở Biên Hòa.

Các đơn vị phường không có đình là: Bình Đa, Hồ Nai 1, Long Bình, Tam Hòa, Tân Biên, Tam Hiệp, Tân Hòa, Tân Mai, Tân Tiến, Thanh Bình, Trảng Dài, Trung Dũng. Đây là những phường mới lập hoặc được chia tách mà những đình của làng xã trước đây thuộc đơn vị hành chính khác. Ví dụ, đình của làng Bình Đa xưa khi chia tách phường mới thì thuộc địa phận phường An Bình, đình của làng Tân Mai khi chia tách thì thuộc địa phận phường Thống Nhất... Nhưng, thiết chế đình đều thuộc địa phận của đơn vị hành chính mới vẫn bảo lưu những nét sinh hoạt tín ngưỡng của cộng đồng cư dân làng xã trước đây.

Đình ở Biên Hòa đã trải qua nhiều lần trùng tu, tôn tạo; thậm chí, một số ngôi đình được xây dựng mới trên địa điểm cũ hoặc di dời nhưng không ra khỏi địa phận của làng bởi nhiều yếu tố tác động. Đình Tân Lâm là một ví dụ cho sự chuyển dời vị trí từ khu vực trên đồi xuống ven sông trong các năm 1861 và 1906. Sự khắc nghiệt của thời gian làm cho nhiều thành tố kiến trúc của đình bị hư hoại, sự tàn

phá của thiên nhiên, đặc biệt những trận ngập lụt trong lịch sử đã ảnh hưởng đến nhiều ngôi đình vốn xây dựng từ những loại gỗ. Trường hợp đình Bình Kính, trước có tên gọi là Đền Lễ Công (tức đền thờ Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh) vào những năm đầu triều Tự Đức do bị mục nát, nước xói lở được cấp tiền trùng tu và xây dựng cách chỗ cũ hơn 400 mét. Trận lụt lịch sử năm 1952 của thế kỷ XX xảy ra ở miền Đông Nam Bộ nói chung, Biên Hòa nói riêng đã làm hư hại nhiều ngôi đình. Vùng Biên Hòa ngập trong nước lũ nhiều ngày, nhất là khi các ngôi đình ở ven bờ rạch, sông Đồng Nai. Trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp vào thập niên 40 (thế kỷ XX), thực hiện chủ trương tiêu thổ kháng chiến, nhiều ngôi đình ở Biên Hòa bị phá hủy. Với những tác động từ chính sách mới sau năm 1975 việc cải tạo đình làng trong một số đình ở Biên Hòa bị bỏ phế hay được trưng dụng vào các công việc khác đã làm cho nhiều đình bị xuống cấp. Sau này, trong các công tác trùng tu tôn tạo tự phát của dân làng, nhiều ngôi đình có các kết cấu kiến trúc được bổ sung, thay đổi hoặc xây mới bằng các vật liệu kiên cố khác đã làm thay đổi phần nào diện mạo kiến trúc chung.

## **2. Những thành tố kiến trúc**

Trong quá trình phát triển, trải nhiều thời cuộc, biến động xã hội, đình liên tục được trùng tu, tôn tạo. Thuở sơ khai, kinh tế khó khăn, lại thêm sự khống chế của triều đình nên đình, miếu xây dựng với quy mô nhỏ. Từ thế kỷ XIX, đình miếu được phép trùng tu, mở rộng quy mô. Sau

này, với sự phát triển nhiều mặt của kinh tế - xã hội, nhiều cộng đồng dân cư từ nhiều nguồn tài lực khác nhau đã trùng tu, tôn tạo và thậm chí xây dựng mới những ngôi đình. Nhiều thành tố trong kiến trúc đình được bổ sung vào phạm vi cơ sở tín ngưỡng của đình như bia ghi danh công trạng ở các đình có đôi tượng là nhân thần, tượng chân dung... hay các nhà bia ghi danh những người liệt sĩ của địa phương hành chính cấp xã.

Quy mô kiến trúc những ngôi đình lớn dần theo tỷ lệ thuận với sự mở mang thịnh vượng của cộng đồng. Phần lớn những ngôi đình ở Biên Hòa được xây dựng theo kiểu thức kiến trúc nhà tứ trụ. Đây là kiểu thức “nhà rường” nhưng gian trung tâm gồm 4 cột cái bố trí cách đều; từ bốn cột cái, các kèo đấm, kèo quyết đưa ra bốn hướng khác nhau tạo không gian vuông vức. Đây chính là không gian thiêng liêng nhất, trung tâm cho việc thờ tự chính trong đình.

Ngoài chánh điện, tùy nơi mà ngôi đình có nếp nhà hay được gọi là Võ ca, nhà hội, nhà trù (bếp). Mái đình thường được lợp ngói vảy cá trên giàn khung bằng rui gỗ. Thế nhưng, một số đình do tình trạng xuống cấp, hư hỏng nặng đã trùng tu sử dụng loại ngói mới. Trên nóc đình thường được trang trí cặp rồng châu mặt trời (*lưỡng long triều nhật*) hay tranh quả châu (*lưỡng long tranh châu*). Một số đường mái được trang trí tượng gồm Cá hóa rồng hay Lân châu.

Theo truyền thống, trên cuộc đất rộng thì ngôi đình bố trí theo thứ tự như sau: công đình, bình phong, Võ ca, chánh điện, nhà hội, nhà trù. Nhưng, mỗi ngôi đình cũng

phụ thuộc vào nhiều yếu tố, nhiều ngôi đình ở Biên Hòa không theo thứ tự này hoặc không có những nếp nhà ngoài khu chánh điện. Tùy nơi mà đình được xây dựng quy mô, các nếp nhà, vật liệu xây dựng, tôn tạo khác nhau nhưng cơ bản chánh điện những ngôi đình vẫn giữ được dạng kiến trúc truyền thống này. Mặt tiền đình thường hướng ra sông, rạch hay các con đường.

Nhiều nhà nghiên cứu dựa trên tổng thể của kiến trúc đình để phân định lối theo dạng chữ Hán. Đại thể, nếu tổng thể kiến trúc giống chữ nào thì gọi theo chữ đó; như hình chữ nhất, nhị, tam hoặc chữ đình... Dù lối kiến trúc của đình như thế nào, thì sự sắp xếp, bài trí trong từng nội hàm từng phần kiến trúc của đình theo những khuôn định có tính chất quy chuẩn.

Thứ tự tính từ ngoài cổng vào, sự phân bố kiến trúc của một ngôi đình truyền thống ở Nam Bộ nói chung, ở Biên Hòa nói riêng, phân lớn như sau:

#### **- Cổng đình:**

Cổng đình thường được tạo dựng trước tiền đình hay hướng chính để đi vào đình tùy theo cuộc đất của đình rộng hay hẹp. Thế nhưng, những thay đổi về địa giới hành chính của đình làng qua nhiều thời kỳ, cổng của nhiều ngôi đình có những thay đổi. Cổng đình dựng trên đường dẫn vào đình, hay các bên đình tùy nơi... nói chung tùy thuộc vào địa điểm thuận lợi nhất, hướng chính dẫn đến trung tâm cơ sở tín ngưỡng. Thậm chí, có đình ngày nay không có cổng. Các cổng thường được xây dựng đơn giản với hai cột bằng



nhieu chất liệu (dụng trụ sắt hoặc bê tông), trên có gắn bảng có tên đình cụ thể, rõ ràng. Có nơi còn thêm chữ thần; ví dụ như đình thần Tân Giám. Cũng có trường hợp giữ nguyên tên gọi chữ Hán: Phước Lư cổ miếu. Trên hai cột đình, có nơi khắc chữ Hán đối nhau, hai chữ đầu mỗi câu ghép lại là tên của đình.

### - Bức bình phong:

Một số đình có bức bình phong nhưng bên cạnh đó có những đình do quy hoạch đường giao thông thì không còn. Trong bố cục truyền thống, có lẽ, đình nào cũng có bức bình phong. Bức bình phong án ngữ phía trước giữa sân đình. Theo một số nhà nghiên cứu, thì bức bình phong là một dạng bùa trấn biểu thị “cuộc đất” của đình được án giữ nghiêm ngặt.

Bức bình phong thường được xây bằng gạch, trát hồ, xi măng, hai bên được đắp nổi những đường viền. Hai đầu trụ gắn liền với bình phong thường đặt cặp búp sen hay hai con lân châu. Có những bức bình phong, phía trên đắp nổi mặt bọm. Trên bức bình phong thường được trang trí bởi những hình vẽ, hay đắp nổi, đắp sành sứ... về cạp hay hổ thần, long – vân (rồng vờn mây), long hổ hội (rồng – cạp), rồng – cá (ngư – long), lân mã... thể hiện các tích xưa hay biểu thị cho tín niệm về dịch lý.

Cũng cần nêu thêm về cách thức trang trí trên bức bình phong khi thể hiện loài cạp. Hình ảnh con cạp được thể hiện có những chi tiết để phân biệt đâu là cạp (hạm) đâu là Cạp thần (thần Hổ). Sự phân biệt thể hiện ở điểm: Cạp

(hạm) thì không có nanh nơi khước miệng, không có xoáy tiền và xoáy hậu nơi hai bắp chân trước và sau. Trong khi đó thì Cọp thân đầy đủ những đặc điểm này.

**- Nhà Võ (còn gọi là võ ca):**

Một số đình có võ ca. Đây là nơi để diễn ra các nghi hát xướng trong dịp lễ Kỳ yên mà đình có tổ chức Xây châu – Đại bội. Võ ca của một số đình Biên Hòa hiện nay được xây bằng chất liệu kiên cố: gạch, xi-măng, thậm chí có nơi làm bằng khung sắt thép. Võ ca có sân khấu và hậu trường. Sân khấu quay mặt vào phía mặt tiền đình. Khoảng sân giữa võ ca và tiền đình có nơi để trống nhưng cũng có nơi lắp đặt khung sắt, lợp tôn để cho người dân ngồi xem các tuồng tích dịp lễ.

**- Tiền đình:**

Có nơi gọi là Thảo bạt hay Võ quy. Phần kiến trúc này thường là một dãy nhà ngang gồm ba gian, nối với khu chánh điện. Có ý kiến cho rằng, tiền đình là khu mở rộng sau này của chánh điện theo kiến trúc đình truyền thống. Toàn bộ khung kiến trúc tiền điện thường được làm bằng gỗ, về sau được thay thế bởi những vật liệu kiên cố (xi măng, cốt thép, dàn khung sắt) do những đợt trùng tu, xây mới về sau.

Trong phần tiền điện, thường có hai hàng cột. Trên các hàng cột này được treo những cặp liễn đối bằng chữ Hán. Nội thất tiền điện bài trí một số hương án. Nơi tiền điện cũng là nơi đặt để các nhạc khí cụ liên quan của đình trong những dịp cúng tế như: mõ, chuông, chiêng, trống... Đối

với những đình có tiền điện, phần kiến trúc này về quy mô nhỏ hơn nhưng tương ứng theo chiều dài của chánh điện. tạo nên dáng một nét ngang đầu tiên trong tổng thể kiến trúc chung của ngôi đình.

### - Chánh điện:

Chánh điện là nơi trung tâm thờ thần của đình. Hầu hết, các bộ khung tạo nên kiến trúc được làm bằng gỗ. Nếu những đình còn bảo lưu được những nét kiến trúc cổ thì bộ khung kiến trúc gồm những hàng cột loại gỗ quý (danh mộc như sao, dâu, gõ), các vì kèo, bao lam, hoành phi... được chạm khắc tinh tế, sắc sảo. Kiểu thức của chánh điện các đình ở Biên Hòa là kiểu kiến trúc nhà tứ trụ với gian trung tâm hình vuông. Từ bốn cây cột lớn (tứ trụ) các kèo quyết, kèo đấm đưa ra bốn phương, tám hướng tạo một không gian vuông, đều, thấp dần xuống so với gian trung tâm. Vách chánh điện về sau được xây bằng tường gạch. Đình Tân Vạn (phường Tân Vạn) có kiến trúc tứ trụ nhưng được xây dựng bằng vật liệu kiên cố. Điều khá khác biệt so với các đình khác ở Biên Hòa, đình này có phần trung tâm thờ thần được xây dựng nhô cao lên theo kiểu cổ lầu, tạo nên một lớp mái “dạng tháp” trong phần chánh điện.

Chánh điện là không gian thiêng, trung tâm cho việc bài trí thờ chính của đình. Nhìn tổng thể từ trên xuống, chánh điện là nét ngang thứ nhì của tổng kiến trúc đình.

Bài trí trong chánh điện có tính chất điển lệ về bố trí. Gian thờ thần ở giữa. Hai bên có Tả ban, Hữu ban liệt vị. Thờ Thần có tượng hoặc chữ Hán đại tự trên vách bàn thờ.

Tuy nhiên, phụ thuộc vào mỗi đình mà các số lượng đối tượng được phối thờ, cách bài trí một số bàn thờ có khác biệt. Các đối tượng phối thờ được bố trí bàn thờ đối diện nhau bên trái và phải chánh điện. Trước bàn thờ thần thường có Bàn La liệt, hai bên có Lỗ bộ. Tiếp theo là các hương án được bài trí nối tiếp theo thứ tự. Trên các hàng cột chính ở chánh điện có treo những cặp liễn đối, trên phía các đà ngang có những hoành phi đại tự. Hầu hết, liễn đối, hoành phi được sơn son thếp vàng. Phía trên giữa những hàng cột trong chánh điện (ba gian) thường có những bao lam bằng (đa phần bằng gỗ) được chạm khắc tinh tế, thể hiện nhiều đề tài, tích xưa khá đa dạng và phong phú.

#### **- Hậu điện:**

Khu kiến trúc phía sau gian chánh điện thờ thần Thành hoàng (còn có tên gọi là nhà hậu). Thông thường, hậu điện được ngăn cách với chánh điện bằng một vách tường. Đây là nơi để những thành viên trong Ban quý tế, Tế tự hội họp bàn việc. Có nơi xây những phòng để làm kho chứa đồ, vật dụng của đình. Theo lệ, kiểu thức nhà hậu cũng theo thức tứ trụ nhưng quy mô nhỏ hơn chánh điện. Tuy vậy, hiện nay, thức kiến trúc nhà hậu này có nhiều biến đổi trong kiến trúc đình ở Biên Hòa, không bó buộc do nhiều yếu tố ảnh hưởng. Hậu điện thường bài trí bàn thờ Tiên sư, Tiên hiền, Hậu hiền, Hương chức... Xét trên tổng thể, hậu điện là nét ngang thứ ba trong tổng thể kiến trúc đình.

#### **- Nhà túc:**

Còn gọi là nhà bếp, nhà trù. Đây là nơi để nấu nướng, làm cỗ hay tiếp đãi khách hưởng lộc thần trong những dịp

lễ lớn. Tùy vào diện tích, vị trí cuộc đất của đình mà có nơi làm nhà túc tiếp theo chánh điện hoặc bên hông đình.

Tùy thuộc vào các nếp nhà được dựng trong tổng thể quy mô của đình mà nhận dạng lối kiến trúc. Thông thường, các nhà nghiên cứu hay nhìn nhận kiến trúc theo lối viết chữ Hán để nói về kiến trúc chung của một đình làng: chữ Nhất, chữ Nhị, chữ Tam, chữ Đình, chữ Công... Đã là đình thì luôn phải có chánh điện thờ thần Thành hoàng, có tiền điện. Những phần kiến trúc tiền điện, hậu điện, nhà túc/trù có thể có hoặc không tùy từng đình. Thông thường, các phần kiến trúc này được xây dựng, mở rộng về các khoảng thời gian sau này khi cư dân của làng đó có điều kiện về kinh tế...

Khảo sát các đình trên địa bàn Biên Hòa, cho thấy các đình có lối chữ Nhị và chữ Tam chiếm số lượng lớn.

- Kiến trúc theo lối chữ Nhị (=), gồm: đình Bình Trước (phường Thống Nhất), đình Tân Vạn (phường Tân Vạn), đình Bình Đa, đình An Hảo (phường An Bình), đình Bình Trị (xã Hóa An), đình Tân Hạnh (xã Tân Hạnh), đình Tân Lại, đình Bạch Khôi (phường Bửu Long), đình Hòa Quới (xã Hiệp Hòa), đình Bình Long (phường Bửu Hòa), đình Phước Lư (phường Quyết Thắng).

- Kiến trúc theo lối chữ Tam (≡), gồm: đình Tân Mai (phường Thống Nhất), đình Hóa An (xã Hóa An), đình Bình Thiên (phường Quang Vinh), đình Bình Hòa, đình Tân Mỹ, đình Bình Tự, đình Hưng Phú, đình Tân Giám, đình Thành Hưng.

- Kiến trúc theo lối chữ Công (工), gồm: đình Bình Dương (phường Long Bình Tân), đình Mỹ Khánh (phường Bửu Hòa), đình Bình Quan (xã Hiệp Hòa).

### 3. Đối tượng thờ

Đối tượng thờ trong các đình Biên Hòa rất phong phú. Đó là tập hợp những thần linh mà dân làng tôn thờ và thể hiện trong việc bài trí trong khuôn viên đình và nội thất của đình. Có ý kiến cho rằng: “*Cũng như đặc điểm chung của Nam Bộ, đình ở Biên Hòa - Đồng Nai thờ hàng chục, có khi đến ba bốn chục vị thần, gồm có Thành hoàng, Phúc Thần, Thần linh và những danh nhân sanh tiền có công xây dựng, kiến thiết địa phương... rất phức tạp*”<sup>17</sup>. Sau khi khảo sát các đình ở Biên Hòa, chúng tôi đi vào từng đối tượng thờ cụ thể như sau:

#### 3.1. Thần Thành hoàng bốn cảnh

Có những nguồn tư liệu cho rằng, “*Thành hoàng là khái niệm Hán-Việt, chế độ Thành hoàng thuộc tín ngưỡng của người Trung Quốc, người nông dân Việt Nam mượn cái tên nhưng nội dung hoàn toàn khác. Đó chỉ là lấy áo chữ nghĩa để trùm lên tín ngưỡng bản địa của mình*”<sup>18</sup>. Lý giải từ ngữ cho rằng: “Thành” là thành lũy, “hoàng” là hào lũy. Thần Thành hoàng là vị thần trông coi, bảo vệ thành lũy. Như vậy, “*tín ngưỡng thờ Thành hoàng là sinh hoạt*

<sup>17</sup> Huỳnh Văn Tới, *Bản sắc văn hóa và văn hóa Đồng Nai*. NXB Đồng Nai 1998.

<sup>18</sup> Diệp Đình Hoa, Phan Đình Dũng (Bảo tàng Đồng Nai), *Làng Bến Cá xưa & nay*, NXB Đồng Nai 1998.

văn hóa thị dân, bao gồm kinh thành, tỉnh thành và quận, huyện thành”<sup>19</sup>. Việc lý giải và nguồn gốc ảnh hưởng trong việc thờ Thành hoàng của người Việt còn nhiều vấn đề cần phải nghiên cứu. Điều chắc chắn rằng, hầu hết đình làng Biên Hòa thành lập có niên đại sớm từ khi vùng đất này được khai khẩn, tổ chức làng xã mang đậm tính chất nông thôn. Trong làng xã của người Việt ở Biên Hòa, người dân của làng xã có đình hiệu là thờ vị thần bảo vệ của làng. Tên gọi chung nhất mà người dân địa phương gọi là *Thành hoàng bản cảnh* hoặc *Thần làng* với cách gọi dân gian cung kính là Ông. Đây là cách định danh chung, khá phổ biến ở những đình làng Biên Hòa nói riêng, Đồng Nai nói chung. Theo quan niệm của người dân, vị thần này được dân làng tôn thờ vì là thần linh thương dân, bảo vệ cuộc sống bình yên của dân làng, làm cho mưa gió thuận hòa, mùa màng tốt tươi... Thần ban phước cho ai sống tốt, thành kính, tin thần như ban cho gặp những điều may mắn, cứu ra khỏi những lúc khốn nguy, lâm nạn... và cũng sẵn sàng quở trách, hình phạt với những ai sống không ngay thẳng, thật thà, không tôn kính thần như: khiến cho bệnh tật, làm ăn không được phát triển, lâm vào hiểm nguy... Tựu chung, tín ngưỡng thờ thần làng là một vị thần linh, phúc thần công chính, hiển linh. Sau này, có những chuyển biến, một số nhân thần được tôn là Thành hoàng của làng xã có danh tính cụ thể.

---

<sup>19</sup> Trương Ngọc Tường và nhóm tác giả, *Đình Nam Bộ - Tín ngưỡng và nghi lễ*, NXB Tp. Hồ Chí Minh, 1993.

Thần được thờ trong chánh điện. Trên bệ thờ chánh điện thường có một ngai gỗ vàng được chạm trổ tinh vi, sơn son thếp vàng để ở giữa, phía bên có bộ áo, mũ, hia. Giữa chánh điện thường có chữ Hán đại tự “Thần”. Một số đình thì thần được thờ có tên gọi riêng và chánh điện có tượng thờ. Thường những đình thờ thần có nguồn gốc là những nhân thần thì có tượng thờ như ở đình Tân Lâm, đình Mỹ Khánh. Việc tạc tượng này thường do những bô lão địa phương tạo tác trước đây. Tượng được tạo tác với dáng vẻ của vị nam thần có thể ngồi, uy nghi trên ngai, dáng vẻ trang nghiêm với đôi mắt sáng trên gương mặt phúc hậu.

Một số đình ở Biên Hòa có sắc phong của các triều vua nhà Nguyễn<sup>20</sup>. Một số đình có sắc phong từ triều vua Thiệu Trị nhưng chiếm số lượng lớn là sắc phong thời vua Tự Đức<sup>21</sup> (Tự Đức ngũ niên). Theo nhà nghiên cứu Lý Việt Dũng cho biết: *“Hầu hết, sắc thần ở các đình trong Nam Bộ đều là Gia Phong hay Lụy tặng, nghĩa là các đình này trước kia đã có sắc rồi, nay triều đình Huế lại ban tặng một*

---

<sup>20</sup> Về phong sắc cho thần Thành hoàng, có nhiều nguồn tư liệu cho biết thêm: Từ thời nhà Trần, đặc biệt thời nhà Lê, có nhiều đợt nhà vua phong sắc cho các vị thần trong cả nước. Lưu ý, lúc bấy giờ, Đông Nai nói riêng, Nam Bộ nói chung chưa thuộc quyền cai trị của thế chế đương thời. Hầu hết, các thần Thành hoàng ở Đông Nai – Nam Bộ được phong từ thời nhà Nguyễn.

<sup>21</sup> Đặc biệt, ở Biên Hòa, nhiều đình có sắc phong từ thời vua Tự Đức. Đây là đợt vua Tự Đức (năm thứ 5) đã cấp sắc phong một loạt đình trên cả nước với khoảng 13.068 sắc thần. Cũng cần nói thêm: Trước khi nhà Nguyễn cấp sắc phong, các triều vua Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức đã cho truy tìm lý lịch các vị thần Thành hoàng ở các địa phương tôn thờ. Các vị thần cũ nếu được phép tiếp tục thờ thì phải bỏ danh xưng Đại vương, Quý Phủ, Thánh Phi, Công chúa... (Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ - dân theo *Cù lao Phó lịch sử & văn hóa* (sdd).



*lần nữa*". Trên một số văn bản sắc phong của các đình trên địa bàn Biên Hòa, đa phần niên đại ban sắc thường đề là "Tự Đức ngũ niên, thập nhất nguyệt, nhị thập cửu" nghĩa là vào ngày 29 tháng 11 âm lịch, niên hiệu Tự Đức thứ năm. Về ngày tháng được ghi trong sắc phong như trên đối chiếu qua cách tính theo dương lịch, nhà nghiên cứu Lý Việt Dũng lý giải như sau: "Năm Đinh Mùi (Vi)/1847, vua Hiến tổ Thiệu Trị băng hà truyền ngôi lại cho Hoàng tử thứ hai là Hồng Nhậm mới 19 tuổi. Tháng 10 năm Đinh Mùi (1847), Hồng Nhậm lên ngôi hoàng đế tại Điện Thái Hòa đặt niên hiệu là Tự Đức. Nhưng do cư tang nên lấy năm sau là Mậu Thân làm năm Tự Đức nguyên niên. Vậy, theo thứ tự: Tự Đức nguyên niên là năm 1848, Tự Đức năm thứ hai là Kỷ Dậu (1849), Tự Đức thứ ba là Canh Tuất (1850), Tự Đức tứ niên là Tân Hợi (1851), Tự Đức năm thứ năm là Nhâm Tý (1852). Năm Nhâm Tý bắt đầu từ ngày mùng Một tháng Giêng là ngày 20/2/1852 cho đến hết ngày 30 tháng Chạp đủ là ngày 7/2/1853. Ngày 22/11 năm Nhâm Tý đã sang ngày 01/01/1853. Vậy, ngày 29/11 năm Tự Đức thứ năm tức ngày 29/11 năm Nhâm Tý là ngày 08/01/1853". Đây là cách tính để đối chiếu qua dương lịch.

Các Thành hoàng được thờ trên địa bàn thành phố Biên Hòa được nhà nước phong kiến phong tặng thể hiện qua một văn bản gọi là Sắc thần. Đây là một loại văn bản do vua ban ra lấy danh nghĩa công nhận hoặc gia phong tước hiệu cho vị thần được thờ. Các triều đại phong kiến nhà Nguyễn chia Thành hoàng thành ba dạng: Thượng đẳng thần, Trung đẳng thần, Hạ đẳng thần.

Khảo sát các đình có sắc phong ở Biên Hòa, cho thấy có hai dạng Thành hoàng được phong tước hiệu: Thượng đẳng thần và Thành hoàng chung chung (có thể hiểu là hạ đẳng thần).

Thành hoàng bậc Thượng đẳng thần ở các đình Biên Hòa có những vị như Nguyễn Hữu Cảnh (thờ ở đình Bình Kính/ đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh), Trần Thượng Xuyên (đình Tân Lâm/ đền thờ Trần Thượng Xuyên), có công lao lớn với dân, với nước. Lúc mất đi được triều đình biểu dương công trạng cho lập đền thờ hoặc bởi lòng dân tôn kính mà thờ. Các bậc Thượng đẳng thần đều có sự tích, công trạng và họ tên rõ ràng.

Thành hoàng bậc Trung đẳng thần ở các đình Biên Hòa không thấy nêu. Những đình có sắc phong với các mỹ tự chung chung: Quảng Hậu, Chánh Trực, Hữu Thiện Đôn Ngung chi thần (phụ thuộc vào sắc được phong trong thời gian cụ thể). Đây là những vị thần mà người dân của địa phương thờ tự không rõ danh tính, sự tích nhưng thuộc trong hệ thống chính thần được triều đại phong kiến thời bấy giờ công nhận hay theo lòng dân tôn thờ mà nhà vua phong thần một cách chung chung. Đây là những Thần Thành bốn cảnh được nhà Nguyễn xếp vào hạng Hạ đẳng thần.

Bên cạnh đó, có những đình đầu không có sắc phong của nhà vua nhưng người dân dựng đình để thờ Thần hoàng bốn cảnh. Người dân tín niệm, tôn thờ là vị thần của làng, của xã.

### 3.2. Nhân thần

Một số đình ở Biên Hòa thờ thần là những con người có thật trong lịch sử, có những công lao trên nhiều mặt đối với vùng đất Biên Hòa hay cả Nam Bộ hoặc của đất nước. Những nhân vật này có một số được triều đình nhà Nguyễn phong thần qua sắc phong (Thượng đẳng thần) hoặc cũng có những người không được sắc phong nhưng lòng dân tôn thờ. Được thờ tự ở đình, được nhân dân tôn làm phúc thần của xứ sở. Chắc chắn, những nhân vật này có sau khi đình thành lập. Như vậy, thuở ban đầu thành lập, đình là nơi thờ Thành hoàng bốn cảnh, khi những nhân vật lịch sử được tôn thờ trong đình, xem như dân làng của đình ấy tôn họ là Thành hoàng hoặc đồng nhất với vị Thành hoàng có khái niệm chung chung trước đó. Trong số các đình ở Biên Hòa, đối tượng thờ là nhân thần gồm những nhân vật sau đây:

#### - Nguyễn Hữu Cảnh:

Được thờ tại đình Bình Kính, xã Hiệp Hòa.

Nguyễn Hữu Cảnh (Kính) sinh năm 1650, tại xã Chương Tín, huyện Phong Lộc (nay là xã Vạn Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình). Tương truyền, từ thuở nhỏ, Nguyễn Hữu Cảnh thông minh; học giỏi, sớm rèn luyện thao lược, văn võ song toàn. Ông theo cha là Tiết chế Chiêu Võ hầu Nguyễn Hữu Dật, tham gia nhiều trận mạc, lập nên công lớn, được chúa Nguyễn phong Chương cai cơ trấn thủ Bình Khang (Khánh Hòa ngày nay).

Là một vị tướng tài, Nguyễn Hữu Cảnh được chúa Nguyễn Phúc Chu sai làm Thống suất kinh lược xứ Đồng

Nai năm 1698. Ông đặt doanh trại tại Cù lao Phố, cùng quan chức dưới quyền thiết lập bộ máy hành chính nơi vùng đất mới. Ông đặt xứ Nam Bộ làm phủ Gia Định, lấy xứ Đồng Nai làm huyện Phước Long, đặt dinh Trấn Biên; lấy xứ Sài Gòn làm huyện Tân Bình, dựng dinh Phiên Trấn. Dù thời gian chuyển kinh lược ngắn ngủi nhưng Nguyễn Hữu Cảnh đã thực hiện một số công việc quan trọng và có ý nghĩa lớn, đặt nền tảng cho công cuộc khai khẩn mạnh mẽ vùng Nam Bộ thời bấy giờ. Từ một vùng lưu dân tự phát, Nguyễn Hữu Cảnh định hướng phát triển, thu nạp, chiêu mộ thêm dân, khai khẩn ruộng đất, đặt đơn vị hành chính, chuẩn định thuế, lập bộ tịch đinh điền... tạo cơ sở cho việc phát triển Đồng Nai, chính thức hóa vùng đất mới này vào lãnh thổ nước nhà.

Năm 1699, hoàn thành sứ mệnh dẹp loạn ở miền biên giới do vua Chân Lạp là Nặc Thu chống chúa Nguyễn, trên đường trở về, Nguyễn Hữu Cảnh bị bệnh. Ngày 16 tháng 5 năm 1700, Nguyễn Hữu Cảnh mất tại Sầm Giang (Rạch Gầm). Linh cữu của ông được đưa về Cù lao Phố huyện táng. Chúa Nguyễn truy tặng Nguyễn Hữu Cảnh là Hiệp tán công thần, đặc tiến Chương dinh, Tráng hoàn hầu. Thời các vua Nguyễn, ông được truy phong Thượng đẳng công thần đặc Trấn phủ quốc Chương cơ với tước Lễ Thành hầu.

Khi Nguyễn Hữu Cảnh mất, nhân dân Biên Hòa - Đồng Nai thương kính, tỏ lòng biết ơn đã đồng tâm cải đình Bình Hoành thành đình Bình Kính trang nghiêm thờ ông. Nơi huyện táng linh cữu ông, người dân xây mộ để tưởng vọng ông.

**- Nguyễn Tri Phương:**

Được thờ tại đình Mỹ Khánh, phường Bửu Hòa.

Nguyễn Tri Phương tự Hàm Trinh, hiệu Đường Xuyên. Ông sinh ngày 9 tháng 9 năm 1800 (tức 21 tháng 7 năm Canh Thân) tại tổng Chánh Lộc, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên. Thời niên thiếu, ông có tên là Nguyễn Văn Chương. Nguyễn Tri Phương là tên vua Tự Đức cải cho ông với sự đề cao về một con người dũng mãnh và tài trí. Hai chữ Tri Phương trong câu “*Dũng thả tri phương*” nghĩa là Dũng mãnh mà lắm mưu chước. Tên xưng Nguyễn Tri Phương được gọi từ năm 1850.

Một phần cuộc đời của Nguyễn Tri Phương gắn liền với đất Biên Hòa - Đồng Nai. Tháng 2 năm 1861, khi đại đồn Chí Hòa thất thủ, đại bộ phận quân ta rút về lập tuyến phòng thủ ở Biên Hòa. Nguyễn Tri Phương đã lập những chốt chặn, phòng thủ trên vùng đất Biên Hòa; trong đó, ông cho đắp những cản đá trên sông Đồng Nai để ngăn chặn tàu giặc. Trong khi chuẩn bị cho cuộc kháng Pháp ở Biên Hòa, Nguyễn Tri Phương được triều đình phái đi trấn giữ thành Hà Nội. Tại đây, trong một trận quyết chiến với kẻ thù, Nguyễn Tri Phương bị thương, con trai ông là Nguyễn Lâm hy sinh, thành Hà Nội thất thủ. Hồng mửa chuộc ông, quân Pháp đưa ông điều trị nhưng Nguyễn Tri Phương cự tuyệt, chấp nhận cái chết để tỏ rõ khí phách, tấm lòng trung trinh của người dân nước Nam. Ông mất ngày 20 tháng 12 năm 1873 (tức ngày 1 tháng 11 năm Ất Dậu).

## - Trần Thượng Xuyên:

Được thờ tại đình Tân Lân, phường Hòa Bình.

Trần Thượng Xuyên tự Trần Thắng Tài, sinh vào năm nào không rõ và mất khoảng năm 1720, người tỉnh Quảng Đông (Trung Quốc), nguyên là Tổng lãnh binh ba châu Cao - Lôi - Liêm dưới triều Minh. Năm 1649, vương triều Minh sụp đổ. Năm 1679, sau khi phát cờ “bài Mãn phục Minh” thất bại, ông đem hơn 3.000 quân thân tín cùng gia quyến trên 50 thuyền đến Đại Việt xin thuận phục. Chúa Nguyễn Phúc Tần (1648-1687) chấp thuận cho vào khai khẩn xứ Đông Phố đang còn hoang sơ.

Trần Thượng Xuyên đưa đoàn người của mình đến định cư tại vùng Nông Nại đại phố (địa phận Bàn Lân). Cùng nhóm lưu dân người Việt đến trước, ông và lực lượng của mình tiến hành khai khẩn quy mô lớn. Mặt khác, ông chiêu tập thương nhân người Hoa kiến thiết phố xá, tạo lập các cơ sở thương mại. Với biệt tài tổ chức, chẳng bao lâu Trần Thượng Xuyên đã biến vùng đất hoang sơ thành thị tứ buôn bán sầm uất, kinh tế phát triển nhanh chóng. Nông Nại đại phố (còn gọi là Cù lao Phố) trở thành thương cảng phồn thịnh, là trung tâm thương mại và giao dịch quốc tế vào bậc nhất phương Nam lúc bấy giờ.

Trần Thượng Xuyên là một trong những người có công lớn trong việc khai phá và xây dựng vùng đất Đồng Nai - Gia Định. Về hoạt động quân sự, Trần Thượng Xuyên là một dũng tướng thao lược của chúa Nguyễn. Ông đã nhiều lần cầm binh đánh dẹp Cao Miên, giữ an bờ cõi, mở rộng

biên cương nước Việt. Năm 1715, ông lại cùng với Nguyễn Cửu Phú đi đánh dẹp bọn Nặc Ông Thâm, hạ được thành La Bích. Trần Thượng Xuyên mất ngày 23 tháng 10 âm lịch khoảng năm Canh Tý (1720) an táng tại mạn bắc dinh Trấn Biên (nay thuộc xã Mỹ Lộc, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương).

### **- Đoàn Văn Cự:**

Được thờ tại đình Tam Hiệp, phường Tam Hiệp.

Đoàn Văn Cự là một nhà nho yêu nước, sinh năm 1835 tại Bình An, Thủ Đức (trước thuộc tỉnh Biên Hòa, nay thuộc địa phận thành phố Hồ Chí Minh). Ông là lãnh tụ của tổ chức Hội kín ở Biên Hòa đầu thế kỷ XX. Tổ chức này lấy khu rừng Bung Kiệu, Suối Linh làm căn cứ. Hội viên tham gia rất đông đảo. Tháng 5 năm 1905, Hội kín tổ chức lễ tế cờ, luyện quân để mưu sự đánh Pháp. Hoạt động của Hội không giữ được bí mật nên giặc Pháp nắm bắt tin tức, tổ chức đánh úp.

Ngày 11 tháng 5 năm 1905, chính quyền thực dân cho một tiểu đội lính đến bao vây căn cứ. Thủ lĩnh Đoàn Văn Cự triệu tập nghĩa quân mai phục đánh địch. Thế nhưng, phục cả ngày không thấy giặc đến, Đoàn Văn Cự cho nghĩa quân rút về căn cứ. Nhân lúc này, giặc Pháp tấn công, xông thẳng đến nơi Đoàn Văn Cự đang ở. Trước tình thế hiểm nguy, Đoàn Văn Cự vung đoản đao chém tên chỉ huy quân Pháp đang xông vào nhà. Giặc bắn trả làm cho vị thủ lĩnh nghĩa quân hy sinh ngay trước bàn thờ Tổ. Thừa thế, giặc Pháp tấn công cả căn cứ, đốt phá những kho lương thực, cơ

sở của tổ chức nghĩa quân. Đoàn Văn Cự và 16 nghĩa quân được chôn chung trong một nấm mộ.

### **- Trương Công Định:**

Được thờ tại đình Tân Phú (phường Bửu Hòa), đình Núi Đất (phường Tân Tiến), đình Tân Vạn (phường Tân Vạn).

Trương Công Định thường được gọi là Trương Định, là một trong những nhân vật được nhân dân Nam Bộ tôn làm Bình Tây Đại Nguyên soái trong cuộc kháng chiến chống Pháp lần thứ nhất. Trương Định sinh năm 1820 tại làng Tư Cung, phủ Bình Sơn (nay là xã Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi). Ông là con của vị quan Trương Cầm, Hữu Thủy vệ úy, Lãnh binh tỉnh Gia Định. Năm 1844, Trương Định theo cha vào Nam và cưới vợ là con gái một hào phú huyện Tân Hòa (Gò Công). Năm 1854, Trương Định xuất tiền của chiêu mộ dân nghèo lập đồn điền Gia Thuận. Ông được phong chức Quản cơ đồn điền. Năm 1859, khi quân Pháp đánh thành Gia Định, Trương Định đưa cơ binh gia nhập quân đội của triều đình chống giặc, lập nhiều chiến công... Đến năm 1862, triều đình ký hòa ước Nhâm Tuất, giao 3 tỉnh miền Đông cho Pháp, hạ lệnh cho Trương Định bãi binh và đi nhận chức Lãnh binh ở An Giang. Theo yêu cầu của nhân dân và các nghĩa sĩ, Trương Định đã khước từ lệnh của triều đình và nhận danh hiệu Bình Tây Đại Nguyên soái do dân phong, tiếp tục cuộc chiến đấu chống giặc Pháp. Nghĩa quân Trương Định lấy Gò Công làm căn cứ và địa bàn hoạt động khá rộng khắp các tỉnh miền Tây và Đông Nam Bộ khiến cho quân Pháp nhiều tổn thất.



Ngày 20 - 8 - 1864, Huỳnh Công Tấn phản bội dẫn đường giặc Pháp bất ngờ bao vây đánh úp căn cứ Gò Công. Trương Định bị trọng thương. Không để rơi vào tay giặc, ông đã rút gươm tự sát để bảo toàn thanh danh, khí tiết người anh hùng.

### ***3.3. Đối tượng phối thờ***

Thần Thành hoàng là đối tượng chính thờ trong chánh điện của đình. Bên cạnh đó, việc phối thờ cũng rất đa dạng những lớp thần linh thể hiện tín niệm của người dân địa phương có đình. Trong phần chánh điện, đối tượng phối thờ có những thần linh chỉ mang tính ý niệm nhưng cũng có thần linh được nêu danh tánh cụ thể. Các đối tượng từng tự thường được thờ tại các bàn thờ bằng gạch, xi-măng theo vách chánh điện của đình, thể hiện, thần hiệu được viết bằng chữ Hán trên vách bàn thờ. Tùy theo đình mà đối tượng được phối thờ nhiều hay ít chứ không giống nhau. Trong đình còn thờ những bậc Thầy, Tổ nghề hay những vị nhân thần vốn là các người con của làng xã có công lao, đức trọng với danh xưng như Tiên sư, Tiên hiền, Hậu hiền... Tích hợp thờ trong phạm vi của đình, còn có những vị thần khác được thờ trong các miếu như: Ngũ Hành nương nương, Bà Chúa Xứ, Thần Hồ, Thổ thần, Thần Nông... Qua khảo sát ở các đình thần Biên Hòa, việc dựng miếu thờ, địa điểm trong phạm vi đình tùy thuộc vào từng đình cụ thể. Trong phần khảo cứu này, chúng tôi giới thiệu một số đối tượng phối thờ phổ biến trong các đình thần Biên Hòa như sau:

### - Tả ban, Hữu ban:

Trong chánh điện của đình, hai bên bàn thờ Thần thường có hai bàn thờ Tả ban, Hữu ban. Hai bàn thờ này thường viết chữ Hán với nội dung: Tả ban chi vị, Hữu ban chi vị. Thần Thành hoàng là bậc thần linh nên Tả ban, Hữu ban này cũng thuộc diện thần linh nhưng là thuộc hạ của thần Thành hoàng, có chức năng hộ vệ thần Thành hoàng. Tên gọi Tả ban, Hữu ban chi vị thể hiện về ý niệm chứ không nêu danh tánh cụ thể là những vị thần nào. Riêng ở đình Tân Phú còn có tên đình thờ Trương Công Định (phường Bửu Hòa), việc đưa tượng Trương Công Định vào thờ sau năm 1975 đã có từng tự thêm hai tượng Tả ban và Hữu ban. Có lẽ, đây là trường hợp duy nhất trong đình ở Biên Hòa có tượng thờ Tả ban, Hữu ban đặt *trong khám* với tư thế đứng.

### - Tiên sư:

Hầu hết, các đình ở Biên Hòa đều có bàn thờ Tiên sư. Tiên sư là “bậc thầy đời trước” mang tính chất của Tổ nghề một cách chung chung chứ không phân biệt cụ thể nghề nào. Bàn thờ Tiên sư đặt giữa bàn thờ Tiên hiền và Hậu hiền (hậu điện - phía sau gian trung tâm chánh điện thờ thần Thành hoàng). Thế nhưng, có nhiều đình bày bàn thờ Tiên sư ở các vị trí khác nhau: hậu điện (nghĩa là thờ Thầy của hương chức); hậu trường võ ca (Tổ nghề hát bội).

Thế nhưng cũng có một số ngoại lệ trong bài trí thờ cúng Tiên sư. Đình Bình Trước (phường Thống Nhất) có khánh thờ Tiên sư để riêng. Từng tự với Tiên sư, một số đình thờ Nhạc sư và Lễ sư. Trang thờ Nhạc sư, Lễ sư

thường bố trí trên vách của hậu điện. Đình Bình Thiên (phường Quang Vinh) thờ Nhạc sư, Lễ sư đối xứng bên Tiền thứ hương chức. Tại đình Bình Hòa (xã Hiệp Hòa), thì bài trí bên vách hông tiền điện có bàn thờ Nhạc sư và Lễ sư. Đình Tân Vạn (phường Tân Vạn) thờ Tiên sư bên phải bàn thờ Hậu hiền ở khu nhà khách, đối xứng với bàn thờ Đông trù tư mệnh (Táo quân).

### - Tiên hiền, Hậu hiền:

Tùy theo đình mà đặt bàn thờ. Theo bài trí truyền thống, bàn thờ Tiên hiền, Hậu hiền đặt phía sau chánh điện thờ thần Thành hoàng. Phía sau trung tâm chánh điện thường có một bức tường ngăn. Giữa đặt bàn thờ Tiên sư, hai bên là bàn thờ Tiên hiền, Hậu hiền. Thế nhưng, qua khảo sát các đình ở Biên Hòa, việc bài trí bàn thờ Tiên hiền, Hậu hiền không theo quy chuẩn chung. Một số đình bài trí theo cách thức truyền thống, cũng có một số đình đặt bàn thờ Tiên hiền, Hậu hiền trong chánh điện đối xứng nhau. Đối tượng thờ Tiên hiền, Hậu hiền những người có công lập làng, lập đình trên nhiều phương diện lúc còn sống. Sau khi mất đi, ghi nhớ công ơn, uy tín, đạo đức mà người dân địa phương thờ trong đình. Dưới các bậc Tiên hiền, Hậu hiền là những người Tiên bối, Hậu bối có công. Có những đình, có những bài vị cụ thể nêu danh tánh cụ thể về người được thờ.

Riêng về Tiên hiền, Hậu hiền, có nhiều cách gọi và được lý giải như sau<sup>22</sup>:

---

<sup>22</sup> Đỗ Bá Nghiệp, Huỳnh Ngọc Trảng, Phan Đình Dũng và nhóm tác giả (Bảo tàng Đồng Nai), *Cù lao Phố Lịch sử và Văn hóa*, NXB Đồng Nai, 1998.

- *Tiền hiền khai khẩn, Hậu hiền khai cơ*: Tiền hiền là những người có công quy dân lập làng. Hậu hiền có công xây dựng các công trình phúc lợi cho làng, xã.

- *Tiền hiền khai khẩn, Hậu hiền khai canh*: Tiền hiền có công quy dân lập làng. Hậu hiền có công giúp dân khai hoang mở ruộng.

- *Tiền hiền khai khẩn, Hậu hiền khai khẩn*: Tiền hiền có công quy dân lập làng nhưng làng bị tiêu tán. Hậu hiền đến sau phải quy dân lập làng mới trên cơ sở làng cũ.

**- Tiền bối, Hậu bối, hương chức hữu công:**

Đây là những con người nối tiếp các bậc Tiền hiền, Hậu hiền, những hương chức có công với làng xã qua các thời kỳ. Một số đình làng ở Biên Hòa có bàn thờ, trang thờ các vị Tiền bối, Hậu bối ở hậu điện. Hậu điện của đình Bình Trước (phường Thống Nhất) bài trí bàn thờ Tiền thứ, Hậu thứ. Đình Tân Lâm (phường Hòa Bình) có bàn thờ Tiền thứ Trung Hoa và Tiền thứ Việt Nam. Điều này chỉ rõ tính chất của cơ sở tín ngưỡng của người Việt gốc Hoa ở Biên Hòa. Tương tự, ở đình Long Quới (xã Hiệp Hòa) có thờ bàn thờ Tiền thứ Việt Nam và Hậu thứ Trung Hoa (Trước hết là Việt Nam, sau là Trung Hoa). Bàn thờ những người Hoa có công với làng xã nói riêng, với vùng Cù lao Phố này có câu đối: *“Trung Quốc Hiệp Bang Nam Tế tự. Hoa Kiều Tùng Bắc Hương Tài Bồi”* (nghĩa: Trung Quốc cùng Nam bang tế tự, Hoa Kiều theo hướng bắc đắp bồi).

Về những vị hương chức, tại đình Bình Thiên (phường Quang Vinh) trên vách hậu điện có trang thờ Tiền thứ

hương chức. Vùng Cù lao Phố có hai ngôi đình thể hiện rõ nét việc thờ các hương chức. Đình Bình Xương có bàn thờ “Tiền Đại hương chức – Hậu đại hương chức” (*Hương chức đời trước và Hương chức đời sau*). Đình Thành Hưng có hai bàn thờ “Lịch Đại hương chức” và “Lịch Đại hương chức trợ hiền” (*Hương chức các đời và phu nhân của họ*).

### - Bạch Mã Thái giám

Thực tế cho thấy chỉ có nhiều đình ở Biên Hòa có thờ Bạch Mã Thái Giám như đình Thành Hưng (xã Hiệp Hòa), đình Bình Trước (phường Thống Nhất), đình Bình Thiên (phường Quang Vinh) v.v... Có ý kiến cho rằng, Bạch Mã Thái giám là vị thần gốc từ Phật giáo. Đây là một trong những dạng mà hình thể là loại quý mình người đầu ngựa gọi là Mã Đầu La Sát mà Bồ Tát Quan Âm thường hiện ra để hóa độ chúng sinh. “*Mã Đầu La Sát là một vị thần được giới thương buôn tôn thờ. Theo Phật giáo, con ngựa trắng trở thành điếm lành.... Trong thực tế, con ngựa gọi là “Bạch Mã Thái Giám” được dân chúng hiểu là vật cưỡi của thần Thành hoàng. Do vậy, con ngựa này khi có cúng lễ đình luôn được dâng cúng các vật thực rất dễ hiểu: cỏ (hay lá tre non), lúa, nước*”<sup>23</sup>.

Cũng có ý kiến cho rằng, Bạch Mã Thái Giám là được nhà Nguyễn sắc phong Đẳng thần, là một vị thần Đất được thờ phổ biến ở vùng miền Trung. Những thế hệ di dân từ

---

<sup>23</sup> Đỗ Bá Nghiệp, Huỳnh Ngọc Trảng, Phan Đình Dũng và nhóm tác giả (Bảo tàng Đồng Nai), *Cù lao Phố Lịch sử và Văn hóa*, NXB Đồng Nai, 1998.

miền Trung vào Nam Bộ khai khẩn đã đưa vị thần này vào thờ trong những đình ở vùng đất mới. Tín ngưỡng này gốc của người Chăm mà tiền thân là thần Kalkyvatarā<sup>24</sup>.

Những lý giải về nguồn gốc của đôi tượng thờ là Bạch Mã Thái Giám khá đa dạng. Thế nhưng, khi được thờ trong đình của người Việt ở Biên Hòa nói riêng, ở Đồng Nai nói chung, trong tín niệm dân gian, người dân tin đó là con vật cỡi của thần làng, cũng là một dạng thần linh.

Trong một số đình ở Biên Hòa, có một số đình lại tách riêng thành hai bàn thờ riêng biệt, bài trí đối lập nhau trong chánh điện. Đình Tân Lâm (phường Hòa Bình) là một cụ thể minh chứng. Thế nhưng cũng có đình không có bàn thờ Bạch Mã Thái Giám mà chỉ có tượng của Bạch Mã được đặt trong chánh điện. Chưa rõ việc tách bạch Bạch Mã, Thái Giám bắt nguồn từ đâu nhưng có lẽ do hiểu theo ngôn xưng Bạch Mã, Thái Giám là hai đối tượng: Bạch Mã (ngựa trắng) và Thái giám (nhân vật bị mất chức năng đàn ông để hầu cận phục vụ trong cung đình vua chúa trước đây).

### - Thần Nông:

Đa phần các đình ở Biên Hòa có thờ Thần Nông. Cách bài trí thờ Thần Nông thường là một bệ được xây bằng gạch, xi-măng cao vừa phải ở một bên phía trước của sân đình hoặc phía hông của đình (đình Bình Thiên, phường Quang Vinh). Đàn thờ Thần Nông thường thấy ở các đình

---

<sup>24</sup> Viện nghiên cứu xã hội Tp. Hồ Chí Minh. Tô Thanh Bằng (chủ biên), *Tín ngưỡng dân gian ở Thành phố Hồ Chí Minh*, NXB Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2008.

mà phạm vi sân đình rộng, địa phương còn mang hình thái kinh tế nông nghiệp như ở các đình vùng Cù lao Phố (xã Hiệp Hòa). Thế nhưng, cũng có trường hợp Thần Nông được thờ trong chánh điện như ở đình Bình Xương (xã Hiệp Hòa), đình Bình Thiên (phường Quang Vinh). Cách bài trí thờ Thần Nông trong đình Bình Thiên (Quang Vinh) là riêng biệt với việc bàn thờ Thần, có thần hiệu Thần Nông hoàng đế bên tả của bàn thờ thần Thành hoàng trong chánh điện, đối xứng với Bàn thờ Thánh mẫu được cho là bà Nữ Oa bên hữu. Đây là hai vị trí mà hầu hết các đình ở Biên Hòa đặt bàn thờ của Tả ban, Hữu ban liệt vị.

Đối tượng Thần Nông được cho là “*vị thần phù hộ cho nông dân được thuận lợi bội thu. Theo truyền thuyết, Thần Nông đã dạy dân trồng trọt và cũng từng nghĩ ra kiểu nhà nóc bằng (làm bằng vật liệu thô sơ) để con người tránh mưa tránh nắng. Thế nhưng kiểu nhà này không đạt yêu cầu bằng ngôi nhà hai mái hình tam giác theo thế chống nạnh của bà Cửu Thiên Huyền Nữ bày vẽ. Mọi người làm theo lời dạy của bà vì kiểu này hợp lý hơn, đặc biệt là tránh được mưa. Giới thợ mộc đã tôn Cửu Thiên Huyền Nữ làm Tổ sư. Do đó, Thần Nông mắc cỡ, tức giận, thế không ở trong nhà mà theo lời tục truyền được ông gọi là “nách đàn bà”<sup>25</sup>.*

---

<sup>25</sup> Đỗ Bá Nghiệp, Huỳnh Ngọc Trảng, Phan Đình Dũng và nhóm tác giả (Bảo tàng Đồng Nai), *Cù lao Phố Lịch sử và Văn hóa*, NXB Đồng Nai, 1998.

### **- Nữ Oa Thánh mẫu:**

Chỉ có đình Bình Thiên ở phường Quang Vinh, Biên Hòa có bàn thờ Nữ Oa Thánh mẫu trong chánh điện. Đây là một nét riêng ở các cơ sở tín ngưỡng dân gian ở Biên Hòa. Thông thường, tín ngưỡng thờ Bà thường ở miếu riêng biệt. Nữ Oa có gốc tích là một nữ thần trong thần thoại của Trung Quốc. Đây là người có công đội đá vá trời khi trụ chống trời bị hư hỏng, khiến trời bị lệch. Việc đưa thờ Nữ Oa Thánh mẫu và Thần Nông trong chánh điện thờ thần ở đình Bình Thiên thể hiện những vị thần của Thượng giới giúp cho trái đất có cuộc sống an lành (người giúp trời đất không nhập lại để cứu người, người bày vẽ cho con người biết cách làm ăn, sinh sống). Trong một chừng mực nào đó, có thể hiểu việc tưng tự Nữ Oa Thánh mẫu, Thần Nông bên thần Thành hoàng làm tăng thêm quyền uy, quyền lực, hiển linh thần Thành hoàng của đình Bình Thiên khi có sự trợ giúp của hai vị thần linh thượng giới này, bên cạnh đó còn có Tả ban, là ban vốn luôn cận kề.

### **- Ngũ Hành, Thờ Thổ thần, Thần Hổ:**

Trong khuôn viên của đình, thường có những miếu thờ. Đối tượng thờ thường thấy là Thổ Thần, Thần Hổ, Ngũ Hành nương... với chính danh tên gọi. Nhưng cũng có trường hợp gọi chung chung là miếu Ông, miếu Bà. Trong những lễ cúng đình, các miếu cũng được tổ chức những nghi thức cúng nhưng đơn giản hoặc chỉ là một phần trong các nghi thức chung. Tục lệ các đối tượng thờ này chúng tôi nói rõ hơn trong phần Loại hình Miếu và Lễ hội (phần IV cùng chương).



### - Chiến sĩ trận vong:

Hiểu một cách chung nhất, đối tượng thờ ở đây là những chiến sĩ chết trận qua các thời kỳ xảy ra trên địa bàn của làng xã. Cũng có thể trong số đó có những người chết không nơi nương tựa, lang thang, đói khát nên hay quấy nhiễu con người. Một số đàn thờ Chiến sĩ trận vong có thờ cúng cho thập loại cô hồn. Đàn thờ thường là một bệ xây bằng xi-măng, gạch cao vừa phải, đặt bên hông của đình. Trong các dịp lễ đình lớn hay nhỏ, đàn chiến sĩ trận vong đều được thắp nhang, cúng thí.

### - Các vị thần được nêu trong văn tế:

Tại một số đình, văn tế có nêu nhiều thần hiệu. Những vị thần này trong Lễ Kỳ yên được xưng thần hiệu để mời về trong hội đồng thần linh của làng xã dự Lễ với thần Thành hoàng. Mỗi văn tế các đình thường có hội đồng thần linh khác nhau. Tuy nhiên, có một số văn tế có nêu những thần hiệu giống nhau. Sau này, do văn tế các đình thuê những thầy nho viết, một số nội dung văn tế giống nhau hoặc giản lược về xưng danh thần hiệu trong lời văn mời hội đồng thần linh mà chỉ thay đổi địa điểm, thời gian, danh đình tổ chức lễ mời. Do chưa có điều kiện tiếp cận tất cả các văn tế của đình làng ở Biên Hòa, nên chúng tôi chưa thể có thống kê những thần hiệu trong hội đồng thần linh được nêu trong văn tế. Qua một số tư liệu được công bố liên quan, ngoài đối tượng là thần Thành hoàng bốn cảnh chúng tôi nêu ra những thần hiệu trong văn tế ở một số đình của Biên Hòa như sau: *Tả ban liệt vị chư thần, Hữu*

ban liệt vị chư thần, Đương kim Hoàng đế, Ngọc Hoàng Thượng đế, Cửu Thiên huyền nữ, Bắc Đẩu cửu trùng tinh quân, Nam Tào lục ty tinh quân, Thập phương Tam thế nhất thiết chư phật, Tam Thanh Pháp đạo chư Thánh sư, Đại Thành Chí Thánh Văn Tuyên Vương (Khổng Tử), Tứ phối kế Thánh và Thất thập nhị thân (các đệ tử của Khổng Tử), Hiệp Thiên Đại đế (Quan Công), Chúa Tiên nương nương, Thiên cung Thánh mẫu lục bộ Tiên thiên, Thiên Y Dược Vương thánh nương, Thiên Hậu nương nương, Long Vương thánh chúng, Ngũ Phương, Ngũ Đế, Ngũ Thân, Ngũ Tướng, Ngũ Phương ngũ nhạc sơn thần, Thập nhị hành binh, Thập nhị hành khiển, Lỗ Ban tiên sư, Sĩ Nông Công Mãi tiên sư, Ngũ Hành thánh nương, Tiên Nông thánh hiền (Thần Nông), Lưu Huê Quang tổ sư, Thập Nhị công nghệ tổ sư, Đông Túc tư mang, Thập nhị công nghệ tổ sư, Phước Đức chánh thần, Bạch Mã Thái giám, Thổ thần Thổ chủ Thổ địa Thổ công long thần, Sơn Lâm tướng quân, Hà Bá thủy quan, Cổ Kim nghĩa sĩ, Tiên tri Tiên giác, Tiên hiền khai khẩn, Hậu hiền khai cơ, Thập loại cô hồn, Tiên bói, Hậu bói, Tiên Đại hương chức... ”<sup>26</sup>. Đây là một hội đồng thần linh đầy đủ từ trên thượng giới cho đến, chư quân, chư tướng, chư vị, tiên sinh, tiên sư... kể cả thập loại cô hồn các loại được xưng danh, thần hiệu cụ thể. Một số đình còn nêu danh tánh những bậc hữu công với làng xã... Một số văn tế khác chỉ nêu chư vị thần, thánh, quân, tướng, tiên, tổ mang tính ý niệm chi vị chung chung.

---

<sup>26</sup> Đỗ Bá Nghiệp, Huỳnh Ngọc Trảng, Phan Đình Dũng và nhóm tác giả (Bảo tàng Đồng Nai), *Cù lao Phố Lịch sử và Văn hóa*, NXB Đồng Nai 1998.

Trong văn tế đình Bình Xương (xã Hiệp Hòa), cho thấy vào thế kỷ XVIII, đình Bình Xương thờ Đại Càn Tứ vị Thánh nương vương và Phi Vận tướng quân. Gốc tích thần vị Đại Càn Tứ vị Thánh nương vương được lý giải cho là Dương Thái Hậu và ba công chúa người Nam Hán. Bốn bà hoàng này hy sinh khi quân Mông Cổ tiêu diệt quân Tống tại Nhai Sơn (Quảng Đông) vào năm 1279. Xác của bốn vị này trôi dạt rồi tấp vào cửa Càn, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Nhằm tranh thủ nhóm di thần nhà Tống tham gia chống quân Nguyên nên vua nhà Trần đã phong Dương Thái Hậu mỹ hiệu trên<sup>27</sup>. Người dân địa phương tôn bà làm thần cửa Càn. Danh xưng Phi Vận tướng quân là một vị quan tên Nguyễn Phục có gốc Thanh Hóa. Ông làm quan dưới thời Hậu Lê, từng là thầy của hoàng tử Tư Thành (tức vua Lê Thánh Tông sau này), giữ chức Đô chỉ huy đội Cẩm Y vệ bảo vệ kinh thành. Sau này lo việc hậu cần lương thực lúc vua Lê Thánh Tông đánh Chiêm Thành. Ông không ban lệnh ra khơi lúc trời đang bão để bảo vệ quân sĩ và lương thực của triều đình. Việc làm này của ông bị gian thần gièm pha nên bị xử theo quân pháp. Về sau, ông được minh oan và người dân tôn thờ làm thần cửa biển Thanh Hóa và cửa biển Đà Nẵng.

---

<sup>27</sup> Cũng có cách giải thích nguồn gốc khác trên, cho rằng: Đại Càn Thánh nương vương là Vương hậu của vua Hùng thứ 13 và 3 người con. Vị Vương hậu này sinh một người con trai nhưng bị một thứ phi ghen ghét nên thuê bà mụ lén cắt bộ phận sinh dục của đứa trẻ. Khi vua đi tuần về thấy Vương hậu sinh con quái dị, đày bốn người đi nơi khác. Bốn người này đi đến Cửa Càn thì chết. Những người này được dân gian tôn thờ là thần giúp người đi biển.

Như vậy, đây là hai vị thần được những di dân từ miền Bắc đưa đến miền Trung, sau vào Nam Bộ thờ như những vị thần biển, giúp đỡ, hộ trì những người đi biển.

Một chi tiết thú vị trong nguồn tư liệu “Cù lao Phố - Lịch sử và văn hóa” còn cho biết: đình Bình Xương còn thờ các chúa Nguyễn Hoàng, Nguyễn Phúc Nguyên, Nguyễn Phúc Lan, Nguyễn Phúc Tần, Nguyễn Phúc Trân, Nguyễn Phúc Chu, Nguyễn Phúc Trú và Quận công Bùi Tá Hán, Khánh Quận công Nguyễn Phúc Kỳ và Phó Quận công Lương Văn Chánh. Đình này không thờ chúa Nguyễn Phúc Khoát – có lẽ đình hình thành vào giai đoạn chúa Nguyễn Phúc Khoát (1738-1765). Quận công Bùi Tá Hán là võ tướng thời Hậu Lê, người có công khai phá đất Thuận Hóa, đặt nền móng cho Chúa Hoàng vào Nam. Phó Quận Công Lương Văn Chánh là người có công khai phá vùng Quảng Nam và Phú Yên. Đây cũng là những vị chúa, quận công được lưu dân từ miền Trung đem vào thờ ở Biên Hòa.

### *3.4. Những ngày lễ đình*

Trong năm, ngoài lễ Kỳ yên là lễ lớn thì mỗi đình có những ngày lễ cúng theo lệ được duy trì. Thế nhưng, hiện nay, có nhiều ngày lễ trước đây không còn tổ chức. Trong những ngày lễ này, tùy theo đình mà Ban Quý tế tổ chức với quy mô khác nhau, hoặc cũng có những ngày lễ, ông Từ (người giữ đình thực hiện việc bày lễ, thắp nhang).

Do chịu nhiều tác động, ảnh hưởng, nhất là sự hòa trộn, đan xen trong tín ngưỡng – tôn giáo của cộng đồng cư dân

nên những ngày lễ trong năm ở đình khá nhiều. Trong một năm tính theo Âm lịch, các ngôi đình ở Biên Hòa có các ngày cúng lễ được thống kê ban đầu như sau:

- Lễ Nguyên đán vào ngày cuối của tháng Chạp trong năm.

Tổ chức vào lúc giao thừa hoặc sáng mừng một tháng Giêng. Đón ngày đầu năm (tân niên), Tết thân – đón Xuân.

- Lễ Khai hạ (còn gọi là Giở ấn) tổ chức vào ngày mừng 7 tháng Giêng.

Trước đây có tục hạ cây nêu xuống. Lấy ấn ra khỏi hộp để bắt đầu làm việc trong năm mới. Cúng Sơn thần, Hồ thần và động thổ tượng trưng.

- Lễ Thượng nguyên/Thượng ngươn (Rằm tháng Giêng) tổ chức vào ngày 15 tháng Giêng.

Vốn có nguồn gốc là lễ nghi nông nghiệp, sau được Phật giáo đồng hóa theo lệ sóc vọng hàng tháng (sóc là ngày mừng Một, vọng là ngày Rằm của mỗi tháng). Vía tạ ơn Thiên Quan đại đế vì đã ban cho mưa thuận gió hòa, mùa màng tốt tươi sau mùa thu hoạch trước tết Nguyên đán.

- Lễ Lập xuân<sup>28</sup> được tổ chức vào ngày bắt đầu vào mùa Xuân hàng năm. Đối chiếu qua dương lịch thường rơi vào ngày mừng 04 hay mừng 05 tháng 02.

---

<sup>28</sup> Các ngày Lập Xuân, Lập Hạ, Lập Thu, Lập Đông là một trong 24 tiết khí của các lịch Trung Hoa, Việt Nam, Hàn Quốc, Nhật Bản. Đây là những ngày mà tiết trời có những đặc điểm riêng trong quá trình chuyển, vào mùa. Tùy theo các đình mà tổ chức lễ, thông thường chỉ đốt nhang, sửa soạn bàn thờ trong đình.

- Lễ Hàn thực và tiết Thanh Minh tổ chức vào ngày mùng 3 tháng Ba.

+ Lễ Lập hạ được tổ chức vào ngày bắt đầu vào mùa hè hằng năm. Đối chiếu qua dương lịch thường rơi vào các ngày mùng 05, 06 hoặc 07 tháng 5.

+ Lễ Đoan ngoạ tổ chức vào mùng 5 tháng năm.

+ Lễ Trung nguyên/Trung nguơn (Rằm tháng Bảy) tổ chức vào ngày Rằm tháng Bảy.

Theo quan niệm là vía Địa Quan đại đế, vị thần coi về đất. Rằm tháng Bảy trong Phật giáo là Lễ Vu lan xá tội vong nhân nên trong tín niệm cúng tại đình cũng ảnh hưởng, theo nghĩa cúng vong hồn.

- Lễ Lập thu được tổ chức vào ngày bắt đầu vào mùa thu hằng năm. Đối chiếu qua dương lịch thường rơi vào các ngày mùng 06, 07 hoặc 08 tháng 8.

- Lễ Trung thu (Rằm tháng Tám) được tổ chức vào ngày 15 tháng Tám.

- Lễ Trùng cửu được tổ chức vào ngày mùng 09 tháng Chín.

- Lễ Trùng thập được tổ chức vào ngày mùng 10 tháng Mười.

- Lễ Hạ nguyên/ Hạ nguơn (Rằm tháng Mười) tổ chức vào ngày Rằm tháng Mười.

Theo quan niệm là vía Thủy Quan đại đế - vị thần giải trừ tật ách cho con người.

- Lễ Lập thu được tổ chức vào ngày bắt đầu vào mùa thu hàng năm. Đối chiếu qua dương lịch thường rơi vào các ngày mùng 06, 07 hoặc 08 tháng 11.

- Tết Táo Quân được tổ chức vào ngày 23 tháng Chạp.

- Lễ Niêm ấn (sấp ấn) tổ chức vào ngày 25 tháng Chạp.

Tiền đưa thần Thành hoàng về trời trình cáo những công việc cai quản trong một năm. Hương chức rửa con dấu, bỏ vào hộp niêm kín lại cho đến ngày mùng 7 tháng Giêng mới mở ra.

- Lễ Rước thần được tổ chức vào đêm cuối năm âm lịch (tùy theo năm, có thể vào ngày 29, hoặc 30, 31 tháng Chạp). Rước Thần về ngụ tại đình, đón năm mới và bắt đầu cho một năm cai quản mới.

Tuy nhiên, tùy thuộc vào từng đình mà tổ chức chỉ một số ngày theo lệ của làng trước đây. Lịch những ngày trên không phải là một quy lệ cho các đình. Có những ngày lễ chỉ có thủ đình (người trông coi) thực hiện sửa soạn bàn thờ, thắp nhang hay dâng vật phẩm nơi các bàn thờ trong đình. Ngoài trừ lễ Kỳ yên lớn, thì các ngày lễ trong năm như Niêm ấn, Mở ấn, tết Nguyên đán... thì có sự tham gia đầy đủ của Ban quý tế đình.

### **III. LỄ HỘI Ở ĐÌNH**

#### **1. Lễ hội Kỳ yên qua những góc nhìn**

Lễ hội Kỳ yên (Cầu an) - tên người dân thường gọi lễ cúng tế chính của đình. Đây là một lễ quan trọng, lễ lớn mỗi năm của đình làng ở Biên Hòa. Thời gian của lễ Kỳ

yên của mỗi đình ở Biên Hòa khác nhau nhưng phổ biến nhất là lễ diễn ra vào mùa xuân và thu. Một số đình có đối tượng là nhân thân thì thường lấy ngày mất để làm Lễ kỳ yên. Đáo lệ ba năm và còn tùy thuộc vào tình hình kinh phí của làng xã có đình mà tổ chức lễ Kỳ yên lớn – Đại lễ Kỳ yên. Đại lễ Kỳ yên thường kéo dài trong ba ngày và đình làng tổ chức đầy đủ các nghi tiết, có tổ chức hát bội, hát chầu cúng thần và cho người dân thưởng ngoạn.

Mục đích của lễ Kỳ yên như tên gọi đã nói lên: Cầu an – những điều an lành, tốt đẹp cho làng xã, cho con người địa phương và cho đất nước. Những nghi thức quá trình diễn lễ cho thấy, người dân địa phương có lòng thành tôn thờ, tổ chức lễ Kỳ yên nhằm tạ ơn vị phúc thần đã ban ơn, bảo vệ người dân địa phương qua một năm trên nhiều khía cạnh của cuộc sống và họ mong muốn vị thần làng tiếp tục ban cho họ có hoặc hơn những điều tốt đẹp như thế.

Mục đích của lễ Kỳ yên được các nhà nghiên cứu lý giải với những phân nhận định, diễn giải nhưng tựu chung cùng đi đến nhận xét tương đồng. Chúng tôi giới thiệu một số nhận định sau để tham khảo:

- Nhà nghiên cứu Huỳnh Ngọc Trảng lý giải như sau: *“Mục đích tín ngưỡng của lễ Kỳ yên là cầu cho mưa gió thuận hòa (phong điều vũ thuận), mùa màng tốt tươi (phong đăng hòa cốc), và “quốc thái dân an”*. Do đó, chúng ta thấy có nguồn gốc lễ nghi nông nghiệp cổ<sup>29</sup> qua việc tổ chức lễ hội.

---

<sup>29</sup> Viện nghiên cứu Văn hóa – nghệ thuật Việt Nam, Phân viện tại TP. HCM. *Sổ tay hành hương đất phương Nam*, NXB Tp. HCM, 2002.



- Tác giả Hồ Tường và Nguyễn Hữu Thế trong công trình *Đình ở thành phố Hồ Chí Minh* nêu: “Mục đích lễ hội Kỳ yên là dịp để dân làng chiêm bái thần Thành hoàng, Thần Nông, thần Xã Tắc để cầu mưa thuận gió hòa, nước giàu dân mạnh.... Tóm lại, lễ hội Kỳ yên mang tính cách một nghi lễ nghề nghiệp, có vị trí quan trọng trong đời sống tâm linh của mọi người”<sup>30</sup>.

- Tác giả Huỳnh Quốc Thắng trong công trình *Lễ hội dân gian của người Việt ở Nam Bộ* nhận xét: “Kỳ yên thực chất có nghĩa là Cầu an, nên dân gian thường đơn giản gọi lễ hội này là Lễ vía Thành hoàng hoặc là Giỗ Ông. Đây là lễ hội quan trọng nhất trong năm của các ngôi đình ở Nam Bộ, thường kéo dài hai hoặc ba ngày với lịch cúng tế cụ thể tùy theo tục lệ của từng địa phương, có nơi chọn tháng giêng, tháng hai với ý nghĩa ‘Xuân kỳ’ (mùa Xuân làm lễ cầu được mùa), hoặc tháng tám, tháng chín với nghĩa ‘Thu báo’ (mùa Thu làm lễ báo đáp sau khi thu hoạch vụ mùa xong), hoặc chọn trong ba tháng mùa đông với ý nghĩa trọn năm thành công nên ‘Tế chưng’, ‘Tế lạp’ tạ ơn thần (người ta gọi là Chạp Miếu hay Chạp Miếu). Trong các thời gian đó lễ hội Kỳ yên thường được tổ chức vào các ngày 13, 14, 15 hoặc 16 âm lịch là những ngày có trăng trong tháng, dân làng đến có thể tham dự suốt đêm, đi về thuận tiện”<sup>31</sup>.

---

<sup>30</sup> Hồ Tường, Nguyễn Hữu Thế, *Đình ở thành phố Hồ Chí Minh*, NXB Trẻ, 2005.

<sup>31</sup> Huỳnh Quốc Thắng, *Lễ hội dân gian của người Việt ở Nam Bộ*, Viện Văn hóa & NXB Văn hóa Thông tin, 2003.

- Tác giả Nguyễn Văn Quyết và nhóm tác giả trong công trình Nhạc lễ Nam Bộ, phần Nghi thức và Nhạc lễ trong cúng đình, nhận xét: “*Trên thực tế, lễ Kỳ yên là cầu an, cầu Quốc thái dân an, mưa thuận gió hòa đem lại sự an vui, thịnh vượng, hạnh phúc cho mọi gia đình. Cầu cho được Thiên thời, Địa lợi, Nhân hòa: Thiên là trời (cha), Địa là đất (mẹ), Nhân là người (con người). Ba đạo này mà hòa hợp với nhau theo quy luật tự nhiên của càn khôn vũ trụ thì con người mới tiến hóa và tồn tại được. Muốn hòa trời, hòa đất, hòa người thì trước hết con người cần phải tu sửa tâm tính, phải hiểu được quyền lợi, nhiệm vụ của mình trong gia đình, làng xóm và xã hội. Cầu an là cầu cho tròn đạo trời, vuông đạo đất và sáng tạo người. Con người mới sáng được đạo làm người thì mới có thể hiểu được nguyên lý cội nguồn, mới biết được quan hệ giữa con người với âm dương (trời, đất, thiên nhiên, con người và môi trường sống), mới sáng được sự cần thiết gắn bó trong cộng đồng, trong gia đình, làng xã và xã hội”*.<sup>32</sup>

Môi trường sống ngày nay của làng xã Biên Hòa trước đây có nhiều thay đổi. Tính chất nông thôn ở một số địa bàn đã dần thay đổi hoặc thay đổi, chuyển biến mạnh mẽ qua tính chất của đô thị. Thế nhưng, thiết chế tín ngưỡng đình vẫn tồn tại và là một nhu cầu lớn trong đời sống tâm linh của con người. Lễ hội Kỳ yên của làng xã có tính chất

---

<sup>32</sup> Nguyễn Văn Quyết (chủ biên), Phạm Lan Hương, Lâm Nhân, *Nhạc lễ Nam Bộ, Nghi thức và Nhạc lễ trong cúng đình và tang ma của người Việt ở Đồng Nai*, NXB Tổng hợp Đồng Nai, 2005.

lễ nghi nông nghiệp cổ xưa vẫn hài hòa và thích ứng trong môi trường đô thị với sự phát triển của nhiều ngành nghề trong xã hội. Lễ hội Kỳ yên ở đình Biên Hòa thể hiện mục đích có tính chất cầu an cho làng xã và cho đất nước thái bình, muôn người dân bình yên sinh sống. Điều này thể hiện tính cá nhân, gia đình, tự trị của làng xã hài hòa trong tính cộng đồng lớn của người Việt.

### *1.1. Lễ vật trong lễ Kỳ yên*

Lễ vật dân cúng trên các bàn thờ thần gồm các thức mặn và hoa, trái, nhang, đèn. Các lễ vật mặn gồm: thịt luộc, rau, mắm, muối, các món xào, kho... Đặc biệt, khi tế thần có hai lễ vật không thể thiếu là món xôi và thịt sống.

Món xôi được nấu từ gạo nếp ngon, dẻo. Mâm xôi cúng bàn thờ thần bắt buộc nguyên chất, tức là không có thêm những chất liệu khác vào, thường được rước từ nhà của người Chánh bái hoặc người có danh giá nhất trong làng. Có tục kiêng khi rước mâm xôi: gia đình yên hòa, không để xảy ra sự lộn xộn; tránh đứng che bóng mặt trời rọi vào mâm xôi; khi đưa hoặc rước xôi đến đình, không được bung gánh mà phải *khiêng, đội*, để tỏ sự trân trọng, không ô ướ.

*Thịt sống* từ thịt heo. Con heo tẻ được chọn kỹ càng, để nguyên con được cạo sạch lông để ở bàn la liệt, tư thế quỳ hướng đầu về phía bàn thần, người địa phương gọi là *heo chong*. Làng nghèo thì cúng thịt sống không đủ bộ (thu gọn còn đầu, móng, đuôi gọi là *thủ vĩ*). Có một số kiêng kỵ trong việc chọn heo cúng như: heo *đen tuyền*, có người giải thích đó là heo bôn địa, thuần giống, chưa lai tạp. Ngày

nay, do loại heo đen tuyền rất hiếm nên có thể chọn heo trắng nhưng *ky heo lang* (heo đốm trắng, đốm đen). Heo té phải qua lễ tỉnh sanh<sup>33</sup>. Như vậy, heo cúng thần trong lễ Kỳ yên phải được chọn mua cẩn thận, được chăm sóc kỹ lưỡng, khi làm thịt để cúng thì được "trói lại, khiêng vào trước bàn thờ thần trình lễ, làm cho heo kêu tiếng to. Như vậy, để trình báo cho thần biết là heo còn sống, khỏe mạnh qua tiếng kêu để thần chấp nhận, vui lòng.

Chuyện kiêng *ky* trong chọn heo lang cúng thần, theo một cách lý giải cho rằng thể hiện sự lừa dối của con người hứa nguyện nhưng không thực hiện làm thần làng quở phạt. Tương truyền, xưa kia có người đến đình khấn và hứa sẽ cúng thần một con heo lang nếu thần phù hộ cho điều mong ước của mình thành sự thực. Khi ước nguyện thành, người kia cúng thần một con heo bằng khoai lang. Thấy sự thất hứa của người kia nên thần làng nổi giận, phạt cả dân làng. Năm đó, dân làng gánh chịu nạn hạn hán, mất mùa, xảy ra đói kém và sau đó có cả nạn lụt lớn. Vì vậy, sau này khi dân làng cúng kiêng *ky* heo lang với hàm ý luôn cả heo có nhiều đốm da trắng, đen<sup>34</sup>. Thực ra đây là một cách lý giải mà nhiều người trong Ban Quý tế các đình trả lời khi được hỏi đến. Có thể hiểu, việc chọn heo đen tuyền, không có đốm có thể hiểu là sự điệp màu, thống nhất, không có sự

---

<sup>33</sup> Tỉnh uỷ, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, *Địa chí Đồng Nai*. Tập V – Văn hóa Xã hội, NXB Tổng hợp Đồng Nai, 2001.

<sup>34</sup> Nguyễn Văn Quyết (chủ biên), Phạm Lan Hương, Lâm Nhân, *Nhạc lễ Nam Bộ, Nghi thức và nhạc lễ trong cúng đình và tang ma của người Việt ở Đồng Nai*, NXB Tổng hợp Đồng Nai, 2005.

pha tạp, thể hiện lòng thành trước sau như một qua lễ vật của người cúng. Người Việt có quan niệm “có thờ có thiêng, có kiêng có lành” và như thế thì “tốt lễ dễ cầu”.

### *1.2. Ban tế tự trong lễ Kỳ yên*

Ban Tế tự trong lễ kỳ yên được chọn với những quy định nghiêm ngặt và có sự phân công cụ thể cho mỗi thành viên tham gia. Những người được chọn thường phải đáp ứng là đứng tuổi (thường từ 40 tuổi trở lên), có uy tín, đạo đức, sức khỏe và gia đình phải yên hòa, êm ấm. Thứ nhất, đảm bảo được nhân cách trong dân làng khi tham gia Ban Tế tự, thứ hai, xứng với thần khi tham gia các nghi thức trong cúng tế. Những người tham gia trong Ban Tế tự là một niềm vinh dự, thay mặt cho cả cộng đồng cư dân địa phương trong cúng tế thần Thành hoàng. Một số người lớn tuổi cho biết, trước đây, những người tham gia Ban Tế tự còn phải khấn hứa trước thần làng, những ngày chuẩn bị vào lễ Kỳ yên biết giữ mình, kiêng kỵ việc sinh hoạt vợ chồng. Việc kiêng cử “traị lạt” trước đây thực hiện rất nghiêm. Thường đình có sẵn bộ ván gỗ để những thành viên trong Ban Tế tự ngủ lại trong những ngày lễ Kỳ yên<sup>35</sup>. Thường Ban Tế tự được thành lập trước một tháng trong cuộc họp của Ban Quý tế chuẩn bị cho lễ Kỳ yên. Một số đình tổ chức lễ Kỳ yên vào tháng 11 trong năm (tính theo

---

<sup>35</sup> Câu nhắc sau như để cho mọi người cùng hiểu ý nghĩa của việc kiêng cử này: “*Ba năm hạc đáo về đình. Đình cho con hạc nó đậu trên mình con quy*”. Hình ảnh ví von cảm chuyện sinh hoạt giới tính, dẫu là vợ chồng trong những ngày lễ Kỳ yên con hạc (dương – đàn ông), con quy/rùa (âm - phụ nữ).

âm lịch) thì trong kỳ họp Hạ nguyên (Rằm tháng Mười) thì tổ chức bàn bạc, phân công cụ thể.

Ban Tế tự của các đình ở Biên Hòa cũng như các đình trên địa bàn tỉnh Đồng Nai trong lễ Kỳ yên gồm các vị được phân công như sau:

- Chánh niệm hương (một người): thay mặt dân làng dâng hương và khấn nguyện lên thần Thành hoàng. Đây là chức trách vinh dự nhất.

- Chánh tế (một người): đứng chủ tế trong các nghi thức. Thường chọn những người có sức khỏe, có thể quỳ trong các buổi lễ tại hương án trước bàn thờ thần – Hội đồng ngoại.

- Bồi tế (hai người): có nơi còn gọi là Phó tế và Bồi tế, có nhiệm vụ đứng phục vụ hai bên trong các nghi lễ của chánh bái.

- Đông hiến và Tây hiến (hai người): Quỳ trước bàn thờ Tả ban và Hữu ban. (Nhà nghiên cứu Huỳnh Ngọc Trảng giải thích: các cổ đình luôn quay mặt về hướng nam nên hai ban thờ thần là hướng đông và hướng tây. Về sau, tuy hướng đình không theo quy định cổ nữa nhưng hai vị quỳ trước ban thờ Tả ban, Hữu ban vẫn được gọi như vậy)<sup>36</sup>

- Chấp sự viên (thường có bốn hay năm hoặc sáu người): có nhiệm vụ khởi cổ lệnh (đánh trống lệnh/trống

---

<sup>36</sup> Viện nghiên cứu Văn hóa – nghệ thuật Việt Nam, Phân viện tại TP. HCM, *Sổ tay hành hương đất phương Nam*, NXB Tp. HCM. 2002.

nhỏ cầm tay), khởi thái bình (đánh mõ ngang), khởi minh chinh (đánh chiêng), khởi minh chung (đánh chuông lớn – thường ở các đình lớn), khởi đại cổ (đánh trống lớn).

- Thị lập (bốn hoặc sáu người): Thị lập chánh điện đứng hầu hai bên bàn thờ Thần, thị lập tả đình và thị lập hữu đình đứng hai bên bàn thờ Tả ban, Hữu ban.

- Thầy lễ (một người – còn gọi là hương lễ): người điều khiển chung cho lễ đúng nghi thức và đọc văn tế.

- Học trò lễ (còn gọi là lễ sinh, tối thiểu là 3 đôi hoặc nhiều là 6 đôi tùy theo đình): các đôi lễ sinh đứng một chỗ hoặc di chuyển theo sự phân công trước. Thường có đôi lễ sinh đứng xướng hai bên hương án hội đồng, tư thế khoan tay trang nghiêm, hô to các tiết mục trong chương trình. Trước đây, còn có đôi lễ sinh hỗ trợ nhắc rõ lại các tiết mục mà đôi lễ sinh chính đã xướng lên. Các đôi lễ sinh di động chia làm hai đôi: đôi dâng (bung đèn), đôi đài (bung đài, hương, rượu hoặc trà). Có nơi thêm các đôi lễ sinh ở bên bàn thờ Tả ban và Hữu ban.

- Đào thái (hai đến bốn đôi nữ/thường được chọn từ đoàn hát bội): có nhiệm vụ đi sau lễ sinh, quạt và hát chúc tụng khi tiến hành các nghi thức hiến tuần hương, dâng trà rượu.

- Ban nhạc lễ (đầy đủ là 11 người chơi 11 loại nhạc cụ cổ truyền hoặc thường là 4 hoặc 5 người): do đình thuê phục vụ trong lễ cúng. Nếu Ban nhạc lễ đủ 11 người thì chơi các loại nhạc cụ: 2 trống nhạc, 1 trống con, 1 cặp

phách, 2 đờn gáo, 2 đờn cò, 1 tum, 1 bạc, 1 trống cơm, 1 kèn thau, 1 kèn mộc, 1 đồng và 1 đồng lồ. Trong các lễ kỳ yên các đình ở Biên Hòa hiện nay, ban nhạc lễ thường chỉ có 5 đến 6 người, chơi các loại nhạc cụ: trống nhạc, trống cơm, kèn mộc, đờn cò, nã bạt...

- Lính hầu (bốn người): bốn thanh niên hóa trang thành lính lệ xưa đứng hầu hai bên hương án Hội đồng.

- Thủ từ (một người): ngồi túc trực cạnh bàn thờ thần suốt thời gian lễ để gõ chuông cho khách lễ bái và trong lúc tế thì nhận lễ vật do lễ sinh dâng lên, sắp vào bàn thờ thần.

Các thành viên trong Ban tế tự với chức trách vai vế được giao phải thực hiện một cách kính cẩn, trang trọng. Trong đó, có quy định về trang phục rõ ràng. Theo tục cổ, quy định như sau:

Các vị Chánh niệm hương, Chánh tế, Phó tế, Bồi tế, Đông hiến, Tây hiến phải mặc áo thụng xanh (áo địa, áo tế), đầu bịt khăn đen và phải trai giới trước khi hành lễ. Các vị Chấp sự, Thị lập và Hương lễ phải mặc áo dài, đội khăn đen. Lễ sinh có trang phục của các tú tài xưa: áo thụng xanh, đầu đội mũ tú tài đen, lưng thắt dải lụa, chân đi hia. Đào thái trang điểm dạng các tiên nữ, đầu đội mũ phụng, cài trâm ngọc, mặc áo lá sen thêu kim tuyến. Ban nhạc lễ, Thủ từ phải mặc áo dài, đầu bịt khăn. Lính hầu mặt sơn phấn, đầu đội nón gồ (hoặc nón lá nhỏ), quần áo đỏ cổ giữa, quần xanh, chân quấn xà cạp đen, lưng mang gươm gồ, tay cầm giáo mác.



### *1.3. Các nghi thức trong lễ Kỳ yên*

Thực tế, trước đây, các nghi thức trong lễ Kỳ yên ở đình làng được thực hiện đầy đủ. Thế nhưng, một khoảng thời gian ở các đình làng ở Biên Hòa được “cải tạo” trong việc xây dựng nếp sống văn hóa mới từ sau năm 1975. Đình làng được dùng vào một số công việc khác, không có tính chất của một cơ sở tín ngưỡng do tính chất áp đặt khiên cưỡng của thể chế quản lý. Kiến trúc đình bị bỏ phế, bị hư hoại, xuống cấp nghiêm trọng nhưng đặc biệt, lễ Kỳ yên không còn được tổ chức. Sau này, với chính sách đổi mới, những giá trị văn hóa của nhân dân được nhìn nhận từ một cách khách quan nên đã tác động tích cực tới việc khôi phục các lễ cúng, lễ hội đình.

Trên địa bàn Biên Hòa, lễ Kỳ yên ở các đình có thời gian khác nhau thế nhưng các nghi thức trong cúng tế thần luôn được tuân thủ. Thông thường, các nghi tế thần phải đầy đủ các lễ: Túc yết, Đàn cả và tế Tiên hiền, Hậu hiền. Đại lễ Kỳ yên thì có đình tổ chức gánh hát bội diễn trước đình (Võ ca) để dâng thần và cũng để người dân địa phương thưởng thức mà do đó có những nghi thức và hình thức diễn xướng dân gian.

Lễ Kỳ yên là lễ lớn, lễ trọng trong năm, thu hút nhiều người dân địa phương tham gia. Một số đình ở Biên Hòa tổ chức lễ trong ba ngày ba đêm. Chuẩn bị cho lễ Kỳ yên, trong nội thất đình và khung viên được người dân dọn dẹp, trang trí, sửa soạn chu đáo.

### *1.3.1. Nghi thức thượng Thần kỳ*

Trước khi vào Lễ, cây phướng trước sân đình được thượng kỳ - tức cờ lễ/còn gọi là Thần kỳ. Thông thường các Thần kỳ ở các đình Biên Hòa là cờ ngũ sắc: phía giữa màu vàng (tượng trưng hành thổ), rồi màu xanh (tượng trưng hành mộc), màu đỏ (tượng trưng hành hỏa), màu trắng (tượng trưng hành kim) và ngoài cùng là màu tím (tượng trưng hành thủy), có đường viền, có đuôi nheo được kéo lên. Có đình thì Ban quý tế lập hương án dưới chân cây phướng nhưng cũng có nơi chỉ trình khăn trước bàn thờ Thần rồi thượng Thần kỳ.

### *1.3.2. Nghi thức Thỉnh sắc*

Một số đình có sắc phong thường được giữ ở đình thì đến lễ Kỳ yên làm lễ khai sắc. Thế nhưng, một số đình thì sắc phong không giữ ở đình bởi sợ mất và không bảo quản kỹ lưỡng (trước đây, trên địa bàn Biên Hòa, có nạn sắc phong của đình bị mất cắp). Sắc phong được đưa về giữ và bảo quản cẩn thận tại một nhà của người có uy tín, có điều kiện đảm bảo trong quá trình lưu giữ. Có thể do Ban quý tế xem xét, chọn kỹ lưỡng trong các thành viên của Ban quý tế.

Khi thỉnh sắc, đám rước gồm các thành viên trong chức trách được giao có liên quan trong Ban quý tế, Tế tự tổ chức thực hiện. Đi thỉnh sắc, có người dân tham dự đi theo phía sau long đình (ngai làm bằng gỗ được sơn son, thếp vàng) do các lễ sinh kiệu đi. Từ đình, đoàn rước đi về nơi

cất giữ sắc phong. Tùy theo cách thức tổ chức của mỗi đình mà đoàn rước đông hay không. Tổ chức đoàn rước thỉnh sắc trang nghiêm, trang phục các thành viên, bộ phận được phân công theo trang phục quy định trong Ban tế tự thực hiện nghiêm chỉnh.

Nếu có đoàn rước có múa lân thì đoàn lân đi trước dẫn đường. Tiếp theo là những người cầm cờ lệnh, trống lệnh, trống, chiêng và dàn nhạc lễ. Hai bên hoặc tiếp theo sau là lễ sinh như hóa trang như những người lính lệ ngày xưa hầu quan, tay cầm lỗ bộ của đình. Phía sau là long đình được bốn lễ sinh khiêng trên vai. Sau long đình là thành viên Ban quý tế và những người tham dự đoàn rước.

Đến nơi giữ sắc, có nghi thức dâng hương, dâng rượu, trình báo, bái lạy và khấn nguyện để thần biết và xin thỉnh nghinh về đình hành lễ. Các thủ tục xong, sắc thần được đặt trong long đình. Thường sắc thần đặt trong một hộp gỗ hình chữ nhật được sơn màu đỏ. Sau đó, đoàn rước đi về đình. Có thể đoàn thỉnh sắc đi qua một vài con đường trong địa phận làng. Một số nhà người dân làm hương án nghinh khi sắc thần đi qua. Rước sắc chỉ được đi qua những con đường của làng đó mà thôi, không được đi qua địa phận của làng khác. Theo quan niệm: “Trống làng nào làng ấy đánh, Thần làng nào làng đó thờ” nên ban tổ chức thỉnh sắc rất kỹ càng những lộ trình đoàn rước đi qua. Trên lộ trình rước sắc thần, bắt đầu đi khởi ba hồi trống chiêng, sau đó tiếng trống chiêng được gióng lên theo ba tiếng một. Khi về đến đình, thì đoàn rước làm lễ an vị với các nghi thức dâng hương, dâng rượu, dâng trà.

### 1.3.3. Nghi thức lễ Túc yết

Còn gọi là lễ Yết (ra mắt thần). Trước khi làm lễ, người dân trong làng tập trung đông đảo tại đình. Theo lệ, lễ thường diễn vào ban đêm, giờ Tý. Ban Quý tế, Ban Tế tự và những người lớn tuổi trong đình tổ chức hội họp tại đình để ra mắt, trình khẩn những việc tổ chức Lễ cho Thần hoàng biết. Thế nhưng, ngày nay, do tùy thuộc vào mỗi đình mà lễ tổ chức vào buổi sáng hay buổi chiều.

Thực hiện lễ Túc yết phải đầy đủ các thành viên trong Ban Tế tự và chức việc được giao phó, trang phục nghiêm trang và phải thực hiện các thủ tục tượng trưng trước khi hành lễ như rửa và lau mặt, lau tay (quán tẩy, thuốc cấn), sửa soạn lại y phục (chỉnh y quan). Các nghi thức theo tuần tự được lễ sinh xướng lên và Ban Tế tự thực hiện. Ban nhạc lễ và những chấp sự viên khởi nhạc cụ của đình tùy theo nghi tiết mà thực hiện phù hợp.

Trong lễ Túc yết có các nghi tiết sau:

- **Nghi tiết Cử soát lễ vật** (xem soát những lễ vật cúng thần):

Đội lính hầu đứng hai bên hương án Hội đồng. Các Chấp sự viên, Chánh tế, Phó tế, Bồi tế, Đông hiến, Tây hiến tiến vào Hội đồng ngoại. Hai lễ sinh bưng đèn cho vị Chánh tế, Phó tế, Bồi tế kiểm tra các lễ vật bày trên bàn. Tiếp theo, các vị Chánh tế, Phó tế, Bồi tế cầm chén đựng một phần huyết và ít lông của con heo hiến tế đem ra sân đình chôn giấu. Sau đó, Chánh tế, Phó tế, Bồi tế xá rồi lui ra.

### **- Nghi tiết dâng hương:**

Theo thứ tự, khi khởi hành nghi tiết thì các Chấp sự viên khởi ba hồi trống, mõ, chiêng (kích phát tam thông). Tiếp theo là trống, mõ, chiêng được đánh ba tiếng xen kẽ nhau ba lần (Thái bình chung cổ tề minh). Ban nhạc lễ vào trước hương án, khởi nhạc bản tấu “*Nghinh thiên tiếp giá*” theo nhịp ba hồi chín chặp xong thì trở lui ra định vị tại bộ ván dành cho ban nhạc trong suốt thời gian lễ. Lễ sinh đặt đài hương lên hương án ngoại. Chánh niệm hương thực hiện các nghi thức bỏ trầm vào đài hương có sự phụ giúp của hai lễ sinh. Lễ sinh và đào thài dâng hương lên bàn thờ thần. Sau đó, cũng thực hiện nghi thức dâng hương tại bàn Tả ban, hữu ban liệt vị.

### **- Nghi tiết tuần rượu thứ nhất (Sơ hiến lễ):**

Dàn nhạc lễ đánh tiếng Thét rồi đổ trống. Lễ sinh bung đài rượu vào, các vị Chủ tế, Phó tế, Bồi tế tiếp lấy bầu rượu xá, rót rượu vào ba cái ly (chung) rồi đưa cho lễ sinh. Một đôi lễ sinh bung đèn và một đôi bung cặp đài đi trước, theo sau là Chánh tế, Phó tế, Bồi tế đến trước bàn hương án ngoại. Chánh tế rót đầy ba ly rượu trình khấn xong đưa cho lễ sinh, đi theo sau là đào thài tiến đến bàn thờ thần. Sau đó, lễ sinh rót rượu vào chung đến các bàn thờ khác (phân hiến). Các đào thài hát: “Tấn tước lễ dâng sơ hiến. Hiến tuần sơ là hiến tuần sơ”. Dàn nhạc lễ xây Bạc lớp Tư.

### **- Nghi tiết đọc văn tế:**

Văn tế thường được viết bằng chữ Hán trên giấy vàng hay hồng tuyền, kim tiên. Một số đình thì hiện nay viết

bằng chữ quốc ngữ. Nội dung phần đầu văn tế nêu thời gian, địa điểm, Ban Tế tự của đình làng khi tổ chức lễ cùng Kỳ yên. Tiếp theo nêu liệt kê các vị thần được mời đến chứng giám và những lời ca ngợi công đức và lời khẩn nguyện của dân làng đối với thần Thành hoàng bốn cảnh.

Các vị trong Ban Tế tự đứng vào vị trí. Chủ tế đến trước hương án ngoài. Lễ sinh đem văn tế vào. Chuẩn bị đọc văn tế mọi người đều quỳ xuống kính cẩn. Các loại nhạc khí tạm ngưng. Thầy lễ đọc văn tế theo thứ tự. Đặc biệt, khi nêu tên một vị thần thì ngưng để chấp sự viên khởi nhạc khí: ba tiếng của mõ, chiêng, trống. Khi văn tế đọc xong, thầy lễ đặt văn tế trên hương án ngoài. Nhạc khí cụ được gióng lên.

#### **- Nghi tiết tuần rượu thứ hai (Á hiến lễ):**

Thực hiện các nghi lễ tương tự nghi thức dâng tuần rượu thứ nhất. Lễ sinh bung đài rượu vào, các vị Chủ tế, Phó tế, Bồi tế tiếp lấy bầu rượu xá, rót rượu vào ba cái ly (chung) rồi đưa cho lễ sinh. Một đôi lễ sinh bung đèn và một đôi bung cặp đài đi trước, theo sau là Chánh tế, Phó tế, Bồi tế đến trước bàn hương án ngoài. Chánh tế rót đầy ba ly rượu trình khấn xong đưa cho lễ sinh, đi theo sau là đào thài tiến đến bàn thờ thần. Sau đó, lễ sanh rót rượu vào chung đến các bàn thờ khác (phân hiến). Các đào thài hát: “Á hiến lễ, lễ dâng trung hiến. Hiến tuần trung là hiến tuần trung”.

#### **- Nghi tiết tuần rượu thứ ba (Chung hiến lễ):**

Thực hiện các nghi lễ tương tự nghi thức dâng tuần rượu thứ nhất, thứ nhì. Lễ sinh bung đài rượu vào, các vị

Chủ tế, Phó tế, Bồi tế tiếp lấy bầu rượu xá, rót rượu vào ba cái ly (chung) rồi đưa cho lễ sinh. Một đôi lễ sinh bưng đèn và một đôi bưng cặp đài đi trước, theo sau là Chánh tế, Phó tế, Bồi tế đến trước bàn hương án ngoài. Chánh tế rót đầy ba ly rượu trình khấn xong đưa cho lễ sinh, đi theo sau là đào thái tiến đến bàn thờ thần. Sau đó, lễ sinh rót rượu vào chung đến các bàn thờ khác (phân hiến). Các đào thái hát: “Chung hiến lễ, lễ dâng chung hiến. Hiến tuần trung là hiến tuần trung”.

- **Nghi tiết hiến quả và bánh** (hiến quả phẩm và hiến bình):

Mục đích dâng hiến trái cây và bánh lên thần. Nghi tiết này thực hiện đơn giản. Lễ sinh xướng lên thì học trò lễ và đào thái theo nhạc dâng mâm trái cây, mâm bánh bàn thờ. Các đào thái vừa đi vừa quạt chứ không hát.

- **Nghi tiết tuần trà** (dâng trà):

Mục đích dâng trà cho thần. Nghi tiết thực hiện đơn giản. Lễ sinh xướng lên thì học trò lễ và đào thái theo nhạc dâng mâm trái cây, mâm trà bàn thờ.

- **Nghi tiết ẩm phước** (hưởng lộc của thần):

Các loại vật phẩm dâng lên cho thần qua các nghi tiết trước đều được trình lên bàn thờ. Như vậy, Thần đã hưởng và ban lại lộc này cho mọi người. Các vị Chánh tế, Phó tế, Bồi tế, Đông hiến, Tây hiến quỳ trước bàn hội đồng ngoài đại diện nhận lộc. Lễ sinh vào bàn thờ thần trước chánh điện tiếp lấy rượu, trà, vật phẩm tế đem ra bàn hội đồng

ngoại. Mỗi người nhận ly rượu uống, nhận phần thịt nâng lên ngang trán làm động tác hưởng lộc thân. Các đào thái hát: “Âm phước thọ tộ, chịu ân dư thân thánh. Mọi người đều khỏe mạnh dưới trên...”

**- Nghi tiết đốt văn tế (Hóa văn tế):**

Văn tế được trình, đặt trên bàn hương án ngoài được lễ sinh tiếp lấy, sắp xếp dọc chữ ra ngoài. Văn tế được đốt (có nơi đốt cùng giấy bạc lớn) do Chánh tế thực hiện. Mục đích xem như thần Thành hoàng đã nhận, đã biết và Ban tế tự đã làm xong phận sự trình khẩn khi ra mắt. Nghi đốt văn tế chấm dứt Nghi thức Túc yết trong lễ Kỳ yên.

*1.3.4. Nghi thức lễ Tỉnh sanh*

Có nơi còn gọi là Trình sanh: trình với Thần về con vật hiến tế còn sống, còn khỏe mạnh. Lễ thường bắt đầu vào lúc 0 giờ (giờ Tý). Con heo hiến tế còn sống, bị cột bốn chân, có nơi dán giấy đỏ trên trán heo, đặt trên chiếc ghế dài trước bàn thờ hương án ngoài, đầu quay vào trong.

Thành viên Ban Tế tự thực hiện nghiêm trang. Mỗi vị khi thực hiện các nghi tiết đều rửa tay, rửa mặt, chỉnh y trang phục gọn gàng. Lễ sinh xướng các phần việc theo thứ tự. Nghi tiết dâng hương do Chánh niệm hương đốt rồi giao cho Lễ sinh dâng lên bàn thờ thần và phân hiến ra các bàn thờ khác. Nghi tiết dâng rượu do Chánh tế thực hiện và Lễ sinh dâng lên. Sau đó, người đồ tể vào bái lạy cùng hai người phụ giúp. Con heo hiến tế được đưa vào. Chánh tế cầm ly rượu đổ vào miệng và rưới lên mình con heo trước



khi thọc tiết. Chánh tế cầm chén hứng lấy những giọt huyết đầu tiên và một ít lông cạo từ gáy heo bỏ chung vào chén. Lễ sinh dâng chén huyết, lông này lên bàn thờ (mao huyết). Sau khi thọc tiết, con heo được khiêng ra. Tiếp theo, Lễ sinh thực hiện nghi tiết dâng trà đặt trên hương án. Chánh tế cầm chén huyết và lông đem ra một địa điểm trong phạm vi sân đình lấy dao đào một lỗ đất, chôn huyết, lông này xuống (ế mao huyết). Địa điểm thường chôn là ở một góc cây hay dưới chân của tấm bình phong.

### 1.3.5. Nghi thức Lễ Đàn cả

Còn gọi là lễ Đàn cả (tụ họp đầy đủ). Đây là lễ chính trong lễ Kỳ yên. Theo lệ xưa, lễ Đàn cả thường bắt đầu vào lúc 0 giờ ngày thứ hai. Ngày nay, thời gian hành lễ tùy thuộc vào mỗi đình, thường là vào buổi sáng.

Các thành viên trong Ban Tế tự, chức việc đều thực hiện các thủ tục, nghi tiết như lễ Túc yết. Lễ Túc yết thì Nghênh thần thì lễ Đàn cả là Tế thần. Các nghi tiết trong lễ Đàn cả: dâng hương, dâng rượu (tuần nhất, tuần nhì, tuần ba), dâng trái cây và bánh, dâng trà, ẩm phước... Có nơi, nghi lễ đốt văn tế không thực hiện trong lễ Túc yết mà thực hiện trong lễ Đàn cả.

Khởi đầu lễ Đàn cả cũng khởi ba hồi mõ, chiêng, trống. Lễ sinh tuần tự xướng các phần việc trong các nghi tiết dâng tế. Có một số điểm khác sau:

Lễ Túc yết xướng “*Nghinh thần cúc cung bái*”, “*Lễ thành*” thì lễ Đàn cả xướng: “*Tạ thần cúc cung bái*”, “*Lễ Tất*”.

### *1.3.6. Nghi Lễ tế Tiên hiền và Hậu hiền*

Tùy thuộc vào từng đình mà thời gian tổ chức Nghi thức Lễ tế Tiên hiền, Hậu hiền khác nhau. Có nơi tế sau thực hiện sau khi nghi thức Đàn cả hoàn tất, có nơi để sang ngày thứ ba mới thực hiện.

Các thành viên trong Ban Tế tự được phân công đứng vào các vị trí quy định. Lễ sinh xướng các phần nghi tiết để từng thành viên theo tuần tự thực hiện. Tất cả những nghi tiết thực hiện trước hương án bàn thờ Tiên hiền, Hậu hiền. Trước tiên, vị Chánh niệm hương khấn nguyện và đưa hương cho lễ sinh dâng lên bàn thờ Tiên hiền, Hậu hiền. Tiếp theo, các vị Chánh tế, Phó tế, Bồi tế thực hiện dâng rượu lần nhất. Sau khi tuần rượu thứ nhất xong, người dân tham dự vào bái lạy Tiên hiền, Hậu hiền. Thực hiện nghi tiết dâng tuần rượu thứ hai, lúc này chỉ châm rượu thêm vào các chung trên bàn thờ. Lễ sinh bung chúc văn đến hương án và có thầy lễ cùng đi. Mọi người quỳ cung kính, thầy lễ đọc văn tế, bên cạnh, học trò lễ bung đèn quỳ. Khi đọc xong, thầy lễ trao chúc văn cho vị Chánh tế, vị Chánh tế trao lại cho Lễ sinh dâng lên hương án Tiên hiền, Hậu hiền. Nghi dâng rượu lần thứ ba. Chánh tế châm rượu thêm vào các chung rượu trên bàn thờ. Tiếp theo, học trò lễ thực hiện nghi tiết dâng trái cây, bánh trà lên bàn thờ Tiên hiền, Hậu hiền. Sau đó, học trò lễ mang văn tế từ hương án Tiên hiền, Hậu hiền xuống và hỏa kết (đốt cho cháy hết).

### *1.3.7. Nghi thức Lễ hồi sắc*

Sau khi lễ Kỳ yên kết thúc, Ban Tế tự thực hiện nghi thức lễ Hồi sắc: đưa sắc thần về nơi cất giữ. Nghi lễ Hồi

sắc tương tự như lễ Thỉnh sắc. Song cũng tùy thuộc vào từng đình mà có sự giản lược. Có đình không có nghi thức này vì sắc được giữ tại đình hoặc đình không có sắc phong. Có thể, khi hội sắc không có đoàn lân, đoàn rước cũng không đông như lúc thỉnh sắc. Tổ chức đoàn hội sắc trang nghiêm, các thành viên, bộ phận được phân công theo trang phục quy định trong Ban Tế tự thực hiện nghiêm chỉnh. Thứ tự đi trong đoàn như khi thực hiện thỉnh sắc. Sau khi khấn nguyện, khấn trình, sắc thần được đưa vào long đình đưa về nơi cất giữ. Đến nơi, phải làm lễ an vị với những nghi tiết dâng hương, dâng rượu, dâng trà, trình khấn và đặt hộp đựng sắc thần an vị chỗ cũ.

#### 1.3.8. Nghi thức đưa khách

Có nơi gọi là *Tổng ôn*, *tổng phong*, *tổng dịch*, *tổng quái*. Lễ đưa khách được thực hiện ngoài sân đình nhằm đưa tiễn các lực lượng linh ứng đã quy phục thần thành hoàng về dự lễ. Và người dân cũng cầu mong qua nghi thức này, các ôn dịch, bệnh tật, gió độc... được tống đi xa, không gây hại, làm ảnh hưởng đến cuộc sống của dân làng. Cũng tùy thuộc vào từng đình mà tổ chức quy mô lớn hay nhỏ, đầy đủ các nghi tiết hay giản lược nhiều phần. Có nơi tổ chức từ sân lễ ra bến nước phía trước đình. Có nơi phải trải qua một đoạn đường khá dài từ đình ra bến nước, bến sông nào đó trong phạm vi làng đã được chọn. Các lễ vật thường là gạo, muối, giấy tiền mã... Ngoài lễ vật của đình, những gia đình trong làng xóm cũng có thể đem góp những lễ vật chung trong lễ nghi này. Lễ sinh xướng các bước thực hiện.

Sau khi thực hiện các nghi tiết dâng hương, rượu, trà, thầy lễ đọc sớ rồi đốt đi. Tất cả lễ vật, đèn, nhang... được bỏ trên một chiếc bè hay một chiếc thuyền bồi bằng giấy. Trống được gióng lên theo thể ba dùi một. Học trò lễ và nhiều người tham dự cùng phụ thay đưa bè (hay thuyền giấy bồi) ra bến. Trên đoạn đường đưa chiếc bè hoặc (thuyền giấy bồi) đi được nhiều người rải thí muối, gạo. Bè (thuyền giấy bồi) được kéo ra xa cho dòng nước chảy đưa đi thật xa.

Lễ Kỳ yên là một lễ quan trọng, lễ lớn ở các đình trên địa bàn Biên Hòa. Thế nhưng, phụ thuộc vào đặc điểm của mỗi đình mà thời gian, quy mô, tổ chức lễ khác nhau. Một số nghi thức, nghi tiết trong lễ Kỳ yên cũng được giản lược. Theo lệ, mỗi lễ Kỳ yên có ba nghi thức chính: nghi thức Túc yết, nghi thức Đàn cả, nghi thức tế Tiên hiền, Hậu hiền. Nhưng cũng có trường hợp, lễ Kỳ yên đơn giản hóa trong một ngày, các nghi thức thực hiện đơn giản nhưng trang trọng. Nếu có Ban nhạc lễ thì tùy theo từng nghi tiết mà Ban nhạc lễ thực hiện các bài bản phù hợp.

## **2. Các nghi thức trong Đại lễ Kỳ yên**

Thông thường, đáo lệ 3 năm, thì đình làng tổ chức Đại lễ Kỳ yên. Đại lễ Kỳ yên thường được các đình làng với nguồn vật, lực lớn tổ chức. Trong Đại lễ Kỳ yên, các nghi thức cùng tế trong Lễ được tổ chức chu đáo, đảm bảo theo tuần tự. Đặc biệt, trong Đại lễ Kỳ yên có sự phối hợp giữa các nghi thức cúng tế và hình thức diễn xướng do các đoàn hát bội được mời đảm trách. Quan trọng trong hình thức diễn xướng phục vụ lễ Kỳ yên là lễ Xây châu – Đại bội và

Hát tuồng. Lễ này thường được tiến hành sau khi nghi thức Đàn cả hoàn tất. Đây được xem là phần hội của trong đại lễ Kỳ yên của đình.

Trong Đại lễ Kỳ yên, ngoài những nghi thức của một lễ Kỳ yên theo lệ của đình làng thì còn có các lễ Xây châu – Đại bội – Hát tuồng, châu văn. Trong các lễ này, có các nghi thức, nghi tiết thực hiện như sau:

### ***2.1. Nghi rước tổ Hát bội***

Tổ chức vào ngày đầu tiên của Đại lễ Kỳ yên. Đoàn hát bội đến đình theo thỏa thuận thời gian trước. Khi đến cổng đình thì đoàn dừng lại, khởi trống để báo châu, thượng hương, thắp đèn trên ngai Tổ hát đem theo. Đại diện của đình (có lính hầu cầm lô bộ và ban nhạc lễ đi cùng) đem khay đựng trầu, rượu, nhang, đèn, tiền lễ ra chào mời. Đoàn hát tiếp lấy và thỉnh đưa ngai Tổ vào an vị trong hậu trường nhà Võ của đình. Tiếp đó, đoàn mới di chuyển đồ nghề vào, thực hiện việc trang trí sân khấu cho các buổi diễn.

### ***2.2. Nghi thức lễ Xây châu***

Lễ Xây châu (còn gọi là lễ Khai tràng). Xây châu là nghi thức đánh trống nhằm biểu trưng cho việc khai mở, khai thông thế giới thể theo nguyên lý âm dương trong dịch lý của Đạo giáo theo quan niệm: Thiên – địa – nhân (thuận đạo trời, an đạo đất, hòa đạo người). Theo nhà nghiên cứu Huỳnh Ngọc Trảng: “*Về cách thức cử hành lễ Xây châu có thể chia làm ba loại: xây châu văn, xây châu võ, xây châu bán văn bán võ... Xây châu văn là các câu chú được đọc*

*thâm trong miệng, Xây châu bán văn bán võ là các câu chú được đọc lớn, oai nghi, đông dạc, Xây châu võ vì các cử chỉ, cách ăn mặc, lối đọc câu chú được biểu lộ một cách dũng mãnh như một võ sĩ... Cử hành lễ Xây châu theo hình thức nào cũng có ý nghĩa là cầu an, cầu quốc thái dân an”<sup>37</sup>.*

Trống trong lễ Xây châu là loại trống lớn. Giữa mặt da trống vẽ vòng Thái cực. Nơi đặt trống được chọn kỹ càng theo hướng đại lợi, không được dịch chuyển trong thời gian Xây châu với quan niệm đem lại nhiều may mắn, phát đạt cho dân làng. Tiêu chuẩn chọn người Xây châu thường ở độ tuổi trung niên trở lên (trên 45 tuổi), phải thực hiện kiêng cử trong sinh hoạt trước lễ hội để giữ tâm tịnh, có sức khỏe.

Lễ Xây châu thực hiện trước bàn thờ hội đồng ngoại. Các thành viên Ban Tế tự thực hiện tuần tự các nghi tiết theo lễ sinh xướng. Các nghi tiết nguyền hương, dâng hương, dâng rượu (ba lần) và dâng trái cây, bánh, trà được thực hiện. Tiếp theo, vị Chấp sự thực hiện các công đoạn: khấn thỉnh nguyền, xếp khăn đỏ phủ mặt trống, lau mặt trống, quấn buộc khăn vào tay cầm dùi. Tuần tự, vị Chấp sự với tư thế đứng, tay cầm dùi viết khơi chữ (biểu thị cách viết các chữ phù hợp liên quan trong quan niệm đánh trống châu khai mở) và điểm trống. Nghi thức đánh trống chia làm ba giai đoạn.

---

<sup>37</sup> Viện nghiên cứu Văn hóa – nghệ thuật Việt Nam, Phân viện tại TP. HCM, *Sổ tay hành hương đất phương Nam*, NXB Tp. HCM, 2002.

+ Giai đoạn thứ nhất gọi là đệ nhất cấp. Đánh ba lần trên 3 điểm ở mặt trống. Mỗi lần 3 tiếng nhẹ, vừa đánh vừa đọc lời nguyện theo thứ tự. Lời nguyện có khác nhau nhưng tựu chung cầu điều an, thịnh vượng cho làng xã, đất nước, cho mọi người như sau:

- Đánh trống lần thứ nhất (nhất kích cổ): *Nhất đả cổ thiên hạ thái bình* hoặc *Sơn hà xã tắc thiên hạ thái bình...*

- Đánh trống lần thứ hai (nhị kích cổ): *Nhị đả cổ xã tắc khương ninh* hoặc *Phong hòa vũ thuận. Bá tánh an cư lạc nghiệp...*

- Đánh trống lần thứ ba (tam kích cổ): *Tam đả cổ lê dân hoan lạc, bá gia thọ phúc* hoặc *Lê thứ thái bình...*

+ Giai đoạn thứ hai gọi là đệ nhị cấp. Đánh ba hồi trống ở vòng thái cực giữa mặt trống. Tiếp theo mỗi lần đánh nhẹ và xướng như sau:

- Đánh trống lần thứ nhất (nhất điểm cổ): *Nhất điểm lô oanh Thiên thần cảm ứng* hoặc *Trừ Càn Khảm (trừ sự bại, sự hư).*

- Đánh trống lần thứ hai (nhị điểm cổ): *Nhị điểm động địa Vạn thánh giáng linh* hoặc *Lập Trung Chấn Cấn (cổ lập sự khốc lóc, sự chết, quý).*

- Đánh trống lần thứ ba (tam điểm cổ): *Tam điểm bốn thôn Phú thọ khương ninh* hoặc *Tôn Ly Khôn Đoài (Cầu xin phú, lộc, phúc, đức).*

+ Giai đoạn thứ hai gọi là Tam đả cổ. Đánh một hồi trống ở vòng thái cực giữa mặt trống. Tiếp theo, Cháp sự

đánh ba hồi trống, đánh mạnh. Mỗi hồi trống theo thứ tự vừa đánh vừa hô: *Nhất đả cổ linh thân lai giáng hạ* (hồi thứ nhất), *Nhị đả cổ bốn thôn, hương chức, binh đình tân cựu khương ninh* (hồi thứ hai), *Tam đả cổ bá tánh bình an vô sự* (hồi thứ ba). Ban đầu nhịp trống thưa nhưng càng về sau càng nhật hơn với quan niệm “*tiền bản hậu phú*”, có mục đích, ý nghĩa cầu cho dân làng ngày càng thịnh vượng.

Trống châu khai tràng, dàn trống chiến đáp lại theo thể thức. Trống châu được khiêng đặt dưới sân khấu. Lễ Xây châu thực hiện các nghi thức để *Khai thông thái cực* để tiếp tục tiến hành lễ Đại bội.

### **2.3. Nghi thức lễ Đại bội**

Lễ Xây châu kết thúc, ban nhạc lễ trỗi điệu *song hi* còn gọi là *rước châu*. Tiếp theo, các đào kép đoàn hát bội ra sân khấu tùy theo vai để thực hiện cảnh diễn về quá trình hình thành vũ trụ và phát triển của vạn vật theo quan niệm dịch lý của Đạo giáo. Những màn diễn của các đào kép vừa có tính sân khấu hóa đồng thời cũng mang tính nghi lễ, phản ánh ý nghĩa của mục đích cầu an, cầu lành. Một chương trình lễ Đại bội gồm các tiết mục tuần tự sau:

#### **- Khai thiên tịch địa:**

Có ý nghĩa là khai mở trời, đất. Theo truyền thuyết, ông Bàn Cổ xuất hiện lúc âm dương chưa định, vạn vật chưa sinh. Một người vào vai ông Bàn Cổ được hóa trang với bộ dạng cổ quái, mặt rần như chim, râu đen, áo ngạch dơi. Màn diễn chỉ có múa mà không có hát. Ông Bàn Cổ tay



cầm bó nhang đã đốt khói nghi ngút múa những động tác mạnh ra bốn hướng. Múa xong dâng bó hương cho hương chức mang lên cúng thần. Màn múa này tượng trưng cho thái cực đang vận hành.

**- Xang nhật nguyệt:**

Màn diễn này tượng trưng cho âm dương (Thái cực vận hành sinh ra âm dương). Âm dương giao hòa thì nảy sinh vạn vật. Có hai diễn viên hóa trang tượng trưng một cho khí dương – mặt trời (Thái Dương thiên tử/nam đóng vai) và một cho khí âm – mặt trăng (Thái Âm hoàng hậu/nữ đóng vai). Vai Thái Dương thiên tử đầu đội mũo gắn lông chim trĩ, mặt đỏ, vận long bào, quần giáp, mang hia, tay cầm đĩa (hoặc chén) tròn bọc vải đỏ. Vai Thái Âm hoàng hậu đầu giắt trâm, mặt trắng, vận áo cổ lá sen, chân đi vớ trắng, tay cầm đĩa (hoặc chén) tròn bọc vải trắng. Hai vai nam nữ cùng múa, thường quay mặt vào nhau, thỉnh thoảng cho hai đĩa (hoặc chén) chạm úp vào nhau biểu hiện sự giao hòa, tương sinh tương khắc giữa âm - dương.

**- Tam tài (Thiên – Địa - Nhân):**

Còn gọi là Tam đa (*đa phúc, đa lộc, đa thọ*), hay Tam tinh (*ba ngôi sao Phúc, Lộc, Thọ*) Ba người vào vai ông Phúc – Lộc – Thọ<sup>38</sup>.

---

<sup>38</sup> Có ý kiến cho rằng: ông Phúc là hình tượng ông Đậu Yên Sơn đời Tống (Trung Hoa), là người cha có 5 người con đỗ Tiến sĩ vinh quy cùng ngày (có Phúc). Ông Lộc là hình tượng ông Quách Tử Nghi đời Đường (Trung Hoa), là đại thần cực phẩm mà vua cũng phải kiêng nể (có Lộc). Ông Thọ là hình tượng ông Đông Phương Sóc đời Hán (Trung Hoa), được xem đã ăn được đào tiên (sống thọ).

Vai ông Phúc được hóa trang ông già đầu đội mũ đằng cân, mặt trắng, râu có năm chòm dài, mặc áo viên bào, xiêm trường, quần giáp, chân đi hài, tay cầm quạt, tay bông đưa trẻ.

Vai ông Lộc được hóa trang ông già đầu đội mũ bình thiên, mặt trắng, râu năm chòm đen, mặc áo bào, xiêm trường, quần giáp, chân đi hia, tay cầm bình hoa, tay cầm quạt.

Vai ông Thọ được hóa trang ông già đầu bịt khăn đỏ, tóc và lông mày đầu bạc, râu trắng năm chòm, da đồi mồi, mặc áo tiên tay rộng, xiêm quần đỏ, tay cầm quạt, tay cầm bầu rượu.

Ba vai này cùng hàng ngang, không múa, lần lượt xướng, nói lồi, hát khách với những câu có nội dung cho mọi người đều có: *Phúc - Lộc - Thọ*.

#### **- Tứ Thiên vương:**

Tượng trưng cho Tứ tượng: Thái dương, Thái âm, Thiếu dương, Thiếu âm. Bốn người nam vào vai Tứ vị Thiên vương được hóa trang đầu đội mũ kim khôi, mặt hoa da phấn, mặc giáp thắt lưng đỏ, lưng đeo cờ lệnh, chân đi hia. Tứ vị thiên vương<sup>39</sup> từng người múa đơn rồi sau cùng múa chung, trước chậm sau nhanh, lúc tan, lúc hợp, tạo hình rất độc đáo. Sau đó cùng chung xô, giương 4 cuốn thư là các câu liên có nội dung: “*Thánh thọ vô cương. Thọ tử*

---

<sup>39</sup> Có một số ý kiến cho rằng: Tứ vị Thiên vương là bốn vị thần có nguồn gốc từ Ba la môn giáo. Cũng có ý kiến nêu tên cụ thể của các vị thiên vương mà trên tay họ cầm những thú linh, linh vật khác nhau.

*lam san. Quốc thái dân an. Phong điều vũ thuận*". Kết thúc màn diễn múa khi Tứ thiên vương dâng lễ.

**- Đứng Cái:**

Tượng trưng cho ngũ hành (kim, mộc, thủy, hỏa, thổ). Năm người vào vai diễn với sự phân công: Cái (tượng trưng cho hành Thổ) do một người nam đảm vai đứng giữa. Con (tượng trưng cho các hành Mộc, Hỏa, Kim, Thủy) do bốn người nữ đảm vai đứng bốn bên. Vai người đứng Cái (tên Mã Viên), được hóa trang đầu đội mũ Cửu long, mặc rằn, vận hoàng bào, tay cầm quạt. Bốn con cùng họ Mã nhưng có tên theo Tứ thời (Xuân, Hạ, Thu, Đông) hay Tứ hữu (Mai, Lan, Cúc, Trúc). Bốn con được hóa trang đầu cài trâm, mặt hoa, da phấn, chân đi vớ, tay cầm quạt, áo ứng với hành Mộc, Hỏa, Kim, Thủy. Cụ thể:

+ Mã Xuân Mai mặc áo xanh, tượng trưng cho mùa Xuân, ứng với hành Mộc.

+ Mã Hạ Lan mặc áo đỏ, tượng trưng cho mùa Hạ, ứng với hành Hỏa.

+ Mã Thu Cúc mặc áo trắng, tượng trưng cho mùa Thu, ứng với hành Kim.

+ Mã Đông Trúc mặc áo tím, tượng trưng cho mùa Đông, ứng với hành Thủy.

Cái và bốn Con xếp hàng hát những bài có nội dung chúc tụng, cầu mong quốc thái, dân an, an khang, thịnh vượng. Sau khi hát xong thì bái thần theo thứ tự Con trước, Cái sau.

### **- Bát tiên hiến thọ:**

Tượng trưng cho Bát Quái. Tám người vào vai tám vị tiên chúc thọ với những hóa trang theo đặc điểm riêng. Mỗi vị tiên cầm những “bảo vật” tượng trưng cho những thức ăn, của quý giúp con người trường sinh. Các vai tám vị tiên hát các bài theo điệu lối, khách và dâng phẩm vật.

### **- Gia quan tấn tước:**

Là lễ phụ có màn diễn mang tính hài hước. Một người đóng vai Linh quan (thường dưới hình dạng ông Địa, vui tính), được hóa trang đầu đội mũ cánh chuồn, đeo mặt nạ ông Địa, mặc cẩm bào, cầm quạt múa vui sau đó múa bút viết 1 câu liên có nội dung “*Gia quan Tấn tước*” (thăng quan tiến chức) giao cho Ban Tế tự đặt ở bàn thờ Hội đồng ngoại.

## ***2.4. Nghi thức lễ Tôn vương***

Sau nghi thức của lễ Đại bội với các màn diễn là hát tuồng. Hát tuồng với những vở có nội dung diễn tích xưa, thể hiện phần chính nghĩa thắng phi nghĩa, chân đạo thắng tà đạo, lòng trung thành, chân thật thắng sự hiểm ác, xu nịnh. Tích tuồng San Hậu và một số tích tuồng khác được các đoàn hát chọn diễn. Thông thường đến tuồng thứ ba thì thực hiện lễ Tôn vương (có nơi chỉ Tôn soái – nhân vật chính được phong tướng). Các nghi tiết trong diễn tuồng có sự kết hợp với một số thành viên trong Ban Tế tự thực hiện những nghi lễ tôn, dâng. Như vậy, cho thấy hát tuồng là vừa thực hiện nghi lễ cúng, dâng thần đồng thời phục vụ cho người dân tham dự lễ hội thưởng thức.

Những vai diễn trong tuồng được hóa trang sao cho làm nổi bật được nhân vật phù hợp với địa vị, tính cách, hành động liên quan trong câu chuyện. Tùy theo cách diễn của từng đoàn mà có những cảnh tương xứng, phù hợp theo cách diễn nhưng phải làm rõ được cảnh Tôn vương với những nghi thức trang trọng. Đây là một đoạn mô tả khá chi tiết về cảnh Tôn vương trong tuồng San Hậu: “*Khi tuồng hát đến đoạn trao Quốc ấn cho Hoàng tử thì ngưng hát, tất cả diễn viên vào hậu trường thay đổi xiêm y mới, đẹp. Một vị cầm lòng đứng trước sân khấu che ấn kiếm đang được hoàng tử bung trên khay bước đến bàn thờ thần, bá quan cùng đi theo, đến gần nghi thờ thần, Hoàng tử trao khay ấn kiếm cho Chánh bái, Bồi bái đứng đằng sau cầm hai cây hồng lạp*”. Một diễn viên (thường là người đạo diễn của gánh hát) hô: ‘Phản tiền vi hậu’, tất cả diễn viên quay mặt hướng xuống sân khấu, hai ông Chánh bái, Bồi bái đi giạt lùi tiến đến bàn thờ thần, đặt khay ấn kiếm lên nghi thờ. Điều này có ý nghĩa không muốn cho ai thấy phút giây trịnh trọng nhất của sự dâng kiếm này. Khi đã đặt ấn kiếm lên nghi thờ xong xuôi, đạo diễn lại hô ‘Phản hậu vi tiền’ thì lúc này tất cả mọi người mới quay mặt lại nghi thờ thần, ý nghĩa là chiêm bái vua. Đồng bào xem hát đứng nghiêm nhìn lên bàn thờ thần, các quan đồng hát đặc ngữ tung hô: ‘Tôn vương tức vị; Nói dối tiên hoàng; Chúc Thọ tử Nam san; Phước như Đông Hải; Vạn tuế, vạn tuế, vạn vạn tuế’. Tung hô xong hoàng tử lạy bốn lạy, các diễn viên lạy năm lạy xong quay ra sân khấu tiếp tục hát tiếp lễ tức vị (hoàng tử lên ngôi và bá quan văn võ tôn vương)”<sup>40</sup>.

---

<sup>40</sup> Nguyễn Văn Quyết (chủ biên), Phạm Lan Hương, Lâm Nhân, *Nhạc lễ Nam Bộ. Nghi thức và nhạc lễ trong cúng đình và tang ma của người Việt ở Đồng Nai*, NXB Tổng hợp Đồng Nai, 2005.

## 2.5. Nghi thức Hồi châu

Mục đích của lễ là trình cáo với Thần việc hát châu đã kết thúc. Trống châu được khiêng ra sân khấu. Lễ sinh và vị Chấp sự thỉnh roi châu (là chấp sự thực hiện phần Xây châu) đi ra làm lễ. Lễ sinh xướng “Chấp sự viên hồi cổ”. Chấp sự viên khấn nguyện, hô lớn: “Tẩy trừ tiền nguyện. Thấu đến Thiên hoàng. Hát xướng đã yên. Phong Điều vũ thuận. Quốc Thái dân an”. Tiếp theo, Chấp sự đánh hai hồi trống châu: hồi thứ nhất 12 tiếng trống lớn, hồi thứ hai tiếng trống trước lớn sau nhỏ dần. Đánh trống xong, Chấp sự thực hiện các nghi tiết vái bàn thờ thần và vát roi châu lên sân khấu. Đào kép gánh hát bội nhật lấy, sau đó chuyển cho dân làng (thể hiện hình thức chuộc lại với giá tiền tượng trưng hoặc đồng thuận trước).

Trong Đại lễ Kỳ yên, ngoài nghi thức tế thần (trong lễ Kỳ yên) và Xây châu, Đại bội, Tôn vương, Hồi châu được tuân tự thực hiện theo lệ. Nhưng cũng tùy thuộc vào nguồn vật lực của từng địa phương mà các đình ở Biên Hòa có giản lược một số nghi tiết. Nhưng các nghi thức chính được đảm bảo. Đại lễ Kỳ yên thể hiện phần hội khá sinh động với những nghi thức có hát diễn tích tuồng như đã nêu ở trên. Người dân tham dự lễ được vái kiến thần, khấn nguyện cầu mong những điều tốt đẹp cho bản thân, gia đình, gia tộc, dòng tộc... Trong quá trình dự lễ, người dân được ăn uống trong các bữa tiệc do Ban tổ chức lễ đãi với quan niệm cho mọi người được thụ hưởng lộc của thần ban cho.

## IV. LOẠI HÌNH MIẾU VÀ LỄ HỘI

### 1. Tổng quan về loại hình miếu

Miếu là một loại hình cơ sở tín ngưỡng dân gian của người Việt ở Biên Hòa có từ rất sớm. Có lẽ, ngay từ khi đến vùng Biên Hòa – Đồng Nai, các lớp di dân bên cạnh công việc khai khẩn, mưu cầu một cuộc sống mới nơi vùng đất lạ đã từng bước lập những ngôi miếu nhỏ để đáp ứng nhu cầu tâm linh. Ban đầu, những ngôi miếu lập theo từng cụm dân cư hay theo làng với quy mô nhỏ. Vật dụng là những loại cây cối, lá cây, gỗ ván được khai thác ở địa phương.

Qua khảo sát trên địa bàn Biên Hòa, cho thấy có có hai loại miếu thờ. Một dạng miếu thờ gắn liền trong phạm vi của đình làng. Một dạng miếu thờ độc lập gắn với những vườn nhà, xóm ấp, khu dân cư. Những địa điểm lập miếu cũng khá đa dạng: có miếu được lập bên một cây cổ thụ lớn, có nơi lập bên bờ sông hay trong vùng gò đất cao. Đối tượng thờ cúng ở miếu cũng khá đa dạng với tập hợp nhiều thần hiệu chính danh nhưng cũng có những thần hiệu có tính chất ý niệm chung. Tên miếu cũng thể hiện sự đa dạng trong cách gọi dân gian như:

- Tên miếu gắn với đối tượng thờ: một cách chung chung nhất gọi là Miếu Bà, Miếu Ông. Như vậy, qua cách gọi chung thì biết được đối tượng thờ là thần linh mang tính nam hay thần linh mang tính nữ. Bên cạnh đó, có một số miếu gắn liền với tên gọi cụ thể đối tượng thờ như: miếu Ngũ Hành hay Ngũ Hành nương nương (ở nhiều địa bàn) hay miếu Thổ Thần (phường Hòa Bình và trong các đình),

miếu Ông Cọp (phường Long Bình), miếu Thần Hồ (đình Bình Trước, phường Thống Nhất), miếu Bà Thánh (phường Bửu Long), miếu Chúa Xứ trong đình Bình Thiên (phường Quang Vinh) và ở đình Tân Lại (phường Bửu Long).

- Tên miếu gắn với đôi tượng thờ và địa danh làng, ấp như: miếu Bà Bàu Hang (phường Tân Phong), miếu Bà Tân Hiệp (phường Tân Tiến), miếu Đắc Phước (tên làng Đắc Phước xưa thuộc phường Tân Vạn).

- Tên miếu gắn với đặc điểm tiêu biểu nơi miếu hiện tồn: miếu với tên gọi loài cây cối tại chỗ. Ví dụ như: miếu Bà Cây Cám (phường Tân Mai) - chắc chắn nơi cơ sở miếu này có loại cây Cám to lớn hoặc miếu Cây Quăn thờ Bà Thiên Hậu (phường Bửu Long) – nơi đây có loại cây Quăn mọc bên bờ sông cạnh miếu. Còn có các miếu khác như miếu Cây Thị, miếu Cây Chôm (phường Trung Dũng),

### *1.1. Kiến trúc và bài trí*

Ban đầu miếu thường được xây dựng với quy mô nhỏ, thấp. Tùy từng cụm dân cư, làng xã với yêu cầu chung mà xây dựng, mở mang, tôn tạo, trùng tu qua nhiều thời kỳ. Tuy vậy, so với đình, miếu có kiến trúc khá đơn giản. Vật liệu được xây dựng hiện tồn của đa phần miếu thờ ở Biên Hòa bằng những vật liệu kiên cố xi-măng, gạch.

Kiến trúc miếu ở dạng hình vuông hoặc chữ nhật. Bộ khung kiến trúc thường được làm bằng các loại cây gỗ, mái lợp ngói (hoặc tôn), tường gạch, xi-măng, nền lót gạch. Các miếu thường có một cửa chính ra vào bằng gỗ. Bên cạnh



đó, có một số miếu với tường bao, phần để cửa trống. Hai bên cửa, tùy theo đối tượng thờ trong miếu mà có những câu đối, thường bằng chữ Hán.

Việc bài trí trong miếu thờ cũng khá đơn giản. Thông thường, có một bàn thờ gắn liền với vách tường sau. Những ngôi miếu có diện tích rộng thì có bàn thờ với vách riêng, phía sau vách tường này là phần để trống được dùng lưu giữ những đồ vật dùng trong lễ miếu. Một số bàn thờ của các miếu có phần âm để chứa những vật dụng khác. Trên bàn thờ các miếu, tùy theo đối tượng thờ mà người dân địa phương bài trí bát nhang, lư hương hoặc tranh, ảnh, tượng. Thần hiệu của đối tượng thờ được viết bằng chữ Hán trên giấy đỏ dán trên vách hoặc trên trang gỗ hay linh vị. Cũng có nơi, thần hiệu được tạo chữ trên khung xi-măng. Có thể nói, bàn thờ chính của miếu thờ ở Biên Hòa được bài trí đơn giản.

Trong bài trí thờ, một số miếu có tượng thờ. Đối tượng thờ Ông ở một số miếu như miếu Cổ Thạch (đình Tân Lâm, phường Hòa Bình), miếu Ông Đá (phường Bửu Long), miếu Đắc Phước (phường Tân Vạn) thì có tảng đá được phủ vải đỏ. Đối tượng thờ là Bà (Nữ) thì một số miếu có tượng thờ. Phần lớn là tượng thạch cao. Một số tượng được thỉnh rước từ nơi khác về thờ. Miếu thờ bà Chúa Xứ thì một tượng, miếu thờ Ngũ Hành thì tùy thuộc từng miếu. Có miếu thờ một tượng nhưng cũng có miếu bài trí năm tượng Bà với sắc diện trang phục khác nhau ứng với từng đặc điểm thân vị mỗi Bà.

## 1.2. Đối tượng thờ cúng

Đối tượng thờ ở các miếu Biên Hòa khá đa dạng. Ngoài những đối tượng thờ cúng chính với tên gọi, thần hiệu cụ thể, có thể nói, có sự tích hợp đa dạng trong đối tượng thờ cúng ở nhiều miếu trên địa bàn Biên Hòa. Điều này phản ánh tính dung hợp tín ngưỡng dân gian, chịu sự tác động, ảnh hưởng các tôn giáo khác mà Phật giáo thể hiện khá rõ nét. Qua đối tượng thờ cúng đa dạng với sự dung hợp này, có thể nói, miếu thờ ở Biên Hòa cũng phản ánh tính hòa đồng, dung dị trong tín niệm thờ cúng của người Việt ở Biên Hòa nói chung hay từng địa điểm dân cư nói riêng. Miếu – có thể thờ thần làng hoặc cũng có thể thờ các thần linh khác mà người dân tin đó là những vị thần linh có quyền năng, linh ứng và có thể giúp cho những điều cần thiết, mong ước trong cuộc sống cá nhân hay cộng đồng. Vì vậy, trên bàn thờ các miếu thờ ngày càng “được bổ sung” một cách cởi mở những đối tượng thờ cúng do người dân có thành tâm, lòng kính ở địa phương thực hiện. Đối tượng thờ có thể bổ sung như tượng Phật, tranh Phật, tranh Thần, tượng ông Phúc, Lộc, Thọ...

Riêng về đối tượng là Bà, ở Biên Hòa nói riêng hay Đồng Nai nói rộng hơn cũng như cả Nam Bộ, tục thờ Bà khá đa dạng với nhiều đối tượng mà cách gọi phổ biến là Thờ Bà chứ không gọi là đạo Mẫu như ở Bắc Bộ. Dẫu rằng, trong các thần hiệu được tôn xưng, bài vị có nhắc đến Thánh Mẫu... Tục thờ này gắn liền với những lưu dân Việt, Hoa trong quá trình đến mở đất, khai khẩn và cả sự tích

hợp trong quá trình cộng cư. Có nhiều vị nữ thần được thờ có gốc tích từ “quê gốc” của nguồn di dân Việt (Bắc Bộ, Trung Bộ), nhập cư của người Hoa<sup>41</sup> (Trung Quốc) hoặc sự dung hợp trong tín niệm với các nữ thần của dân tộc Chăm<sup>42</sup> trên bước đường Nam tiến... để rồi “dung hợp hóa”, trở thành một tín niệm, sinh hoạt tín ngưỡng phù hợp và đáp ứng nhu cầu thực tế của cộng đồng cư dân mang tính chất của địa phương.

Qua khảo sát, cho thấy các miếu ở Biên Hòa thờ các đối tượng sau đây:

**- Thổ thần:**

Hiếu nôm na là thần Đất, cách gọi dân gian là Thổ Địa/ hay Thổ Công với quan niệm có từ xa xưa của người Việt: “Đất có Thổ Công, sông có Hà Bá”. Trong quá trình di dân khai khẩn vùng đất Biên Hòa, có thể nói Thổ Thần là vị thần linh mà người Việt cúng thờ và dựng miếu thờ khá sớm. Trong tập tục của người Việt (hiện vẫn còn duy trì đến bây giờ), thường khi làm một điều gì trên cuộc đất, người Việt hay cúng một chung rượu với hình thức đồ xuống đất để trình báo với thần Đất tại chỗ.

Về Thổ thần, có nhiều ý kiến lý giải. Một lý giải cho rằng: “*do ảnh hưởng của văn hóa Trung Quốc lâu đời cho*

---

<sup>41</sup> Nhóm người Hoa do Trần Thượng Xuyên dẫn đầu được Chúa Nguyễn cho vào khai phá, sinh sống ở Bàn Lân (tức Biên Hòa ngày nay).

<sup>42</sup> Có ý kiến cho rằng, những nữ thần, đặc biệt là bà Chúa Xứ có sự dung hợp trong gốc tích Nữ thần của người Chăm (Chăm-pa) mà cụ thể là Bà Thiên Y ANa – Mẹ Xứ Sở.

nên về mặt thần đất trong dân gian nhiều nơi đã hình thành nên một vị năm ông hoặc năm ông một vị”<sup>43</sup>. Cách lý giải này cho thấy Thổ thần là một thân vị nhưng có 5 ông có tên gọi cụ thể là: Thổ Địa, Thổ Công, Thổ Chủ, Thổ Kỳ. Một số cách lý giải khác cho rằng Thổ Thần là một trong 5 vị thần (Ngũ Thổ Long Thần) và có tên gọi như trên. Ngũ Thổ Long Thần là 5 vị thần Long Mạch tức thần Đất Đai theo quan niệm phong thủy<sup>44</sup>. Năm vị thần này được định danh với chức năng như sau:

+ Thổ Công: Thần cai quản khu vực nền nhà, nền miếu, nền đình.

+ Thổ Địa: Thần cai quản khu vực cửa cái của nhà, miếu hay đình với chức năng tiếp dẫn.

+ Thổ Thần (hay Thổ Chủ): Thần cai quản vườn tược, khu gia cư.

+ Thổ Phủ: cai quản khu vực chợ búa.

+ Thổ Kỳ: Thần cai quản toàn cõi đất.

Có nhiều giải thích về Thổ thần nhưng suy cho cùng, trong tín niệm dân gian, người dân lập miếu với chủ đích thờ Thần Đất nơi mình cư ngụ hay nơi mình khai khẩn, lập đình, lập miếu.

---

<sup>43</sup> Diệp Đình Hoa, Phan Đình Dũng (Bảo tàng Đồng Nai), *Làng Bến Cá xưa & nay*, NXB Đồng Nai, 1998.

<sup>44</sup> Võ Thành Bằng (Viện Nghiên cứu xã hội Tp. HCM), *Tín ngưỡng dân gian ở thành phố Hồ Chí Minh*, NXB Đại học Quốc gia Tp. HCM, 2008.

Các đình ở Biên Hòa, đa phần đều có miếu Thổ thần phía trước sân đình. Miếu thường nhỏ, đặt đối diện với miếu Ngũ Hành. Trong miếu, có bài vị với danh xưng Thổ thần. Trên bàn thờ có nhiều tượng ông Địa và bát nhang. Khi thực hiện cúng tế trong các dịp, miếu Thổ thần đều được thắp nhang. Trước miếu, hai bên cửa thường có những câu chữ Hán. Một câu chữ Hán ở đình Bình Tự xã Hiệp Hòa (vùng Cù lao Phố) có nội dung ca ngợi và mong muốn vị thần cai quản đất đai bình an, cuộc đất phát triển thì nhà nhà trong ấp, thôn, xã đều được an bình, hưởng được niềm vui như sau: *“Thổ vương hương thôn giai cộng lạc/ Thần an bốn xã đắc bình an”* – dịch nghĩa: *Đất vương tất cả làng thôn đều hưởng được niềm vui. Thần bình an thì xã cũng được bình an.*

#### **- Ngũ Hành nương nương:**

Ngũ Hành nương nương (Ngũ Hành thánh mẫu (nữ), Thánh phi, Tiên nương... hay cách gọi dân gian là 5 Bà) là đối tượng thờ khá phổ biến trong các miếu ở Biên Hòa – kể cả các miếu trong khuôn viên của đình làng. Nếu miếu Ngũ Hành được dựng trong đình thì vị trí thường trước sân đình, đối diện với miếu Thổ thần.

Ngũ Hành là biểu tượng cho 5 yếu tố cơ bản tạo nên vũ trụ; gồm: Kim (chất kim loại), Mộc (cây gỗ), Thủy (chất nước), Hỏa (chất lửa), Thổ (chất Đất). Theo Dịch lý, sự vận hành của các chất cơ bản này đã sản sinh ra vạn vật. Tính chất sinh sản là biểu tượng của nữ giới - nên dân gian tín niệm là các nữ thần: Ngũ hành nương nương hay Năm Bà Ngũ Hành. Và các vị thần này liên quan đến tất cả các nghề nghiệp mà con người làm để sinh sống.

Trong miếu thờ, thường có bài vị hay tranh với thần hiệu Ngũ Hành nương nương (thánh/mẫu). Hoặc có bài trí 5 pho tượng, thường thể hiện tư thế ngồi. Tượng được vận những trang phục vải áo choàng phủ từ cổ trở xuống, theo kim tuyến, đầu đội mào. Với những đặc điểm riêng của chất tượng trưng và hướng định vị, nên tượng Bà Thổ luôn được đặt ở vị trí trung tâm.

Các vị này có những đặc điểm riêng:

+ Kim Đức Thánh Phi (Bà Kim) thường mặc áo màu trắng, tượng trưng cho kim loại, hướng Tây.

+ Mộc Đức Thánh Phi (Bà Mộc) thường mặc áo màu xanh, tượng trưng cho cây gỗ, hướng Đông.

+ Thủy Đức Thánh Phi (Bà Thủy) thường mặc áo màu đen hoặc tím, tượng trưng cho nước, hướng Bắc.

+ Hỏa Đức Thánh Phi (Bà Hỏa) thường mặc áo màu đỏ, tượng trưng cho lửa, hướng Nam.

+ Thổ Đức Thánh Phi (Bà Thổ) thường mặc áo màu vàng, tượng trưng cho đất, tọa vị ở giữa.

Miếu thờ Ngũ Hành nương nương thường thấy nội dung câu đối hai bên cửa như sau:

*Vạn cổ đào hoa chiêu thánh nữ*

*Thiên thu xuân sắc tập thân tiên*

(Nghĩa: *Muôn thuở hoa đào nghênh thánh nữ. Ngàn thu xuân sắc đón thân tiên*).

Miếu ở Long Quới xã Hiệp Hòa:

*Ngũ chú phổ quang an thế giới*

*Hành ân chói sáng đạt tam giang.*

(Nghĩa: Năm cõi đều sáng soi sự an bình cho thế giới. Ân tứ phước hạnh lưu hành khắp ba sông/ba sông: ý nói một vùng rộng lớn).

Nội dung ca ngợi ân phước hạnh, hiển linh, sự kính trọng của thế giới với đôi tượng thờ là Ngũ Hành nương nương. Qua chữ đầu của hai câu đối (Ngũ.../Hành...) ghép lại cũng phản ánh đôi tượng thờ miếu là Ngũ Hành.

Có những miếu chỉ thờ chính là 5 vị Ngũ hành nhưng có miếu được từng tự thêm một số đối tượng khác. Là các vị thần có quyền uy nên học cũng có các vị thần linh (tính chất ý niệm chung chung) thuộc quyền để hộ vệ. Miếu Bình Hòa (xã Hiệp Hòa) phối thờ Tả ban, Hữu ban liệt vị; miếu ở Long Quới (xã Hiệp Hòa) thì từng tự Tả Kim Đồng, Hữu Ngọc Nữ, miếu ở Tân Mỹ thì từng tự Nhị vị công tử, Nhị vị cô nương... Đây là những cách tòng tự được dung nạp có ảnh hưởng của những tín ngưỡng khác mà người dân địa phương đưa vào.

### **- Bà Chúa Xứ:**

Trong số miếu thờ ở Biên Hòa, các miếu sau thờ bà Chúa Xứ: miếu Bà ở khu phố 6 phường Tân Tiến, miếu Bà trong đình Bình Tự, miếu Bà ở trong phạm vi đình Bình Thiên (phường Quang Vinh), miếu Bà trong đình Tân Lại

(phường Bửu Long), miếu Bà ở khuôn viên chùa Thanh Lương (phường Bửu Hòa). Có nhiều cách lý giải về bà Chúa Xứ. Có ý kiến cho đây là một dạng của của tín ngưỡng Nữ thần Xứ Sở từ miền Trung đưa vào, ảnh hưởng từ văn hóa Chăm. Một chuyện tích cho ở quốc gia Chăm-pa xưa, có nàng tiên bị đày xuống hạ giới trong lót con nuôi của vợ chồng ông lão nghèo khổ. Một ngày nọ, tiên nhập xác vào khúc gỗ trầm hương trôi về phương Bắc. Nàng tiên kết hôn với một vị hoàng tử, sinh được hai người con là cậu Tài, cậu Quý (theo âm Quảng Đông/Trung Quốc là cậu Đại, cậu Tiểu). Sau đó, do nhớ nhà nên nàng tiên nhập vào khúc gỗ trầm hương tìm về xứ sở. Khi về đến quê, cha mẹ nuôi đã mất. Nàng tiên ở lại giúp dân khai hoang, lập ấp, diệt thú dữ, cứu nạn người đi biển rồi về lại tiên giới. Người Chăm lập tháp thờ Bà, tôn xưng Pô Inô Nôgar. Sau này, các triều vua Nguyễn sắc phong cho Bà bậc Thượng đẳng thần với mỹ hiệu Thiên Y Ana Diễn Ngọc Thánh phi. Dân gian gọi Bà là Chúa Ngọc hay Chúa Xứ. Cũng có ý kiến cho dạng tín ngưỡng này chịu ảnh hưởng của tục thờ bà Chúa Xứ ở núi Sam (tỉnh An Giang). Tương truyền Bà Chúa Xứ vốn là một cô gái đồng trinh, nhập đồng và xưng là Chúa Xứ Thánh Mẫu. Sự linh ứng của Bà với những chuyện kể chung quanh việc dựng tượng thờ ở núi Sam, sự độ trì linh thiêng của Bà cho những ai thành tâm đến vay lộc... vang danh khắp Nam Bộ. Tượng Bà Chúa Xứ núi Sam được cho là có gốc từ tượng thờ Nam thần của Chân Lạp trước đây. Sau được cải biến với những dáng vẻ của một Nữ thần mà cách gọi dân gian Nam Bộ là Bà. Dẫu có



sự ảnh hưởng của tín ngưỡng nào thì chắc chắn rằng, việc lập miếu thờ Bà Chúa Xứ của người dân địa phương thể hiện sự tôn trọng, thờ Bà Chúa Xứ như một dạng của Bà Chúa/Nữ thần hiển linh, giúp người cho làng xã hoặc ai thành tâm thờ phụng.

### **- Linh Sơn Thánh mẫu:**

Linh Sơn Thánh mẫu được thờ trong miếu của Chùa Tịnh Châu Như Ý thuộc khu phố 1 phường Thống Nhất. Linh Sơn Thánh mẫu là danh xưng của thần núi Linh Sơn tức núi Bà Đen (tỉnh Tây Ninh). Đây là một tín niệm về nữ thần ở Nam Bộ. Tương truyền nữ thần núi Bà Đen này là hóa thân của một người con gái tên là Lý Thị Thiên Hương (vùng Trảng Bàng) bị bọn cường hào ép chết oan. Cũng có ý kiến cho rằng Linh Sơn Thánh Mẫu có nguồn gốc từ nữ thần Khamau của người Khơme “*có một sự hỗn dung khác giữa tín ngưỡng Việt và người Khơme bản địa, đó là hình tượng Bà Đen - Linh Sơn Thánh mẫu. Ai cũng rõ rằng, tiền thân của bà Chúa Xứ, Bà Đen của Khơme và kể cả bà Pô Inư Nagar của Chăm đều thấy hình tượng tháp thoáng của Ấn Độ giáo*”<sup>45</sup>. Người dân thờ Linh Sơn với tín niệm là một nữ thần có uy quyền bảo vệ núi non nói chung và làng ấp nói riêng.

---

<sup>45</sup> Dẫn theo Ngô Đức Thịnh, *Thờ Mẫu và các hình thức múa bóng, hầu bóng ở Nam Bộ*, [www.vanhoanghethuat.org.vn](http://www.vanhoanghethuat.org.vn).

### **- Thủy Long thần nữ:**

Là thần hiệu của một nữ thần được thờ tại miếu Cây Chôm (khu phố 2, phường Trung Dũng). Thần hiệu với mỹ từ này chỉ rõ đây là một nữ thần cai quản về những gì thuộc nước (Thủy). Trong phạm vi của làng xã, có thể tín niệm nữ thần này có nguồn gốc là thần giếng, dần dần được quan niệm là một thần cai quản sông nước, gọi chung là bà Thủy. Trong quan niệm dân gian hiện nay, bà Thủy bao hàm cả chức phận của Hà Bá và cũng có thể cũng là Thủy Đức Thánh phi trong quan niệm năm Bà Ngũ Hành.

### **- Bà Thiên Hậu:**

Một số ngôi miếu mà đôi tượng chính là thờ Bà Thiên Hậu. Thường trong các cơ sở tín ngưỡng của người Hoa ở Biên Hòa có miếu thờ Bà Thiên Hậu hay phối thờ Bà Thiên Hậu trong chánh điện: Chùa Ông (Thất phủ cổ miếu xã Hiệp Hòa/ phối thờ trong chánh điện; Phụng Sơn Tự có miếu thờ trong khuôn viên chùa, thờ chính tại Thiên Hậu cung phường Hòa Bình, Miếu Tổ sư/ chùa Bà ở phường Bửu Long).

Bà Thiên Hậu có tên là Lâm Mặc, sinh sống ở Phúc Kiến, thời nhà Tống (Trung Quốc). Tích kể bà chết trẻ, hiển linh, cứu giúp nhiều người; đặc biệt đối với người đi biển<sup>46</sup>. Bà được các triều vua Trung Quốc phong tặng nhiều mỹ hiệu. Tín ngưỡng thờ bà Thiên Hậu được người Hoa du

---

<sup>46</sup> Phan Đình Dũng, *Cơ sở tín ngưỡng – lễ hội người Hoa ở Biên Hòa*, Bản thảo trại nghiên cứu, sáng tác Vũng Tàu, 2008.

nhập vào Nam Bộ. Người Việt ở Nam Bộ dung hòa trong tín ngưỡng dân gian của mình, dần dà bản địa hóa trở thành một Thánh mẫu. Như vậy, bà Thiên Hậu thánh mẫu của người Hoa hộ trì người đi biển trở thành một thần linh/nữ thần trong tín niệm về chức năng bảo vệ cuộc sống, xua đuổi ôn dịch, chữa bệnh cho dân cư, xóm làng của người Việt.

### **- Bà Thánh:**

Có một ngôi miếu thờ trong khu du lịch Bửu Long với tên gọi là Bà Thánh, tên gọi khác là Nương tư tiên. Thật khó mà khảo chứng thần tích, thần phả Nương tư tiên. Tương truyền đây là người phụ nữ bang Hẹ, gốc Trung Hoa, đến sinh sống ở vùng Bửu Long. Sau khi chết, hiển linh, giúp chữa bệnh cho dân làng nên được tôn thờ. Đây là một cơ sở tín ngưỡng trước đây có gốc tích của người Hoa (bang Hẹ - làm nghề đá ở Bửu Long) nay có tính chất Việt hóa, trở thành cơ sở tín ngưỡng chung thờ Bà.

### **- Thần Hổ:**

Khảo sát các cơ sở tín ngưỡng Biên Hòa, cho thấy có 03 miếu thờ Thần Hổ: miếu Thần Hổ trong khuôn viên đình Bình Trước (Phường Thống Nhất), miếu Ông Cọp (tổ 3 khu phố 4, phường Long Bình), miếu Ông Hổ (đình Hòa Quới, ấp Tam Hòa, xã Hiệp Hòa). Ba tên gọi khác nhau nhưng chung một đối tượng thờ là thờ Cọp (Hổ) nhưng tôn lên hàng thần linh với cách gọi Thần, Ông, Ngài, Chúa Sơn Lâm, Mãnh Hổ đại tướng.

Tục thờ Cọp (Hổ) thần ở Biên Hòa có lẽ bắt đầu từ những lớp di dân người Việt mới đến khai khẩn vùng Biên Hòa. Vùng đất này nổi tiếng “*dưới sông sáu lội, trên rừng cọp um*”, đầy sơn lâm chướng khí. Cọp là thú dữ, chúa tể sơn lâm. Vì vậy, những lớp di dân đến đây muốn có đất sản xuất thì phải khai khẩn vùng rừng núi nhiều thú dữ này. Chắc chắn, không ít người đã bị Cọp ăn thịt, phá hoại mùa màng. Trước hiện tượng ấy, người dân tin rằng cần phải thờ và tôn cọp vì là chúa sơn lâm, chủ rừng thì mới có thể sống yên ổn, khai khẩn mà không bị phá hoại.

Trên vùng đất Biên Hòa xưa, trong dân gian còn lưu nhiều chuyện tích về Cọp giết hại con người, Cọp giúp người và người giúp Cọp, chuyện cảm hóa Cọp, đánh và diệt Cọp<sup>47</sup>. Như vậy, cho thấy, thời khai khẩn, thú dữ mà trong đó có loài Cọp là một thế lực đáng kể đối với con người. Một trong nhu cầu để yên ổn cuộc sống, làm ăn nơi đất mới, người dân tin niệm Cọp lên hàng thần linh, được tôn thờ, gọi thờ cách cung kính. Miếu thờ Cọp chỉ đơn giản với bài vị xưng danh Thần Hổ. Miếu được cúng trong những dịp đình tổ chức lễ Kỳ yên.

Có 03 miếu thờ Cọp (Hổ) ở Biên Hòa với cách bài trí khá độc đáo. Một miếu thờ bằng tranh vẽ thể hiện hình ảnh hùng dũng của Chúa Sơn Lâm trên vách bàn thờ, nơi thì viết danh xưng Mãnh Hổ, nơi thì thờ một Đầu Cọp thật có

---

<sup>47</sup> Huỳnh Văn Tới, Phan Đình Dũng, *Văn hóa Đồng Nai* (sơ thảo), NXB Đồng Nai, 2005.

từ lâu đời<sup>48</sup>. Miếu thờ thần Hổ trước đình Hòa Quới có hai câu đối ca ngợi sức mạnh đệ nhất của Mãnh Hổ tướng quân như sau: “*Hùng hào tuấn kiệt nhứt mãnh hổ. Anh dũng oai linh thị sơn lâm*”. Tôn thờ Cọp là thần nhưng thờ bằng chính đầu của đối tượng thờ là một nét độc đáo hiếm thấy – thể hiện một tín niệm dân gian hài hòa của người Việt tại Biên Hòa. Phải chăng, họ vừa nể sức mạnh của muôn thú, sẵn sàng tôn lên hàng thần linh để tôn thờ mong cho có cuộc sống bình yên nhưng họ cũng sẵn sàng thể hiện sức mạnh của chính mình nếu đã kính cẩn, sống hài hòa mà không được tôn trọng, điều cầu mong không được đáp ứng!

**- Ông Đá:**

Ông Đá là tên gọi chung chung cho một số miếu thờ Ông ở Biên Hòa như: Miếu Ông Đá (phường Bửu Long), miếu Ông Đá có tên gọi là Cổ thạch miếu (đình Tân Lâm, phường Hòa Bình), miếu Đắc Phước (phường Tân Vạn). Tên gọi với chủ thể nói về Ông Đá nhưng đôi tín niệm trong cách thờ phản ánh có những dung biệt như sau:

- Miếu Ông Đá (phường Bửu Long) được tín niệm là một thần hoàng của làng. Chuyện tích liên quan khi những trẻ mục đồng (chăn trâu bò) trên cánh đồng thấy xuất hiện một tảng đá kỳ thú, khăn vải thấy linh ứng nên đồn đại ra.

---

<sup>48</sup> Khi khảo sát, chúng tôi cũng thật sự bất ngờ trước hộp xương đầu Cọp đặt ở miếu thờ. Đây là một dấu tích khá thú vị, độc đáo của cơ sở tín ngưỡng dân gian ở vùng Đồng Nai. Chúng tôi được nghe kể, có người làm một chiếc đầu Cọp rất giống bằng chất liệu khác để dâng cúng, thay thế cho đầu Cọp đang thờ nhưng khi xin keo đến chín lần mà không được.

Dân làng nghe tin, đến khấn và thấy sự linh ứng nên họp bàn dựng miếu thờ Ông Đá. Miếu được hình thành ngay tại địa điểm Tảng Đá. Tảng đá có hình đầu người, được phủ vải khăn màu đỏ. Trong miếu có tưng tự một số thần linh khác. Hằng năm, dân làng tổ chức cúng Ông Đá vào ngày 15 – 16 tháng 2 âm lịch.

- Cỗ Thạch miếu (đình Tân Lâm, phường Hòa Bình) có tảng đá vừa được phủ vải, bên trên có thần vị là Thổ thần. Như vậy, Ông Đá được tín niệm là vị Thổ thần của đình nói riêng và của chung làng xã nói riêng.

- Miếu Đắc Phước (phường Tân Vạn) thờ một Tảng Đá hình đầu người được dân làng tôn xưng với cách gọi là Ông Đá, Thần Đá. Chuyện tích về tảng đá được thờ có nhiều chi tiết ly kỳ. Trước đây, dân làng Đắc Phước năm nào cũng lâm vào cảnh thiếu thốn, đói kém dẫu họ cố gắng làm ăn. Một hôm, dân làng thấy có một vật gì trôi giữa sông, đến gần làng như cứ lượn lờ không muốn trôi đi. Nhiều người họp sức kéo vào thì biết đây là một tảng đá. Tảng đá thật kỳ lạ, không chìm mà nổi trên mặt nước. Dân làng cho đây là Đá thần nên thỉnh về dựng miếu tôn thờ. Điều linh ứng là từ khi dân làng thờ Ông Đá thì làng Đắc Phước không còn xảy ra mất mùa, đói kém nữa. Họ tín niệm ông Đá là thần Thành hoàng của làng.

Như vậy, khảo sát ba miếu thờ Ông Đá ở Biên Hòa, cho thấy, đối tượng Ông Đá chỉ là một “lớp vỏ” cho tín niệm thờ cúng Thổ thần và Thần Thành hoàng làng.

## 2. Lễ hội ở miếu

Tùy thuộc vào đối tượng thờ của mỗi miếu mà trong năm có những ngày cúng khác nhau. Thông thường, các ngày Sóc (mùng một), ngày Vọng (Rằm) trong tháng, ngày Tết... các miếu được mở cửa cúng một lễ nhỏ bằng nhang, đèn, bông, bánh trái. Các miếu ở trong khuôn viên đình thì được thắp nhang trong những ngày đình tổ chức lễ. Thậm chí, một số miếu Bà được cúng tế với lễ phẩm là một trong những nghi thức bắt buộc theo lệ. Có những miếu có đối tượng thờ giống nhau nhưng ngày vía khác nhau. Qua khảo sát, chúng tôi liệt kê những ngày các miếu lễ cúng vía như sau (tính theo âm lịch):

Thời gian (âm lịch)	Miếu Bà	Miếu Ông
<i>Tháng 1</i>		
13		Vía Quan Thánh
15-16	Vía Bà Chúa Xứ	
<i>Tháng 2</i>		
08		
10	Vía Bà*	
11 - 12	Vía Bà*	
15-16	Vía Bà Chúa Xứ	Vía Ông Đá
18	Vía Bà*	

<b>Tháng 3</b>		
12	Vía Bà*	
18		
19	Vía Bà Quan Âm	
22	Vía Bà Thánh	
23	Vía Bà Thiên Hậu	
<b>Tháng 4</b>		
17	Vía Bà Kim Hoa	
25	Vía Bà*	
<b>Tháng 6</b>		
24		Vía Quan Thánh
<b>Tháng 7</b>		
15	Vía Bà*	
<b>Tháng 8</b>		
08	Vía Bà*	
<b>Tháng 10</b>		
15	Vía Bà*	
16	Vía Bà*	
17	Vía Bà*	
<b>Tháng 11</b>		
18 - 19	Vía Bà*	
<b>Tháng 12</b>		
24	Tạ ơn Bà*	



Những ngày Vía Bà (\*) – thường có liên quan đến Ngũ Hành. Còn những vị Thổ thần, miếu Ông, Sơn Quân thì được vía, cúng trong dịp lễ Kỳ yên theo lệ. Trong lệ cúng ở những miếu Ông Đá, có tính chất tín niệm là thần Thành hoàng của làng thì lễ Cầu an tổ chức như ở đình. Vì vậy, trong phần miếu và lễ hội này, chúng tôi chỉ nói về lễ ở các miếu thờ Bà (Nữ thần).

### ***2.1. Lễ hội Bóng rỗi – Địa nàng***

Theo lệ cổ và ngày nay còn duy trì, thì chỉ có một số miếu thờ Bà ở Biên Hòa tổ chức lễ cúng lớn – trong đó có lễ hội Bóng rỗi - Địa nàng. Đây là lễ hội lớn trong năm hoặc đảo lệ của các miếu thờ Bà.

Các miếu thờ Bà ở Biên Hòa có lễ cúng lớn trong năm, có Hát châu văn, diễn chập Địa nàng – Bóng rỗi gồm: miếu Cây Quăn, miếu Nương Tư Tiên (phường Bửu Long), miếu Bà Ngũ Hành (đình Tân Lâm) và miếu Thiên Hậu (phường Hòa Bình), miếu Bà Chúa Xứ (phường Tân Tiến), miếu Cây Chôm (phường Trung Dũng), miếu Ngũ Hành (xã Hiệp Hòa). Lễ hội ở các miếu Bà do Ban Quý tế của miếu hay của làng đứng ra tổ chức. Trước năm 1975, ở Biên Hòa có nhiều người tập hợp bóng để thực hiện các nghi thức diễn xướng trong lệ cúng Miếu. Sau này, trong công cuộc xây dựng văn hóa mới, những hình thức diễn xướng dân gian này là mê tín, dị đoan nên chính quyền các cấp ở địa phương cấm đoán. Những nhóm bóng ở Biên Hòa không tồn tại. Việc thực hiện các nghi thức trong Hát Bóng rỗi, diễn chập Địa - Nàng hiện nay ở các miếu trên địa bàn Biên

Hòa thường mời các nhóm ở các địa phương khác thực hiện: Bến Cá (xã Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu)<sup>49</sup>, các nhóm ở địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Trước khi lễ diễn ra, Ban Quý tế miếu thực hiện các nghi thức trình cáo cho Bà và thực hiện việc sửa soạn lại bàn thờ. Những miếu có tượng Bà thì được thực hiện lau tượng sạch sẽ bằng nước được nấu từ lá cây cho mùi thơm, thay áo cho tượng. Người ta gọi đây là Lễ thay áo hay mộc dục. Có những cách thực hiện yêu cầu sự tôn nghiêm trong lễ thay áo cho cốt tượng của Bà được thờ: Khăn lau tượng được thấm nước sạch trong một cái thau, mỗi lần lau xong thì được vắt nước cho vào thau khác cho đến khi tượng được lau sạch sẽ, rồi thay áo. Áo cũ được thay ra và số khăn dùng để lau xong phải đốt đi, không được dùng cho việc khác hoặc dùng lại.

Lễ vật trong ngày cúng miếu cúng khá đơn giản và tùy thuộc vào sự đóng góp tiền bạc của làng xã trong năm hoặc các mạnh thường quân, của dân làng tùy tâm, tùy sức trong những dịp tổ chức lễ. Lễ vật cúng Bà Ngũ Hành thì không phân biệt chay mặn, nhưng tổ chức ở miếu Thiên Hậu thì có nơi kiêng kỵ, chỉ cúng chay. Lễ vật phổ biến trong các dịp cúng miếu là: thịt heo (lộc, quay), thịt vịt (quay) hay thịt gà, xôi (mâm hoặc từng nếp trong chén), xôi chè, nhang, đèn, hoa, quả, đồ trang sức, mâm vàng.

---

<sup>49</sup> Địa bàn Bến Cá - nay thuộc xã Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu trước đây có nhóm bóng do ông Nguyễn Văn Tòi (thường gọi là Bóng Tòi) thực hiện các nghi thức diễn xướng hát chầu vãn, múa Bóng rồi, diễn chập Địa - Nàng.

Bài trí trong lễ cúng miếu có nghi thức Hát Bóng rỗi - Địa nàng cũng khá đơn giản. Có những miếu trang trí phía trước như một sân khấu mà trên các hàng cột treo những trang vải nhiều họa tiết theo từng lớp cửa sân khấu. Cũng có miếu không trang trí chỉ sử dụng phần trống phía trước điện để thực hiện. Ngoài các diễn viên thực hiện các nghi thức diễn xướng còn có ban nhạc với những loại nhạc khí cụ truyền thống hỗ trợ. Thời gian lễ cúng trước đây theo lệ là diễn vào ban đêm. Nhưng hiện nay, do nhiều yếu tố tác động, thời gian diễn ra lễ tùy thuộc vào từng miếu: có thể bắt đầu vào buổi sáng trong ngày tổ chức.

Hát bóng rỗi, Chặp Địa - Nàng là nghi thức diễn xướng tổng hợp, vừa mang tính nghi lễ vừa để giải trí. Trong tổng thể của một cuộc lễ cúng lớn theo lệ có Bóng rỗi, Địa - Nàng ở miếu trên địa bàn Đồng Nai nói chung, Biên Hòa nói riêng có các nghi thức sau: Khai tràng, Châu mời - thỉnh tổ, Chặp Địa - Nàng, múa bóng<sup>50</sup>.

#### **- Khai tràng:**

Lễ Khai tràng nhằm mục đích khai mạc cuộc hát, do dàn nhạc bóng diễn tấu, gồm: chiêng, trống, đàn nhị, kèn, sanh cái.

#### **- Châu mời - thỉnh tổ:**

Hát châu mời nhằm mục đích mời Bà và các đối tượng được tung tự về tham dự cuộc lễ cúng. Ba người hầu bóng

---

<sup>50</sup> Các nghi thức diễn xướng theo thứ tự của Lễ cúng miếu được dẫn theo nguồn tư liệu *Địa chí Đồng Nai*, tập V - Văn hóa xã hội.

bái Tổ, đến trước bàn thờ để trống, phách, sênh lên bàn thờ. Sau đó, thường ba hầu bóng tấu rồi vừa hát vừa đệm bằng các loại nhạc khí trống, sênh, phách. Ban nhạc đệm theo. Mỗi đôi tượng mời như Bà, các đôi tượng khác như mời Ông, mời Tiên, mời Tổ và các thần linh khác trong vùng (nếu có cần)... đều có những bài hát phù hợp. Thường thì các bóng cầm trống tum (trống con) gõ nhịp, thay nhau hát. Điệu hát vận dụng cả lý, vè, nói rồi (nói lới) nhiều khi cả các làn điệu tuồng.

### - Chặp Địa – Nàng:

Đây là chặp diễn chiếm thời gian dài nhất trong lễ cúng và đông đảo người tham dự xem. Chặp Địa - Nàng là chặp bóng - tuồng hài hước “*tổng hợp kiểu cách diễn của bóng rồi lẫn tuồng (hát bội)*” thường gắn với lễ cúng miếu Bà hoặc miếu Thổ Địa. Cuộc hát chỉ có hai nhân vật (Địa và Nàng) theo cốt truyện đơn giản: Tiên nữ Hằng Nga vâng lệnh Tây Vương mẫu xuống trần để hái lộc cầu an cho dân chúng, nhờ Thổ Địa (Địa) dẫn đi đến huê viên để “*khai mạch giếng tưới cây huê*”. Địa được dịp làm khó, vùi vãnh, đùa giỡn với tiên nữ. Lối diễn vừa theo bài bản vừa ứng tác, hát, nói, kể kết hợp với nhạc và vũ đạo tuồng. Các bài hát chất lọc từ tuồng và các làn điệu dân ca quen thuộc, hóa trang cũng theo phong cách tuồng hài... ứng đối giữa Địa và Nàng vui nhộn, dẫn dắt câu chuyện tài tình khiến cho cốt truyện đơn giản trở nên thú vị. Các đoạn: *Địa đòi ăn, Địa đau đẻ, Địa chám chè*... làm người xem nở rộ tiếng cười sáng khoái. Tính cách của Địa không chỉ vui vẻ, còn mang ý nghĩa xã hội sâu sắc. Với một manh chiếu trước điện Bà,

; quanh là dân làng không phân thứ bậc, Địa bộc lộ hết  
1, đùa giỡn với Tiên nữ, châm biếm cả chư Tiên, chư  
; Địa còn mang ý nghĩa đại diện cho khát vọng thịnh  
ng, bình đẳng, có tính nhân bản của dân làng.

### · Múa Bóng:

Múa Bóng vừa mang tính nghi lễ vừa nhằm mục đích  
trí. Các bóng thay nhau *múa bông*, *múa dâng mâm*  
; rồi tiếp theo là các *tiết mục tạp kỹ*. Múa bông nhằm  
; cúng bông như để mở đầu cuộc múa bóng; với chén  
ic tô có đơm bông vạn thọ) để trên đầu. Bóng múa xoay  
ời, xoay vòng trước điện thờ rồi dừng để cho người thủ  
u nâng chén bông đặt lên bàn thờ Bà. Dâng bông 3 lần  
đến dâng mâm vàng. Chiếc mâm được trang trí bằng  
7 ngũ sắc thành hình tháp (có lẽ mô phỏng tháp Chàm).  
n vàng được các bóng thể hiện các vũ điệu trong khi  
đầu, nâng, lật trên tay; trên trán hoặc nằm sải nghiêng  
i đất để tự nhích từ chân lên đầu. Cuối cùng các màn  
1 múa mâm vàng, tháp trên mâm được đốt cháy, hóa đi.  
p theo, các bóng thực hiện các màn trình diễn tạp kỹ  
: xiếc: múa ghê, múa khạp da bò, múa bông huệ, múa xe  
, múa dao, múa xoay đĩa, rót rượu bằng đầu... chủ yếu  
ác kỹ thuật dùng đầu, trán, mũi, nhân trung nâng giữ vật  
g, vật phức tạp tạo thăng bằng và di chuyển trong vũ  
1 theo nhạc lúc mau lúc chậm. Sau tiếng mục múa bóng,  
nơi diễn ra các chập tuồng. Sau màn múa, các bóng và  
rời trong Ban Quý tế hay hội miếu dâng tất cả vật phẩm  
bàn thờ Bà.

## - Thỉnh lộc và chúc lộc:

Trong thời gian diễn xướng, tùy miếu mà người tham dự đến dâng vật phẩm, đến bàn thờ Bà cầu khẩn. Đặc biệt, có nơi tổ chức cho rước lộc Bà nếu ai có nhu cầu. Việc hưởng lộc Bà có những vật mang tính biểu trưng như một cành hoa huệ, một chén xôi chè... Trong thời gian sau các màn múa bóng, các vai diễn của chặp Địa – Nàng hát chúc lộc cho nhiều người tham dự. Trước chúc cho làng xã sau chúc Ban Quý tế, hội miếu. Thường ai muốn được chúc thì gửi đến một ít tiền tùy tâm gắn vào bông hoa đưa đến cho kếp – đào. Đào – kếp nắm biết được tên tuổi, nghề nghiệp, điều cần cầu của thân chủ thì ứng tác bằng những vần thơ có xưng danh, chúc những điều phúc theo lối hát thơ. Miếu có đạo sắc thì được đốt đi. Ban Quý tế hay hội miếu rải đồ cúng thí ngoài sân. Cuộc lễ kết thúc.

## V. LOẠI HÌNH ĐỀN VÀ LỄ HỘI

Trên địa bàn Biên Hòa, có nhiều dân cư từ các vùng miền đến sinh sống trong nhiều giai đoạn của lịch sử. Đặc biệt, trong thời kỳ cận hiện đại, có nhiều biến cố lịch sử đã tác động đến quá trình di dân đến Biên Hòa. Việc tuyển mộ công tra - những người vào làm đồn điền thời Pháp cai trị đã dẫn đến những đợt cư dân từ miền Bắc đến Biên Hòa sinh sống, làm việc trong các đợt mộ dân. Sau năm 1954, một đợt di dân khá ồ ạt từ miền Bắc vào miền Nam; trong đó có địa bàn Biên Hòa do chủ trương của chính quyền Sài Gòn. Trong số di dân này chiếm đa phần là những giáo dân

theo đạo Công giáo, một số theo Phật giáo hoặc không theo tôn giáo nào.

Trải qua những biến động thời cuộc, số dân cư này giờ đây đã định cư trên nhiều địa bàn thuộc Đồng Nai, trong đó có thành phố Biên Hòa. Một số vùng dân cư đã lập nên những đền thờ tại khu vực đang sinh sống để đáp ứng nhu cầu sinh hoạt tín ngưỡng của cộng đồng. Trên địa bàn Biên Hòa, cơ sở tín ngưỡng thuộc loại hình Đền thờ với tín ngưỡng dân gian có nguồn gốc từ những di dân từ miền Bắc là: đền Hùng Vương ở phường Bình Đa, đền Trần Hưng Đạo ở phường Tân Tiến.

### **1. Kiến trúc và lối bài trí**

Hai ngôi đền này được xây dựng trong khoảng nửa cuối thế kỷ XX. Cụ thể, đền Trần Hưng Đạo (đường Nguyễn Ái Quốc, phường Tân Tiến) xây dựng năm 1956, đền Hùng Vương (đường Phạm Văn Thuận, khu phố 3, phường Bình Đa) xây dựng năm 1968, khánh thành năm 1971. Trải qua thời gian dài và nhu cầu nâng cấp mở rộng nơi thờ tự, các đền được người dân địa phương trùng tu, tôn tạo trong khoảng về sau.

Đền Hùng Vương có kiến trúc hình chữ Nhất (-), được xây bằng loại vật liệu kiên cố. Phía trước có bình phong chạm nổi mãnh hổ. Mặt tiền di tích đền có hàng cột tròn, lớn được đắp nổi hình ảnh đôi rồng châu và hai hàng câu đối. Trên đỉnh mái đền trang trí sản phẩm gốm thể hiện đề tài “lưỡng long triều nhật”. Các mái được thể hiện đề tài

mảng trang trí cách điệu hình rồng. Nội điện gồm có 5 gian, ba gian giữa được xây cao nhô lên kiểu lầu trống, làm cho phần không gian chánh đền được mở rộng, tôn cao. Gian chánh giữa thờ Hùng Vương với biển đề Hùng Vương quốc tổ bằng chữ Hán nhũ vàng. Điện thờ được tôn cao với tượng thờ Vua Hùng thứ 18 trong tư thế ngồi trên ngai với dáng vẻ uy nghi. Đây là pho tượng được tạo tác theo phiên bản từ tượng thờ chính ở Đền Hùng (tỉnh Phú Thọ). Hai bên thân điện có bài trí đôi tượng ngựa lớn châu hai bên. Hai hàng bát bửu và lọng vàng được bài trí đối xứng trong khung chính lối vào điện thờ. Phía trước điện thờ có bàn thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh với pho tượng bán thân. Chắc chắn, tượng thờ này mới được thỉnh rước vào thời gian sau năm 1975, khi đất nước thống nhất. Hai bên có lỗ bộ, lọng che đối xứng nhau. Các gian còn lại trong nội điện được sử dụng chỗ an vị cho những người dự lễ mỗi khi đền tổ chức.

Đền Trần Hưng Đạo được xây dựng năm 1956, có lối kiến trúc hình chữ Nhị, xây bằng loại vật liệu kiên cố, xi măng, cốt thép, gạch, trên một diện tích vừa phải. Do diện tích vừa phải và sát mặt tiền đường, lối kiến trúc tiền đền kiểu mặt dựng, đắp nổi họa tiết, hoa văn hình cuốn thư cây bút và cuốn thư thanh kiếm đối xứng. Mái tiền đền, mái nóc trang trí đề tài “lưỡng long tranh châu”. Bộ khung kiến trúc bằng cột xi-măng.

Có ba cửa chính dẫn vào nội điện đền. Hai vách tiền trước cửa đền có tranh vẽ hai thần hộ pháp trên tường. Tiền điện rộng và thoáng với hai cặp lọng che dẫn vào ban công đồng. Sau ban công đồng là bàn thờ để tượng bán thân chân



dung chủ tịch Hồ Chí Minh. Tượng Hồ Chí Minh được thỉnh rước vào đền trong khoảng thời gian sau năm 2000.

Thần điện chính được tôn làm ba ngãn chính được thiết kế tôn cao so với nền điện. Gian trung tâm thờ Đức Thánh Trần Hưng Đạo/ còn gọi là Đức Thánh đại vương. Tượng Đức Thánh đắp y màu đỏ ngự trên ngai, hai bên có quan hầu. Bên phải gian thờ chính có gian thờ Mẫu gọi là Cung Tam tòa thánh mẫu với ba tượng chính tạc trong tư thế tọa trên ngai: tượng đắp y màu đỏ ở giữa, hai bên có hai tượng đắp y màu xanh và màu vàng. Bên trái có gian thờ mẫu gọi là Cung Thượng Ngàn với tượng Mẫu tư thế ngồi đắp y màu xanh, hai bên có tượng nữ hầu. Phía dưới gian thờ Đức Thánh có Cung Ngũ Phong, âm vào bên trong có tượng sơn thần. Phía sau có nhà hậu bố trí bàn thờ Chư vị tiền bối nêu tên những người có công xây dựng đền<sup>51</sup>.

## 2. Đôi tượng thờ

### - Hùng Vương:

Theo sử liệu, nước Văn Lang (khởi thủy nhà nước của Đại Việt) trải qua 18 đời vua Hùng trị vì. Vị vua thứ 18 là Hùng Duệ Vương được thờ tại đền Hùng Vương ở Bình Đa, Biên Hòa. Chuyện tích về vua Hùng này có nhắc đến tích bánh chưng, bánh dày. Hùng Duệ Vương được xem là vị vua có tài trí, thông minh.

---

<sup>51</sup> Xét chung trong nội điện đền có hai cung thờ Mẫu. Đây là hệ thống những Mẫu thần ở miền Bắc được lớp cư dân đến từ năm 1954 đem vào. Qua khảo sát, cho thấy sự hiện diện của bốn Mẫu sau: Mẫu Thượng Ngàn, Mẫu Thiên, Mẫu Thoải và Mẫu Địa.

## - Trần Hưng Đạo:

Trần Hưng Đạo là danh tướng thời nhà Trần trong lịch sử Việt Nam, có công lớn trong ba lần kháng chiến chống quân Nguyên, được phong tước Hưng Đạo Vương. Ông tên là Trần Quốc Tuấn, là con trai của An sinh vương Trần Liễu, mẹ là Lý Thị Nguyệt (tức Thuận Thiên công chúa), cháu gọi vua Trần Thái Tông bằng chú. Năm sinh của ông chưa xác định chính xác (có tài liệu cho rằng năm sinh vào 1228 hay 1230 và 1232), quê làng Tức Mặc, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định. Ông là tôn thất nhà Trần, có tài thao lược về quân sự và tác giả của bộ “Bình thư yếu lược” (hay “Bình gia diệu lý yếu lược”) và “Vạn Kiếp tông bí truyền thư” (đã thất lạc).

Trong ba lần đánh quân Nguyên xâm lược Đại Việt, ông đều có công lớn. Đặc biệt, trong lần chống quân Nguyên lần thứ 2 và thứ 3, ông được vua Trần Nhân Tông phong làm Tiết chế các đạo quân thủy bộ. Dưới sự chỉ huy của ông, các cánh quân Đại Việt đã làm nên những chiến công hiển hách ở Chương Dương, Hàm Tử, Vạn Kiếp, Bạch Đằng. Ông mất ngày 20 tháng 8 năm Canh Tý (tức ngày 5 tháng 9 năm 1300), thọ 74 tuổi.

Sau khi mất, Trần Hưng Đạo được thờ phụng ở nhiều nơi. Người dân tôn kính thờ ông để tri ân công đức và cùng với tín niệm ông lên bậc Thánh, không gọi tên trực tiếp mà gọi theo tước vương Hưng Đạo Vương, Hưng Đạo Đại Vương, Đức thánh Trần, hoặc gọi là Cha. Trong dân gian còn tín niệm thờ ông như một vị thần độ mạng, trừ tà bởi thuở bình sinh, ông

làm cho kẻ thù phải khiếp sợ hồn bay phách lạc, khi hiển thánh, các loại ma quỷ cũng nể sợ kiêng oai<sup>52</sup>.

### 3. Lễ hội trong năm

#### 3.1. Lễ Giỗ Tổ Hùng Vương

Trong năm, tại đền Hùng Vương có hai lễ trọng: Lễ Giỗ Tổ Hùng vương<sup>53</sup> và lễ Kỷ niệm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh (Ban hội đền dâng hương kỷ niệm và đón các đoàn khách đến lễ).

Lễ giỗ Quốc Tổ Hùng Vương diễn ra vào ngày 10 tháng 3 âm lịch. Ban hội đền thực hiện các nghi thức, trong đó có những nghi tiết tương tự như tế trong lễ Kỳ yên ở đình làng. Có nghi Túc yết và nghi Đàn cả nhưng được giản lược một số nghi tiết. Trong diễn lễ có dàn nhạc bát âm hỗ trợ. Ban Tế tự được thành lập trước lễ và phân công trách nhiệm cụ thể. Ban Tế tự gồm 11 người, trong đó có Chánh bái, Bồi tế và Chấp sự, Lễ sinh, học trò lễ để thực hiện các nghi tiết. Đồng thời, có diễn tế của đồng tế nữ.

---

<sup>52</sup> Sau khi ông qua đời, nhiều chi tiết liên quan đến cuộc đời và sự nghiệp của ông được huyền thoại hóa. Ông trở thành vị thánh trong tín ngưỡng dân tộc, luôn hiển linh giúp dân trị thủy, trị bệnh. Có nhiều chuyện tích liên quan đến ông; trong đó, có tích cho rằng, ông là Thanh Tiên đồng tử (con nhà trời), phụng mệnh Ngọc Hoàng thượng đế xuống đầu thai. Khi sinh ra, có ánh hào quang sáng rực và tỏa hương thơm ngào ngạt tỏa khắp. Có tích chuyện về Trần Hưng Đạo sử dụng kiếm thần chặt đầu tên Phạm Nhan vốn hiện thân của ác quỷ.

<sup>53</sup> Hiện nay, ngày 10 tháng 3 hàng năm được nhà nước công nhận là ngày Giỗ Tổ.

### **- Thượng cờ:**

Ban Tế tự cho thượng cờ trong ngày lễ. Cờ lễ hình vuông, phía ngoài có viền những đuôi nheo. Tính từ trong ra ngoài viền, cờ có 5 màu sắc (ngũ sắc). Các màu theo thứ tự: đỏ, xanh lá cây, vàng, xanh da trời, trắng.

### **- Nghi thức ra mắt:**

Ban hội đèn tập trung tại đèn thấp nhang, ra mắt và trình báo việc chuẩn bị lễ. Thường lễ ra mắt tổ chức trước lễ chính một ngày.

### **- Nghi rước đoàn nhạc lễ:**

Trong đèn khởi trống nhiều hồi báo hiệu. Ban Tế tự ra công đón rước dàn nhạc lễ. Ba nhạc công đi đầu khởi tấu kèn, trống, đàn đi trước, Chánh bái dẫn Ban Tế tự đi sau vào trình Tổ. Cả đoàn chia thành hai hàng đi vào thân điện bái Tổ, sau đó tựu về phía phải chánh điện – vị trí dành cho ban nhạc.

### **- Lễ vật trong lễ tế:**

Trước thân điện, lễ vật được bày ra, gồm: nhang, đèn, hoa, quả, rượu. Mâm lễ lớn nhất gồm có hai con heo quay, các mâm xôi, các đĩa thịt gà (gà trống nguyên con được luộc chín), bánh chưng, bánh dày (bánh dày dán chữ phúc phía trên).

### **- Nghi thức tế chính:**

Trước khi bước vào các nghi tiết, ba hồi trống được khởi lên ba tiếng một. Tiếp đến một hồi trống dài và Ban

nhạc lễ diễn tấu. Trong tổng cuộc của nghi thức tế chính này có hai lần tế: Một của Ban Tế tự nam và một của Ban Tế tự nữ (còn gọi là tế nữ quan hay đồng tế nữ). Đây là một điểm khác biệt so với các nghi tế ở các cơ sở tín ngưỡng khác tại Biên Hoà.

+ *Phân nghi thứ tế của Ban đồng tế nữ*: gồm 13 thanh nữ, một nữ mặc áo dài vàng, đầu đội khăn đóng và 12 nữ mặc áo dài đỏ, đầu đội khăn đóng. Các nghi tiết thực hiện đều do các thành viên Ban Đồng tế nữ điều hành và theo trình tự diễn tế các nghi thức. Hai nữ quan đứng bên hai hàng lỗ bộ xướng tế. Các nữ quan còn lại đứng vào vị trí trước thần điện với các vật tế liên quan chuẩn bị sẵn.

Nghi tiết dâng đèn: Chánh bái và hai nữ thanh dâng đèn lên thần điện.

Nghi tiết dâng hương: Chánh tế bước vào quỳ dưới bàn thờ. Hai cặp học trò lễ dâng hương. Cặp thứ nhất đi trước cung đèn, cặp thứ nhì cung hương chia làm hai hàng đối xứng đi vào thần điện. Khác với Ban Tế tự nam, hai cặp học trò lễ nữ đều dâng đèn và hương lên thần điện.

Nghi tiết dâng rượu: Chỉ thực hiện dâng rượu một lần với ba chung trong một lượt. Chánh bái bước vào bàn thờ. Bốn cặp học trò lễ thực hiện nghi tiết. Cặp thứ nhất cung hoa, ba cặp còn lại đều cung rượu. Bốn cặp chia thành hai hàng đối xứng đi vào bàn thần điện. Ba cặp cung rượu dâng rượu lên bàn thờ.

Nghi tiết đọc văn tế: Thực hiện hai lần nghi tiết này với hai bài văn tế. Chánh bái và Chấp sự, thầy lễ cung văn tế vào trước bàn thờ. Văn tế được viết trên giấy vàng, để trên khung gỗ, phủ giấy đỏ. Cả ba cùng quỳ trước hương án và lần lượt chuyển tay văn tế bái lạy. Thầy lễ đọc văn tế. Khi đọc xong, Chấp sự và thầy lễ đem văn tế trình lên thần điện.

Sau mỗi nghi tiết, Chánh bái và Bồi tế, Chấp sự thực hiện bái theo lệ trước bàn thờ.

+ *Phần nghi thức tế của Ban Tế tự nam:*

Lễ sinh xướng và các thành viên Ban Tế tự tuần tự thực hiện các nghi tiết.

Nghi tiết dâng đèn tiến hành đầu tiên. Chánh bái và hai Bồi tế dâng đèn trước điện thờ.

Nghi tiết dâng hương: Sau đó, Chánh tế đến trước bàn thờ thực hiện nghi bái lạy chính. Ba cặp học trò lễ thực hiện nghi tiết dâng hương. Cặp thứ nhất cung đèn, cặp thứ nhì cung hương, cặp thứ ba cung hoa chia làm hai hàng đối xứng đi vào thần điện. Cặp thứ nhì dâng nhang lên thần điện.

Nghi tiết dâng tuần rượu thứ nhất: Chánh bái và Bồi tế châm rượu. Ba cặp học trò lễ tiến hành dâng rượu. Cặp thứ nhất cung đèn, cặp thứ hai cung rượu, cặp thứ ba cung hoa vào thần điện. Cặp thứ nhì cung rượu để dâng rượu lên thần điện.

Nghi tiết đọc văn tế: Chánh bái và Bồi tế, Thầy lễ cùng cung văn tế đến trước bàn thờ. Cả ba cung kính chuyển nhau bản văn tế được lồng trong khung, phù giấy đỏ bái Tổ. Sau đó, thầy lễ khởi xướng văn tế (Văn tế viết bằng chữ nôm, trên giấy vàng). Khi đọc xong, Bồi tế và Thầy lễ đưa lên thần điện.

Tiếp theo là hai nghi tiết dâng tuần rượu thứ nhì và tuần rượu thứ ba. Hai nghi tiết này giống như nghi tiết dâng tuần rượu thứ nhất.

Sau mỗi nghi tiết dâng hương, đọc văn tế, dâng các tuần rượu, Chánh bái, Chấp sự thực hiện các nghi bái theo lệ.

Tiếp theo, tiến hành nghi tiết ẩm phước, nhận hưởng lộc phước của Tổ. Nghi thức này có tính tượng trưng, Chánh bái và cộng sự đến trước bàn thờ nhận phước lộc qua các lễ vật đã trình cúng trên bàn thờ. Sau đó, thực hiện nghi tiết tạ ơn Quốc Tổ.

Kết thúc phần nghi thức tế của Ban Tế tự nam.

Kết thúc nghi tế chính.

Sau nghi thức tế chính, người dân và các đoàn khách đến viếng, cầu khẩn.

**- Nghi thức hóa văn tế:**

Ban nhạc lễ diễn tấu và Ban Tế tự cùng vào điện thần trình Tổ trước khi thực hiện hóa văn tế. Tiếp theo, Chánh bái và Chấp sự, Thầy lễ cung văn tế vào trước bàn thờ và xướng đọc. Sau đó, đem hóa văn tế (đốt cháy). Nghi thức giỗ Tổ kết thúc.

Vào buổi tối, tại khu vực trước đền, chương trình giao lưu văn nghệ của địa phương với các đoàn nghệ thuật quần chúng diễn ra cuốn hút nhiều người dân tham gia<sup>54</sup>.

### ***3.2. Những ngày lễ ở đền Thánh Trần***

Mỗi tháng, vào ngày mùng một và ngày Rằm, đền mở cửa để những người có nhu cầu đến thắp nhang, vía, khấn. Hàng năm, tại đền có các ngày cúng theo âm lịch, gồm: Thượng nguyên (cúng vào ngày 12 tháng giêng), Vào hạ (12 tháng 4), Tán hạ (12 tháng 7), Tất niên (20 tháng 12), Giao thừa, mở cửa đền (đêm cuối của năm cũ và bắt đầu ngày của năm mới 29, 30 hoặc 31 tháng 12). Những lễ cúng này do ban Tiên sư hội đền thực hiện.

Hai ngày lễ chính của đền có cúng tế vào ngày 02, 03 tháng 3 âm lịch (cúng tế Mẫu và ngày giỗ Đức Đại vương 20 tháng 8 âm lịch). Lễ vật cúng trong các ngày lễ gồm có xôi, bánh trái. Trong ngày giỗ Đức đại vương có cúng heo quay.

Nghi thức cúng Mẫu vào ngày 3 tháng ba âm lịch có hát châu văn. Ban hát châu văn có 04 người nữ vừa hát vừa sử dụng nhạc cụ (đờn nguyệt, đờn nhị, thanh la, sênh phách) hát cung nghinh, cung thỉnh và chúc tụng chư vị Mẫu. Một cuộc hát châu văn dâng cúng Thánh Mẫu kéo dài trong ba tiếng đồng hồ, vào buổi sáng (từ 9 giờ đến 11 giờ).

---

<sup>54</sup> Trong lễ hội tại đền vào năm 2009, Ban Văn hoá phường Bình Đa tổ chức các cuộc thi thể thao, nghệ thuật giữa 05 phường (làm bánh chung, bánh dày, trang trí ngũ quả, mâm xôi, cờ tướng), cuốn hút nhiều người tham dự.



Nghi tế trong lễ giỗ Đức Đại vương vào ngày 19 và 20 tháng 8 hàng năm do Ban Tế tự hội đền gồm 11 người thực hiện. Ban Tế tự phân chia trách nhiệm, vai trò Chánh tế, Bồi tế, Đông hiến, Tây hiến, Thầy lễ, Chấp sự... thực hiện các nghi tế. Có Ban nhạc lễ nhưng không có học trò lễ. Lễ tế diễn ra các nghi Yết, nghi Tế chính.

Nghi Yết diễn ra bắt đầu lúc 4 giờ chiều ngày 19 tháng 8. Ban Tế tự ra mắt Đức Đại vương. Các nghi cúng theo lệ cúng thần Thành hoàng ở đình. Thượng cờ thần được thực hiện với các công tác chuẩn bị chung trước trong ngày 19. Lễ Yết cũng dâng hương, rượu, trà. Nghi tế chính bắt đầu từ 9 giờ sáng ngày 20 tháng 8. Tuần tự, Ban Tế tự thực hiện các nghi dâng hương, dâng rượu và dâng trà. Sau đó, trình xướng văn tế và hỏa kết. Nghi tế chính kết thúc vào lúc 11 giờ. Sau đó, những người tham dự đến thắp nhang, khấn nguyện, cầu phúc.

## **VI. LOẠI HÌNH CHÙA VÀ LỄ HỘI**

### **1. Tổng quan về loại hình chùa**

Biên Hòa trong diễn trình chung của Đồng Nai luôn đóng vai trò là trung tâm chính trị, kinh tế. Trong lịch sử, Biên Hòa là nơi có người Hoa được phép chúa Nguyễn cho đến định cư sớm. Trong địa phận Biên Hòa có thương cảng Cù lao Phố. Sự hội tụ của nhiều luồng dân cư thời khai phá và sự phát triển kinh tế, xã hội lúc bấy giờ là một trong những điều kiện đạo Phật được truyền bá đến Biên Hòa sớm. Một số ý kiến cho rằng, trong những đợt di dân người

Việt đến Biên Hòa – Đồng Nai, có những nhà sư, và chính họ là những hạt nhân để khai sơn những ngôi chùa để hoằng hóa và đáp ứng được nhu cầu tâm linh của những cư dân trên vùng đất mới khai phá. Với vị thế của địa đầu Nam Bộ thời khai phá, chắc chắn, Biên Hòa – Đồng Nai là một trong những trung tâm Phật giáo ở Nam Bộ. Đồng Nai là “*địa bàn Phật giáo đã được truyền từ xa xưa trong lịch sử và đã từng là một trong những cái nôi của Phật giáo Đàng Trong thời các chúa, các vua nhà Nguyễn, có ảnh hưởng không những đối với Phật giáo ở Nam Bộ mà còn ảnh hưởng cả đến Phật giáo ở miền Trung. Nhiều nhà sư nối tiếp ở Đàng Trong đã từng tu hành, hoằng hóa ở Đồng Nai và có nhiều đệ tử nổi danh khác đi hoằng hóa ở các nơi*”<sup>55</sup>. Những ngôi chùa được xem là cổ xưa ở Biên Hòa được truyền tụng do ba đệ tử nhà sư Nguyên Thiều dòng Lâm tế khai sơn là: Thành Đẳng Minh Lương (chùa Đại Giác, xã Hiệp Hòa), Thành Nhạc Ân Sơn (chùa Long Thiên, phường Bửu Hòa), Thành Trí Pháp Thông (chùa Bửu Phong, phường Bửu Long)<sup>56</sup>. Chùa Long Ân (phường Bửu Long) do thiền sư Pháp Thông Thiện Hỷ thuộc phái Tào Động khai sơn.

Các giai đoạn về sau, phụ thuộc vào tình hình chung trong từng giai đoạn cụ thể, Phật giáo phát triển cùng với việc hình thành nhiều cơ sở thờ tự. Đặc biệt, trong những giai đoạn Phật giáo chấn hưng, các cơ sở thờ tự phát triển

<sup>55</sup> Tỉnh uỷ, Uỷ ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai, *Địa chí Đồng Nai*, tập V. Văn hóa Xã hội, NXB Tổng hợp Đồng Nai, 2001.

<sup>56</sup> Cũng có ý kiến cho rằng, chùa Bửu Phong do Thiền sư Bửu Phong khai sơn.

mạnh ở miền Nam trong thế kỷ XX; trong đó có địa bàn Biên Hòa. Một số chùa, tịnh thất, tịnh xá ở Biên Hòa thuộc Hệ phái Khất sĩ do Tôn sư Minh Đăng Quang thành lập. Một số chùa, tu viện, tịnh thất Liên Tịnh độ non bông do Hòa thượng Thiện Phước thành lập. Những chùa, tu viện, tịnh thất, tịnh xá phát triển Biên Hòa từ nửa cuối thế kỷ XX.

Trong việc hình thành cơ sở thờ tự của đạo Phật, ngoài những chùa do các nhà sư khai sơn, cư dân của làng khởi dựng đã tồn tại và phát triển; về sau, có một số cơ sở thờ tự mang tính tự phát, có tính chất của riêng gia đình hay cá nhân. Thường những cơ sở này là những am, niệm Phật đường của cá nhân nhưng sau một thời gian được “cải gia vi tự”, tham gia vào giáo hội của Phật giáo. Một số trường hợp có thể nêu lên như: chùa Vạn Linh (chùa Ông Sảnh, phường Tân Vạn) do ông huyện hàm Trần Ngọc Du khởi dựng từ 1903 để tu thân, niệm Phật. Sau này, con của ông Trần Ngọc Du thỉnh Đại đức Thích Huệ Minh từ chùa Sắc Tứ về trụ trì. Chùa Giác Minh (phường Tân Vạn) do cư sĩ Minh Đăng xây dựng vào năm 1939 để “tu tại gia”, sau này, con của cụ Minh Đăng là Đại đức Thích Minh Chánh trụ trì. Chùa Phổ Hòa (phường Thống Nhất) vốn là một am nhỏ do bà Lê Thị Giải xây dựng, sau này được cải thành chùa.

### *1.1. Niên đại*

Qua một số tư liệu khảo sát, một số ngôi chùa ở Biên Hòa thường ghi hoặc cung cấp năm khai sơn cụ thể. Những ngôi chùa được xem là cổ kính thường thấy năm khai sơn

được cho sớm nhất là vào thế kỷ thứ XVII; như: chùa Long Ân (1613), chùa Bửu Phong (năm 1616), chùa Long Thiên (1664), chùa Thanh Lương (1684), chùa Đại Giác và một số chùa khác vào khoảng thế kỷ XVII. Nhiều chùa được ước định khai sơn vào thế kỷ XVIII có các chùa Hoàng Ân (1726) và chùa Chúc Đảo, chùa Bửu Sơn, chùa Thiên Long, chùa Tân Quang (Gò Sỏi)... Khai sơn vào thế kỷ XIX có các chùa Quang Long (1862), chùa Thanh Long (1881), chùa Long Quang (1890) và chùa Phước Hội, chùa Phước Long... Thật khó mà khảo chứng chính xác niên đại của chùa cổ. Trong “Đại Nam nhất thống chí” của Quốc sử quán triều Nguyễn<sup>57</sup> khi nói đến Biên Hòa, đã đề cập một số ngôi chùa của tỉnh Biên Hòa. Như vậy, đây là những ngôi chùa được khai sơn sớm hoặc có danh tiếng, gắn liền với những chuyện tích liên quan nào đó mà người đời truyền tụng, sử sách ghi chép. Trong đó có các ngôi chùa:

- Chùa Hộ Quốc thuộc thôn Đắc Phước, huyện Phước Chính (nay thuộc phường Tân Vạn) do chánh Thống suất Nguyễn Cửu Vân xây dựng năm 1734. Đây là ngôi chùa danh tiếng, được ban biển ngạch chữ vàng “Sắc tứ Hộ quốc tự” vào năm 1735 do “Quốc chủ Vân truyền đạo nhân ngự đề”.

---

<sup>57</sup> Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, tập 5. NXB Thuận Hóa, 1992. Trong tư liệu này có đề cập đến một số ngôi chùa khác nhưng hiện nay thuộc địa bàn của huyện Long Thành hay thuộc tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Chúng tôi chỉ giới thiệu những ngôi chùa mà hiện nay thuộc địa bàn Thành phố Biên Hòa.

- Chùa Bảo Phong ở trên núi Bửu Phong thuộc địa phận thôn Bình Định Điện, huyện Phước Chính (nay là chùa Bửu Phong, phường Bửu Long) là một ngôi chùa có cảnh đẹp danh tiếng khắp vùng Biên Hòa.

- Chùa Bảo Sơn ở thôn Bình Thành, huyện Phước Chính, là nơi danh thắng (nay là chùa Bửu Sơn, còn có tên gọi chùa Phật bốn tay, phường Hòa Bình).

- Chùa Bảo Thành ở thôn Bình Thành, huyện Phước Chính được nhắc đến với việc trong chùa có tượng thờ kỳ lạ được người dân phát hiện. Hiện nay, pho tượng này được xác định là Thần Vishnu – Bà la môn giáo của cư dân đã từng sinh sống tại đây.

- Chùa Đại Giác ở xã Tân Hưng huyện Phước Chính (nay là ấp Nhị Hòa, xã Hiệp Hòa) được cúng dường bằng thép vàng Đại Giác Tự vào đầu triều vua Minh Mạng – tương truyền của Hoàng nữ đệ tam công chúa Nguyễn Thị Ánh.

- Chùa Chúc Đảo ở thôn Bình Hành huyện Phước Lộc (nay là chùa Chúc Đảo, chùa Thủ Huồng thuộc ấp Nhị Hòa, xã Hiệp Hòa). Chùa gắn liền với chuyện tích nhân vật thư lại Thủ Huồng xứ Trấn Biên.

Trong nguồn tư liệu này, khi tìm hiểu cho thấy, có lẽ người dịch từ Hán ngữ ra Việt ngữ tên một số chùa thường dùng chữ Bảo thay cho Bửu (Bảo Phong/ Bửu Phong, Bảo Sơn/Bửu Sơn, Bảo Thành/Bửu Thành). Một điểm khác nữa là hiện nay, chùa Bửu Sơn lưu giữ pho tượng mà tư liệu

cho là trong chùa Bửu Thành và hai chùa này gần nhau. Phải chăng, chùa Bửu Thành và Bửu Sơn có sự hợp nhất trong một giai đoạn nào đó hoặc cũng có thể tượng trưng đây thuộc chùa Bửu Thành do nguyên cơ nào đó đã chuyển về Bửu Sơn. Hiện nay, chùa Bửu Thành được xây dựng vào năm 1952 – phải chăng, đây là ngôi chùa được xây trên nền cũ của Bửu Thành xưa (?).

Trong thế kỷ XX, chùa ở Biên Hòa được xây dựng khá nhiều. Những thập niên đầu thế kỷ, các ngôi chùa được xây dựng có thể kể đến như: chùa Vạn Linh/chùa ông Sảnh (1903), chùa Long Phú (1905), chùa Hiền lâm sơn/Hóc Ông che và chùa Bửu Hưng (1920), chùa Tịnh Lâm, chùa Long Sơn Thạch Động (1928), chùa Bửu Linh (1935), chùa Giác Minh (1939), chùa Đại Phước (1940)...

Có ý kiến cho rằng, trong giai đoạn chấn hưng Phật giáo ở miền Nam của nền Đệ nhị cộng hòa ở miền Nam Việt Nam (từ 1963 trở đi), sự hình thành của nhiều môn phái trong Phật giáo đã tác động đến việc thành lập, xây mới nhiều chùa, tịnh xá, tịnh thất trong nhiều địa bàn; trong đó có tỉnh Biên Hòa xưa – mà thành phố Biên Hòa ngày nay là một địa bàn trung tâm tỉnh lỵ. Trong đó, các chùa hay tịnh xá, tịnh thất như: chùa Bửu Thành và Tịnh xá Ngọc Bửu (1952), chùa Viên Giác (1957), chùa Phước Viên và chùa Linh Sơn (1960), chùa Phổ Hòa (1961), chùa Hoa Quang, Hải Quang ni tự và tịnh xá Ngọc Hiệp (1963), chùa tịnh Nghiêm và tịnh xá Ngọc Long (1964), chùa Định Quang (1965), tịnh xá Ngọc Ân, tịnh xá Thắng Liên Hoa và

Quan Âm tu viện (1966), Già Lam Thiện sanh (1967), tịnh xá Ngọc Uyển (1968), chùa Phi Lai và tịnh xá Ngọc Hòa (1969), chùa Từ Tôn (1970), chùa Bửu Đức (1971), chùa Tam Bửu (1972), chùa Phước Huệ (1975)...

Sau năm 1975, có nhiều chùa được xây dựng mới như: chùa Tịnh Châu Như Ý (1980), tịnh thất Đại Thế Chí (1986), Tịnh thất Phổ Hạnh (1988), tịnh thất Thích Ca (1995).

Qua những niên đại được khảo sát tại cơ sở tín ngưỡng, những nguồn tư liệu khác, cho thấy những di tích chùa ở Biên Hòa khá đa dạng. Những ngôi chùa cổ được khai sơn sớm gắn liền với những thiền sư trong buổi đầu khai khẩn cách đây gần ba thế kỷ. Trọng những giai đoạn về sau, chùa tiếp tục được xây dựng, mở mang, trùng tu. Đặc biệt, nửa cuối thế kỷ XX, những cơ sở chùa, tịnh thất, tịnh xá thuộc nhiều tông phái được khai mở với quy mô khác nhau. Trong đó, đánh dấu cho việc khai mở cơ sở tịnh thất theo hệ phái Khất sĩ đầu tiên là tịnh xá Ngọc Bửu (phường Bửu Long) vào năm 1952.

## ***1.2. Phân bố***

Trên địa bàn Biên Hòa có khá nhiều chùa, tịnh xá, tịnh thất. Qua thống kê cho thấy các cơ sở tín ngưỡng thờ Phật này được bố trí như sau<sup>58</sup> (xếp theo thứ tự ABC của đơn vị hành chánh):

---

<sup>58</sup> Trong phần thống kê này, chúng tôi nêu lên hết các ngôi chùa, Tịnh xá, Tịnh thất – nói chung là cơ sở tín ngưỡng thờ Phật hiện có, được bố trí theo địa bàn hành chánh của Biên Hòa. Trong số này có một số ngôi chùa người Hoa. Chúng tôi đánh dấu\* để phân biệt nhưng không phân tích những đặc điểm liên quan. Chùa Hoa xem thêm phần chương III.

- Phường An Bình: chùa Định Quang, Tịnh xá Ngọc Hiệp, Tịnh xá An Phước.

- Phường Bình Đa: chùa Tịnh Nghiêm, chùa Tư Nghiêm\*.

- Phường Bửu Hòa: chùa Bửu Linh, chùa Long Thiên, chùa Long Tân, chùa Tân Sơn, chùa Thanh Lương, chùa Tịnh Lâm, tịnh xá Ngọc Uyển, Quan Âm tu viện.

- Phường Bửu Long: chùa Bửu Phong, chùa Bà Thiên Hậu\* (miếu Tổ sư), chùa Bình An, chùa Bửu Đức, chùa Bửu Liên, chùa Long Ân, chùa Long Sơn Thạch Động, chùa Phổ Hiền, chùa Linh Sơn, chùa Thừa Trung, chùa Hải Quang ni tự, tịnh xá Ngọc Ân, tịnh xá Ngọc Bửu, tịnh thất Phổ Hiền.

- Phường Hòa Bình: chùa Bửu Sơn, chùa Bửu Thành.

- Phường Long Bình Tân: chùa Long Phú.

- Phường Quang Vinh: chùa Bửu Hưng (Cô hồn).

- Phường Quyết Thắng: chùa Phụng Sơn\*.

- Phường Tam Hiệp: chùa Từ Tôn, chùa Viên Giác, tịnh xá Quan Âm.

- Phường Tam Hòa: chùa Hoa Quang.

- Phường Tân Hiệp: chùa Phước Viên.

- Phường Tân Mai: chùa Long Quang.

- Phường Tân Phong: chùa Đức Quang, chùa Quang Long.



- Phường Tân Tiến: chùa Tam Bửu Gia, chùa Phúc Lâm, chùa Phi Lai, Già Lam Thiện Sanh.

- Phường Tân Vạn: chùa Sắc Tứ, chùa Vạn Linh, Tịnh xá Giác Minh.

- Phường Thống Nhất: chùa Đại Phước, chùa Phước Huệ, chùa Tịnh Châu Như Ý, chùa Thiên Quốc, chùa Long Hòa, chùa Thiên Long, chùa Tam Bửu, chùa Đức Tường, chùa Pháp Bảo, tịnh xá Ngọc Hiệp, tịnh xá Ngọc Hòa, tịnh xá Đại Thế Chí, tịnh xá Thích Ca, tịnh xá Ngọc Long.

- Phường Trung Dũng: chùa Thanh Long, chùa Hưng Bình.

- Xã Hiệp Hòa: chùa Đại Giác, chùa Hoàng Ân, chùa Chúc Đảo, chùa Phước Hội, chùa Phước Long, tịnh xá Thắng Liên Hoa, chùa Ông\*.

- Xã Hóa An: Hiền Lâm sơn tự, chùa Tân Quang, chùa Công Sĩ.

- Xã Tân Hạnh: chùa Hạnh Sơn.

Trên địa bàn Biên Hòa, một số địa bàn cơ sở không có chùa như phường Tân Biên, phường Hồ Nai, phường Trảng Dài, phường Thanh Bình, phường Tân Hòa, phường Long Bình.

### ***1.3. Tên gọi***

Tên gọi chùa đa dạng, gắn với những đặc điểm riêng tùy thuộc vào nguồn gốc, địa phương, hệ phái của cơ sở tín ngưỡng.

Qua khảo sát cho thấy, tên chùa được gọi thật đa dạng với nhiều mỹ tự. Biền tên chùa thường được dùng chữ Hán (Bửu Hưng tự/phường Quang Vinh, Bửu Sơn tự/phường Hòa Bình). Có những ngôi chùa được xem là chùa xưa thì dùng thêm chữ “cổ”. Ví dụ: Bửu phong cổ tự (phường Bửu Long), Hoàng Ân cổ tự (xã Hiệp Hòa), Thanh Lương cổ tự (phường Bửu Hòa)... Một số cơ sở tín ngưỡng Phật giáo khác thì gọi là tịnh thất, tịnh xá và gắn với danh xưng.

Một số ngôi chùa ở Biên Hòa thường gắn với tên làng xưa mà những tên làng, xã ấy hiện nay không tồn tại trong địa danh hành chánh. Như vậy, có thể xem đó là những ngôi chùa làng, chùa có niên đại sớm. Cũng có những trường hợp, tên chùa đã thay đổi nhưng tên gọi dân gian vẫn còn được dùng đến, chỉ rõ đó là ngôi chùa của làng. Chùa Thiên Long (phường Thống Nhất) là một minh chứng rõ nét: chùa làng, chùa Bình Trước. Bình Trước là địa danh của một làng, của một xã trước đây mà địa giới bao gồm một phần diện tích của thành phố Biên Hòa hiện nay.

Cũng cần lưu ý, tên làng ở Biên Hòa trước đây được đặt với nhiều mỹ tự. Những mỹ tự của làng, xã Biên Hòa thế kỷ XIX thường có các chữ đầu: Tân, Bình, Phước, Long, An, Vĩnh, Mỹ, Xuân, Chánh, Hưng... Những mỹ tự này gắn liền với những địa danh hành chánh của thời nhà Nguyễn: huyện Phước Long rồi phủ Phước Long, huyện Bình An, huyện Phước Chánh, tổng Chánh Mỹ và đến cấp làng Bình Hoành, Bình Hòa, Tân Giám, Hưng Phú, Long Quới... (thuộc xã Hiệp Hòa)... Những ngôi chùa có tên gọi

tàu bằng những mỹ tự nêu trên ở Biên Hòa như: chùa Tân Quang (xã Hóa An), chùa Thiên Long (phường Thống Nhất), chùa Thanh Long, chùa Hưng Bình (phường Trung Dũng), chùa Long Thiên (phường Bửu Hòa), chùa Phước Long, chùa Phước Hội (xã Hiệp Hòa)...

Một điểm đáng lưu ý trong tên gọi chùa ở Biên Hòa, chúng tôi nhận thấy tên gọi bắt đầu chữ Bửu – chiếm số lượng khá nhiều. Tra cứu những tên làng, thôn của Biên Hòa xưa, chúng tôi không nhận thấy một tên làng nào bắt đầu từ chữ Bửu. Ví dụ: chùa Bửu Linh (phường Bửu Hòa), chùa Bửu Phong, Bửu Đức, Bửu Liên (phường Bửu Long), chùa Bửu Sơn, chùa Bửu Thành (phường Hòa Bình), chùa Bửu Hưng (phường Quang Vinh)... Phải chăng, từ Bửu được dùng đặt tên cho chùa gắn với chữ Bảo – trong Tam bảo – cách thường gọi của nhà Phật về ngôi Tam Bảo? Riêng, các ngôi chùa Bửu Phong, Bửu Liên, Bửu Đức (phường Bửu Long) lấy chữ đầu của ngọn núi Bửu Long trên địa bàn Biên Hòa.

Một số tên gọi của các chùa gắn với những chuyện tích được lưu truyền mà cách gọi dân gian còn được nhắc đến. Như chùa Chúc Đảo hay Chúc Thọ còn gọi là Chùa Thủ Huồng (xã Hiệp Hòa), chùa Mục Đồng<sup>59</sup> (chùa Bửu Linh). Một số chùa có tên gọi gắn với tên người có công khởi

---

<sup>59</sup> Những chùa có tên gọi dân gian là chùa Mục Đồng – thường gắn với những câu chuyện liên quan đến trẻ chăn giữ trâu, bò ở địa phương trước đây. Ban đầu trẻ mục đồng nặn tượng để chơi, trong đó có những tượng Phật khá kỳ thú. Từ chỗ tượng này xuất hiện, có sự hiển linh thì người dân lập chùa để thờ. Đây là một dạng mô-típ khá phổ biến ở Đồng Nai.

dựng: chùa Đại Phước/chùa Ông Tám (phường Thống Nhất), chùa Vạn Linh/chùa Ông Sảnh (phường Tân Vạn), chùa Quang Long/chùa Thầy Viên (phường Tân Phong). Chùa gắn với đặc điểm của người khởi dựng: chùa Long Tân/chùa Ông Thầy hút gió (phường Bửu Hòa). Chùa có tên gọi với đặc điểm nơi chùa tọa lạc: chùa Hiền Lâm sơn tự/Hóc Ông che – địa điểm trong hóc của núi (xã Hóa An), chùa Phước Long/chùa Gò Cát – vùng Gò nhiều cát, gần Rạch Cát chùa Thiên Quốc/chùa Ao, chùa Ruộng – nơi có nhiều ao, ruộng (phường Thống Nhất).

Tên gọi dân gian đôi với nhiều chùa bắt nguồn từ những sự kiện liên quan hay đặc điểm nổi bật liên quan đến lịch sử chùa. Chùa Đại Giác (xã Hiệp Hòa) có nhiều tên gọi qua các thời kỳ là một ví dụ. Một số tư liệu cho biết: vào năm 1779, trên đường trốn chạy sự truy đuổi của quân Tây Sơn, người con gái của chúa Nguyễn Ánh đến nương náu chùa Đại Giác và thoát nạn. Khi Nguyễn Ánh lập nên thanh thế, xưng vương đã nhớ đến và ban cho chỉ trùng tu chùa. Vua sai binh thợ đến giúp việc xây cất, cho tượng binh đến dậm nền nên có tên là chùa Tượng. Đợt trùng tu khác, nhà vua cúng chùa một pho tượng lớn bằng gỗ mít nên chùa còn được gọi là chùa Phật Lớn. Ngôi chùa này còn gắn với tích chuyện về tám biển “Đại Giác tự” của một công chúa nhà Nguyễn cúng tặng, có ghi rõ “*Tiên triều Hoàng nữ đệ tam công chúa Nguyễn Thị Ngọc Anh*”<sup>60</sup>. Chùa Bửu Sơn

---

<sup>60</sup> Phan Đình Dũng, *Chùa Đại Giác và những chuyện tích*, Báo Đồng Nai số 1421, 2008.

(phường Hòa Bình) có lối kiến trúc phân chánh điện gồm các bộ vì kèo được tạo dạng vuông vức từ trên nóc của một cây cột chính tỏa xuống tạo thành tám ngăn nhỏ kiểu bát quái nên còn được người dân gọi là chùa Một Cột. Đồng thời, với pho tượng đá được thờ ở hậu điện khá độc đáo thể hiện hình người ngồi có bốn tay cầm bốn linh vật, phía sau có hình lá đề, trên khắc những dòng chữ Sanscrit/Phạn nên còn được truyền gọi là chùa Phật Bốn tay<sup>61</sup>.

Bên cạnh đó, một số tên của Tịnh xá, Tịnh thất phụ thuộc vào hệ phái truyền thừa. Những Tịnh thất, Tịnh xá thuộc phái Khất sĩ ở Biên Hòa có tên gọi bắt đầu bằng chữ Ngọc chiếm số lượng nhiều: Tịnh xá Ngọc Hiệp, Tịnh xá Ngọc Uyển, Tịnh xá Ngọc Bửu, Tịnh xá Ngọc Ân, Tịnh xá Ngọc Long...

Có tên chùa do người trụ trì đặt tên gắn liền với những mốc đáng nhớ trong quá trình xuất gia, tu tập đồng thời cũng mang ý nghĩa về lòng từ bi, hỉ xả của đạo Phật. Chùa Từ Tôn (phường Tam Hiệp) là một ví dụ. Chùa Từ Tôn do Thượng tọa Thích Phước Tú khởi dựng năm 1970. Tên gọi Từ Tôn được biện giải là ghép từ hai chữ của Tổ đình mà người khởi dựng tu học là Từ Đàm (Huế) và Thuyền Tôn<sup>62</sup>.

---

<sup>61</sup> Đây là pho tượng Vishnu bằng chất liệu đá được người dân phát hiện trên địa bàn với nhiều chuyện tích kỳ thú từ rất lâu, sau đó thỉnh vào thờ. Vishnu là một trong những vị thần của đạo Bà la môn, được người Chăm tôn thờ.

<sup>62</sup> Ban Trị sự Phật giáo tỉnh Đồng Nai, Những ngôi chùa Đồng Nai, tập 1. NXB Văn hóa thông tin, 2002.

Một đặc điểm đáng lưu ý của nhiều ngôi chùa ở Biên Hòa là các liên đối trong di tích có đề cập đến tên gọi của chùa. Mỗi chữ của tên gọi chùa thường bắt đầu của một hàng chữ trong cặp đối. Qua tham khảo nguồn tư liệu chữ Hán được ghi chép<sup>63</sup>, chúng tôi lược một số di tích chùa trong trường hợp này gồm:

- Chùa Bửu Phong (phường Bửu Long):

*Bửu* điện nguy nga lâm lâm kim khu nghiêm sắc tướng.

*Phong* sơn nghiêm lãnh diễn diễn thương hải phiếm  
từ bàng

- Chùa Bửu Sơn (phường Hòa Bình):

*Bửu* địa tài bồi nhân chủng am thừa quy vạn Phật.

*Sơn* môn khai phát quả thành tứ chúng hội thiên tăng.

- Chùa Bửu Thành (phường Hòa Bình):

*Bửu* tứ tam đa phổ chiếu quần sinh cộng hưởng

*Thành* minh lục đức quang huy pháp giới tế tu

- Chùa Chúc Thọ (xã Hiệp Hòa):

*Chúc* địa chủng bồ đề tiếp dẫn thánh phàm đồng  
cộng nhập

*Thọ* hoa trình bát nhã thân nghênh quý khách đặc  
thường lâm.

---

<sup>63</sup> Ủy ban Nhân dân thành phố Biên Hòa. *Di sản chữ Hán trong các đình, chùa, miếu – mào, từ đường ở Biên Hòa – Đồng Nai*, 1998.

- Chùa Đại Giác (xã Hiệp Hòa):

*Đại đạo quang minh cung nghênh đại đức đấng âu bảo điện  
Giác môn thanh tịnh khai thỉnh chân sư cộng nhập  
thiên đường.*

- Chùa Hiền Lâm sơn tự (xã Hóa An):

*Hiền kính linh thông bát nhã môn hiền nhân vọng nhập  
Lâm sơn hàm ứng bồ đề địa thiện tín quy tông.*

- Chùa Long Ân (phường Bửu Long):

*Long hiện oai thần phò chánh pháp  
Ân thừa Phật lục độ quân sanh*

- Chùa Long Thiên (phường Bửu Hòa):

*Long địa phát trung hưng cảnh phước tường quang  
vạn tải như chân đa thú vị*

*Thiên cơ khai đạo đạo thiên thai phổ chiếu ức niên  
giác tánh mãn hình hương*

- Chùa Thanh Lương (phường Bửu Hòa):

*Thanh lịch phát hoàng khia bát nhã phổ chiếu lâm  
quang trình hoàng lạc*

*Lương hoàn sanh ngọc đóng bồ đề từ niệm đức hồng  
hiện gian phong.*

## **2. Kiến trúc, bài trí đối tượng thờ**

### **2.1. Tổng quan kiến trúc**

Thuở ban đầu, cũng như các cơ sở tín ngưỡng thời di dân mới khai phá, chùa ở Biên Hòa được xây dựng với các

loại vật liệu bằng gỗ. Kiến trúc chùa với quy mô nhỏ, vừa phải. Trải qua nhiều giai đoạn lịch sử, với nhiều nguyên do, nhiều chùa ở Biên Hòa bị xuống cấp. Đặc biệt, trên địa bàn Biên Hòa, trận lụt năm Nhâm Thìn (1952) đã làm nhiều ngôi chùa ven sông Đồng Nai bị hư hại. Đồng thời, với sự phát triển kinh tế với nhu cầu của cộng đồng dân cư địa phương, nhiều chùa được sửa chữa, trùng tu nhiều lần. Kiến trúc chùa được mở rộng hoặc xây dựng, coi nới thêm.

Trong những thập niên nửa cuối thế kỷ XX, chùa ở Biên Hòa được xây dựng, mở rộng với các loại vật liệu kiên cố. Nhiều thành tố kiến trúc ban đầu của các ngôi chùa bị phá vỡ hoặc còn bảo lưu được ít dấu tích xưa.

Dạng thức nhà tứ trụ trong chánh điện là kiểu thức kiến trúc truyền thống của chùa xưa ở Biên Hòa. Kiểu thức kiến trúc này cho thấy phần trung tâm chánh điện - thờ Phật được thiết kế bởi bốn cột chính, khoảng cách từ các cột bằng nhau tạo một diện tích hình vuông. Trước đây, cột làm bằng các loại gỗ quý, to, tròn. Sau này, các đợt trùng tu, sửa chữa, các cột chính này được xây dựng bằng xi-măng, cốt thép. Phía trên trong phần chánh điện thường được tôn cao lên với một khoảng trống trong toàn thể nội điện. Từ các cột chính này có thể mở rộng ra các hướng bằng hình thức liên kết các vì kèo xuyên ra, kéo dài và thấp hơn chánh điện. Chính hình thức mở rộng này làm tôn nghiêm nơi thờ Phật và mở rộng nội điện để bài trí các đối tượng thờ khác. Dạng thức kiến trúc nhà tứ trụ được xem là *“kiến trúc đặc biệt có nguồn gốc từ kiểu nhà rường với quy*



*thức bó buộc là vương vức... Dạng nhà tứ trụ này có lẽ bắt nguồn từ hình dạng của tháp thường gọi là stupa, một từ gốc Phạn du nhập vào xứ ta để thành từ chùa”<sup>64</sup>.*

Các chùa ở Biên Hòa còn bảo lưu dạng thức kiến trúc tứ trụ trong chánh điện gồm: chùa Bửu Phong (phường Bửu Long), chùa Đại Giác, Hoàng Ân, chùa Chúc Thọ (xã Hiệp Hòa), chùa Hiến Lâm sơn tự (xã Hóa An), chùa Thanh Long (phường Trung Dũng), chùa Thiên Long (phường Thống Nhất), chùa Thanh Lương (phường Bửu Hòa)...

Xét về mặt bằng tổng thể kiến trúc thờ tự chính, các di tích chùa ở Biên Hòa có cấu kết các loại hình theo kiểu dạng chữ Hán, gồm: chữ Nhất, chữ Nhị, chữ Tam, chữ Công, chữ Đinh. Số liệu khảo sát, thống kê cho thấy như sau:

- Lối chữ nhất (一): chùa Vạn Linh (phường Tân Vạn).

- Lối chữ nhị (二), gồm: chùa Đại Giác, chùa Bửu Hưng, chùa Đại Phước, chùa Hoàng Ân, chùa Vạn Linh, chùa Bửu Thành, chùa Bửu Linh, chùa Phước Hội, chùa Tịnh Lâm, Hải Quang ni tự.

- Lối chữ tam (三), gồm: chùa Long Thiên, chùa Bửu Phong, chùa Thanh Long, chùa Thanh Lương, chùa Thiên Long, chùa Chúc Đảo, chùa Bửu Sơn, chùa Long Ân, chùa Long Phú.

---

<sup>64</sup> Huỳnh Ngọc Trảng, *Đồng Nai danh lam và cổ tích*, Kịch bản phim tư liệu. Bảo tàng Đồng Nai, 1995.

- Lối chữ công (工), gồm: chùa Phước Long, chùa Định Quang.

- Lối chữ đinh (丁), gồm: chùa Hiền Lâm sơn tự.

Những ngôi chùa trên địa bàn Biên Hòa có lối kiến trúc chữ Tam chiếm đa số. Bên cạnh đó, nhiều thành tố kiến trúc được xây dựng, mở rộng sau này chắc chắn đã làm cho tổng thể chung trong mặt bằng chùa có nhiều biến đổi so với kiến trúc ban đầu. Khuôn viên chùa có những tháp, đài. Đa phần, đài tượng Quan Âm được xây dựng khá phổ biến phía trước sân chùa.

Một số ngôi chùa trong phần chánh điện có kiểu cổ lầu, dạng tôn thêm phần mở rộng không gian chánh điện lên cao. Tùy theo chùa mà dạng thức cổ lầu này có số tầng chông diềm khác nhau như: chùa Hoa Quang (phường Tam Hòa), chùa Đức Quang (phường Tân Phong) có dạng cổ lầu ba lớp mái chông diềm, chùa Viên Giác (phường Tam Hiệp), chùa Phước Viên (phường Tân Hiệp) hai lớp mái chông diềm, chùa Từ Tôn (phường Tam Hiệp), chùa Định Quang (phường An Bình)... một lớp mái chông diềm. Đa phần, những chùa kiểu chông diềm, cổ lầu có mái chánh điện tạo dáng hình thuyền bát nhã, các đầu mái cong vuốt lên.

Đa phần chánh điện các tịnh xá, tịnh thất thuộc hệ phái Khất sĩ ở Biên Hòa được thiết kế theo lối kiến trúc tháp bát giác, hai tầng mái. Phần dưới hình bát giác, tầng trên cùng hình bát giác hoặc tứ giác. Trên đỉnh tháp thường được trang trí hình hoa sen hoặc chữ Vạn. Một số tịnh thất, tịnh xá thì có những thành tố kiến trúc khác như nhà Cửu

huyền, nhà Tổ, cốc của tầng hoặc ni rất đa dạng. Có những dạng thức kiến trúc tân thời hoặc hình tháp với nhiều cấu kết phong phú.

Quan Âm tu viện (phường Bửu Hòa) là cơ sở tín ngưỡng của Phật giáo phái Tịnh độ Non Bồng lối kiến trúc được “khá tổng hợp” được xây dựng từ năm 1966. Trong khuôn viên của cơ sở này có nhiều cấu kết thành tổ kiến trúc tạo nên một tổng thể đa dạng; gồm nơi thờ tự, nhiều đài tháp, khu học tập, sinh hoạt và công tác xã hội.

Một số di tích chùa ở Biên Hòa được trùng tu vào giữa thế kỷ XX, có những ảnh hưởng tạo tác kiến trúc kiểu “mặt dựng” hay xây “lầu chuông lầu trống” giống chùa ở Huế. Trong số những ngôi chùa cổ Biên Hòa, được xếp hạng di tích cấp quốc gia như chùa Long Thiên (phường Bửu Hòa), chùa Bửu Phong (phường Bửu Long), chùa Đại Giác là những minh chứng có sự tân tạo theo lối kiến trúc chùa Huế. Chùa Long Thiên, chùa Bửu Phong với kiểu tạo tác mặt tiền thẳng, có nhiều mảng trang trí họa tiết bằng các mảng ghép sành sứ và hoa văn đắp nổi. Kiểu thức mặt tiền dựng thẳng còn thấy ở những chùa được tôn tạo sau này như Thanh Lương (phường Bửu Hòa), chùa Hoàng Ân (xã Hiệp Hòa)...

Tùy thuộc vào từng nơi mà trang trí trên mặt tiền dựng này những mảng mỹ thuật hoa văn, họa tiết đơn giản hay chi tiết cầu kỳ. Chùa Đại Giác được xây dựng với kiểu thức lầu chuông lầu trống nổi bật lên từ phía tiền điện đối xứng qua cửa vào chính. Nhiều chùa được trùng tu, mở rộng mới

trong những giai đoạn gần đây chuộng “mô-típ lâu trống, lâu chuông” như Đại Phước (phường Thống Nhất), chùa Phi Lai, chùa Phúc Lâm (phường Tân Tiến), chùa Sắc Tứ (phường Tân Vạn)...

Chùa Bửu Đức (phường Bửu Long) là một dạng thức kiến trúc khá dị biệt so với các chùa ở Đồng Nai. Đây là chùa theo hệ phái Nam Tông, được xây dựng năm 1971. Chùa được xây theo lối kiến trúc tháp xá lợi. Chánh điện chùa có một không gian rộng. Sự khác biệt là mái sàn chùa với năm ngọn tháp nhô cao. Ở giữa là tháp lớn hình vuông phía dưới và nhô cao lên hình vòm, che kín bốn phía theo kiểu tháp Sanchi (Ấn Độ). Trong tháp thờ xá lợi Phật. Bốn ngọn tháp chung quanh có thức kiến trúc tương đối giống nhau: dưới hình vuông, thông bốn cửa vách, trên hình chóp. Trên nóc mỗi tháp có đỉnh chóp khác nhau. Bốn ngọn tháp này được xem là biểu tượng cho những giai đoạn tiêu biểu trong cuộc đời của Đức Phật; có tên gọi: tháp “Bồ Tát đản sinh”, tháp “Bồ Tát thành Phật”, tháp “Phật chuyển pháp luân”, tháp “Phật nhập niết bàn”. Có ý kiến biện giải: Năm ngọn tháp được bố trí theo quan niệm “trung tâm hội tụ và 4 hướng đông, tây, nam, bắc” mang ý nghĩa vũ trụ quan của Phật giáo Ấn Độ (giữa là Tu Di sơn, Đông Thắng Thần Châu, Tây Ngưu Hóa châu, Bắc Cưu Lô châu, Nam Thiên Bộ châu)<sup>65</sup>.

---

<sup>65</sup> Ban Trị sự Phật giáo tỉnh Đồng Nai, *Những ngôi chùa Đồng Nai*, tập 1, NXB Văn hóa - Thông tin, 2002.

Cổng các di tích chùa, Tịnh xá, Tịnh thất ở Biên Hòa khá đa dạng. Theo lối truyền thống, các chùa đều có cổng Tam quan – cửa vào chùa với ba lối chính và tả, hữu. Thế nhưng, do nhiều yếu tố, có chùa có tam quan hoặc không. Cách xây dựng tam quan cũng khá đa dạng, có nơi xây dựng cầu kỳ với kiểu tam quan có mái, cổ lầu nhô cao, giả lợp ngói ống nhưng cũng có tam quan khá đơn giản. Một kiểu thức tam quan cổ lầu nhô cao nhiều tầng, có lầu trống treo trống, lầu chuông treo chuông, các đầu mái trang trí nhiều họa tiết cách điệu là chùa Phúc Lâm (phường Tân Tiến).

Trên mái chánh điện những ngôi chùa thường trang trí cặp rồng châu pháp lam, hay mặt trăng (lưỡng long châu pháp, lưỡng long triều nguyệt). Các đầu đao mái chùa được trang trí những hình rồng cách điệu. Những điểm nhấn trên đường viền mái, đầu nóc... thường được trang trí hình búp sen, pháp lam, cá hóa rồng, lân, phụng, hoa sen, chữ Vạn, hoi văn chữ Phạn, bánh xe pháp luân, bầu cam lồ, trái phật thủ... Đây là một tập thành những sản phẩm trang trí mỹ thuật bằng gốm, đá... được sử dụng không bó buộc trong một khuôn thức chung. Mái chùa thường được lợp ngói (ngói vảy cá, ngói móc).

## ***2.2. Bài trí đôi tượng thờ***

Chùa, Tịnh xá, Tịnh thất (gọi chung là chùa) được xây dựng để thờ Phật. Thế nhưng, bài trí trong chánh điện (còn gọi là Phật điện) của cơ sở tín ngưỡng Phật giáo ở Biên Hòa khá đa dạng và phụ thuộc vào những yếu tố liên quan. Việc bài trí trong chùa phụ thuộc chính vào tông phái của

chùa qua các đời truyền thừa. Thế nhưng, cũng có những thay đổi hệ phái ở một số chùa trong các những giai đoạn cụ thể về người trụ trì hay gắn với một sự kiện liên quan.

Trên địa bàn Biên Hòa, chùa thuộc hệ phái Bắc tông chiếm số lượng khá nhiều, trong khi hệ phái Nam tông có chùa Bửu Đức (phường Bửu Long), chùa Pháp Bửu (phường Thống Nhất) và Hệ phái Khất sĩ với hệ thống Tịnh xá chiếm ưu thế.

Về tông phái của Phật giáo có ý kiến cho rằng: “*có nhiều cách hiểu khác nhau và cách chia khác nhau về tông phái trong đạo Phật, nhưng trước hết, cần chú ý đặc điểm hoàn toàn khác với các đạo khác, đạo Phật không chia tông phái ra để khích bác, đả kích, xóa bỏ nhau, nguyên do là việc chia tông phái trong đạo Phật không phải xuất phát từ quyền lợi, từ phân chia khu vực ảnh hưởng... Thường trong quá trình lan truyền đi các xứ xa xôi, đạo Phật nảy sinh ra nhiều nhánh, nhiều chi, đến mỗi xứ, mỗi cộng đồng lại du nhập hoặc hòa trộn những sắc thái truyền thống, mang thêm nhiều giáo lý, nhiều lễ nghi mà thời sơ khởi đạo Phật vốn không có. Đây là một trong ba cách chia tông phái của đạo Phật; có thể căn cứ theo cách tu luyện mà chia ra làm ba Thừa: 1) Đại thừa/Ma-ha-ya-na; 2) Tiểu thừa/Hi-na-ya-na; 3) Trung thừa hoặc gọi theo tên tự là Mật tông/Tan-tism. Trung thừa gần Đại thừa hơn Tiểu thừa, nên có lúc người ta nhập Trung thừa với Đại thừa*”<sup>66</sup>. Về phân chia tông giáo cụ thể trong đạo Phật, cũng có ý

---

<sup>66</sup> Mai Thanh Hải, *Từ điển tôn giáo*. NXB Từ điển Bách Khoa, 2002.

kiến diễn giải: “Đạo Phật như một con đường. Con đường này có vài ba nẻo, vài ba Thừa. Rồi xem trong vài ba nẻo đó, lại có mấy ngã nữa. Tức là mấy tông để tiếp dẫn đưa con người tới chỗ sáng. Tâm linh trí não của chúng sanh, ai vừa với ngã nào, tông nào, hãy tâm học kinh sách và theo cách chỉ dạy của tông ấy...”<sup>67</sup> và liệt kê cụ thể các tông phái. Tiểu thừa gồm ba tông: Câu Xá tông, Thành Thiết tông và Luật tông; Trung thừa gồm ba tông: Pháp tướng tông và Tam luận tông; Đại thừa gồm bảy tông: Hoa Nghiêm tông, Thiên thai tông, Chơn Ngôn tông, Thiền tông, Pháp Hoa tông, Tịnh Độ tông, Chơn tông.

Ở Biên Hòa, Phật giáo có hệ phái Bắc tông (các tông phái: Lâm tế, Thiền tông, Cổ truyền Lục hòa tăng, Tịnh độ) và hệ phái Nam tông, hệ phái Khất sĩ<sup>68</sup>. Như vậy, phụ thuộc vào hệ phái mà từng chùa có cách bài trí các đối tượng thờ có những nét tương đồng song cũng có những sự khác biệt. Nơi thờ chính là chánh điện/ còn gọi là Phật điện. Nội thất trong gian chính được bài trí nhiều tượng thờ và thường

---

<sup>67</sup> Đoàn Trung Còn. Các tông phái đạo Phật. NXB Thuận Hóa. 2002.

<sup>68</sup> Tham khảo thêm: Tịnh độ tông là một tông phái trong Phật giáo Bắc tông. Ở Nam Bộ, có **Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam** do Tôn sư Minh Trí thành lập. **Tịnh Độ Tông Việt Nam** do các cư sĩ Đoàn Trung Còn, Nguyễn Văn Hắt và Lê Hồng Phước thành lập năm 1955. **Liên Tịnh độ Non Bồng** do Mẹ Trầu (tức Hòa thượng Thiện Phước) lập ở chùa Linh Sơn (Núi Dinh-Bà Rịa), sau này phát triển về Biên Hòa. Có ý kiến cho rằng, Tịnh độ Non Bồng có ảnh hưởng màu sắc của Bửu Sơn Kỳ Hương ở miền Tây. **Giáo Hội Lục Hòa Tăng Việt Nam** do các ông Nguyễn Toàn Trung, Lê Văn Bạch và Nguyễn Văn Đạt thành lập năm 1957. **Hệ phái Khất sĩ** do Tôn sư Minh Đăng Quang (thê danh là Nguyễn Thành Đạt, tự Lý Hườn, sinh năm 1923 tại Vĩnh Long) lập năm 1944.

phổ biến theo phương thức “*Tiền Phật hậu Tổ*” tức phía trước thờ Phật, phía sau thờ Tổ. Nếu những chùa, tịnh thất, tịnh xá có kiến trúc lâu thì trên thờ Phật dưới thờ Tổ.

Sự khác biệt trong thờ phụng, bài trí giữa Nam tông, Bắc tông Phật giáo có những điểm rõ nét. Trong tác phẩm “*Thâm ý qua hình tượng Phật, Bồ Tát*”, tác giả Thích Thanh Từ đã chỉ ra những điểm khác biệt giữa hai tông phái trong thờ phụng và những hình tượng được bài trí trong chùa. Chùa theo phái Nam tông thờ Phật Thích Ca và các vị La Hán đều là những vị đệ tử tôn túc của Người. Tượng Phật Thích Ca được tạc hình trong ba hoàn cảnh liên quan đến những giai đoạn tiêu biểu: lúc đang tu trong khổ hạnh lâm với thân thể gầy ốm, lúc thành đạo ngồi dưới cội Bồ đề, lúc nhập niết bàn với thân nằm ngay thẳng nghiêng về bên hữu cây Ta la song thọ. Chùa theo phái Bắc tông không chỉ thờ Phật Thích Ca mà còn nhiều vị Phật khác như: Phật Di Đà, Phật Di Lặc, Phật Đại Nhật, Phật Dược Sư... Ngoài ra, còn thờ các vị Bồ Tát như: Bồ Tát Quan Thế Âm, Địa Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền, Địa Tạng... các vị La Hán, ông Tiêu, ông Hộ, ông Thiện, ông Ác... Sự thờ phụng có những nét khác biệt này là kết quả của hai quan niệm khác nhau<sup>69</sup>.

Thông thường và phổ biến, hệ thống bài trí truyền thống trong chánh điện chùa Việt có những lớp tượng từ cao xuống thấp như sau:

---

<sup>69</sup> Thích Thanh Từ, *Thâm ý qua hình tượng Phật, Bồ Tát*. NXB Tôn giáo, Hà Nội.



- Lớp thứ nhất trên cùng: gồm ba tượng, gọi là Tam thế phật (Ba vị Phật của ba thời gian): Phật A Di Đà (quá khứ), Phật Thích Ca Mâu Ni (hiện tại), Phật Di Lặc (tương lai). Ba tượng Tam thế có kích thước và hình dáng giống nhau, đỉnh đầu có gò thịt nổi cao như búi tóc, tóc xoắn ốc, tai dài, ngực có chữ vạn (+), mình có sắc hoàn kim sáng rực, mặt nguyệt. Ba pho tượng Tam thế được đặt ngồi trên tòa sen.

- Lớp thứ hai: dưới tượng Tam thế Phật là bộ ba tượng gọi là “Di Đà tam tôn”(còn gọi là “Tây Phương tam thánh”) gồm tượng Phật A Di Đà ở giữa, tượng Bồ Tát Quán Thế Âm ở bên trái và tượng Bồ Tát Đại Thế Chí ở bên phải. Tượng Phật A Di Đà thường có kích thước lớn hơn hai tượng bên. Hai tượng còn lại là hai vị thị giả giúp việc cứu thế cho Phật A Di Đà nên thường được tạc kiểu đứng chầu bên cạnh.

- Lớp thứ ba: dưới ba pho tượng “Di Đà tam tôn” có ba tượng. Tượng ở giữa tác tư thế ngồi trên tòa sen là Phật Thích Ca Mâu Ni (còn gọi là Thích ca giáo chủ). Bên trái có tượng Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi và bên phải có tượng Bồ Tát Phổ Hiền trong tư thế đứng trên tòa sen. Bộ ba tượng này thể hiện cảnh Phật Thích Ca Mâu Ni đang thuyết pháp. Có nhiều nơi, thay vào vị trí của Văn Thù và Phổ Hiền là hai đệ tử của Thích Ca là Ca Diếp và A Nan Đà khi Phật Thích ca còn đang ở thế gian.

- Lớp thứ tư: ở giữa có tượng Cửu Long thể hiện Phật Thích Ca Mâu Ni lúc mới sinh, tư thế đứng, tay trái chỉ lên

trời, tay phải chỉ xuống đất. Hai bên có tượng tượng Đê Thích/vua chủ tế cõi trời dục giới và Phạm Thiên/vua chủ tế cõi trời sắc giới. Hai tượng này được tạc theo chân dung hoàng đế với đầu đội mũ miện, ngồi trên ngai.

Ngoài những lớp tượng kê trên, tùy theo chùa mà bài trí những lớp tượng xen kẽ khác. Trong đó, có những bộ tượng Tứ Bồ Tát hay Tứ Thiên vương hoặc một số tượng khác. Trong nội thất chùa, hai bên chánh điện, đối diện phía trước chánh điện/bái đường, tầng đường/hậu điện có những bài trí tượng thờ liên quan<sup>70</sup>.

Những lớp tượng được nêu trên là khá phổ biến. Việc bài trí tượng thờ trong mỗi chùa còn ảnh hưởng bởi nguồn gốc và hệ phái và tâm ý của người trụ trì. Chánh điện bố trí có những lớp tượng nhưng không thể bó buộc hoặc có những thay đổi, điều chỉnh, bổ sung qua các thời đoạn cụ thể do những yếu tố nêu trên. Khảo sát chùa theo hệ phái Bắc tông ở Biên Hòa, cho thấy quy cách bài trí tượng thờ, cũng mang đậm dấu ấn ngôi chùa Việt - Nam Bộ. Ở gian giữa chánh điện, trên cùng là bộ tượng Di Đà Tam Tôn, ở bậc thấp hơn là các vị Phật, Bồ Tát khác, các sám bài<sup>71</sup> và cuối cùng, thấp nhất là chuông, mõ cùng kinh sách nhật

---

<sup>70</sup> Dẫn theo Trần Nho Thìn, *Vào Chùa thăm Phật*, NXB Công an Nhân dân, 1991.

<sup>71</sup> Bộ Sám bài có 5 tranh bằng nhiều chất liệu: gỗ hay tranh vẽ trong khung kiếng. Thường được gọi là Ngũ vị sám bài; thể hiện hình tượng 5 vị sau: Quan Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ tát, Văn Thù Bồ Tát, Đức Thích Ca (hoặc Di Đà).

ụng. Hai bên chánh điện đối xứng nhau có Thập điện Diêm Vương, Địa Tạng Vương Bồ Tát... Phía trước chánh điện có hộ pháp, Tiêu điện đại sĩ. Hậu điện/nhà Tổ thờ Tổ sư Đạt Ma, nhưng bài vị Tổ trụ trì, Chuẩn Đề, Giám Trai... Trong nhà Tổ còn đặt hài cốt và bài vị của các Phật tử ký tự.

Về chùa, Tịnh xá, Tịnh thất thuộc hệ phái Khất Sĩ, phần chánh điện các tượng thờ được giản lược những lớp tượng thờ. Tượng thờ chính là Phật Thích Ca Mâu Ni. Tượng Thích Ca Mâu Ni đặt trang trọng trong tháp gỗ, đế tháp 3 tầng, đỉnh tháp hình chóp 13 tầng<sup>72</sup>. Trong nội thất còn thờ Tôn sư Minh Đăng Quang – người sáng lập Hệ phái Khất sĩ Việt Nam.

Chùa Bửu Đức (phường Bửu Long) thuộc hệ phái Nam Tông với phần chánh điện rộng, bài trí tượng Phật Thích Ca Mâu Ni lớn ngự trên tòa sen, dưới cội bồ đề. Những mảng tường nội điện thể hiện tranh những nội dung liên quan đến cuộc đời của Đức Phật.

Thế nhưng, do không có những quy cách bắt buộc, có thể thấy, ngoài những điểm cơ bản trong bài trí thờ phụng, các cơ sở chùa, Tịnh thất, Tịnh xá ở Biên Hòa có sự đa dạng trong bài trí riêng. Ở một số chùa, trong chánh điện còn bài trí một số tượng thờ Phật được Phật tử dâng cúng hoặc thậm chí tượng mang tính chất tín ngưỡng khác mà

---

<sup>72</sup> Có ý kiến lý giải về tháp: phần đế 3 tầng tượng trưng cho ba ngôi Tam bảo, phần chóp tháp 13 tầng tượng trưng cho 13 tiến hóa của chúng sanh.

Phật tử ký tự. Trong những phần kiến trúc khác của chùa như hậu điện, nhà giảng của nhiều chùa còn từng tự tượng Quan Thánh, tượng Ngọc Hoàng, tượng Bà Linh sơn Thánh mẫu. Một góc độ khác, trong khuôn viên chùa thường thấy những tượng Phật hoặc liên quan đến Phật cũng được bài trí do Phật tử cúng dường. Lòng tốt, tâm hướng đến Phật của con người nhà chùa không nở từ chối. Phải chăng sự đa dạng này thể hiện tính mở của cư dân Việt trên địa bàn Biên Hòa nói riêng, vùng đất Nam Bộ nói chung. Tính chất “mở” không quy buộc vào hình thức mà thể hiện ở “lòng thành, tâm tốt” của con người đối với Phật và đã làm nên một sự đa dạng mang phong cách “chùa Phật Biên Hòa” trong “chùa Phật ở Nam Bộ”.

Bài trí tượng thờ ở một số ngôi chùa xưa, chùa được xếp hạng di tích lịch sử ở Biên Hòa như sau:

- **Chùa Đại Giác** (xã Hiệp Hòa): ngôi chùa gắn với nhiều chuyện tích trên vùng đất Cù lao Phố, với sự quan tâm của Hoàng gia triều Nguyễn, được xếp hạng di tích lịch sử cấp quốc gia.

+ Tiền điện:

Hộ Pháp, Tiêu điện Đại sĩ.

+ Trung điện:

Phật Dược sư (Thể hiện một cây đèn khá độc đáo có 49 vị, trên cùng là Đức Phật Dược sư). Đây là nét độc đáo của chùa Đại Giác thể hiện Phật Dược sư.

+ Chánh điện (từ trên xuống):

Trên cùng là Thích Ca (tượng gỗ lớn)<sup>73</sup>, Bộ Di Đà Tam Thánh tư thế ngồi trên tòa sen: Di Đà, Thế Chí, Quam Âm; Đức Di Lặc; Ngọc Hoàng với Nam Tào, Bắc Đẩu; Hai vị Hộ pháp, Thất vị Dược Sư.

+ Hai bên chánh điện:

Tổ Huệ Năng và Quan Thánh.

+ Hành lang chánh điện:

Bộ thập điện Minh vương.

+ Hậu điện:

Tổ Đạt Ma.

+ Nhà giảng:

Chuẩn đề, Giám Trai.

- **Chùa Sắc tứ Hộ quốc quan tự** (phường Tân Vạn): một trong những ngôi chùa cổ, do Chánh thống suất Nguyễn Cửu Vân lập. Được chúa Nguyễn Phúc Chú ban biễn ngạch chữ vàng. Di tích từng bị phá hủy trong thời kỳ Tây Sơn đánh chiếm Biên Hòa.

+ Tiền điện:

Thích Ca (cửa chính), Hộ pháp và Tiêu điện đại sĩ (trên vách).

---

<sup>73</sup> Tương truyền đây là tượng do vua Gia Long cúng dường. Tượng được làm bằng gỗ mít, cao 2,25m.

+ Chánh điện (từ trên xuống):

Di Đà tam tôn (tượng Di Đà tư thế đứng), Di Đà tam thánh (ba vị tọa tòa sen), Thích Ca và Quan Âm, Địa Tạng (tư thế đứng), Thất vị Dược sư.

- Hậu điện/Nhà giảng:

Tổ Đạt Ma, Chuẩn Đề, Giám Trai, Ngọc Hoàng, Nam Tào, Bắc Đẩu và Quan Thánh. Thập điện Diêm Vương (chỉ có ba tượng) và Linh Sơn Thánh Mẫu.

- **Chùa Thanh Long** (phường Trung Dũng): là một trong những ngôi chùa gắn với tích mục đồng nặn tượng Phật. Chỗ dựng chùa được xem là đất Phật khi những tượng Phật được thả xuống suối lại nổi lên trên mặt nước. Lối kiến trúc chánh điện của chùa được bảo tồn theo thức tứ trụ truyền thống khá độc đáo.

+ Tiền điện: Đức Thích Ca và hai Hộ pháp.

+ Trung điện: Phật Dược Sư (Cây đèn với 49 vị trên mỗi nhánh).

+ Chánh điện (từ trên xuống):

Bộ ba tượng Di đà Tam tôn; Bộ ba tượng Tam thánh; Bộ ba Ngọc Hoàng và Nam Tào, Bắc đẩu; Ngũ Sám Bài; Đức Di Lạc; Đức Phật nhập niết bàn, Phật Đản sinh.

+ Hai bên chánh điện:

Bên phải: Bàn thờ Địa tạng, Thích Ca, Dược Sư và Mẫu Diêu Trì.

Bên trái: Bàn thờ Hộ pháp, Tiêu diện, La hán, Thích Ca và Quan Thánh.

+ Nhà Hậu:

Tổ Đạt Ma và Linh vị các đời trụ trì.

+ Nhà giảng/thiền đường: Chuẩn Đề và Quan Âm.

- **Chùa Thiên Long** (phường Thống Nhất): vốn là một ngôi chùa do dân làng Bình Trước tạo dựng. Là một trong những ngôi chùa còn bảo lưu những tượng thờ, bao lam, hoành phi với nghệ thuật điêu khắc gỗ độc đáo. Bộ tượng Di đà Tam tôn được xem là bộ tượng bằng gỗ lớn nhất trong tượng thờ các chùa ở Biên Hòa.

+ **Chùa Bửu Sơn** (phường Hòa Bình): ngôi chùa xưa, được sử sách nhắc đến. Nơi đây còn lưu giữ một tượng đá cổ thể nhiên thần Vishnu của Bà la môn giáo. Chùa có kiến trúc chánh điện khá độc đáo, kiểu tháp bát giác. Bài trí tượng thờ trên trục cột ở giữa chia làm nhiều tầng.

### **3. Những ngày lễ trong năm ở chùa Biên Hòa:**

Chùa là nơi để con người xuất gia tu tập và mọi người nếu có lòng thành đến lễ Phật, hoặc văn cảnh. Đây là cơ sở tôn giáo, trong năm có những ngày lễ liên quan trong Phật giáo mà chùa, tịnh xá, tịnh thất tổ chức.

- **Ngày Mồng 1 và Rằm trong tháng:**

Thông thường, chùa mở cửa cho mọi người đến viếng, lễ Phật. Trong tháng, ngày đầu tháng và ngày Rằm có nhiều

Phật tử đến lễ chùa hơn mọi ngày khác. Ngày đầu tháng còn gọi là ngày Sóc, ngày Rằm gọi là ngày Vọng. Đối với Phật giáo, ngày Sóc Vọng là ngày Trưởng tịnh, Sám hối. Những người theo đạo Phật thường ăn chay và đến chùa trong hai ngày này để tụng kinh, cầu nguyện tu sửa thân mình cho trong sạch, làm thiện, tránh ác.

Trong năm, có ba ngày Rằm được xem là trọng: Thượng nguyên (Rằm tháng Giêng), Trung nguyên (Rằm tháng Bảy) và Hạ nguyên (Rằm tháng Mười).

Ngày Rằm tháng Giêng, ngày của Thiên Quan Tứ Phước (còn gọi là Tết Nguyên tiêu). Phật tử và người dân đi viếng lễ chùa khá đông đảo để tạ ơn và cầu khẩn điều an lành.

Ngày Rằm tháng Bảy, ngày Địa Quan xá tội (cùng với Lễ Vu Lan), là một lễ hội lớn, Phật tử và nhiều người đi chùa thể hiện lòng thành với tín niệm nhớ ơn, báo hiếu cha mẹ. Một số chùa tổ chức cúng thí cô hồn hay lập đàn chẩn tế.

Ngày Rằm tháng Mười, ngày Thủy Quan giải ách, Phật tử, người dân đến chùa thắp nhang, cầu Phật với tín niệm được may mắn, thoát qua những nỗi tai ách trong cuộc sống.

#### **- Ngày cúng sao:**

Theo tín niệm được lưu truyền, mỗi người sinh ra đều có sao chiếu mệnh. Số phận con người trong từng năm cũng phụ thuộc vào sự xuất hiện của vì sao ứng vào năm



tuổi tốt hay xấu. Mỗi năm phải cúng sao chủ mệnh để cầu được điều an lành. Vì vậy, người nào tin vào vận sao thì đến một số chùa xin xem cho biết năm đó ứng với sao nào, tốt hay xấu. Tập tục cúng sao tập trung vào ngày mùng 8 tháng Giêng đến ngày Rằm tháng Giêng. Thời gian cúng sao hạn ở chùa diễn ra vào tháng Giêng nên nhiều người đến chùa để xem hạn và cúng giải hạn. Họ khấn Phật và các tinh quân (chủ mệnh sao) để mong được an lành, tai qua nạn khỏi.

### - Lễ Phật Đản:

Đây là lễ hội lớn ở mỗi chùa. Chuẩn bị cho Lễ Phật Đản kéo dài nhiều ngày trước đó. Phật tử và nhiều người dân đến chùa cúng Phật, cầu an. Nhiều chùa tổ chức cho gia đình Phật tử, nhóm Phật tử của chùa tổ chức nhiều sinh hoạt.

Trước đây, lễ diễn ra vào ngày mùng 8 tháng 4, sau này diễn ra vào Rằm tháng 4. Lý giải về thời gian tổ chức lễ Phật Đản có sự dịch chuyển này, có ý kiến cho rằng: Ngày tháng xác thật về đản sanh (cũng như xuất gia, thành đạo, chuyển pháp luân, tuổi thọ, ngày nhập diệt...) của Đức Phật Thích Ca có nhiều thuyết khác biệt nhau. Có ba thuyết chính về ngày Phật Đản sanh là: ngày 8 tháng 2 hay mùng 8 tháng 4 và ngày 15 tháng 2 (tức ngày trăng tròn tháng vêshakha – theo các kinh luận Phật giáo Nam Tông). Sự khác biệt như vậy được lý giải là do sự chênh lệch về “nguyệt phân” giữa lịch Ấn Độ và lịch Trung Quốc: Ấn Độ lập tháng Tý làm tháng giêng, còn Trung Quốc lập tháng

Dần làm tháng giêng. Như vậy, tháng tư theo âm lịch của Ấn Độ chính là tháng hai của Trung Quốc (Theo Câu xá luận bảo số). Việt Nam từ xưa ảnh hưởng bởi sự nhầm lẫn từ Phật giáo Trung Quốc nên lễ Phật Đản cũng được tổ chức vào mừng 8 tháng tư. Đến 1960, Đại hội Phật giáo thế giới tại Phnom Penh đã thống nhất lấy ngày Rằm tháng tư âm lịch là ngày Phật đản. Tuy vậy, ở miền Nam, vào năm 1962 mới bắt đầu tổ chức lễ Phật Đản vào Rằm tháng tư và từ năm 1963 trở đi, lễ Phật Đản vào ngày Rằm tháng tư mới thực sự là đại lễ. Năm 2008, Đại lễ Phật Đản Liên Hiệp Quốc được tổ chức ở Việt Nam vào Rằm tháng tư âm lịch. Lễ này còn gọi theo truyền thống Phật giáo Nam tông, là lễ Vesak – dịch nghĩa là lễ Tam hợp, tức cử hành chung vào một lượt cả ba lễ Phật Đản sanh, Phật thành đạo và Phật nhập Niết Bàn<sup>74</sup>.

Đặc biệt, trong năm 2008, Lễ hội Phật Đản Liên hiệp quốc được phép tổ chức tại Việt Nam thì lễ hội này diễn ra với nhiều hoạt động trên diện rộng, quy mô lớn. Trên địa bàn Biên Hòa, lễ hội diễn ra nhộn nhịp. Các chùa được trang hoàng rực rỡ. Một số chùa trang trí xe hoa tham gia các đoàn diễu hành trên những trục đường chính của Biên Hòa rồi tập kết tại sân lễ được tổ chức tại khu vực trung tâm thành phố Biên Hòa (Quảng trường tỉnh). Theo các đoàn xe hoa diễu hành, Phật tử sử dụng nhiều phương tiện, cắm cờ Phật giáo, cờ hoa tạo nên những hàng người nối dài qua nhiều phố, tạo nên không khí lễ hội náo nhiệt.

---

<sup>74</sup> Dẫn theo Tạp chí *Kiến thức ngày nay*, số 639, ngày 10/5/2008.

## - Lễ Vu Lan (Rằm tháng Bảy):

Trên địa bàn Biên Hòa, thời gian gần đây, một số chùa như Phi Lai (phường Tân Tiến), chùa Phước Viên (phường Tân Hiệp), chùa Viên Giác (phường Tam Hiệp)... tổ chức những đêm văn nghệ trong các dịp lễ Vu Lan, Phật Đản để phục vụ cho Phật tử, người dân đến văn cảnh, cầu Phật. Trong nội dung diễn, có những đoạn trích liên quan đến tích chuyện trong Phật giáo. Đặc biệt, trong lễ Vu Lan, chương trình diễn thường có những trích đoạn từ tích chuyện Mục Kiền Liên cứu mẹ.

Một số tư liệu cho biết: Lễ Vu Lan bắt nguồn từ sự tích về lòng hiếu thảo của ông Ma Ha Một Đạc Già La, thường gọi là Đại Mục Kiền Liên, gọi tắt là Mục Liên. Vốn là một tu sĩ khác đạo, về sau Mục Liên đã quy y và trở thành một đệ tử lớn của Phật, đạt được sáu phép thần thông rồi được liệt vào hạng thần thông đệ nhất trong hàng đệ tử của Phật. Sau khi đã chứng quả A La Hán, Mục Liên ngậm ngùi nhớ đến mẫu thân, bèn dùng huệ nhãn nhìn xuống các cõi khổ mà tìm thì thấy mẹ đã đọa vào kiếp ngạ quỷ (quỷ đói) nơi địa ngục A Tì. Thân hình tiều tụy, da bọc xương, bụng ỏng đầu to, cổ như cọng cỏ. Mẹ Mục Liên đói không được ăn, khát không được uống. Quá thương cảm xót xa, Mục Liên vận dụng phép thần thông, tức tốc đến chỗ mẹ. Tay bưng bát cơm dâng mẹ mà nước mắt lưng tròng. Mẹ Mục Liên vì đói khát lâu ngày nên giật vội bát cơm mà ăn. Tay trái bưng bát, tay phải bốc cơm nhưng chưa vào đến miệng thì cơm đã hóa thành lửa. Mục Liên đau đớn vô cùng, khóc than

thảm thiết rồi trở về bạch chuyện với Đức Phật để xin được chỉ dạy cách cứu mẹ.

Phật cho Mục Liên biết vì nghiệp chướng của các kiếp trước mà mẹ ông mới phải sanh vào nơi ác đạo làm loài ngựa quý. Một mình Mục Liên thì vô phương cứu được mẹ dù ông có thần thông đến đâu và dù lòng hiếu thảo của ông có thấu đến đất trời, động đến thần thánh. Phải nhờ đến uy đức của chúng tăng khắp các nẻo đồng tâm hiệp ý cầu xin cứu rỗi cho mới được. Bởi vậy, Phật dạy Mục Liên phải thành kính đi rước chư tăng khắp mười phương về, đặc biệt là các vị đã chứng được bốn quả thánh hoặc đã đạt được sáu phép thần thông. Nhờ công đức cầu nguyện của các vị này, vong linh mẹ Mục Liên mới thoát khỏi khổ đạo. Phật lại dạy Mục Liên sắm đủ các món để dâng cúng các vị ấy, nào là thức thức thời trân, hương dầu đèn nến, giường chõng chiếu gối, chăn màn quần áo, thau rửa mặt, khăn lau tay cùng các món nhật dụng khác. Đúng vào ngày rằm tháng 7 thì lập trai đàn để cầu nguyện, thiết trai diên để mời chư tăng thọ thực. Trước khi thọ thực, các vị này sẽ tuân theo lời dạy của Đức Phật mà chú tâm cầu nguyện cho cha mẹ và ông bà bảy đời của thí chủ được siêu thoát. Mục Liên làm đúng như lời Phật dạy. Quả nhiên vong mẫu của ông được thoát khỏi kiếp ngựa quý mà sanh về cảnh giới lành. Cách thức cúng dường để cầu siêu đó gọi là Vu Lan bồn pháp, lễ cúng đó gọi là Vu Lan bồn hội, còn bộ kinh ghi chép sự tích trên đây thì gọi là Vu Lan bồn kinh<sup>75</sup>. Tại

---

<sup>75</sup> Huệ Thiên. *Sự tích Rằm tháng Bảy và xuất xứ của hai tiếng Vu Lan*, trang thông tin thư viện Hoa Sen, 2006.

chùa Hoàng Ân (xã Hiệp Hòa), dịp lễ Vu Lan, chùa tổ chức lễ Bông hồng cài áo thu hút đông đảo người dân địa phương tham dự. Trong ngày lễ đầu năm, đặc biệt, từ phút giao thừa, những chùa ở Biên Hòa đón rất đông đảo người dân đến viếng chùa, lễ Phật và hái lộc, cầu lộc tạo nên một nét sinh hoạt khá nhộn nhịp.

Trong năm, tại các chùa có những ngày lễ theo Phật giáo thống nhất và những ngày giỗ Tổ (tùy thuộc vào mỗi chùa). Lịch lễ Phật giáo tính (theo âm lịch) chung như sau:

+ Tháng Giêng:

Ngày 1: Vía Đức Phật Di lặc.

Ngày 8: Vía Đức Phật xuất gia.

Bắt đầu những ngày cúng sao.

Ngày 15: Lễ Thượng nguyên.

Vía Thích Ca nhập diệt.

+ Tháng 2:

Ngày 19: Vía Bồ Tát Quan Thế Âm.

Ngày 21: Vía Bồ Tát Phổ Hiền.

+ Tháng 3:

Ngày 16: Vía Bồ Tát Chuẩn Đề.

+ Tháng 4:

Ngày 4: Vía Bồ Tát Văn Thù.

Ngày 15: Đại lễ Phật Đản.

Bắt đầu mùa An cư kiết hạ.

+ Tháng 6:

Ngày 19: Vía Bồ Tát Thế Âm thành đạo.

+ Tháng Bảy:

Ngày 13: Vía Bồ Tát Đại Thế Chí.

Ngày 15: Đại lễ Vu Lan

Mãn Hạ/ kết thúc mùa An cư kiết hạ.

Ngày 30: Vía Bồ Tát Địa tạng.

+ Tháng Tám:

Ngày 15: Tổ chức Rằm Trung thu.

+ Tháng Chín:

Ngày 19: Vía Bồ Tát Quan thế Âm xuất gia.

Ngày 30: Vía Phật Dược Sư.

+ Tháng Mười:

Ngày 15: Lễ Hạ nguyên

+ Tháng 11:

Ngày 17: Vía Phật A Di Đà

+ Tháng 12:

Ngày 8: Vía Phật Thích Ca thành đạo.

Ngày 25 và 30: Đưa và rước chư Phật.



### Chương III

## CƠ SỞ TÍN NGƯỠNG VÀ LỄ HỘI CỦA NGƯỜI HOA Ở BIÊN HÒA

### I. VÀI NÉT VỀ NGƯỜI HOA Ở BIÊN HÒA

Do nhiều biến động của xã hội, nhiều dân tộc từ các nơi khác đã tìm đến vùng đất Đồng Nai sinh sống trong nhiều thời kỳ lịch sử. Sự cộng cư nhiều thành phần dân tộc nói chung, trong đó có cộng đồng người Hoa nói riêng đã góp phần làm đa dạng sắc thái tộc người, sự phong phú về văn hóa của Đồng Nai.

Tại Đồng Nai, sự có mặt của người Hoa từ thế kỷ thứ XVII; cụ thể được định vị vào năm 1679. Sự kiện này được ghi chép trong “Đại Nam thực lục tiền biên” và một số sử sách của triều Nguyễn. Vào mùa xuân, tháng Giêng, năm 1679 (Kỷ Mùi), Tổng binh trấn thủ các địa phương thủy lục ở Long Môn tỉnh Quảng Đông (Trung Quốc) là Dương Ngạn Địch và phó tướng Hoàng Tiến; cùng Tổng binh trấn thủ các châu Cao, Lô, Liêm là Trần Thắng Tài (Trần Thượng Xuyên) và Phó tướng Trần An Bình đem hơn 3000

quân và hơn 50 chiến thuyền đến các cửa biển Tư Dung và Đà Nẵng xin chúa Nguyễn cho tỵ nạn trên đất Việt. Đây là nhóm người Hoa trung thành với nhà Minh, không chịu thần phục nhà Thanh nên đã nổi dậy phất cờ “bãi Mãn phục Minh” nhưng bất thành. Thấy họ lâm vào cảnh thế cùng lực kiệt, chúa Nguyễn tiếp đãi và sai các tướng Vân Trình, Văn Chiêu hướng dẫn nhóm người Hoa này vào đất Đông Phố để mở mang, sinh sống. Binh thuyền tướng sĩ của Dương Ngạn Địch theo cửa Lôi Lạp, cửa Đại, cửa Tiểu đến định cư ở Mỹ Tho; binh lính tướng sĩ Cao, Lôi, Liêm của Trần Thượng Xuyên theo cửa biển Cần Giờ đến định cư ở Bàn Lân xứ Đồng Nai (tức Biên Hòa ngày nay).

Bắt đầu từ cuối thế kỷ XVII cho đến những năm cuối thập niên 70, thế kỷ XX, số lượng người Hoa đến vùng Biên Hòa ngày càng tăng qua nhiều đợt di dân mỗi khi Trung Quốc hay các vùng người Hoa sinh sống có nhiều biến động. Trong đó, có những mốc đáng ghi nhận là từ sau năm 1954 và sau năm 1975. Từ sau năm 1975, có 3.331 hộ gồm 17.647 khẩu đến định cư tại Đồng Nai.

Theo thống kê dân số (1/4/1999) thì tổng số người Hoa ở Đồng Nai là 102.331 người, riêng trên địa bàn Biên Hòa có 6.097 người Hoa. Trong số này, nhóm người Hoa đến trước năm 1954 chiếm đa số và có mặt hầu hết tại địa bàn xã, phường và mỗi bang đều có cơ sở tín ngưỡng chung cũng là hội quán của cộng đồng. Nhóm cộng đồng người Hoa đến sau năm 1954 cư trú chủ yếu tại địa bàn phường Tân Phong (1.029 người) và Bình Đa (590 người).



Qua khảo sát và căn cứ từ nhiều cứ liệu cho thấy nổi lên các giai đoạn chính trong quá trình hội nhập của người Hoa trên địa bàn Biên Hòa như sau:

- Giai đoạn từ cuối thế kỷ XVII cho đến trước năm 1954: Đây là giai đoạn mà các nhóm cộng đồng người Hoa từ Trung Quốc sang với nhiều đợt rải rác. Hầu hết, số người Hoa này từ các tỉnh vùng Hoa Nam, Trung Quốc đến Nam Bộ bằng đường biển, sau đó định cư nhiều nơi, trong đó có địa bàn tỉnh Biên Hòa.

- Giai đoạn từ những năm cuối thập niên 50 đến năm 1975, thế kỷ XX: Đây là giai đoạn mà cộng đồng người Hoa di dân với quy mô lớn. Họ có nguồn gốc từ các tỉnh giáp biên giới phía Bắc Việt Nam, đã đến địa bàn Hải Ninh, tỉnh Quảng Ninh của Việt Nam sinh sống. Từ năm 1954, họ di cư vào miền Nam đến định cư tại vùng Sông Mao (nay thuộc xã Hải Ninh, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận). Do nhiều biến động xã hội, từ vùng Sông Mao, một số người Hoa bằng đường bộ, nhiều đợt đến định cư tại các địa bàn thuộc tỉnh Đồng Nai; trong đó có Biên Hòa.

- Giai đoạn từ sau ngày đất nước thống nhất (năm 1975), có thêm một số cộng đồng người Hoa từ các tỉnh ở miền Bắc Việt Nam và các địa phương khác trong miền Nam di dân đến địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Tín ngưỡng cộng đồng của người Hoa ở Đồng Nai cũng rất phong phú. Tùy theo đặc điểm mỗi bang, hội hay dòng họ mà người Hoa xây dựng những cơ sở thờ tự để cộng đồng thờ bái, cúng viếng. Cộng đồng người Hoa sinh hoạt

theo tổ chức Bang thì hệ thống thần linh thờ chính là Quan Thánh Đế Quân, Thiên Hậu, Quảng Trạch Vương. Người Hoa sinh hoạt theo tổ chức hội miếu thì hệ thống thần linh chủ yếu là Thổ Thần, Quan Âm. Ngoài các đối tượng thờ chính thường từng tự nhiều vị nhân thần khác.

Hơn ba thế kỷ kể từ khi đợt di dân đầu tiên đến Đồng Nai từ cuối thế kỷ thứ XVII, cộng đồng người Hoa đã có những đóng góp đáng kể trên vùng đất mới mà họ chọn làm nơi sinh sống, cư trú. Mặc dù đã trải qua bao thăng trầm, biến động của xã hội, những thế hệ người Hoa đã kề vai sát cánh với các dân tộc cộng cư trên đất Đồng Nai ra sức xây dựng một cuộc sống ấm no, hạnh phúc.

## II. CƠ SỞ TÍN NGƯỠNG CỦA CỘNG ĐỒNG NGƯỜI HOA Ở BIÊN HÒA

### 1. Khái quát chung

Kể từ khi đặt chân đến “*Đồng Nai xứ sở lạ lùng, con chim kêu phải sợ, con cá vùng phải kinh*”, nhóm người Hoa đầu tiên từng bước tạo lập cuộc sống trên vùng đất mới. Họ cùng với lưu dân người Việt, số lưu dân đến định cư trước, cần mẫn khai khẩn mưu cầu một cuộc sống mới với hy vọng ấm no, hạnh phúc hơn nơi mà họ đã ra đi dù trước mắt còn nhiều chông gai trắc trở. Bao thế hệ người Hoa từ đoàn di dân buổi đầu tiên trên đến những đợt di cư do nhiều biến cố xã hội sau này đã cùng nhau khẩn khai, xây dựng nơi được “tị địa” trước xa lạ trở thành “quê hương” thân quen, bao dung họ.

Hành trang đến với vùng đất phương Nam của nhóm lưu dân người Hoa ngoài sự cần cù, nhẫn nại, khéo léo trong buôn bán để mưu cầu cuộc sống no ấm, họ còn mang trong tâm thức mình hình ảnh của tổ tiên, thần, thánh, tập tục, tín ngưỡng. Do vậy, khi đã ổn định và thành công trong cuộc sống, người Hoa xây dựng nhiều ngôi chùa, đền miếu để tỏ lòng thành, ghi nhớ công lao với tổ tiên, phúc thần mà chính họ quan niệm rằng, đã giúp đỡ, chở che cho cộng đồng người Hoa trong suốt chặng hành trình đầy hiểm nguy và con đường lập nghiệp nơi vùng đất mới.

Nhóm người Hoa trong đoàn quân của Trần Thượng Xuyên đến Biên Hòa từ năm 1679 có tín ngưỡng thờ Ông (hay Quan Đế thánh quân) với nhiều tên gọi khác để chỉ về nhân vật lịch sử thời Tam quốc là Quan Vân Trường (một con người được tôn thánh của lòng trung nghĩa, tài đức vẹn toàn) được cụ thể hóa bằng các đền, chùa khá phổ biến trên vùng Biên Hòa. Bên cạnh tín ngưỡng thờ Ông qua đền, chùa, cộng đồng người Hoa còn thờ các vị nhân thần khác có gốc tích từ quê nhà. Di tích Phụng Sơn tự ở thành phố Biên Hòa là một điển hình của người Hoa bang Phúc Kiến. Họ tôn thờ Quảng Trạch tôn vương - một con người xuất thân từ tầng lớp nghèo khổ nhưng có chí hướng ở vùng Phụng Sơn, Nam An. Sống giúp dân dẹp loạn, chết oai linh hiển hách bảo vệ dân làng nên người Hoa Phúc Kiến suy tôn ông lên bậc thánh minh, gọi họ làm danh xưng Quách Thánh vương.

Đồng thời với tín ngưỡng thờ Ông, cộng đồng người Hoa còn có tín ngưỡng thờ Bà - mà nhân vật được tôn thờ

là Bà Thiên Hậu. Hầu hết các di tích tín ngưỡng của người Hoa ở Đồng Nai đều có miếu thờ Bà ở bên cạnh. Nguyên ủy bà Thiên Hậu là một nhân vật tài năng nhưng chết trẻ và thường hiển linh cứu độ người dân đi biển khi gặp bão giông, tai ương. Có lẽ, cảm ứng trước sự linh ứng, lòng trắc ẩn và cũng có thể quan niệm chính bà Thiên Hậu đã độ trì giúp cho họ trong chuyến vượt biển tìm đến nước Nam mà cộng đồng người Hoa ở vùng đất Biên Hòa đã không quên lập miếu tôn thờ. Di tích tiêu biểu và quy mô phải kể đến Thiên Hậu cổ miếu ở phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa. Nơi đây, vốn là một ngôi miếu nhỏ của những người Hoa bang Hẹ làm nghề đá tạo dựng để thờ Tổ sư Ngũ Đãng. Sự linh ứng của bà Thiên Hậu thu hút nhiều người tôn thờ nên người Hẹ đã rước Bà vào phối tự tại di tích.

Cộng đồng người Hoa trước đây sinh sống tại các tỉnh phía Bắc Việt Nam, đến Đồng Nai từ cuối thập niên 50, đầu thập niên 60, thế kỷ XX đã xây dựng cho mình những cơ sở tín ngưỡng chủ yếu là các miếu, thờ các vị thần chính như Quan Âm, Quan Thánh, Án Thủ công công, những bài vị định danh nhiều vị thần. Trong các bài vị có nêu Phục Ba tướng quân - nhân vật đã đàn áp cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng trong lịch sử chống xâm lăng của dân tộc Việt Nam. Yếu tố này cần xem xét một cách thận trọng. Các cơ sở tín ngưỡng với đối tượng thờ Quan Âm của nhóm cộng đồng người Hoa thường có quy mô kiến trúc lớn, tập trung ở những địa bàn mà người Hoa cư trú đông đảo như ở phường Tân Phong và Bình Đa.

## **2. Tên gọi các cơ sở tín ngưỡng**

Trên địa bàn Đồng Nai, các cơ sở tín ngưỡng người Hoa rất đa dạng và có mặt hầu hết ở các địa bàn hành chính cấp huyện, thành phố. Qua khảo sát, trên địa bàn Thành phố Biên Hòa có 16 cơ sở tín ngưỡng, trong số này, có cơ sở của cộng đồng người Hoa tại Thành phố Hồ Chí Minh (Nghĩa từ Phúc Kiến tại địa bàn xã Hóa An).

Cơ sở tín ngưỡng người Hoa có nhiều tên gọi như miếu, cung, đền, tự, nghĩa từ... Trong đó, tên gọi miếu chiếm đa số, được định danh cụ thể miếu Quan Đế, miếu Thiên Hậu, miếu An Thủ, miếu Quan Âm. Thực tế có nhiều cách gọi về cơ sở tín ngưỡng người Hoa. Ví dụ: miếu Quan Đế còn được gọi là miếu Ông hay chùa Ông. Miếu Thiên Hậu còn gọi là Thiên Hậu cổ miếu hay chùa Bà và do tính chất phối thờ có tổ nghề nên còn gọi là Miếu Tổ sư. Tên gọi miếu Quan Âm là theo kiểu gọi tắt, đầy đủ là Quan Âm Hộ Quốc miếu. Một số còn gọi là đền, tự, cung gắn liền với đối tượng được thờ như Thiên Hậu Cung. Đền thờ Trần Thượng Xuyên nguyên thủy là miếu Tân Lân (Tân Lân cổ miếu). Riêng nghĩa từ thường được gọi theo bang của người Hoa như nghĩa từ Phúc Kiến hay nghĩa từ Quảng Đông (nghĩa từ còn gọi là chùa Hoa – được dựng nên trong khu nghĩa địa của bang người Hoa).

## **3. Đối tượng thờ cúng**

Đối tượng thờ cúng trong cơ sở tín ngưỡng người Hoa rất phong phú. Tùy thuộc vào đặc điểm của từng nhóm cộng đồng mà người Hoa thỉnh thờ trong cơ sở tín ngưỡng.

Đối tượng thờ cúng chính trong cơ sở tín ngưỡng của cộng đồng người Hoa đến Biên Hòa từ cuối thế kỷ XVII đến trước năm 1954 chủ yếu là: Những người đã chết, bà Thiên Hậu, Quan Đế và một số nhân thần. Đối tượng thờ cúng chính trong cơ sở tín ngưỡng của cộng đồng người Hoa đến Biên Hòa từ sau năm 1954 chủ yếu là: Quan Âm, Quan Đế, An Thủ công công và một số vị phối thờ khác.

Qua số liệu khảo sát cho thấy, trong cơ sở tín ngưỡng người Hoa có rất nhiều đối tượng được thờ, phối thờ được định danh rõ ràng và cả không rõ nguồn gốc hoặc mang danh tính chung.

Các đối tượng được thờ cúng trong các cơ sở tín ngưỡng của người Hoa ở Biên Hòa thường gặp sau:

**- Những người đã chết:**

Thể hiện bằng Linh vị đặt tại gian thờ chính trong các Nghĩa từ của bang hội. Địa bàn Biên Hòa tập trung nhiều nghĩa từ của các bang hội như Phúc Kiến, Quảng Đông (phường Bửu Long), Triều Châu (phường Bửu Hòa). Ngoài ra, còn có hai cơ sở Nghĩa từ tại xã Hóa An của bang hội người Hoa Phúc Kiến, Sùng Chính ở thành phố Hồ Chí Minh.

**- Ông Bồn:**

Ông Bồn có nghĩa là “ông Tổ”, “Bồn” có nghĩa là gốc. Ông Bồn là một biểu tượng, không phải là một nhân vật cụ thể. Phần lớn, người Hoa quan niệm Ông Bồn là “Phước Đức chính thần”/thần Thổ Địa/Tam bảo Thái giám Trinh

Hòa/Huyền Thiên thượng đế. Trên địa bàn Đồng Nai có một số miếu thờ thần của người Hoa có tên gọi là miếu Ông Bồn hay Ông Công.

**- Thổ thần:**

Hầu hết các cơ sở tín ngưỡng người Hoa đều thờ Thổ thần. Trong các cơ sở thờ các đối tượng khác thì Thổ thần thường được thờ ở một am, miếu riêng hoặc dưới các trang hay bàn thiên trong cơ sở tín ngưỡng.

**- Thiên Hậu:**

Nguyên ủy bà là người con gái họ Lâm, tên Lâm Mặc, sống vào đời Tống, ở huyện Bồ Điền, tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc. Tương truyền, bà là một người thông minh, có hiếu và thương người. Bà đã tu luyện thành thần tiên tại thế và hay giúp đỡ mọi người. Năm 987, bà mất, thọ 28 tuổi. Sau khi chết, bà thường hiển linh, báo ứng cứu người, đặc biệt với cư dân đi biển. Người Hoa tôn thờ bà lên bậc Thánh Mẫu. Cộng đồng người Hoa đến Việt Nam bằng đường biển quan niệm, chính bà Thiên Hậu đã độ trì, giúp họ vượt qua bao cơn giông bão, tai ương trên chuyến hành trình vượt biển tìm đất sống. Vì vậy, khi đến vùng đất mới sinh sống, cộng đồng người Hoa không quên lập miếu thờ bà.

Bà Thiên Hậu vốn được thờ chính hoặc phối thờ trong một số cơ sở tín ngưỡng của cộng đồng người Hoa ở địa bàn thành phố Biên Hòa (Thiên Hậu cổ miếu, phường Bửu Long; Thiên Hậu cung, Thiên Hậu tự, phường Hòa Bình;

miếu Thiên Hậu trong Phụng Sơn tự, phường Quyết Thắng; miếu Quan Đế xã Hiệp Hòa).

### **- Quan Âm:**

Quan Âm là “Vị thần linh nhìn xuống” chúng sinh với lòng từ bi, là một trong những vị Bồ Tát quen thuộc của Phật giáo, tông phái Đại thừa. Ngài là vị Bồ Tát tùy tùng của Phật A Di Đà ở thế giới cực lạc Tây phương, được mọi người tôn kính như là biểu hiện của sự từ bi, nhân nhục, cứu độ con người. Đối với cộng đồng người Hoa, vị Quan Âm đã được dân gian hóa thành vị nữ thần phù hộ cho những ai cầu khẩn đến người, hay nghe tiếng kêu của chúng sanh. Tượng thờ Quan Âm trong các cơ sở tín ngưỡng người Hoa ở Đồng Nai thường ở tư thế tọa trên đài sen, đầu đội mũ, toàn thân phủ áo trắng, thêu nhiều kim tuyến.

### **- Bà Thánh:**

Đây là một trường hợp cá biệt. Thường danh xưng bà Thánh là một trong những cách gọi chung cho các vị nữ được thờ. Tại khu du lịch Bửu Long, thành phố Biên Hòa có miếu Nương tư tiên/Tiên cô nương. Người Hoa tại địa phương cho rằng, đôi tượng thờ cúng chính trong miếu là một phụ nữ người Họ, từ Trung Hoa qua Việt Nam sinh sống, lập nghiệp tại Biên Hòa từ thế kỷ XVIII. Bà là một phụ nữ bình thường, khi qua đời, hiển thánh và được dân chúng tôn thờ. Mộ của bà sau khi chôn (tương truyền ở phía sau miếu hiện nay) một thời gian, phần nắm mộ bị sụt xuống, làm cho các vách hòm lộ thiên. Nhiều người dân



Trong vùng mắc những bệnh hiểm nghèo đã đến cầu xin và lấy gỗ từ vách hòm về làm thuốc, chữa được bệnh. Tin vào sự giúp đỡ thần bí của Bà nên dân chúng đã lập lại phần mộ chỉnh trang và xây miếu thờ.

### **- Quan Thánh:**

(Quan Công, Quan Thánh Đế Quân): Tên thật của ông là Quan Vũ (Võ), tự Vân Trường, người quê Giải Châu, tỉnh Sơn Tây, sống vào thời Tam quốc ở Trung Quốc. Ông là vị tướng tài vừa là bạn đồng sinh tử, đóng góp nhiều công sức cho Hán đế Lưu Huyền Đức. Ông sinh năm 162, chết năm 219, thọ 58 tuổi. Người Hoa ở Biên Hòa thờ ông biểu tượng cho tín nghĩa, trí dũng, cương trực.

Ông là đôi tượng thờ khá phổ biến trong nhiều cơ sở tín ngưỡng của người Hoa ở Biên Hòa. Thờ chính ở các cơ sở sau: miếu Quan Đế (phường Thanh Bình); Thất Phủ cổ miếu (xã Hiệp Hòa). Hầu hết các cơ sở tín ngưỡng thờ Thiên Hậu, Quan Âm đều có phối thờ Quan Đế. Khi thờ Quan Đế, phần lớn tại các cơ sở tín ngưỡng phối thờ bên cạnh ông hai vị Quan Bình, Châu Xương (Quan Bình là con nuôi của Quan Công, bị địch giết chung với cha; Châu Xương là tùy tướng, đã tử tiết khi hay tin Quan Công bị sát hại).

### **- Quảng Trạch vương:**

Nhân vật xuất thân từ tầng lớp nghèo khổ nhưng có chí hướng ở vùng Phụng Sơn, huyện Nam An, tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc vào đời nhà Tống. Thời bình sinh, ông giúp dân dẹp loạn, sau khi chết ông hiển linh bảo vệ dân làng

nên người Hoa ở Phúc Kiến suy tôn ông làm bậc thánh minh, gọi họ làm danh xưng là Quách Thánh vương (còn cách gọi khác là Quảng Trạch vương), thành tâm thờ cúng. Quảng Trạch vương được thờ tại chùa Phụng Sơn (phường Quyết Thắng).

### **- Trần Thượng Xuyên:**

Trần Thượng Xuyên tự là Trần Thắng Tài, người huyện Ngô Xuyên, phủ Cao Châu, tỉnh Quảng Đông của Trung Quốc, nguyên là Tổng binh 3 châu: Cao, Lô, Liêm dưới triều nhà Minh. Khi triều Minh sụp đổ, ông không thần phục triều Thanh nên đã phất cờ “kháng Thanh phục Minh” nhưng không thành. Năm 1679, Trần Thượng Xuyên đem 3.000 quân và gia quyến tị nạn. Chúa Nguyễn Phúc Tần chấp thuận, cho vào xứ Đồng Nai khai khẩn. Ông là người có công lớn trong việc xây dựng thương cảng Cù lao Phố một thời sầm uất và giữ an bờ cõi phương Nam của Đại Việt. Ngày 23 tháng 10 năm 1720 (Canh Tý), ông mất và được an táng phía bắc dinh Trấn Biên. Ghi nhớ công lao của Trần Thượng Xuyên, chúa Nguyễn ban danh hiệu “Nguyễn vi vương, Trần vi tướng, đại đại công thần bất tuyệt”. Các vua Minh Mạng, Thiệu Trị phong ông là “Thượng đẳng thần”. Tại Biên Hòa, Trần Thượng Xuyên được tôn là phúc thần của làng xã, được thờ tại đình Tân Lân (phường Hòa Bình, thành phố Biên Hòa).

### **- Địa Tạng:**

Là một vị Bồ Tát, danh hiệu Địa Tạng có nghĩa là an nhần, bất động như đại địa, tư duy sâu sa kín đáo như kho

tàng bí mật. Tiên thân của người là con gái của dòng họ Bà la môn đầy đủ phước đức, được mọi người cung kính thời tượng pháp của Đức Phật Giác Hoa Định Tự Tại Vương. Biểu tượng của Ngài là người xuất gia, đầu tròn, mặc áo cà sa, tay phải cầm tích trượng có mười hai khoen, tay trái cầm hạt minh châu, hiện thân là một người Tỳ kheo. Bản nguyện của Ngài là cứu thoát chúng sanh khỏi kiếp trầm luân của địa ngục. Các nghĩa tử của người Hoa ở Biên Hòa phối thờ Địa tạng ở gian cuối cơ sở tín ngưỡng.

### - **Án Thủ công công:**

Đây là một đối tượng thờ khá phổ biến trong các cơ sở tín ngưỡng của cộng đồng người Hoa đến sinh sống tại Biên Hòa sau năm 1954. Tượng thờ thể hiện hình ảnh người đàn ông ngồi trên ngai, đầu đội mũ cánh chuồn với tư thế như đang xử án. Nhiều người Hoa cao tuổi cho biết, họ chỉ thờ theo truyền thống cha ông chứ không biết rõ lai lịch của ông An Thủ. Có nhiều giả thiết chung quanh đối tượng này: đây là nhân vật có công đi mở đất cho cộng đồng người Hoa thời kỳ đầu đến các tỉnh phía Bắc Việt Nam sinh sống; đây là nhân vật mà những người Hoa đi lính thường thờ vì ông hay hiển linh, báo trước những hiểm họa. Một ý kiến nêu cả tên tuổi của ông, cho rằng: Án Thủ công công là danh gọi một người có tên là Phan Thắng. Ông là người Hoa, làm việc cho Pháp những năm cuối thế kỷ XIX, có chức cao, được người Pháp trọng dụng. Trong thời gian phục vụ cho quân đội Pháp, ông thể hiện lòng yêu nước bằng cách giúp đỡ nhiều vũ khí, lương thực cho người Hoa. Quân Pháp phát hiện và đem ra xử án ông. An

Thủ là cách gọi người đứng đầu của bản án. Cộng đồng người Hoa sinh sống ở một số tỉnh phía Bắc trước đây thờ Phục Ba tướng quân (tức Mã Viện – người đàn áp phong trào khởi nghĩa của Hai Bà Trưng) với quan niệm về tinh thần chống xâm lăng, bảo vệ đất nước. Khi sinh sống ở miền Bắc Việt Nam, để tránh sự va chạm, tranh thủ sự thiện cảm với người Việt, một thủ lĩnh người Hoa đã vận động cộng đồng người Hoa thỉnh thờ vị An Thủ cũng biểu trưng được tinh thần ái quốc, dân tộc. Khi thờ vị An Thủ, có tượng trên ngai án, thì bao giờ người Hoa cũng bày bài vị phía sau nêu danh Phục Ba tướng quân với tinh thần vọng tưởng<sup>76</sup>. Trên địa bàn Biên Hòa, có cơ sở tín ngưỡng định danh cụ thể là miếu An Thủ, một ở phường Bình Đa, thành phố Biên Hòa (có tượng thờ). Hầu hết, các miếu Quan Âm đều có phối thờ An Thủ công công.

#### - Các vị Tổ nghề:

Có ba vị Tổ nghề được thờ trong cơ sở tín ngưỡng người Hoa ở Thiên Hậu cổ miếu (phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa). Đó là các vị: Ngũ Đãng - tổ nghề đá; Lỗ Ban - tổ nghề mộc; Uất Trì Cung - tổ nghề sắt.

#### + Tổ nghề đá:

Người Trung Hoa thường biết đến Ngũ Đãng là một lực sĩ lớn mạnh. Ông là người nước Thục, sống vào đời Tiên Tần. Tuy không phải là ông tổ nghề đá, nhưng ông có công

---

<sup>76</sup> Chúng tôi lược ghi những ý kiến này có tính chất tham khảo vì không có tư liệu để kiểm chứng. Những ý kiến này được ghi lại từ những người Hoa lớn tuổi ở trên địa bàn Đồng Nai.

trong việc cùng sáng lập nghề nghiệp và có lẽ do có sức khỏe nên người Hoa tôn vinh ông là vị Tổ nghề đá. Sinh thời ông được vua phong chức Thái Tổ Thiếu Bảo.

#### + *Tổ nghề mộc:*

Chuyện kể rằng, từ thuở hồng hoang con người phải sống trong hang đá như những bầy thú, trời thương dân nên bèn sai một vị nữ thần xuống trần dạy mọi người làm nhà để ở. Bà không nói cho dân chúng nghe, cũng không làm cho dân chúng bắt chước mà chỉ kín đáo ra hiệu bằng cách đứng thẳng người, hai tay chống nạnh vào hông gợi ý làm cái cột và kèo; Bà lấy lá dứa cửa vào tay gợi ý làm cái cửa.... Có rất nhiều người nhìn cử chỉ của bà nhưng không hiểu. Riêng có hai anh em tên Lỗ Ban và Lỗ Bộc là sáng ý và lãnh hội được ý nghĩ sâu xa ấy mà chế ra các dụng cụ như: cưa, đục, thước để làm các kiểu nhà mà bà đã chỉ dạy. Nghề mộc ra đời từ đó và các thợ mộc sau này đều tôn vinh ông Lỗ Ban là vị tổ nghề của mình. Lỗ Ban tên thật là Công Thâu Ban hay Công Thâu Tử, là người nước Lỗ nên người dân thường gọi ông là Lỗ Ban. Ông sống vào thời Xuân Thu Chiến Quốc, sau khi truyền nghề lại cho các thế hệ sau, Lỗ Ban được coi là người thợ khéo của thiên hạ.

#### + *Tổ nghề rèn:*

Vào thời đại Đường ở Trung Quốc (627 - 649), có một vị công thần tương truyền là người sáng chế ra nghề rèn, đó là ông Uất Trì Cung. Ông từng là phò tá cho Lý Thế Dân góp công dẹp loạn ngoại bang thống nhất đất nước thành lập đại Đường và ông cũng chính là người sáng tạo

ra các công cụ binh khí và các nông cụ như: cày, cuốc, đục... góp phần dẹp loạn xâm lăng và sản xuất nông nghiệp cho người dân. Thấy được công lao to lớn của ông, ngay khi còn sống, người dân đã tôn vinh ông là vị Tổ nghề rèn. Khi ông mất, hình ảnh ông Uất Trì Cung đã ăn sâu vào tâm trí người dân, do vậy các cơ sở tín ngưỡng có thờ các vị Tổ nghề trong đó có tổ nghề Rèn là ông Uất Trì Cung. Ông cũng được phong Hộ Quốc Công thần, từ thuở nhỏ ông cũng là người thợ đục đá.

### **- Thái Tuế:**

Là vị thần coi về năm tháng tuổi tác đời người. Mỗi năm, Thái Tuế sẽ chọn một vị thần ứng với con giáp năm đó để ngự trị, ban phát tuổi tác, sức khỏe cho mọi người.

### **- Đối tượng thờ khác**

Ngoài các đối tượng thờ cúng chính, trong nhiều cơ sở tín ngưỡng người Hoa có nhiều đối tượng khác xin được nêu danh xưng như sau: Khổng Tử (551-479 trước CN); Cửu Thiên Huyền nữ (nữ thần tiên cai quản chín tầng trời là: Quân Thiên, Thượng Thiên, Biến Thiên, Huyền Thiên, U Thiên, Hiệu Thiên, Chu Thiên, Viêm Thiên, Dương Thiên); Kim Huê Thánh Mẫu và bà Mẹ Sanh (là những nữ thần chủ quản việc sinh đẻ và bảo dưỡng trẻ em); Mã đầu tướng quân (người giữ ngựa cho Quan Công); Thái Thượng lão quân và một số thân vị của Phật (nhưng không đáng kể).

Trong nhiều cơ sở tín ngưỡng của cộng đồng người Hoa đến Biên Hòa sau năm 1954, thường có bài vị bằng

chữ Hán nêu danh các vị được thờ (tùy theo từng cơ sở mà bài vị nêu nhiều hay ít) như sau: Thần Nông Hoàng Đế, Lý Xã Đại Vương, Hộ Thôn Hộ Quốc Đại Vương, Bảo Thôn Bảo Quốc Đại Vương, Cao Sơn Đại Vương, Đê Sơn Đại Vương, Địa Đầu Đại Vương, Thủy Khẩu Đại Vương, Ô Lôi Đại Vương, Diệp Thắng Đại Vương, Đặng Thông Đại Vương, Bàn Cổ Đại Vương, Bùi Thắng Đại Vương, Trương Chân Đại Vương, Bốn Cảnh Phước Chủ Đại Vương, Hoa Quang đại đế, Lê Thánh Lão Gia, Hồng Cảnh Lão Gia, Phục Hồ Lão Gia, Tam Thánh Công Công, Tam vị Bà Bà, Phục Ba Tướng Quân, Mãnh Dũng Tướng Quân, Nguyễn Đại Nhất Lang, Hà Địa Nhị Lang, Trần Đại Tam Lang, Trần Công Minh, Trần Công Hậu, Trần Công Thánh, Phạm Pháp Long.

### **III. LỄ HỘI NGƯỜI HOA Ở BIÊN HÒA**

#### **1. Lễ vía Quan Đế hiển thánh**

Quan Đế là vị thần được người Hoa ở Đồng Nai thờ trong hai trường hợp. Thờ trong gia đình, Quan Đế là vị thần độn mạng cho người nam gia chủ; thờ trong đền miếu là thần phù hộ cộng đồng.

Chung quanh cuộc đời Quan Đế có những truyền thuyết về sự linh hiển đã tạo nên một tâm lý sùng bái ông, để rồi trải qua nhiều đời trở thành một tín ngưỡng dân gian độc đáo. Quan Đế được người Hoa tôn thờ như một bậc thánh hiền với đầy đủ các đức tính và nhân cách cao quý: lòng dũng cảm, đức độ, trọng danh dự, thủy chung và sự tín nghĩa tuyệt đối.

Trong gia đình người Hoa ở Đồng Nai, bàn thờ Quan Đế được bày trí bên cạnh bàn thờ Phật bà Quan Âm. Bài vị của ông thường được vẽ trên kiếng với hình ảnh một ông quan mặc triều phục màu xanh thẫm, mặt đỏ sậm, có năm chòm râu màu đen dài đến ngực. Hai bên có Quan Bình (con nuôi Quan Đế) tay cầm hộp nhỏ đựng ấn "**Hán Thọ Đình Đầu**", bên trái có Châu Xương (người hầu thân cận Quan Đế) tay cầm bảo kiếm "**Thanh Long**". Phía trên bài vị của ông thường viết thêm bốn chữ Hán: "**Ngũ Công Vương Phật**" và được kết một dây lụa màu đỏ có một bông hoa ở giữa, hai góc có cắm lông công.

Tại các miếu Quan Đế, vị trí điện thờ Quan Đế được bố trí ở gian trung tâm chánh điện. Tại các cơ sở tín ngưỡng phối thờ, điện thờ Quan Đế thường được bố trí ở gian bên phải hoặc bên trái chánh điện.

Các tượng Quan Đế thờ tại các cơ sở tín ngưỡng được làm bằng nhiều chất liệu khác nhau nhưng đều được tạo theo các quy ước tiêu chí truyền thống: khuôn mặt đỏ sậm, mày ngài, mắt phượng, có năm chòm râu dài màu đen, mình khoác áo màu xanh, tướng mạo uy phong. Bày trí hai bên Quan Đế là tượng Quan Bình và Châu Xương. Phía trước có ngựa Xích Thổ và Mã Đầu tướng quân.

Một năm, Quan Đế có ba ngày lễ vía (thời gian theo âm lịch): ngày 13 tháng 1, ngày 13 tháng 5 và ngày 24 tháng 6. Lễ vía ngày 24 tháng 6 là lễ vía được tổ chức long trọng, kéo dài trong hai ngày.



Trước đây, tại các miếu thờ Quan Đế là đối tượng chính tổ chức lễ rất long trọng. Trong đó có nghi thỉnh Quan Đế đi khắp cung đường hoặc những nhà có đăng cầu chúc an, phước, thọ, tài... của cộng đồng người Hoa sinh sống trong khu vực. Hiện nay, những nghi này không còn được duy trì. Lễ vía Quan Đế chỉ diễn ra trong phạm vi cơ sở tín ngưỡng.

Lễ được chuẩn bị trước nhiều ngày. Mọi công tác chuẩn bị từ các khâu lễ phải hoàn thành trước trưa ngày 23 tháng 6. Bắt đầu từ đêm 23, thực hiện nghi cầu an. Tất cả những lễ vật được thưng đăng trên các bàn thờ trong miếu. Lễ vật có thể là heo, vịt nhưng phải cử gà (con gà được xem là ân nhân cứu mạng trên đường vào chùa quy y của Quan Đế. Khi bị quân giặc truy đuổi, Ông đã dùng huyết gà hóa trang khuôn mặt để không ai nhận ra). Đặc biệt, trong lễ vật dâng Quan Đế có bộ áo, mũ, hài bằng hàng mã.

Lực lượng thầy cúng đảm nhiệm những nghi hành lễ tại miếu. Nghi cầu an cho cộng đồng được tiến hành trước. Sau đó mới đến nghi cầu an cho những gia chủ. Tất cả các nghi đều thực hiện việc trình tấu lúc ban đầu và hỏa sớ khi kết thúc.

Ngày 24 tháng 6 bắt đầu lễ nghi khai quan diêm nhân tượng Quan Đế. Ban Tổ chức cử những người lớn tuổi, có uy tín, đạo đức thực hiện các nghi dâng hương đăng, hoa quả và lễ vật. Sau đó, thầy cúng tấu sớ trình và tụng niệm kinh, chú khẩn những nội dung cầu an. Tiếp theo, những người tham dự có lòng thành, tâm nguyện vào diện trước bàn thờ Quan Đế trình lễ, nêu sở cầu của bản thân.

Tại một số cơ sở, sau các phân nghi cúng có tổ chức đấu giá đèn hoặc cho bá tánh cúng thỉnh. Tùy mỗi cơ sở tín ngưỡng mà quy định số loại đèn lồng. Thông thường, có 9 đèn lồng được đem ra đấu. Trước khi đấu, các đèn đều được các thầy cúng làm phép, khai quang điểm nhãn để chứng sự thiêng ứng của Quan Đế. Những đèn lồng đấu thường được đặt những thành ngữ có nội dung chúc phúc, lộc hay gọi những điều may mắn, vui vẻ, đem lại hy vọng trong sự thành đạt công danh trên mọi mặt cho con người. Một số tên được dùng cho đèn lồng đấu ứng với thứ tự như sau:

- Nhất mã hội tề.
- Tài phước thịnh vượng.
- Phước lộc thọ toàn.
- Tứ quý hưng thịnh.
- Ngũ phúc lâm môn.
- Lục mã phù trì.
- Thất tinh cao chiếu.
- Bát tiên gia khánh.
- Cửu long hiển thoại (hiển châu).

Những người theo sở cầu đấu thắng được đem về thờ. Nguồn kinh phí thu từ đấu đèn được Ban Tổ chức chi cho lễ hội và các hoạt động cơ sở hay đóng góp vào các công việc phúc lợi, cứu trợ cho cộng đồng. Nhiều nơi, nguồn

kinh phí được dùng trong việc phát tế cho người nghèo trong lễ hội.

Người Hoa suy tôn Quan Đế là bậc thánh hiền với những đức tính và nhân cách cao quý. Ở Quan Đế, người Hoa học nhận về đức tính nhân nghĩa: khí tiết can trường; tín dũng vẹn toàn... Hình tượng Quan Đế được người Hoa xem là chuẩn mực về nhân cách sống của một con người tài đức vẹn toàn, ân nghĩa phân minh để các thế hệ noi theo. Thờ cúng và giữ lòng thành đến với lễ vía Quan Đế là một biểu hiện tình cảm thiêng liêng của người Hoa nói riêng và mọi người đối với bậc minh quân, thánh hiền.

## **2. Lễ vía Thiên Hậu**

Tại Biên Hòa, Bà Thiên Hậu được thờ chính và từng tự trong nhiều cơ sở tín ngưỡng của người Hoa. Tượng Bà Thiên Hậu được tạo hình từ nhiều chất liệu, phần lớn là tu thạch ngời, nét mặt phúc hậu. Tượng được khoác áo choàng màu đỏ thêu kim tuyến, hoặc đính kim sa hình rồng phụng, đầu đội mào Cửu Long có thêu hoa trang trí nhũ vàng, rèm châu rủ xuống trước trán và hai bên mào có hai tua màu vàng rủ xuống qua vai.

### ***2.1. Lễ vía ngày sanh Thiên Hậu***

Ngày 23 tháng 3 (âm lịch) hàng năm là ngày vía chính của Bà Thiên Hậu. Trước ngày 23, bàn thờ Bà Thiên Hậu được dọn dẹp, thưng hương, dâng, hoa quả. Hoa chưng hương là hoa huệ, hoa cúc trắng, hoa cúc vạn thọ.

Ngày cúng chính, lễ vật cúng dâng Bà thường là heo quay (Heo quay đặt đặt nằm úp trong mâm, 4 chân choãi ra hai bên, đầu quay về phía điện thờ, hai tai cắm hai bông giấy đỏ) và gà luộc chín cắm bông giấy đỏ. Trước đây, lễ vật cúng theo đủ bộ “tam sanh” gồm thịt sống heo, gà, dê.

Ban Trị sự cơ sở tín ngưỡng phân công thực hiện các nghi thức cúng<sup>77</sup>. Họ mặc áo dài thụng, đầu đội nón bánh tiêu, mỗi người cầm 3 cây nhang lớn khấn niệm trước bàn thờ Thiên Hậu và các bàn thờ phối tự. Nội dung khấn niệm hàm ý ca ngợi công đức của Bà Thiên Hậu và cầu Bà gia ân độ trì, cứu giúp chúng sinh.

Những người tham gia vào lễ vía cầm 1 cây nhang nhỏ khấn vái theo các vị Chánh tế. Sau khi dâng 3 tuần trà và 3 tuần rượu, một Chánh tế thâu nhang các người dự lễ đem cắm vào các bàn thờ Thiên Hậu.

Tại Thiên Hậu Cổ Miếu (phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa), vào ngày vía sanh Thiên Hậu, có mời thầy cúng chủ trì buổi lễ. Trước đây, còn có tục đốt pháo mừng, dâng bộ xiêm mào (tượng trưng bằng giấy với kích cỡ lớn).

Khai lễ xong, một hồi chuông trống được gióng lên để mọi người đến vía Bà. Phần lễ vật dâng cho Bà tùy thuộc vào mỗi người đến cúng nhưng phải có nhang đèn, tiền mã vàng bạc. Khi dâng lễ, người cúng thể hiện lời cầu khấn của mình. Lễ vật sau khi cúng, thân chủ giữ một phần đem

---

<sup>77</sup> Tại Thiên Hậu Cổ Miếu phường Bửu Long, trước đây nghi thức lễ vía Bà Thiên Hậu thường do thầy cúng chính mời từ TP. Hồ Chí Minh về hành lễ. Hiện nay ngày 23 tháng 3 âm lịch, nghi lễ do Ban trị sự Miếu làm Chánh tế.

về nhà với quan niệm “hưởng lộc Bà”. Thân chủ có thể mua những “vòng nhang cầu an” và ghi tên trên tám giấy đỏ dính kèm vòng nhang, treo đốt bên tại miếu.

Những người tham dự lễ vía Bà, thường thỉnh nhận các tám giấy đỏ đóng triện son, nội dung chữ Hán: “Thánh Mẫu tọa trấn”, “Hợp gia bình an”, “Bảo hộ an Khang” với quan niệm “rước vía Bà” về thờ tại nhà. Sau các nghi cúng Bà, tại miếu bắt đầu hội đấu giá đèn lồng. Số lượng thường có 9 đèn lồng (người Hoa quan niệm số 9 là con số tốt). Thầy cúng cầm từng đèn lồng thực hiện nghi thức cúng. Sau đó, từng đèn được đặt tên, xướng lên câu thành ngữ mang ý nghĩa theo số thứ tự để mọi người đấu theo sở cầu. Hội đấu đèn diễn ra rất sôi nổi và hào hứng, cuốn hút nhiều người tham gia. Số tiền đấu giá đèn lồng được Ban quản lý dùng vào công việc hoạt động miếu và các công tác xã hội.

## ***2.2. Lễ cúng chay Thiên Hậu***

Lễ hội diễn ra tại cơ sở tín ngưỡng Thiên Hậu Cổ Miếu/ Miếu Tổ Sư, phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa. Đáo lệ 3 năm, lễ hội được tổ chức một lần; thời gian kéo dài 4 ngày từ ngày 10 đến 13 tháng 6 (âm lịch). Đây là lễ hội có tính chất đa hợp: vía Bà Thiên Hậu, cúng Tổ nghề với mục đích cầu an, cầu siêu. Trong lễ cúng cầu siêu do các pháp sư khoa nghi Đạo giáo cùng với giàn nhạc lễ chuyên trách thực hiện một hệ thống tiết mục, nghi lễ độc đáo.

*- Công tác chuẩn bị và cách bài trí khu vực hành lễ*

Đây là một lễ hội lớn, cho nên công tác chuẩn bị rất quan trọng. Vào năm định kỳ, ngay từ lễ vía sanh Bà Thiên

Hậu (23 tháng 3 âm lịch), Ban Quản trị miếu thông báo tổ chức lễ và phân công những bộ phận phụ trách các phần việc liên quan.

Ban tổ chức thực hiện việc đăng ký danh sách những người tham gia đóng góp kinh phí lễ hội. Người đăng ký có thể góp tiền trước hoặc đăng ứng. Tất cả nguồn kinh phí được tổng kết trước ngày bắt đầu lễ (10 tháng 3 - âm lịch). Mức đóng có tính chất tự nguyện. Với quan niệm góp nhiều tiền vào lễ làm chay thì càng hưởng được nhiều phúc của Bà và các thần nên có nhiều người Hoa tham gia.

Trước ngày lễ tiến hành, những bài trí trong khu vực hành lễ phải được hoàn tất. Từ trong miếu đến ngoài cổng nhiều đèn lồng, hoa kết, cờ lễ được treo lên tạo một cảnh quan nhiều màu sắc độc đáo. Một cây phượng được dựng lên tại sân miếu. Cây phượng gồm ba cây tre cao thẳng (trên 10m), dựng thành một hàng, ngọn hướng thẳng lên trời. Giữa ba cây tre có chín thanh ngang nối nhau vừa giữ cho chúng đứng vững vừa tạo hình như một chiếc thang bắc lên cao.

Trên cây phượng treo 52 ngọn đèn lồng màu trắng, chữ Hán màu đỏ (mỗi đèn có một chữ), treo thành 5 dây song song với nhau tượng trưng cho năm bậc thần thánh, Tổ nghề được thờ trong miếu. Dây đèn lồng ở giữa treo cao hơn và dài nhất (gồm 20 đèn), phía trên có biểu tượng cờ lệnh và mào, chữ đề "Cung chúc Ngũ Đấng Tiên Sư bửu đán". Bốn dây còn lại đối xứng hai bên (mỗi dây 8 đèn) với các dòng chữ "Quốc Trì Tiên Sư", "Lỗ Ban Tiên Sư",

“Thiên Hậu Thánh Mẫu” và “Quan Thánh Đế Quân”. Cây phượng là điểm báo cho các vị thần linh, Tổ nghề chứng giám lễ cầu an, cầu siêu.

Dưới cây phượng có bàn hương án. Đối diện bên phải có lều bày hương án và hình nộm Ông Tiêu phết màu sắc rực rỡ. Ông Tiêu với hình dáng cao to, đầu đội mũ, hai tay cầm thẻ bài, cờ lệnh, mắt quắc uy nghi, lưỡi thè ra. Ông Tiêu được quan niệm là một biến thể của Quan Âm để chiêu tập tất cả các loại cô hồn. Hai bên Ông Tiêu có là các hình nhân Thổ Địa, Tướng Quân và Thủy Quân có chức năng hộ vệ.

Trong sân còn có dựng đàn có rạp che chắn bốn bên. Đây chính là đàn chay nơi các đạo sĩ thực hiện các nghi cúng tế. Trong rạp được trang trí bàn thờ, tranh ảnh, cờ trướng, liễn đối, nhang đèn, hương hoa... như một điện thờ. Phía trên là tranh bức vẽ Tam Thánh gồm: Thái Thượng Lão Quân, Thông Thiên Giáo Chủ và Hải Triều Thánh Nhân (những vị được xem là Giáo chủ của Đạo Giáo do Lão tử sáng lập). Phía dưới Tam Thánh là một điện thờ phủ vải đỏ, nơi đặt các bài vị các vị Tổ, bài vị thỉnh từ các miếu, chùa và bài vị của trăm họ được thỉnh dự lễ. Dưới điện thờ là bàn hương án và các đồ tế khí của đạo sĩ dùng cúng lễ. Hai bên rạp dán các bức mô tả Thập Điện Diêm Vương (10 cửa ngục âm phủ). Bên cạnh, còn có lều che, bày bàn hương án có hình nộm tượng Phán Quan và các vị lính hầu đội mũ chóp nhọn màu vàng, xử án ở địa phủ.

Trước cửa chùa, hai hình nộm Quan Văn và Quan Võ uy phong trấn giữ Thánh môn. Trong chùa, cảnh trang trí

với màu đỏ chủ đạo với hàng trăm đèn lồng treo khắp xà cọt. Các bàn thờ, đồ cúng, kiệu rước, giá biểu bài vị, đồ bát bửu sắp xếp ngăn nắp. Tất cả trong tư thế sẵn sàng cho việc lễ khi tiến hành.

*- Nội dung các nghi thức chính lễ hội*

Ngày thứ nhất tổ chức lễ thỉnh sắc Bà Thiên Hậu. Lễ được bắt đầu vào giờ tốt trong buổi sáng với chuông trống gióng lên báo hiệu.

Vị đạo sĩ chủ tế mặc áo choàng đỏ tay cầm nhạc khí vừa gõ vừa tụng kinh Thái Thượng Lão Quân mời Bà Thiên Hậu và các thần thánh cho phép, chứng giám lễ làm chay. Những người được phân công phụ tế, giúp lễ mặc áo dài gấm, đội nón bánh tiêu có lưỡi trai cầm nhang cung kính vái lạy theo đạo sĩ. Sau khi khấn, đạo sĩ cầm xấp kim phong bảng màu đỏ tụng kinh xin keo đi thỉnh sắc Bà (Kim phong bảng là danh sách tên những người đóng góp kinh phí tổ chức lễ). Những người được chọn hành lễ vía Bà theo tiêu chí tuổi hợp, đạo đức, đóng góp công, của... mặc áo dài có băng vải đỏ bắt chéo qua được phép phục vụ Bà từ lúc khởi lễ cho đến chung cuộc. Tham dự trong thành phần này là một niềm vinh dự cho nhiều người.

Khi xin keo được, một người đi thâu nhang đem lên bàn thờ Tổ, một người châm rượu và đốt giấy mã vàng bạc tạ ơn. Bài vị Tổ Sư, Thiên Hậu Thánh Mẫu và Quan Thánh Đế Quân được rước ra kiệu. Kiệu Bà được chạm khắc sắc sảo, có hai tầng, sơn đen thếp vàng và trang trí các dây băng đỏ rực rỡ. Trên kiệu, đặt bát nhang lớn và hoa tươi,



trái cây để thỉnh bài vị. Trước khi khởi kiệu, các đội lân, rồng múa nghinh sân lễ và kiệu Bà.

Đoàn rước thỉnh theo lộ trình từ Miếu Thiên Hậu đến miếu Cây Quăn (nơi thờ Bà trước đây- cách khoảng 1km). Đi đầu là các đội lân, rồng và đoàn người mang cờ hội, cờ trướng, dàn nhạc ngũ âm. Tiếp sau là bàn hương án do 4 người khiêng, những người cầm bát bửu<sup>78</sup> và 7 cặp biển bài vị “Tiêu Chinh”, “Quy Bí” “Thiên Hậu Nguyên Quân”, “Lỗ Ban Tiên Sư”, “Quốc Trì Cung”, “Ngũ Đinh Tiên Sư” và “Hiệp Thiên Thượng Đế” (tức Quan Thánh Đế Quân). Theo sau là đoàn 4 người hóa trang thầy trò Tam Tạng thỉnh kinh rồi đến vị đạo sĩ Chánh tế. Sau vị chánh tế là cặp long đỏ, kiệu Bà, kiệu được khiêng cân trọng. Tiếp sau kiệu Bà đoàn người nhiều thành phần đông đảo theo lễ rước.

Tại Miếu Cây Quăn, khi xin keo thỉnh sắc xong, đoàn rước trở ra đi vào đến thỉnh bài vị Tiên Cô Nương Nương (miếu Bà Thánh trong khu du lịch Bửu Long) bài vị Thổ Công (tại Miếu thờ cổng khu du lịch) rồi trở về miếu. Tại các điểm thỉnh sắc, đạo sĩ Chánh tế chủ trì và Ban tế tự thực hiện các nghi cúng trong khi đoàn rước chờ bên ngoài.

Trên lộ trình đoàn rước đi qua, nhiều gia đình sắp sẵn lễ vật cúng nghênh đón Bà, sau đó hòa vào đoàn rước về miếu. Tất cả các bài vị thỉnh rước được đặt lên tầng cao nhất của điện thờ. Sau đó, vị Chánh tế và thành viên Ban

---

<sup>78</sup> Bát bửu là 8 món đồ khí tế trong chùa bằng đồng là: đàn, sáo, lẵng hoa, sách kiếm, bầu rượu, túi thơ, quạt.

Tổ chức thực hiện việc thỉnh Bà từ Thiên Hậu Cung (một cơ sở thờ Thiên Hậu của người Hoa bang Sùng Chính, phường Hòa Bình) về miếu.

Sau khi cung thỉnh sắc hoàn tất, trước sân miếu, các đội võ thuật biểu diễn các trò hội như múa đao, múa võ... tạo nên không khí vui nhộn. Sau đó, miếu bắt đầu đón khách đến lễ Bà. Số người tham dự viếng Bà Thiên Hậu trong ngày đầu lễ rất đông đảo.

Chiều tối, bắt đầu lễ Khai đàn, khai quang điểm nhãn các tượng thờ và các đồ vật cúng trong chùa. Lễ Khai đàn do vị đạo sĩ Chủ tế<sup>79</sup>, và 6 phụ tế thực hiện tại đàn chay. Mỗi người cầm một nhạc khí như: trống, chập chĩa, phèng la, kèn, mõ... phụ họa theo lời tụng của chủ tế. Vị chủ tế cầm kim phong bảng và 3 cây nhang vừa tụng kinh vừa làm phép nhiều lần. Sau hai tuần dâng rượu, vị chủ tế đốt giấy mã vàng bạc và dùng đồ binh khí<sup>80</sup> nhúng vào chén rượu (trong có lá bưởi) để trấn đàn. Sau đó, Chủ tế dẫn đoàn người đi khắp khu vực hành lễ để thực hiện nghi tẩy uế và trở về đàn chay làm phép cuối, đốt sớ.

Tại các bàn hương án, vị chủ tế và hai phụ tế (một người gõ trống, một người đánh chập chĩa) tụng kinh bắt đầu nghi thức khai quang điểm nhãn. Chủ tế cầm con gà trống còn sống<sup>81</sup> nhắc lên cao, đầu gà chúc xuống trước bàn

---

<sup>79</sup> Đạo sĩ làm chủ tế lúc này bận áo choàng màu đỏ thung kim sa óng ánh, phía sau có hình âm dương bát quái, đầu đội mũ có chóp cao hình hoa sen.

<sup>80</sup> Binh khí: con dao găm xung quanh có vòng sắt dùng để vẩy nước trừ tà.

<sup>81</sup> Gà trống to khỏe, mào lớn, đỏ biểu hiện sự sung mãn và tốt lành.

hương án, dùng móng tay cạo vào móng gà cho máu nhỏ vào chén rượu (hòa lẫn với thân sa có vài lá bưởi). Vị Chủ tế cầm cây cọ tàu cán dài nhúng vào chén rượu chấm các đồ vật, các tượng trong khu vực hành lễ. Một đạo sĩ phụ tế cầm một cây nhang dài khoảng chấm nhang vào các vị trí, các đồ vật được Chủ tế điểm nhãn. Sau khi khai quang điểm nhãn, vị Chủ tế trở về bàn hương án điểm nhãn và đốt ba con ngựa giấy (trên lưng có ba vị tướng quân mặc áo màu vàng, đỏ và xanh) đại diện thiên binh, sứ giả mời các thần linh về dự lễ Bà. Tại đàn chay, các đạo sĩ tiến hành đọc kinh.

Ngày thứ hai tổ chức khai kinh cầu an<sup>82</sup>. Từ sáng sớm, một bộ phận giúp lễ và đội lân các gia đình rước các lễ vật cúng (mâm lễ, tháp giấy, bánh...) các gia đình tham gia cúng về miếu. Chọn giờ tốt, vị Chủ tế bắt đầu khai kinh cầu an tại đàn chay và các bàn hương án dưới cây phượng, bàn thờ Ông Tiêu. Sau mỗi đoạn kinh, chủ tế và cộng đoàn tham dự cầm nhang vái tạ và đốt giấy mã vàng bạc. Tiếp đến, đoàn cúng lễ đến hương án ông Phán Quan tụng kinh Quan Âm, Địa Tạng kinh và Văn Sinh kinh để cầu siêu cho cô hồn. Chủ tế và cộng đoàn đến cúng tại các bàn thờ trong miếu và sau đó trở lại đàn chay. Các đạo sĩ tiếp tục đọc kinh cầu an. Lúc này, những người tham dự cầm bông huệ cung kính chào nghinh cho đến khi đốt giấy mã, tháp nhang kết thúc.

---

<sup>82</sup> Các loại kinh cầu an, cầu phúc, cầu nghề nghiệp thuận lợi... như kinh Thái Thượng Lão Quân, Thái Nguyệt kinh, Quan Âm kinh. Các loại kinh cầu siêu như Văn Sinh kinh, Địa Tạng kinh, Quan Âm kinh.

Chiều tối, các đạo sĩ nhập đàn, tụng các kinh Thái Thượng Lão Quân, Thái Nguyệt kinh, tiếp tục làm phép trấn đàn, tẩy uế. Từ đàn chay, các vị đạo sĩ đến bàn hương án trước miếu làm lễ Ngũ môn chắc tướng. Sau một tuần trà, tuần rượu, các vị đạo sĩ thay nhau làm nghi dâng sớ, múa cờ lệnh, tụng kinh, dâng hương. Tuần tự, các vị thứ nhất (tượng trưng cho hành Mộc) cầm sớ và cờ lệnh màu xanh; vị thứ hai (tượng trưng cho hành Hỏa), cầm sớ và cờ lệnh màu đỏ; vị thứ ba (tượng trưng cho hành Kim) cầm sớ, cờ lệnh màu trắng; vị thứ tư (tượng trưng cho hành Thủy) cầm cờ lệnh màu xanh dương; vị đạo sĩ chủ tế (tượng trưng cho hành Thổ) cầm kiếm lệnh và cờ lệnh màu vàng thực hiện nghi dâng.

Vị chủ tế tiếp tục làm nghi tẩy uế trước 4 con ngựa (có 4 vị tướng quân), múa điệu bắt ấn, tụng kinh và đốt giấy mã. Một người rót lần lượt ba chung rượu lên 4 con ngựa và bốn đạo sĩ làm động tác cưỡi ngựa đi vòng quanh bàn hương án 4 vòng theo chiều ngược kim đồng hồ. Lần lượt mỗi đạo sĩ cầm sớ tụng kinh và kết thúc vị Chủ tế dâng sớ báo với các thần thánh. Sau cùng 4 đạo sĩ cầm 4 con ngựa đi theo chiều kim đồng hồ vòng quanh bàn hương án 4 vòng ra cổng chùa hỏa mã.

Buổi chiều, tại các bàn hương án, bàn thờ và các vị trí quan trọng khu vực hành lễ được các đạo sĩ tiếp tục đọc kinh cầu an, cầu siêu. Buổi tối, các đạo sĩ đọc kinh cầu an tại đàn chay lần thứ ba.

Ngày thứ ba là chính lễ với nhiều nghi thức lễ hội như khai Kim phong bảng, đấu giá đèn lồng, phóng đăng, phóng sanh, hát bội, bắc cầu Bà, lập đàn chay, cúng thí...

Buổi sáng, các đạo sĩ thay phiên nhau tụng kinh cầu an khắp các nơi hành lễ. Khu vực sân lễ, các đội lân múa hòa vào với dàn nhạc ngũ âm tạo nên một không khí náo nhiệt, cuốn hút nhiều người.

Ngay từ ngày đầu khai lễ, Kim phong bảng được xếp lại thành 3 xấp (tượng trưng cho Phúc - Lộc - Thọ) luôn để trên khay trong các lễ cúng. Vào nghi khai mở, có hàm ý cầu cho những người đạu tiên phụng cúng được phúc lộc thọ). Đạo sĩ chủ tế thắp ba cây nhang trường tụng kinh, và dán Kim phong bảng lên tường và tiến hành nghi thức tẩy uest, khai quang điểm nhãn. Sau đó, vị Chủ tế xướng tên và tụng kinh cầu phúc cho những người trong Kim phong bảng. Kết thúc, những người trên dâng nhang bái tạ ơn Thiên Hậu.

Sau lễ khai Kim phong bảng, tại miếu tổ chức hội đấu đèn lồng. Số lượng đèn là chín đèn. Khi đấu, thầy cúng đọc những câu thành ngữ tương ứng với thứ tự đèn. Bất kỳ ai thấy hợp với sở cầu thì đấu giá. Thông thường, đèn đầu tiên và cuối cùng được nhiều người đấu giá cao. Mỗi đèn có khi giá đấu lên hàng chục triệu đồng.

Không khí đấu đèn rất sôi nổi, hào hứng. Những người tham gia hội vỗ tay, cổ vũ nồng nhiệt mỗi khi giá đèn được nâng lên cao trong tiếng trống hội rộn rập. Ai đấu thắng thì chiếc đèn ngay lập tức được ghi tên chủ nhân. Tục đấu đèn lồng là một trong những nét sinh hoạt văn hóa đặc trưng trong tín ngưỡng của cộng đồng người Hoa.

Tại Thiên Hậu Cổ Miếu, (kể từ lễ chay năm 1995 cho đến nay, Ban tổ chức không còn tổ chức tục đấu đèn). Vào hội chay, miếu sắm nhiều loại đèn lồng, cờ, trướng treo sẵn. Sau lễ khai quang điểm nhãn thì mọi người đều có thể thỉnh tùy theo mỗi loại đèn. Hình thức này được đông đảo người tham dự lễ hưởng ứng vì ai cũng có khả năng “rước lộc” Bà với số tiền không cao.

Buổi chiều, vào nghi xin keo tổ chức phóng đăng, phóng sanh cầu siêu cho thập loại cô hồn. Vị pháp sư chính (mặc áo choàng màu vàng, đội mũ giống Địa Tạng, có hai tua dài thả phía trước) tụng kinh, thấp nhang xin phép thần thánh khởi hành đoàn rước kiệu đến bến sông tổ chức. Kiệu Bà được trang trí rất nhiều dây băng đỏ, hai bông vải tròn lớn, hai lọng đỏ, hai ngọn thủy đăng, hai đèn lồng trắng. Khi khởi kiệu, đội lân múa chào khắp sân lễ. Đoàn rước gồm toán người cầm cờ lễ, đội nhạc trống, bàn hương án, những người cầm bát bửu, pháp sư và 4 vị phụ tế (mặc áo màu đỏ), đoàn kiệu Bà và những người tham dự. Lộ trình của đoàn rước từ miếu tới bến sông Tân Thành<sup>83</sup> (thuộc khu phố 3, phường Bửu Long) - địa điểm phóng đăng, phóng sanh.

Tại bến sông, bày một đàn chay, trên có hương án đầy đủ nhang, đèn cây, bông cúc bông huệ tươi, trái cây, 3

---

<sup>83</sup> Bến sông Tân Thành còn gọi là địa điểm “99 cây tùng”, tương truyền hơn 300 năm trước khi một bộ phận người Họ từ Cù lao Phố ngược sông Đồng Nai đến lập nghiệp tại Bửu Long, rất nhiều người đã bỏ mạng tại vùng sông nước này. Vì vậy, nơi đây được chọn làm điểm để phóng đăng cầu siêu cho những cô hồn chết vì sông nước trong lễ hội làm chay.

chung rượu. Khi kiệu Bà đến, người ta thỉnh bát nhang, các bài vị đặt lên đàn. Trước đàn là một sân giấy mã và 360 bộ giấy áo trải tới bên sông. Xen kẽ cắm những nén nhang, đặt 18 chén đồ chay cúng cô hồn (gồm 5 món: bún gạo, tàu hũ, củ cải muối, đậu que xào, đậu trắng - đây là 5 món bắt buộc) và một số món chay khác. Trước bàn hương án người ta đặt một con ngựa giấy màu vàng<sup>84</sup>, đèn hoa, chim cá để phóng sanh. Pháp sư thượng đàn, tung năm nhang thẻ đang cháy khai hỏa bãi giấy mã, tụng kinh cầu siêu. Lễ phóng đăng bắt đầu khi pháp sư niệm chú. Ba mươi sáu chiếc đèn hoa được thả sông. Tiếp theo, pháp sư khai lễ phóng sanh<sup>85</sup>, người trên bờ thả chim se sẻ, người xuống bên sông thả cá trê, cá lóc.

Khi bãi giấy cháy gần hết, người ta đốt con ngựa giấy. Vị pháp sư niệm chú, tung gạo và bông cúng xuống đàn. Lúc này có nhiều người tranh nhau đồ vật cúng thí với quan niệm những thứ này đã được Bà chứng, phù hộ. Từ trên đàn, pháp sư rung chuông kết thúc lễ và đoàn rước trở về miếu.

Buổi tối, bắt đầu nghi thức lập giàn chay và lễ bắc cầu cho Bà. Người ta trải tấm vải đỏ rộng, dài từ bàn hương án đàn chay vào tới điện thờ chính trong miếu. Các vị đạo sĩ cầu kinh, những người phụ tế rắc đều bông vạn thọ, cánh bông huệ kín mặt cầu. Bài vị trăm họ (còn được gọi là

---

<sup>84</sup> Ngựa giấy màu vàng tượng trưng cho sứ giả của Thủy Long (cõi âm), màu vàng và màu trắng tượng trưng cho sự tang tóc, có ý nghĩa cúng tế cô hồn.

<sup>85</sup> Tục phóng sanh được sử dụng như một truyền thống trong lễ nghi Phật giáo (lễ Vu Lan, Tết, Sóc, Vọng...).

“phúc lộc đình”) được thính từ trên đàn chính đến trước bàn hương án đàn chay để cầu phúc. Phúc lộc đình là thùng gỗ tròn, vừa được sơn đỏ, bên trong chứa gạo, trên cắm bài vị “Bản mạng nguyên thân”, ba mặt phát giấy kiếng trắng, mái hình chóp. Bên cạnh, có bộ tam khí gồm: cây kiếm lệnh, cây thước mộc và một chiếc gương tròn<sup>86</sup>. Bàn hương án bày đủ các bộ lễ cúng từ cặp đèn cây lớn, cây đèn dầu Thất tinh bằng đồng, bình bông, mâm trái cây, lư nhang, ba chung trà, ba chung rượu và Phúc lộc đình.

Sau 3 giờ tụng niệm, dâng ba tuần trà, ba tuần rượu, tẩy uế Phúc lộc đình, vị đạo sĩ hành lễ nghi bấc cầu. Hai người lớn tuổi thấp bảy ngọn đèn trên cây Phúc lộc đình. Mỗi người đứng một bên cầu thính Phúc lộc đình vào trong điện thờ chính một cách cẩn trọng, không cho ngọn đèn nào bị tắt<sup>87</sup>. Việc rước Phúc lộc đình có ý nghĩa rước phúc lộc đến với trăm họ. Sau khi Phúc lộc đình đi qua, hai người đi sau

---

<sup>86</sup> Cây thước mộc có chiếc gương tròn nhỏ trong lễ bấc cầu giải oan cho người chết đuối của người Việt gọi là Kim tích tượng, là cây gậy tượng trưng cho dấu hiệu của đức Địa Tạng Vương Bồ Tát, chiếc gương như vòng hào quang của chư Phật. Đức Địa Tạng Vương dùng Kim tích tượng làm rung động hoàng tuyền, bẻ rơi khóa ngục và ngăn cản mọi sự khổ não. Tua vải tết múi hình Phật án ở đầu Kim tích tượng giúp cho vong linh nạn nhân đi tới được đất Phật.

<sup>87</sup> Những người già xưa truyền lại, ngày xưa một lần làm chay khi thính Phúc lộc đình đón Bà về, một trong bảy ngọn đèn cây đã tắt, tức thì trong làng bị nạn dịch làm chết rất nhiều người. Một tháng sau Bà lên đồng yêu cầu phải làm chay lại, bện một con rông bằng rơm thắp nhang xung quanh rước đi khắp làng. Lúc đó một người lên đồng xưng là Bà dùng dao phát mía chọn điểm yếm khí gây dịch bệnh phóng vào cắm thẳng xuống đất trừ tà, lạ thay cả đám đông người đi theo đoàn rước nhưng không trúng bất kỳ ai. Quả nhiên sau đó bệnh dịch trong làng không còn nữa.



từ từ cuốn cầu lại. Lúc này, người tham dự tranh nhau bông tươi rắc trên với ý niệm hưởng lộc Bà. Phúc lộc đình và vải cầu cuốn đặt trên điện thờ Tổ (đúng một tháng sau mới mở ra, lúc đó gạo và bông được phong vào những bao giấy đỏ để bá tánh đến thỉnh lộc). Người thỉnh đem trộn với gạo ở nhà nấu cơm ăn, bông thì pha cùng trà uống với quan niệm như thế sẽ được phúc của Bà.

Từ 2 giờ sáng ngày thứ tư, bắt đầu khai lễ cúng thí, xô giàn. Một bàn hương án bày trước đàn chay. Trên có hai đài cắm đèn cây, một bình bông, ba chung trà, ba chung rượu, một đĩa gạo, một đĩa muối, một đĩa tàu hũ ki. Đặc biệt, có ba tháp đồ chay được làm bằng cải xanh, bánh bao chay và xôi nếp trắng<sup>88</sup>. Trên đầu mỗi tháp có ba vòng tròn nhỏ dần lên (tượng trưng cho Tam thế Phật giáo) và Tam bảo (Phật, Pháp, Tăng). Trên đỉnh mỗi tháp có hình tượng bàn tay Phật bắt ấn.

Chọn giờ tốt, vị pháp sư (mặc áo choàng màu vàng, đội mũ Địa Tạng) thượng đàn tụng kinh cầu. Pháp sư vừa tụng vừa múa hai tay bắt ấn, sau đó rung chuông (thức tỉnh các cô hồn tề tựu về dự chay siêu thoát), tung giấy mã trong tiếng chuông, trống, chập chĩa... tấu lên. Sau ba tuần trà, ba tuần rượu, pháp sư ra ngoài cổng cúng thí.

---

<sup>88</sup> Tháp xôi nếp trắng vẽ hình chân dung Phật Thích Ca, biểu tượng chữ “Vạn” và hoa sen.

Giữa cây phượng và Ông Tiêu bày đầy giấy mã và 3.600 bộ giấy áo (gấp mười lần ở bến sông phóng sanh)<sup>89</sup>. Trên có nhiều đèn cây, bạch lạp, hoa tào nên một cảnh huyền ảo giữa lúc trời chưa sáng hẳn. Chung quanh bày nhiều tháp đồ chay do các gia đình đem tới cúng thí. Khi bãi giấy mã được khai hỏa cũng là lúc nghi xô giàn bắt đầu. Vị pháp sư vừa tụng kinh, làm phép đốt 3.600 bộ giấy áo. Người ta lần lượt đem hình nộm Ông Tiêu Phán Quan và các hình nhân khác ra đốt. Cây phượng được hạ xuống và đưa 52 chiếc đèn lồng ra đốt. Pháp sư quăng tháp bánh bao ra ngoài thí cô hồn, (hai tháp rau cải và xôi nếp tượng trưng cho Phật được giữ lại trả cho miếu). Nghi xô giàn cuốn hút nhiều người tham gia, họ tranh nhau những đồ cúng thí, mảnh vỡ từ hình nộm Ông Tiêu, đèn lồng, tháp bánh trong cảnh náo nhiệt, vui nhộn.

Trở vào miếu, pháp sư vừa tụng kinh kết thúc lễ cầu siêu. Những đồ vật dùng trong lễ như: Kim phong bảng, tranh, ảnh, liễn trang trí được đặt lên vị sứ giả cưỡi ngựa bằng giấy màu đỏ<sup>90</sup> đem ra sân khai hỏa.

Buổi sáng, bắt đầu cúng nhả mặn. Trong miếu soạn sẵn những mâm cúng mặn gồm: một con dê đực làm thịt để

---

<sup>89</sup> Người Hoa quan niệm có 36 cô hồn (nếu là ít), 72 cô hồn (cúng lớn hơn chỉ số nhiều), 108 cô hồn (chỉ số đông, cúng lớn hơn), 360 cô hồn (chỉ số đông hơn nữa, qui mô cúng rất lớn) và 3.600 cô hồn (chỉ con số rất đông đảo, qui mô cúng là đại lễ)... Tất cả các con số trên đều là bội số của con số 9, đây chỉ là cách nói của người Trung Quốc trong việc coi trọng con số 9 (cửu trù, cửu đỉnh) là con số may mắn.

<sup>90</sup> Ngựa đỏ: tượng trưng cho sứ giả báo công về Ngọc Hoàng, lễ hội kết thúc rất tốt đẹp. Màu đỏ tượng trưng cho sự may mắn, tốt đẹp.

sống cúng trước bàn thờ Quan Đế<sup>91</sup>, một con heo làm thịt để sống cúng trước bàn thờ Tổ và một con heo quay đồ cúng trước bàn thờ Bà Thiên Hậu. Trên các bàn thờ còn có gà luộc và các loại trái cây, nhang đèn. Trên bàn thờ chính nơi thờ Tổ đặt Phúc lộc đình, cây đèn dầu thất tinh (bảy ngọn), hai đài nến, bông, nhang trường và chò trái cây. Năm vị thầy cúng tụng kinh, gõ nhạc khí phụ họa lời cúng tạ ơn Bà và các thần thánh. Sau đó, đoàn hành lễ rước đến đàn chay khai lễ thỉnh an bài vị. Hình thức như ngày thỉnh sắc, đoàn rước theo lộ trình đưa bài vị các vị thần an vị nơi mình được thờ trước khi về chũng lễ. Trong những đêm diễn ra lễ hội, nhiều đoàn hát đến diễn những tuồng tích xưa, thu hút nhiều người xem. Trở về miếu, các thầy cúng tụng kinh kết thúc cho toàn lễ chay.

Lễ hội Bà Thiên Hậu (phường Bửu Long)<sup>92</sup>, có tính đặc trưng cho tín ngưỡng thờ Thiên Hậu của cộng đồng người Hoa ở Biên Hòa. Đây là lễ hội Bà có quy mô lớn nhất ở Đồng Nai và thu hút nhiều người dân tham dự.

Những nghi thức lễ cho thấy có sự dung hợp của Đạo giáo, Nho giáo và Phật giáo; trong đó vai trò của Đạo giáo

---

<sup>91</sup> Con dê: theo bà con địa phương cho biết người Họ vốn tướng tinh con dê, còn người Phước Kiến tướng tinh con cạp. Vì vậy khi cúng nhà mận chùa Bà Bửu Long thường phải cúng dê đực. Nhưng có lẽ cúng đủ lễ “tam sanh” gồm heo, gà, dê làm thịt để sống là tục lệ cúng Bà từ xa xưa, đến nay rất hiếm thấy chỉ có trong những dịp cúng lễ trọng đại (vì lễ vật cúng được giản lược nhiều).

<sup>92</sup> Dẫn theo Huỳnh Văn Tới, Phan Đình Dũng, *Văn hóa Đồng Nai* (sơ thảo). Nxb Đồng Nai, 2005 và Nguyễn Thị Nguyệt, *Lễ hội cầu an của người Hoa ở Đồng Nai*, Luận văn Thạc sĩ, năm 2006.

chủ đạo với lực lượng đạo sĩ hành lễ. Nghi lễ của Đạo giáo được dùng trong lễ cầu an, cầu phúc; nghi lễ cầu siêu, cúng thí cô hồn thì lại mang tính chất Phật giáo. Tính dung hợp nhiều lễ nghi trong hội lễ miếu Bà Thiên Hậu là một hiện tượng khá độc đáo.

### 3. Lễ vía Quan Âm

Tại các cơ sở tín ngưỡng thờ Quan Âm của người Hoa, hàng năm có rất nhiều lễ cúng vía. Đối tượng Quan Âm có các ngày cúng (có tính chu kỳ) như sau: vía ngày sanh vào ngày 18 và 19 tháng 2; vía ngày nhập đạo vào ngày 18 và 19 tháng 6; vía ngày đắc đạo ngày 18 và 19 tháng 9. Thời gian tính theo âm lịch. Một điểm chung trong các cơ sở tín ngưỡng người Hoa ở Biên Hòa là tượng thờ Quan Âm được bài trí trong nội điện thường ở tư thế tọa trên đài sen, đầu đội mào, toàn thân phủ áo trắng, thêu nhiều kim tuyến. Riêng ở trước các cơ sở Quan Âm Hộ Quốc Miếu thì có hồ phóng sanh, trên đó có tượng Quan Âm Nam Hải đứng trên đài sen, hay chiếc thuyền lướt sóng hoặc con rồng dâng dạ kim châu, hai bên có Thiện Tài Long Nữ và Huê Ngạn Hành Giả cung châu.

Đối với cộng đồng người Hoa đến Đồng Nai từ giai đoạn 1954 trở về trước, thì Quan Âm được phối thờ trong các cơ sở tín ngưỡng, không giữ vai trò chủ đạo nên vị trí bàn thờ cũng không chiếm vị trí quan trọng và lễ cúng không có tổ chức lễ lớn. Những ngày cúng lớn tại cơ sở thì bàn thờ Quan Âm cũng thực hiện nghi lễ dâng vật cúng (hầu hết là trái cây, bông hoa, đồ chay), dâng nhang.

Đối với cộng đồng người Hoa đến Đồng Nai từ năm 1954 trở về sau thì Quan Âm là đối tượng thờ chính trong các cơ sở tín ngưỡng. Các cơ sở tín ngưỡng này có quy mô kiến trúc khá bề thế, tính cộng đồng cao. Tên gọi đầy đủ của cơ sở là “Quan Âm Hộ Quốc Miếu”, người dân hay gọi tắt là chùa hay miếu Quan Âm. Đối tượng Quan Âm được bài trí chiếm vai trò trung tâm của cơ sở. Lễ cúng Quan Âm được tổ chức lễ rất trang trọng, thời gian trong hai ngày, thu hút nhiều người trong và ngoài địa phương đến tham dự. Ban Quản lý (còn gọi là Ban Quản trị) cơ sở tín ngưỡng đảm nhận mọi công tác tổ chức cho lễ cúng.

### ***3.1. Lễ vía ngày sanh Quan Âm***

Lễ vật trong các buổi lễ cúng Quan Âm có các đồ mặn và cả đồ chay. Bởi lẽ, trong cơ sở tín ngưỡng có phối thờ Quan Thánh, Án Thủ công công và một số được cho là tướng quân của lệnh Bà. Lễ vật thường là gà, vịt, heo; lễ vật chay gồm trái cây, các loại bánh, món chế biến từ thực vật. Bài trí các món theo quy định: bàn thờ Quan Âm đồ chay, các bàn thờ khác là đồ mặn.

Ngày thứ nhất (ngày 18 tháng 02 - âm lịch) bắt đầu lễ vào buổi tối. Các thầy cúng gồm nhiều người (tùy theo mỗi cơ sở tín ngưỡng mời mà số lượng thầy cúng khác nhau; thông thường mỗi lễ có ít nhất là 3 người trở lên) tụ trung trước bàn thờ Quan Âm đọc sớ trình xin lễ và đọc kinh cầu an. Kinh cầu an ban đầu đọc trình xin cho cộng đồng xong mới đọc kinh cầu an cho những gia chủ có đăng ký với Ban Quản lý. Nội dung kinh cầu an cho cộng đồng có tính chất

chung chung như mưa gió thuận hòa, quốc thái dân an, mùa màng tốt tươi, làng xóm yên lành, không xảy ra dịch bệnh..., riêng các gia chủ thì theo nội dung yêu cầu cụ thể như sinh con như ý, buôn bán thuận lợi, phúc đức lâm gia, thọ an bất bệnh... Thời gian đọc kinh kéo dài hàng mấy tiếng đồng hồ. Sau khi tiến hành nghi thức đọc kinh xong, các thầy cúng và Ban Quản lý tổ chức đốt các sớ trình, xin cầu trong các “tụ bảo lưu” được đặt trong cơ sở tín ngưỡng. Việc thực hiện các nghi thức đốt sớ thể hiện ý niệm Quan Âm đã được nghe và chấp nhận những sớ trình, lời kinh trước tấm lòng thành kính của thầy cúng, của các gia chủ.

Sau phần cúng chay, đọc kinh cầu an là thời gian lễ cúng cho các tướng quân, nhân thần phối thờ với Quan Âm. Lễ vật cúng mặn và được luộc chín. Lễ cúng này cũng được các thầy cúng đọc kinh với lòng mong muốn sự chứng giám và giúp đỡ của lực lượng này trong công việc chung đã thỉnh an Quan Âm trước đó. Cũng tùy thuộc vào từng địa điểm mà thời gian kết thúc sớm hay trễ. Thông thường, các lễ cúng trong đêm đầu kéo dài đến hoặc không quá giờ Tý (tức 12 giờ đêm).

Ngày thứ hai (ngày 19 tháng 2), lễ cúng bắt đầu vào buổi sáng. Thời gian từ 8 giờ. Đây là thời gian dành cho mọi người trong cộng đồng có nhu cầu, thể hiện lòng thành với Quan Âm đến dâng lễ vật, cầu khẩn, cúng dường.

Từ 10 giờ trở đi, Ban Quản lý cơ sở tín ngưỡng tiến hành những nghi hội đấu giá phúc pháo và thánh đăng hoặc thỉnh phước đăng. Phúc pháo hiệu theo nghĩa nôm na là

pháo đem đến những điều phước. Nguyên thủy, phúc pháo không bán mà tại lễ Quan Âm được bắn lên không trung (pháo có tiếng nổ) và bay đi. Trong phúc pháo có ghi những nội dung cầu chúc những điều tốt đẹp trong cuộc sống cho con người, cho làng xóm. Phúc pháo bay đi và tự rơi xuống, nhiều người trong lễ hội canh chừng khi phúc pháo được bắn lên, chạy theo, đón lấy tranh giành khi phúc pháo rơi. Ai nhặt, tranh được phúc pháo đem về nhà treo thờ thì xem như đón được cái phúc vào bản thân, gia đình hay cho làng xóm mình. Hiện nay, phúc pháo được đem đấu giá.

Về thánh đăng (lồng đèn), trên ghi những điều tốt, được trưng trong các lễ cúng Quan Âm. Người Hoa quan niệm đó là những thánh đăng có được sự linh nghiệm, báo ứng do Quan Âm truyền vào. Những thánh đăng sẽ được đem đấu giá, ai trả giá cao thì được bán. Người Hoa hoặc bất kỳ ai tham dự tùy thuộc vào ý muốn, sở cầu của mình mà đấu giá theo từng lời chúc được ghi trên thánh đăng. Trong các thánh đăng, quan trọng nhất là Liên Hoa bảo đăng. Đây là lồng đèn lớn nhất trong các loại thánh đăng. Mỗi dịp cúng lễ chỉ có một Liên Hoa bảo đăng. Giá cả đấu của Liên Hoa bảo đăng khá cao.

Phước đăng là dạng lồng đèn nhỏ. Loại đèn lồng này được Ban Quản lý mua về treo trong dịp lễ cúng, ai có nhu cầu thì thỉnh sau khi đóng góp một số tiền theo quy định. Tuy vậy, cũng tùy theo mỗi dịp lễ, địa phương mà giá cả đấu các phúc pháo, thánh đăng hoặc phước đăng được Ban Quản lý định giá phù hợp và mọi người có thể đấu, thỉnh.

Tùy thuộc vào từng cơ sở tín ngưỡng mà số phúc pháo, thánh đăng có số lượng nhiều hay ít để đấu, thường thì không quá con số 12; số lượng mỗi năm cũng không thống nhất. Trong thời gian đấu giá các loại phúc pháo, hoa đăng, thánh đăng diễn ra sôi nổi, náo nhiệt. Giá từng loại đấu được nhiều người tham gia cứ tăng lên đến mức trần, hoặc không ai đấu nữa thì Ban Quản lý công bố chủ nhân thắng cuộc. Đây là thời gian lễ hội cuốn hút nhiều người tham gia. Sau nghi thức đấu phúc pháo, hoa đăng, thánh đăng, thỉnh đèn những người tham dự lễ được dự tiệc liên hoan tại ngay cơ sở tín ngưỡng với ý niệm được hưởng lộc của Quan Âm.

### ***3.2. Lễ Quan Âm nhập đạo, đặc đạo***

Những tư liệu về khoảng thời gian định vị này liên quan đến sự kiện nhập đạo, đặc đạo của Quan Âm qua khảo sát cho thấy, không có người Hoa nào giải thích tường tận. Họ cho rằng, việc bảo lưu, duy trì các ngày cúng vía này theo sự truyền lại của những người đi trước. Cho đến nay, cộng đồng người Hoa tổ chức hai lễ cúng này trong thời gian: ngày 18 hoặc ngày 19 của tháng 6 và 9, tính theo âm lịch. Hình thức, quy mô của hai lễ cúng này giống nhau.

Cách bài trí trong ngày lễ cúng cũng đơn giản. Bàn thờ của Quan Âm với các đối tượng từng tự được bày trái cây, hoa quả. Bàn thờ Quan Âm có lễ vật chay, các bàn thờ khác cùng đồ mặn. Tất cả được thắp đèn, nhang liên tục trong thời gian cúng. Ban Quản lý dâng trình lễ vật cúng và trình bày lòng biết ơn đến đức Quan Âm. Trong các lễ cúng



không có lực lượng thầy cúng. Sau đó, những cá nhân trong cộng đồng có nhu cầu có thể tự đem lễ vật đến vía, cầu an.

Mục đích lễ cúng này là tỏ lòng biết ơn Quan Âm khi thực thi nhập và đắc đạo để sự hy sinh, cứu độ chúng sinh. Qua đó, thể hiện tấm lòng tôn kính của cá nhân, cộng đồng người Hoa đối với Quan Âm. Đồng thời, qua cúng vía trong các ngày này, người Hoa cầu an cho bản thân, gia đình, dòng tộc hay cho cộng đồng theo lời trình cầu của mình.

#### **4. Lễ Tả tài phán**

Đây là lễ hội của cộng đồng người Hoa đến Biên Hòa sinh sống từ sau năm 1954. Tên gọi lễ Tả tài phán cho đến nay chưa thể dịch sát nghĩa qua tiếng Việt, nôm na có thể hiểu là lễ Đại phán. Mục đích của lễ hội Tả tài phán là cầu an, cầu siêu thể hiện qua các câu kinh do thầy cúng đảm nhiệm, thực hiện trong các nghi thức bắt buộc; thể hiện sự tán phong cho thầy cúng và những thứ bậc cho đệ tử qua công tác tổ chức và thực hiện nghi lễ. Hiện nay lễ Tả tài phán ít được tổ chức tại Biên Hòa như trước, hầu hết, tổ chức lớn ở các vùng nông thôn có người Hoa sinh sống.

Đây là lễ hội thu hút đông đảo cộng đồng người Hoa tham dự, không chỉ ở nhóm cộng đồng nơi cư trú, tổ chức lễ hội mà còn nhiều địa phương khác tham gia. Kinh phí cho việc tổ chức lễ hội này rất lớn. Nguồn kinh phí này do nhiều nguồn: một từ phía thầy cúng nhận thầu (thầy cúng trong lễ hội sẽ được phong chức Tài Phán Xí); một phần do

những người dân đóng góp khi gia đình, thân tộc có hữu sự, liên quan mà phải cần cầu cúng trong dịp tổ chức lễ hội. Tùy thuộc vào sự đóng góp kinh phí của lực lượng tham gia này mà Ban tổ chức cho được dự những phần việc theo các nghi thức, quy định cụ thể. Ngoài ra, còn có những người không chủ đích trước nhưng khi đến tham dự lễ hội mới đóng góp tiền, vật để nhờ thỉnh cầu. Tính chất đóng góp kinh phí với một cơ chế mở để ai cũng có thể tham gia, không chỉ riêng trong cộng đồng người Hoa. Nguồn thu kinh phí đều tập trung cho lễ hội và do một Ban tổ chức quản lý, điều hành một cách chặt chẽ.

Thời gian lễ hội không được quy định cụ thể mà nó phụ thuộc rất nhiều vào các yếu tố. Có những nơi khi trong vùng gặp bệnh dịch hay mất mùa, nhiều người chết... thì nhóm cộng đồng cùng cư trú đóng góp tiền để mời thầy cúng tổ chức lễ hội; cũng có nơi khi có một nguồn kinh phí tài trợ hay thầy cúng có nhu cầu thăng bậc... thì người Hoa tổ chức lễ Tả tài phán. Thông thường, thời gian các lễ Tả tài phán diễn ra vào khoảng ba tháng cuối đến ba tháng đầu của một năm. Thời gian chuẩn bị cho một lễ Tả tài phán rất chu đáo và thường trước đó ba tháng.

Những công tác cho việc tổ chức lễ Tả tài phán rất chu đáo và cần có nhiều thời gian. Khi hội đủ những yếu tố cho việc tổ chức lễ Tả tài phán thì người Hoa thành lập một Ban tổ chức để điều hành. Người thầy cúng bậc cao nhất (Cam Tù) và người sẽ được phong là Tài Phán Xí sẽ lo khâu lực lượng thầy cúng. Một lễ Tả tài phán thường cần

đến một lực lượng thầy cúng từ 10 đến 20 người. Mỗi người đều được phân công phần việc cụ thể, gọi nôm na là giữ một bộ môn trong lễ.

Trong lễ hội, vị thầy cúng chủ trì là Cam Tù. Mọi việc đều phải được trình qua Cam Tù và khi có ấn đóng của ông mới được thực hiện. Thầy cúng với chức danh Tài Phán Xí lo mọi việc liên quan đến bên võ. Ngoài ra, còn có sự phân công cụ thể với các chức phận như: Minh Chứng Sư, Bảo Cử Sư, Bình Chân Sư, Tấu Cáo Sư, Tấu Điệp Sư, Thông Dẫn Sư, Đại Phán Sư, Giám Độ Sư. Theo phân công đó mà mỗi thầy cúng cứ hành sự đã quy định và có trách nhiệm cao. Hầu hết những vị thầy cúng đều biết chữ Hán, có ấn, cờ lệnh, phục trang (nhiều màu sắc theo quy định cấp bậc, của giới và nhiệm vụ được giao) cùng sách cúng, kinh kệ, sớ tấu, các nhạc, khí lệnh như thanh la, trống, sáo, nhị, tù và... để thực hiện những nghi thức liên quan.

#### **- Khu vực hành lễ:**

Do người thầy cúng và Ban tổ chức chọn. Khi đã đồng ý thì tiến hành nghi thức niêm phong niêm yết tại khu vực đã chọn. Về niêm phong thì thầy cúng tổ chức cúng nhỏ, tụng kinh đuổi tà ra khỏi ranh giới khu đất chọn, không cho chúng xâm nhập vào cho đến khi tổ chức. Về niêm yết, người thầy cúng sẽ được thụ phong trong lễ hội chọn một cây tre, trên có treo miếng vải đỏ viết những nội dung đến việc tổ chức lễ và sẽ thăng chức nhằm thông báo cho mọi người biết. Đây cũng là “thông báo” có tính chất cho mọi người biết để đến đăng ký cầu cúng trong lễ hội: nội dung

cần cầu, khoản kinh phí đóng góp, địa chỉ cụ thể để cho việc cung thỉnh những nghi thức cần thiết tại nhà... Những địa điểm như miếu, suối, cung đường rước thỉnh, cầu tế quanh khu vực dân cư sinh sống diễn ra trong lễ hội cũng được chọn trước một các cụ thể.

### **- Bài trí trong khu vực hành lễ:**

Công việc này chuẩn bị chu đáo và phải hoàn tất trước một ngày khi tiến hành chính thức. Khu vực hành lễ được dọn sạch sẽ, phân định những nơi dựng các công trình phục vụ cho các nghi thức cúng, tế, cầu đấng...

Trên khu vực hành lễ có ba địa phần chính (tính từ cổng vào theo thứ tự) như sau: khu vực cổng chào, khu vực cầu thí, khu vực thờ cúng.

Khu vực cổng chào gọi chung là Cổng thành (còn gọi là Ngũ Nhạc Lâu). Tùy mỗi nơi tổ chức mà thể hiện Cổng thành lớn hay nhỏ. Nhìn chung, cổng thành làm theo lối ba cửa, gồm một cửa lớn chính giữa và hai cửa nhỏ hai bên. Phía trên cửa chính thường dựng cao lên kiểu lầu từ hai đến ba tầng. Cổng thường được làm bằng tre, trang trí giấy màu rực rỡ, dán những câu chữ Hán có nội dung định danh cửa và chào mừng những người đến tham dự. Bắt đầu từ Cổng vào được xem là nội thành.

Khu vực Cầu thí cách Cổng thành không xa, khoảng 10m. Nơi đây có dựng một lều che. Bên trong có hình Sơn Đại Nhân với vóc hình cao to, nét mặt dữ tợn. Vị Sơn Đại Nhân sẽ được thỉnh cung chiêu hồn trong khu vực dân cư

sinh sống và đồng thời cũng có trách nhiệm trấn giữ trong thành trong thời gian hành lễ. Hai bên tả, hữu của lều Sơn Đại Nhân là nơi dựng những cây nêu cầu thí của những gia chủ. Những cây tre chừa ngọn, trên có tấm vải đỏ dài viết nội dung cầu tế, có đèn treo được dựng cao lên. Hai hàng cây nêu hướng về phía khu thờ cúng chính là gian Chung Tổ Đường. Những mảnh vải đỏ tùy theo nội dung cầu tế mà khi hành lễ được kéo nối với các gian thờ theo quy định. Nội dung cầu phúc thì nối vào Văn đàn, cầu thọ thì nối vào Võ đàn.

Khu vực gian thờ chính gọi là Chung Tổ Đường. Từ Cổng thành vào Chung tổ đường khoảng từ 30 đến 33 mét theo quy định chung. Nơi đây có ba gian thờ. Mặt chính của Chung Tổ Đường nhìn ra phía Cổng thành. Ở giữa là nơi thờ tổ tiên, nơi để những bài vị, chân nhang của những người tổ chức, của các thí chủ tham dự và đăng lính. Bên phải là Võ đàn, nơi để bàn thờ Ngọc Hoàng và các vị thần linh, võ tướng phối tự (có nơi cho là Võ đàn Tam Thanh: Thượng Thanh, Ngọc Thanh, Đại Thanh; hoặc là Thái Thượng Lão Quân). Bên trái là Văn đàn, bài trí thờ Tam Bảo Phật mà biểu trưng nhất là Quan Thế Âm. Phía bên trong mỗi gian thờ bài trí một bàn thờ, trang trí nhiều giấy màu sắc sỡ, long mào gắn lông công, nhiều hình ảnh liên quan đến những đối tượng cúng thờ trên. Có ba cửa chính ngang hàng, trên các cửa có nhiều câu chữ Hán ca tụng công, đức, sự hiển linh, báo đáp... của những đối tượng được thờ.

Trong khu vực từ chỗ hàng nêu Cầu thí đến Chung Tổ Đường được dùng làm đàn cho các thầy cúng hành lễ liên

quan ngoài trời, bàn thờ tế, nơi dựng Cây nêu lớn (gọi là Cửu Lườn Trúc), nơi tế sồng vật tế (như bò, heo) và dựng đao cầu giải, hành dẫn qua dây than hồng... theo quy trình của lễ hội.

### **- Các nghi thức chính của lễ hội:**

Bất kỳ cho một tiến trình, nghi thức nào liên quan trong lễ hội khi thực hiện đều phải cúng trình, dâng sớ, xin quẻ và được sự chấp thuận, đóng ấn của vị chủ trì (Cam Tù).

Trước ngày khai mạc, người nhận chức Tài Phán Xí vào dịp lễ này sẽ lập đàn lên ngựa (thượng mã triều) tại gia đình. Thời gian từ 8 giờ đến 11 giờ buổi tối. Tham dự lễ cúng này có vị Cam Tù, Ban tổ chức, các môn đệ, bà con dòng họ. Đây là một lễ quan trọng đối với người chuẩn bị nhận chức bậc Tài Phán Xí. Lễ vật cúng gồm: heo, gà, vịt (chín), nhang đèn... Khi làm lễ cả hai vợ chồng người thầy cúng phải mặc lễ phục để cúng. Họ phải trình cúng đến chư vị thần linh, tổ tiên và chuẩn bị lực lượng “binh mã” cho một cuộc đến thành (nơi hành lễ), giữ nhận trách nhiệm quan trọng.

Vào ngày thứ nhất, buổi sáng, vị Cam Tù chọn giờ tốt khai lễ. Thường vào khoảng thời gian từ 8 đến 10 giờ sáng với các hoạt động múa lân mừng lễ tại Miếu Quan Âm và khu vực hành lễ.

Tại gian Chung Tổ Đường bày trang thờ làm lễ xin thánh chỉ Ngọc Hoàng cho phép lập đàn chay. Các thầy cúng làm lễ rước bài vị, chân nhang nơi bàn thờ tổ tiên của những người đăng cầu. Đoàn thầy cúng chia nhiều toán

nhỏ, tiến hành những nghi thức đọc kinh, xin quẻ, rước bài vị, chân nhang từ các gia chủ đến an vị trong Chung Tổ Đường. Trước khi bài vị, chân nhang an vị, đoàn thầy cúng thực hiện đi lại 3 vòng xung quanh khu vực hành lễ để kiểm tra, tiếp tục ấn pháp trai đàn. Mỗi bài vị, chân nhang được an vị phải thông qua nghi thức phát sớ, gieo keo rồi trình, đốt sớ. Buổi tối, một lễ cúng thí được thực hiện. Các đồ vật như tiền mã, gạo, muối, bánh, kẹo... được rải khắp khu lễ. Sau đó, thầy cúng làm lễ thỉnh mời các vị Tổ tiên, Sư Tổ, Phật Tổ, thần thánh chứng giám cho cuộc lễ.

Ngày thứ hai tiến hành nghi dựng nêu bên Văn đàn và dâng đàn cho Tài Phán Xí. Tại hương án trước Chung Tổ Đường thỉnh lễ Thần Công Tào (người có nhiệm vụ trình tấu sớ – hình ảnh ngồi trên ngựa) lên Ngọc Hoàng và Phật Tổ. Mỗi sớ trình của các bên cầu an, cầu siêu và dâng tước thầy cúng đều thực hiện nghi trình và hỏa sớ.

Sau đó, các cây nêu bắt đầu dựng lên. Các thầy cúng hành lễ, khi đại diện cho bên Phật (áo cà sa, mão Phật), bên Đạo gia (áo, mão hình âm dương), bên Thánh gia (áo bào, mão bình thiên) làm lễ bên các cây nêu mà gia chủ có sở cầu. Trên các cây nêu treo cuộn vải viết lời cầu, dưới góc bày bát nhang và lễ vật cúng Thổ địa. Thầy cúng vận phục như Tam Tạng cúng thí và tụng kinh Sám hối. Sau đó, các dây vải từ cây nêu được kéo dài tới văn đàn với ý niệm là chiếc cầu cho Thần, Phật đến dự, chứng giám. Sau khi tụng kinh xong, thầy cúng làm lễ báo hoàn nghi trước đàn của Sơn Đại Nhân.

Nghi thức dâng đàn tước vị cho thầy cúng nhận chức Tài Phán Xí trước Võ đàn. Các thầy cúng làm lễ trần đàn với hình thức vừa đi vừa đập gậy tung giấy bùa. Sau đó, trải tấm vải đen từ Võ đàn đến bàn hương án trước Chung Tổ Đường. Trên bàn hương án bày nhiều lễ vật và bằng chức sắc của Tài Phán Xí. Chúng được khiêng diễu hành 7 vòng ở khu vực hành lễ trong tiếng nghinh tấu của nhiều loại nhạc khí rồi dừng lại nơi cổng thành. Lúc này, 2 tướng quân vào quan sát lại chay đàn. Khi báo mọi việc tốt đẹp, đoàn thầy cúng và các gia chủ do pháp sư dẫn đường tiến vào Võ đàn. Trên đường vào, các pháp sư vừa đi vừa làm động tác múa trừ tà, trấn quỷ không cho chúng xâm phạm. Tiếp theo, lực lượng thầy cúng thực hiện nhiều nghi bên các gian thờ trung tâm. Mỗi nghi cúng đều thực hiện đầy đủ lễ vật, trình và hỏa số kết thúc.

Ngày thứ ba khai nghi dựng nêu bên Võ đàn và thỉnh Sơn Đại Nhân chiêu vong hồn. Các pháp sư hành nghi thức dựng nêu bên Võ đàn giống như bên văn đàn. Bên Võ đàn các cây nêu được dựng nhiều hơn và có treo đèn dầu trên mỗi cây. Đây là những cây nêu mà gia chủ cầu lợi, cầu phước, cầu thọ, cầu tự... cho người sống. Những sở cầu trên vải từ cây nêu được bắt cầu đến Võ đàn.

Sau đó, đoàn pháp sư thỉnh rước Sơn Đại Nhân đi khắp những cung đường trong thôn xóm tổ chức lễ để chiêu vong. Mỗi nơi Sơn Đại Nhân được dừng lại thì các pháp sư làm phép, tụng niệm pháp chú thu phục oan hồn. Đoàn thỉnh rước có nhiều người dân đi theo dự.



Buổi chiều, thầy cúng hành lễ rước Thủy Thần và Cây nêu lớn (gọi là Cừ Lườn Trúc). Lễ rước Thủy thần tại bên sông, suối hoặc ao hồ đã được chọn trước. Nước được rước về khu hành lễ được các thầy cúng làm phép để tẩy uế, trừ tà trong các nghi cúng. Cây nêu lớn được chọn từ trước. Đó là một cây tre với tiêu chí thẳng, cao, không dây leo bám, có ngọn quay về hướng Đông. Trước khi hạ cây, thầy cúng làm phép cúng và người đóng kinh phí nhiều nhất cho lễ được khởi nhát chặt đầu tiên. Khi hạ cây phải tuân thủ theo quy tắc một cách cẩn trọng: không cho thân cây chạm đất để giữ tính thiêng. Khi rước về khu hành lễ đặt trên giàn đỡ chờ đến ngày làm phép dựng. Nơi để Cừ Lườn Trúc kiêng kỵ nhiều điều: Khi chưa dựng không ai được chạm đến, hay đi ngang qua...

Bắt đầu từ đêm thứ ba của lễ, những đoàn ca kịch diễn tuồng, hát bội tại sân khấu trong khu hành lễ.

Ngày thứ tư, nhiều nghi hội lễ được thực hiện liên tục. Sau những nghi cúng cầu an, cầu phúc, hai bên Văn đàn, Võ đàn những cầu vải được cuộn lại trên mỗi cây nêu. Lễ trảm tế vật sống khai cuộc. Vật tế sinh là bò và heo được buộc chầu trên giá cây. Các pháp sư dâng sớ trình và làm phép từ dao trảm. Những thầy cúng trong vai tướng quân thực hiện nghi trảm một cách nhanh gọn. Các tướng quân tay xách đầu vật tế rải huyết trên hai hàng chén bày dọc sân lễ cùng gạo, mắm, muối, bánh... với quan niệm cho các vong hồn dự hưởng.

Cây nêu lớn được khởi dựng. Vị Cam Tù và Tài Phán Xí thực hiện nghi làm phép cho Cửu Lườn Trúc. Một dải vải đỏ dài được treo từ ngọn sau đó cuộn lại buộc phía dưới gốc. Trên dải vải thung lời cầu an, cầu siêu và dâng tước cho thầy cúng. Tại Chung Tổ Đường và bàn hương án, vị Cam Tù tiến hành thăng chức cho thầy cúng nhận chức Tài Phán Xí và các bậc thầy cúng cấp dưới. Tất cả các nghi đều trình sơ tấu, gieo quẻ xin keo và trao bằng chức. Sau nghi nhận bằng, những hành thức trong lễ hội về sau do Tài Phán Xí chính thức điều khiển.

Vị Tài Phán Xí cùng các pháp sư tụng niệm kinh chú và dựng Cửu Lườn Trúc. Dải vải đỏ được các pháp sư cầm giữ đi quanh cây Cửu Lườn Trúc trong khi nhiều thầy cúng thực hiện những nghi khởi binh phá ngục đưa hồn siêu thoát. Những nghi hành lễ này thu hút nhiều người tham dự với các kiểu làm phép, động tác mang tính phép thuật, kỳ bí. Những gia chủ cầu siêu đưa bát nhang thông luôn những cửa ngục trước đàn Sơn Đại Nhân cho đến hồi từng ngục bị phá hóa.

Nghi dựng Cửu Lườn Trúc an vị theo quan niệm là một ~~điềm lành~~ cho các nghi cúng cầu an, cầu siêu, dâng tước. Nó ~~chưa~~ cho những sở cầu, chức phong của bá tánh, thầy cúng được Thần, Phật chứng giám, công nhận.

Tiếp theo sau là hội đấu thánh đăng. Thánh đăng là những đèn lồng được Ban tổ chức thỉnh cho cuộc lễ. Tùy theo từng nơi tổ chức lễ mà có số lượng được quy định cụ

thể. Thông thường có 10 thánh đấng được đấu giá, còn nhiều loại đấng khác chỉ thỉnh mừng. Ai có sở cầu chọn lộc thì tùy theo số tiền mà thỉnh thờ.

Thời gian đấu giá thánh đấng diễn ra sôi nổi, náo nhiệt. Mỗi thánh đấng đều có những thành ngữ ứng những điều chúc tốt lành. Ví dụ như:

- Thánh đấng thứ nhất: Nhất bản vạn lợi.
- Thánh đấng thứ hai: Song hỷ lâm môn.
- Thánh đấng thứ ba: Tam đa đại kiết.
- Thánh đấng thứ tư: Tứ quý hưng long.
- Thánh đấng thứ năm: Ngũ phúc lâm môn.
- Thánh đấng thứ sáu: Lục mã phú trì.
- Thánh đấng thứ bảy: Thất tinh cao chiếu.
- Thánh đấng thứ tám: Bát tiên chúc thọ.
- Thánh đấng thứ chín: Cửu tử đấng khoa.
- Thánh đấng thứ mười: Thập túc toàn diện.

Mỗi thánh đấng khi được giới thiệu, người nào có sở cầu tương ý thì đấu. Người nào đấu thắng thì được thỉnh về thờ.

Buổi chiều, nghi thượng đao giải oan khai lễ. Hai cây gỗ to, chắc được làm phép dựng lên song hành. Trên mỗi cây buộc 12 con dao tạo thành bậc thang hai đầu, đều có phần lưỡi chìa ra. Một cây buộc dao ngựa, một bên buộc

dao úp tượng trưng cho âm dương hài hòa. Hai pháp sư trước khi leo lên cầm lắc lệnh và con gà sổng làm phép trấn cho thượng đao. Hai pháp sư thụ chiện những động tác múa vắn cổ gà cho huyết văng ra tấy ứ, đuôi tà nhập, lắc lệnh khua liên hồi với các điệu nhảy như lên đồng. Hai pháp sư rửa chân và quỳ trên thang đao thứ nhất cho vị chủ trì đóng ấn vào hai bàn chân trước khi thượng đao. Trên ngọn đao, hai pháp sư phun nước làm phép, thối tù và tỵ Thần linh, ma quỷ, tổ tiên về nghe lời kinh giải oan. Pháp sư thối tù và trước mỗi nội dung lời kinh được đọc lên. Kinh giải oan theo thứ tự: giải người chú trời đất, chú Tổ Công Thần, giải việc không biết quý trọng hương hỏa, giải kẻ nghịch bất ân với cha, giải việc tiền công tô thuế, giải cho gia cầm lục súc, giải vợ chồng bất thuận bất hòa, giải cho huynh đệ tương tranh, giải cho cứu tộc oan gia, giải cho chúng sanh bất cập. Ngoài những kinh trên, nếu gia chủ nào có nhu cầu cần giải thì đăng dung trên sớ đồ thượng lên cho pháp sư cầu giải. Thông thường, số gia chủ cầu giải rất nhiều. Lễ giải oan kéo dài hàng mấy giờ đồng hồ. Khi tụng kinh xong, các pháp sư hạ đao. Khi rời khỏi bậc đao nào là phải gỡ đao đó xuống cho đến bậc đao cuối cùng.

Vào buổi sớm sáng ngày thứ năm (khoảng 2 giờ), bắt đầu nghi thức đi qua dãy than hồng. Dãy than hồng dài 3m, được chuẩn bị và làm phép cúng, trấn trong đêm khuya. Hai đầu dãy than hồng bày hai đàn và bàn thờ tả hữu. Tại đây, các pháp sư và tướng quân thỉnh rước bốn vị giám lễ (tượng trưng bằng bốn tranh vẽ) thỉnh thượng. Các pháp sư bưng Bài vị Tổ và những người tham gia có sớ cầu, chân

nhang tại Chung Tở Đường xin quẻ keo trước khi hành diều. Khi keo ứng, những người thung bát nhang được theo pháp sư làm lễ rửa chân, tẩy uế, được niệm ứng chú và nổi bước chậm rãi qua dây than hồng. Khi đã qua khỏi dây than phải bước qua chảo than nhỏ và chờ xin keo thuận của Tở. Nếu keo thuận thì bát nhang sẽ được đưa về an vị tại Chung Tở Đường. Sau đó, nghi hành diều qua than hồng dành cho những người tham dự lễ có tâm niệm hướng cầu điều phúc, sở nguyện. Những nghi thức đều được pháp sư tiến hành cẩn trọng. Nghi kết thúc khi các thầy cúng tay thung những vật tế sống đi ngược hướng người đi qua dây than. Dây than được tải ra rồi gom lại thành đống.

Buổi sáng thứ năm bắt đầu nghi cúng thí tiền Thần, Phật, Tở về nơi an vị trước khi được thỉnh mời dự lễ. Từng gia chủ thỉnh an bài vị, chân nhang trở về nhà. Mọi nghi đều có lễ vật trình và do thầy cúng tụng niệm kinh chú, làm phép. Nghi xô gian cúng thí kết thúc lễ hội diễn ra vào buổi tối và đông đảo người tham dự. Từ đàn chay, hình nộm các hình nhân, cây nêu, hàng mã, tranh vẽ, bùa chú... được hỏa kết và lễ vật cúng nhiều loại được rải thí khắp sân lễ. Cây Cửu Lườn Trúc được hạ xuống và được phân chia cho những Mạnh thường quân có công đóng góp tiền của nhiều cho lễ như một chứng phúc của Thần, Phật Tở. Những người tham dự lễ xô giàn cúng thí tranh đua trong cảnh náo nhiệt để lấy những vật cúng hỏa kết, cúng thí với ý niệm giành giữ cho bản thân những lộc mà Thần, Phật, Tở đã chứng ứng. Như vậy, họ sẽ được toại nguyện trong sở cầu, tâm nguyện của mình trong lễ hội.

## 5. Lễ cầu siêu

Cộng đồng bang, hội của người Hoa thường có một khu nghĩa địa riêng (gọi là nhị tỳ). Trong khu vực nhị tỳ, người Hoa xây một nghĩa từ để đặt các bài vị của người quá cố. Trong ý niệm tương đồng như bao dân tộc khác, người Hoa tin vào một thế giới bên kia của người chết. Thế giới của cõi âm đó vẫn có những nhu cầu thiết yếu trong sự tồn tại. Thế nhưng, điều quan trọng hơn là linh hồn của mỗi người sau khi chết. Người sống quan niệm rằng, đã là chúng sinh thì sau khi chết cần phải được cầu siêu nhằm để giải thoát khỏi những nghiệp chướng do đã gây thưở sinh thời. Sau khi chết, một linh hồn được siêu thoát cần phải tổ chức cầu siêu liên tục trong 3 năm liền. Vì vậy, khi tại nghĩa từ có tổ chức lễ cầu siêu thì những nhà có người chết chưa quá hạn 3 năm thì họ tham dự vào lễ. Điều đó, cho thấy mục đích của lễ cầu siêu là nhằm cầu độ cho linh hồn của những người chết. Lễ được tổ chức tại các nghĩa từ, trong phạm vi nghĩa địa của bang hội.

Lễ cầu siêu thường được tổ chức vào ngày 15 tháng 7 (âm lịch). Ngày Rằm tháng bảy theo Phật giáo là ngày lễ Vu Lan. Lễ Vu Lan có gốc gác từ Kinh Vu Lan Bồn, có nhắc đến tích chuyện Mục Kiền Liên cứu mẹ là Thanh Đề. Có một số tích chuyện giải thích về ngày Rằm tháng bảy, nhưng chung quy đều hướng đến việc xá tội vong nhân. Nhân ngày lễ Rằm tiết Trung ngươn, người Hoa tổ chức lễ cầu siêu để cứu độ cha mẹ, tổ tiên, người thân quá cố.

Một lễ cầu siêu lớn thường được tổ chức trong 2 đến 3 ngày. Việc chuẩn bị lễ rất chu đáo. Bang, hội thông báo cho thành viên biết để tham gia đăng ký cầu cúng. Thông thường mỗi hộ gia đình có người thân bị chết đăng ký một bài vị. Bài vị được viết trên giấy màu vàng, mỗi bài vị có thể ghi một hay nhiều tên người chết nếu có cùng quan hệ huyết thống. Chính giữa bài vị ghi tên người quá cố (tên ghi màu đen, họ ghi màu đỏ), góc dưới bên trái ghi tên người đăng ký cầu siêu, còn gọi là: dương thượng (họ và tên người dương thượng ghi màu đỏ). Bên dưới bảng đăng ký các bài vị lập bàn thờ để người dương thượng thắp nhang, dâng cúng trái cây, hoa quả, rượu, trà, bánh ngọt và giấy mã, vàng, bạc... Trên bảng đăng ký bài vị là hình tượng mắt Phật (Phật quang) với quan niệm Phật soi sáng, dẫn dắt các oan hồn.

Tại sân nghĩa từ, trước lễ cầu siêu, phải dựng cây nêu. Đây là một cây tre được chọn với tiêu chí: cao, to, không dây leo bám, không bị dị tật, ngọn tre lúc chưa đốn phải quay về hướng Đông. Cây nêu có một số điều kiêng kỵ nhằm giữ cho thiêng: quá trình hạ và chuyển về nơi dựng nêu phải giữ cây không cho chạm xuống đất. Tuyệt đối không cho người và súc vật bước ngang qua thân cây.

Trên ngọn nêu treo một đèn lồng. Ý nghĩa việc treo đèn là nhằm báo cho các vong hồn thấy, biết mà từ tạ để dự lễ siêu thoát.

Dưới cây nêu bày bàn thờ, trên bàn thờ đặt bát nhang, bình hoa và các món chay: 3 chén cơm, 3 đôi đũa, 3 ly

nước, 3 ly rượu, bánh, trái. Mỗi ngày phải cúng đủ 3 lần (sáng, trưa, chiều).

Bên phải cửa nghĩa từ lập gian thờ: Âm Dương Đô Tổng Quản, người cai quản các linh hồn cõi âm. Phía bên trong gian thờ bày bức tranh cảnh xét xử nơi âm phủ. Mỗi ngày cúng chay một lần vào buổi sáng. Bên trái cửa nghĩa từ lập gian thờ Ông Tiêu, người cai quản và phân phát lương thực cho các linh hồn. Ông Tiêu được làm bằng khung tre, phết giấy bồi, màu sắc sặc sỡ, tư thế ngồi, tay trái cầm cờ lệnh (xanh và đỏ), tay phải cầm lệnh bài, mặt che một tấm vải, tọa trên đài cao. Phía dưới bày bàn thờ, đặt bát nhang, đèn dầu, đèn cây. Mỗi ngày cúng chay một lần vào buổi sáng. Trong thời gian diễn ra lễ, bá tánh đến cầu siêu thường cúng Ông Tiêu bánh kẹo, giấy tiền vàng mã, để Ông Tiêu ban phát cho các linh hồn.

Chánh điện lập đàn chay. Chính giữa thưng ảnh thờ Phật Tổ. Qui mô đàn chay tùy thuộc vào thầy tụng, nếu thầy tụng là người Phúc Châu thì chay đàn sẽ có 3 cấp. Bậc cao nhất dành cho thầy chủ trì, bậc tiếp theo dành cho các thầy xướng lễ, bậc cuối dành cho các thầy giúp lễ. Hai bên chay đàn dựng các cặp liễn: một cặp đại diện cho Phật Tổ, một cặp đại diện cho Quan Thế Âm Bồ Tát. Gian thờ Phật được bố trí chuông, mõ, nhang đèn và các lễ vật cúng chay.

Trước tiền điện lập bàn thờ cúng cô hồn và những linh hồn không có người thân đăng ký bài vị cầu siêu. Bá tánh đến ủng hộ lương thực, thực phẩm như: gạo, muối, nước tương... được bày tại đây cũng như phần lương thực Ban



Tổ chức dùng để phát chẩn. Mỗi ngày cúng chay một lần vào buổi sáng.

Phụ thuộc vào cấu trúc từng cơ sở tín ngưỡng mà cách bày đặt các bàn thờ có khác nhau hay bày trên những bàn thờ vốn có. Thông thường, tại bàn thờ Thổ Thần đặt các lễ vật như: Núi vàng (kim sơn), Núi bạc (ngân sơn), và các lễ vật lương thực, thực phẩm cúng làm theo hình như: tháp rau, tháp bánh, tháp đậu phộng, tháp kẹo, (tháp dạng hình nón, làm bằng khung tre bồi giấy màu xanh, xung quanh dính lương thực). Các lễ vật này do bá tánh đem đến cúng, với mục đích tạ ơn Thổ thần và thí cô hồn. Mỗi ngày cúng chay một lần vào buổi sáng.

Tiền điện còn bố trí thuyền chở linh hồn. Thuyền làm bằng khung tre bồi giấy màu, trước mũi thuyền có tượng Tam Tạng, đuôi thuyền có tượng người chèo thuyền. Thuyền trong lễ cầu siêu mang ý nghĩa chở linh hồn về nơi siêu thoát.

Tất cả những bàn thờ, đàn chay được bày đều tổ chức cúng từ ngày khai lễ cho đến hội nghi kết.

Chủ trì và thực hiện các nghi do lực lượng thầy cúng chủ trì bắt đầu từ khi khai đàn. Số lượng thầy cúng không qui định, thường chủ chỉ cho một lễ có từ 10 người trở lên. Khi tiến hành các nghi tại đàn chay, thầy cúng mặc lễ phục vàng và nâu; người giúp lễ đứng thành hai hàng ở hai bên bàn thờ Phật mặc lễ phục màu đen.

Các thầy cúng tụng kinh nhà Phật, thực hiện xin lễ và tiến hành các nghi thức: mời Am Dương Đô Tổng Quản

nhập điện thờ; khai quan diêm nhân Ông Tiêu (lúc này tháo tấm vải che mặt); diêm nhân bài vị, mời các linh hồn đến nghe giảng kinh Phật.

Thời gian tụng kinh nhà Phật bắt đầu từ sáng sớm đến 12 giờ trưa mỗi ngày. Sau 12 giờ đến tối là thời gian tụng kinh cầu siêu. Người Hoa quan niệm thời khắc từ 01 giờ đến 12 giờ là dương, sau 12 giờ đến 24 giờ là âm, nên kinh cầu siêu được đọc sau 12 giờ chứ không nhất thiết phải vào ban đêm.

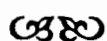
Trước khi kết thúc lễ cầu siêu, người Hoa có phong tục đốt giấy mã tiền vàng mã rất nhiều. Đây là phong tục có nguồn gốc lâu đời. Trong lễ cầu siêu, thứ tự hỏa kết các lễ vật, hình nhân, đồ vật dâng cúng theo thứ tự sau:

- Hỏa kết Ông Tiêu. Trong quá trình diễn ra lễ cầu siêu, người Hoa giữ gìn Ông Tiêu rất cẩn thận, không cho ai giật lấy một bộ phận nào của hình nhân Ông Tiêu. Để có sự toàn diện, mỹ mãn.

- Đốt thuyền chở bài vị. Trong thuyền khi chuẩn bị hỏa kết chứa những bài vị đã đăng cầu, làm phép.

- Đốt giấy tiền vàng mã.

Khi hỏa kết, người Hoa đốt cháy cho bằng hết thì mới thôi. Những nguồn lương thực, thực phẩm và bánh kẹo và đồ thí do bá tánh cúng lễ được phân phát cho người nghèo tham dự và sinh sống trong khu vực có tổ chức lễ.



## KẾT LUẬN

Biên Hòa là địa bàn có đông dân cư sinh sống. Trên địa bàn này, trải qua nhiều thời kỳ lịch sử, những cộng đồng cư dân đã xây dựng những cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo như đình, chùa, miếu... đáp ứng được nhu cầu sinh hoạt tinh thần. Hệ thống cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo khá phong phú với nhiều loại hình, quy mô và kiểu thức kiến trúc. Sự tồn tại cơ sở tín ngưỡng tôn giáo đã nói lên sự cần thiết, một nhu cầu chính đáng trong cuộc sống tinh thần của cư dân.

Những cơ sở tín ngưỡng tôn giáo ở Biên Hòa phản ánh nhiều mặt của lịch sử vùng đất này trong diễn trình hình thành, phát triển của Đồng Nai nói riêng, Nam Bộ nói chung. Những ngôi đình phản ánh chiều kích của cư dân từ thời khẩn hoang đến hiện nay. Nhiều ngôi chùa cổ phản ánh vùng đất Biên Hoà là một trong những cái nôi của Phật giáo truyền vào vùng Nam Bộ cách đây hơn ba thế kỷ. Hệ thống các cơ sở tín ngưỡng dân gian với hệ thống đối tượng thờ phản ánh những phong tục tập quán của cư dân vùng đất mới trên nền truyền thống của vùng quê gốc. Bên cạnh đó, các cơ sở tín ngưỡng tôn giáo cũng thể hiện được sự dung hòa trong tín niệm, gắn kết không chỉ các cư dân từ

nơi khác tìm đến sinh sống mà còn đối với sự tôn trọng tín niệm của các lớp cư dân bản địa. Yếu tố của vùng miền văn hóa của các lớp cư dân thể hiện khá rõ nét trong cơ sở tín ngưỡng tôn giáo, tạo nên những nét đặc thù; đồng thời, sự tiếp thu, dung hòa trong tín niệm thờ cúng thể hiện sự đa dạng và tính cách mở của các lớp cư dân trên đất Biên Hòa qua các thời kỳ lịch sử.

Những kiến trúc hiện tồn qua nhiều giai đoạn lịch sử là những minh chứng hùng hồn cho sự sáng tạo không ngừng của các lớp thế hệ dân cư trên vùng đất Biên Hòa. Những thức kiến trúc truyền thống được bảo lưu và sự kết hợp hài hòa những dạng thức kiến trúc mới trong nhiều giai đoạn, đã làm phong phú về công trình kiến trúc nghệ thuật của Biên Hòa. Những tác phẩm điêu khắc gỗ, đá, gốm được sử dụng trang trí trong các cơ sở tín ngưỡng tôn giáo trên địa bàn Biên Hòa có giá trị nghệ thuật cao, thể hiện tài năng sáng tạo của bao lớp nghệ nhân Biên Hòa. Với giá trị về nghệ thuật, lịch sử, văn hóa, nhiều cơ sở tín ngưỡng tôn giáo ở Biên Hòa đã được xếp hạng di tích (cấp quốc gia và địa phương) như: đình Bình Kính (đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh), đình Mỹ Khánh (đền thờ Nguyễn Tri Phương), đình Tân Lâm (đền thờ Trần Thượng Xuyên), đền Tam Hiệp (đền thờ Đoàn Văn Cự), đình Bình Quan (xã Hiệp Hòa), chùa Bửu Phong, chùa Long Thiên, chùa Đại Giác, chùa Bửu Hưng/Cô hồn, chùa Ông/Thất phủ cổ miếu, chùa Bà/miếu Tổ nghề Đá... Bên cạnh đó, còn nhiều cơ sở tín ngưỡng tôn giáo chưa được liệt hạng nhưng ẩn chứa nhiều giá trị, tạo nên một tập thành di tích đa dạng về loại hình,

quy mô, kiến trúc cho di sản văn hóa vật thể hiện tồn ở Biên Hòa.

Gắn liền với các cơ sở tín ngưỡng tôn giáo là một hệ thống những giá trị di sản văn hóa phi vật thể phong phú. Những chuyện tích gắn liền với các di tích phản ánh những tư liệu quý báu về thời kỳ hình thành, phát triển vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai trên nhiều phương diện. Những lễ hội truyền thống được bảo tồn và phát huy trong cuộc sống hiện tại của người dân Biên Hòa. Trong đó, có nhiều lễ hội với quy mô lớn như lễ hội Kỳ yên hàng năm ở các đình, lễ hội Cầu an tại chùa Bà Thiên Hậu/ miếu Tổ sư nghề đá... thu hút nhiều người tham gia, có sức lan toả rộng trong cả vùng miền Đông Nam Bộ. Đây là những yếu tố tích cực tạo điều kiện trong phát triển du lịch địa phương trên cơ sở giá trị di sản văn hóa.

Hệ thống các cơ sở tín ngưỡng tôn giáo ở Biên Hòa là tài sản, vốn quý của cộng đồng các cư dân sinh sống trên địa bàn Biên Hòa nói riêng của Đồng Nai nói chung. Đây là thành quả lao động, sáng tạo của bao thế hệ con dân Biên Hòa trải qua nhiều thời kỳ lịch sử cần được bảo tồn và phát huy hơn nữa trong giai đoạn hiện nay.





**PHỤ LỤC THỐNG KÊ  
CƠ SỞ TÍN NGƯỠNG BIÊN HÒA**





# DANH SÁCH CƠ SỞ TÍN NGƯỠNG BIÊN HÒA

## I. LOẠI HÌNH ĐÌNH

S TT	TÊN GỌI	ĐỊA CHỈ	ĐỐI TƯỢNG THỜ CHÍNH	LỄ KỶ YÊN (Âm lịch)
<b>Phường An Bình</b>				
01	Đình Bình Đa	Khu phố 2	Thành hoàng (sắc phong *)	11-13/11
02	Đình An Hảo	Khu phố 8	Thành hoàng (sắc phong *)	15-16/11
<b>Phường Bửu Hòa</b>				
03	Đình Bình Long	Khu phố 1, ấp Tân Bình	Thành hoàng (sắc phong *)	15-16/11
04	Đình Tân Phú (Tên gọi khác: Đình Trương Công Định)	Khu phố 5, ấp Tân Mỹ, đường Bùi Hữu Nghĩa	Thành hoàng (sắc phong *) Sau 1975, đưa vào thờ Trương Công Định	
05	Đình Tân Bản	Khu phố 3, ấp Tân Bản, đường Nguyễn Tri Phương	Thành hoàng	15-16/11

**Phường Bửu Long**

06	Đình Bạch Khôi	Khu phố 4, đường Huỳnh Văn Nghệ	Thành hoàng (sắc phong *)	18-19/11
07	Đình Bình Điện	Đường Huỳnh Văn Nghệ	Thành hoàng (sắc phong*)	16/11
08	Đình Tân Lại	Khu phố 1, đường Huỳnh Văn Nghệ	Thành hoàng (sắc phong*)	15 -16/10

**Phường Long Bình Tân**

09	Đình Bình Dương	Áp Bình Dương	Thành hoàng	15/11 Tổng phong 15/3 Thành lập 15/12
----	-----------------	---------------	-------------	---

**Phường Quang Vinh**

10	Đình Bình Thiên		Sắc phong Minh Mạng(?)	15/10
----	-----------------	--	------------------------	-------

**Phường Quyết Thắng**

11	Đình Phước Lư	Khu phố 2, đường Hà Huy Giáp	Thành hoàng	11/11
----	---------------	------------------------------	-------------	-------

**Phường Tân Phong**

12	Đình Tân Phong	Khu phố 1, đường Hồ Hòa	Thành hoàng (sắc phong*) Hai vị tướng soái nhà Lê	15/3: Tổng phong 15-16/11: (có xây châu – Đại bội)
----	----------------	-------------------------	--	---

**Phường Tân Tiến**

13	Đình thần Trương Công Định	197/45 ấp Núi Đất, Khu phố 1. Đường Lưu Văn Việt		
----	----------------------------	--	--	--

**Phường Tân Vạn**

14	Đình Tân Vạn	Khu phố 3, đường Bùi Hữu Nghĩa	Thành hoàng (sắc phong *)	16/8 (có Xây châu – Đại bội)
----	--------------	--------------------------------	---------------------------	------------------------------

**Phường Thống Nhất**

15	Đình Bình Trước	Khu phố 5	Thành hoàng (sắc phong *)	15-16/11 (có Xây châu – Đại bội)
16	Đình Lân Thị		Thành hoàng (sắc phong *)	11/11

17	Đình Vinh Thạnh		Thành hoàng	12-13/11 15-16/02: Tổng phong
18	Đình Tân Mai		Thành hoàng (sắc phong Khải Định năm thứ 2)	15/11
<b>Xã Hiệp Hòa</b>				
19	Đình Bình Hòa	Áp Tam Hòa	Thành hoàng	
20	Đình Bình Kính (Tên gọi khác: Đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh)	Áp Tam Hòa	Nguyễn Hữu Cảnh (sắc phong Thượng đẳng thần)	16-17/5
21	Đình Bình Quan	Áp Tam Hòa	Thành hoàng Từ sau 1975, cải tạo thờ Liệt sĩ, nay đã trả về cũ nhưng phối thờ LS.	15-16/11

22	Đình Bình Tự	Áp Nhất Hòa	Thành hoàng (sắc phong *) (Từ 1975 đưa vào thờ Nguyễn Huệ)	12-13/11
23	Đình Hưng Phú	Áp Nhất Hòa	Thành hoàng (sắc phong *)	16-17/11 (có tổ chức Xây Châu – Đại bội)
24	Đình Hòa Quới	Áp Tam Hòa	Thành hoàng	16-17/11
25	Đình Long Quới	Áp Tam Hòa	Thành hoàng	10-11/2
26	Đình Tân Giám	Áp Nhất Hòa	Thành hoàng	16-17/11 20/3, 05/5, 05/8: giỗ 3 vị Tiên bói
27	Đình Tân Mỹ	Áp Nhị Hòa	Thành hoàng	16-17/11
28	Đình Thành Hưng	Áp Nhị Hòa	Thành hoàng	10-11/2
29	Đình Bình Xương		Thành hoàng	15-16/11
<b>Xã Hóa An</b>				
30	Đình Hóa An	Áp An Hóa	Thành hoàng (sắc phong *)	15-17/11

31	Đình Bình Trị	Áp Bình Hóa	Thành hoàng	15/11 22/12: vía Thần
<b>Xã Tân Hạnh</b>				
32	Đình Tân Hạnh	Áp 1A	Thành hoàng (sắc phong *)	

## II. LOẠI HÌNH MIẾU

S TT	TÊN GỌI	ĐỊA CHỈ	ĐỐI TƯỢNG THỜ CHÍNH	LỄ CHÍNH (Âm lịch)
<b>Phường An Bình</b>				
01	Miếu Bà Ngũ Hành	Khu phố 2	Ngũ Hành	
<b>Phường Bình Đa</b>				
02	Miếu Án Thủ	Khu phố 3	Án Thủ	
<b>Phường Bửu Hòa</b>				
03	Miếu Bà	Khu phố 1, ấp Tân Bình	Bà Chúa Xứ	15 – 16/02
04	Miếu Bà	Khu phố 1, ấp Tân Bình	Ngũ hành nương nương	15-16/01 23/3
05	Miếu Năm Ông	Khu phố 1, ấp Tân Bình	Quan Công, Châu Sương, Quan Bình, Trương Phi, Lưu Bị	15-16/01 23/3

**Phường Bửu Long**

06	Miếu Ông Đá	Khu phố 2	Ông Đá	15-16/2
07	Miếu Sơn Quân	Đình Tân Lại – Khu phố 2	Thần Hồ	
08	Miếu Bà Chúa Xứ	Đình Tân Lại – Khu phố 2	Chúa Xứ	
09	Miếu Cây Quần	Khu phố 4	Ngũ hành nuơng nuơng	23/3 (có Lễ hội cùng Bà, hát Bóng rỗi - địa nàng)
10	Miếu Bà (Tên gọi khác: Nuơng tơ tiên)	Khu phố 4 – Khu du lịch Bửu Long	Bà Thánh (trương truyền người gốc Trung Hoa đến Việt Nam sinh sống). Sau khi chết hiển linh giúp dân làng	22-23/7 (Có dịp tổ chức Cúng Bà, hát Bóng rỗi - địa nàng)

**Phường Hòa Bình**

11	Miếu Thiên Hậu	Khu phố 2		21-23/3 Có lễ Bóng rỗi - địa nàng
----	-------------------	-----------	--	--

12	Miêu Thổ thần	Khu phố 2		
13	Miêu Tiên sư	Khu phố 2		
<b>Phường Long Bình</b>				
14	Miêu Ông Cọp	Tổ 3, Khu phố 4	Hồ thần	Ngày sóc, vọng
<b>Phường Long Bình Tân</b>				
15	Miêu Ngũ Hành	Khu phố Long Điền	Ngũ Hành	Tổng phong 18/3 15/01, 15/10
<b>Phường Quang Vinh</b>				
16	Miêu Bà Ngũ Hành		Trước thờ 7 vị tướng chết trong cuộc dẹp khởi binh Lê Văn Khôi. Sau thờ Bà Ngũ Hành	
<b>Phường Tân Mai</b>				
17	Miêu Bà Cây Cám	Khu phố 1	Ngũ hành nương nương	15/01 15/7 18-19/11



<b>Phường Tân Phong</b>				
18	Miếu Bà Bàu Hang	Khu phố 7	Thánh Mẫu nương nương	15/02
19	Miếu Quan Âm	Khu phố 2	Quan Âm – Quan Thánh	19/2 vía Bà 24/12 (Tạ ơn)
<b>Phường Tân Tiến</b>				
20	Miếu Bà	Khu phố 6, đường Nguyễn Ái Quốc	Bà Chúa Xứ - Ngũ Hành	15/01 25/4 (vía Bà) 17/10 (có múa Bông, địa - nàng)
<b>Phường Tân Vạn</b>				
21	Miếu Đồng Nai (Tên gọi khác miếu Bà)	Khu phố 1, đường Bùi Hữu Nghĩa	Ngũ Hành	16/10
22	Miếu Ngũ Hành	Chùa Sắc tự Hộ quốc/ A 1/114, Khu phố 1.		
23	Miếu Đắc Phước	Khu phố 2	Ông Đá	Chuyện tích về ông Đá

<b>Phường Thanh Bình</b>				
24	Miếu Quan Đé	số 20, đường Quang Trung	Quan Công	13/01 24/6
<b>Phường Thống Nhất</b>				
25	Miếu Ngũ Hành nương	Đình Bình Trước, khu phố	Ngũ Hành	
26	Miếu Thổ thần	Đình Bình Trước	Thổ thần	
27	Miếu Thần HỔ	Đình Bình Trước	HỔ thần	
28	Miếu Sơn Thánh Mẫu	Khu phố 1. Chùa Tịnh Châu Như Ý	Linh Sơn Tánh Mẫu	
<b>Phường Trung Dũng</b>				
29	Miếu Cây Chôm	Khu phố 2	Thủy long Thần nữ	Có hát Bông rỗi
30	Miếu Cây Thị	Khu phố 3	Ngũ Hành	
<b>Xã Hiệp Hòa</b>				
31	Miếu Bà Chúa Xứ	Đình Bình Tự, ấp Nhất Hòa	Bà Chúa Xứ	Cúng trong ngày Kỳ yên của đình

32	Miếu Thần	Thổ	Đình Bình Tụ, áp Nhất Hòa	Thổ thần	Cúng trong ngày Kỳ yên của đình
33	Miếu Hành nương	Ngũ	Đình Hưng Phú, áp Nhất Hòa	Ngũ Hành	11-12/2 (có múa Bống, địa - nàng)
34	Miếu Hành nương	Ngũ	Đình Tân Giám, áp Nhất Hòa	Ngũ Hành	12/02
35	Miếu thần	Thổ	Đình Tân Giám, áp Nhất Hòa	Thổ thần	Cúng trong ngày Kỳ yên của đình
36	Miếu Hành	Ngũ	Chùa Phước Hội, áp Nhất Hòa	Ngũ Hành	08/02
37	Miếu Hành nương	Ngũ	Đình Tân Mỹ, áp Nhị Hòa	Ngũ Hành	12/3
38	Miếu Thần	Thổ	Đình Tân Mỹ, áp Nhị Hòa	Thổ thần	Cúng trong ngày Kỳ yên của đình

39	Miếu Ngũ Hành nương nương	Đình Thành Hưng, ấp Nhị Hòa	Ngũ Hành	18/2
40	Miếu Ngũ Hành Nương Nương	Đình Bình Hòa, ấp Tam Hòa	Ngũ Hành	10/02
41	Miếu Thổ Thần	Đình Bình Hòa, ấp Tam Hòa	Thổ thần	Cúng trong ngày Kỳ yên của đình
42	Miếu Ngũ Hành nương nương	Đình Long Quới, ấp Tam Hòa	Ngũ Hành	10 – 11/2
43	Miếu Thổ Thần	Đình Long Quới, ấp Tam Hòa	Thổ thần	Cúng trong ngày Kỳ yên của đình
44	Miếu Ông Hồ	Đình Hòa Quới, ấp Tam Hòa	Hồ thần	Cúng trong ngày Kỳ yên của đình
	Miếu Thổ Thần	Đình Hòa Quới, ấp Tam Hòa	Thổ thần	Cúng trong ngày Kỳ yên của đình
<b>Xã Hóa An</b>				
45	Miếu Bà	ấp An Hóa	Ngũ Hành	06/8

### III. LOẠI HÌNH ĐỀN

S TT	TÊN GỌI	ĐỊA CHỈ	ĐỐI TƯỢNG THỜ CHÍNH	LỄ
<b>Phường Bình Đa</b>				
01	Đền Hùng Vương	Khu phố 3	Vua Hùng	10/3
<b>Phường Tân Tiến</b>				
02	Đền Trần Hung Đạo	Khu phố 4	Trần Hưng Đạo	03/3 20/8



**DANH SÁCH CƠ SỞ  
CHÙA, TỊNH XÁ, TỊNH THẤT BIÊN HÒA**

S TT	TÊN GỌI	ĐỊA CHỈ	HỆ PHÁI	LỄ CHÍNH (Âm lịch)
<b>Phường An Bình</b>				
01	Chùa Định Quang (Phước An tự)	45/472, Khu phố 9	Bắc tông	Các ngày Lễ của Phật giáo và giỗ Tổ 19/9
02	Tịnh xá Ngọc Hiệp	Khu phố 2	Khất sĩ	Các ngày Lễ của Phật giáo
03	Tịnh xá An Phước	Khu phố 2	Bắc Tông	Các ngày Lễ của Phật giáo và giỗ Tổ 19/9
<b>Phường Bình Đa</b>				
04	Chùa Tịnh Nghiêm	Khu phố 4	Bắc tông	Các ngày Lễ của Phật giáo
05	Chùa Tư Nguyễn	Khu phố 2	Quan Âm	19/02
<b>Phường Bửu Hòa</b>				
06	Chùa Bửu Linh (Chùa Mục đồng)	K1/57, ấp Tân Mỹ	Bắc tông/ Lâm tế	Các ngày Lễ của Phật giáo

07	Chùa Long Thiên	Áp Đồng Nai 2, Bùi Hữu Nghĩa	Bắc tông (Cổ truyền Lục hòa tăng)	Các ngày Lễ của Phật giáo
08	Chùa Long Tân (Tên gọi khác: chùa Thầy hút gió)	Khu phố 1, ấp Tân Bình	Bắc tông (Lâm tế)	Các ngày Lễ của Phật giáo và giỗ Tổ 22/01
09	Chùa Tân Sơn	Kp3, ấp Tân Bản	Bắc tông (Lâm tế)	Các ngày Lễ của Phật giáo và Địa Tạng 30/7
10	Chùa Thanh Lương	K2/73 đường Bùi Hữu Nghĩa	Bắc tông (Lâm tế)	Các ngày Lễ của Phật giáo và giỗ Trần Thượng Xuyên 09/5
11	Tịnh xá Ngọc Uyển (Cô nhi viện Nhất Chi Mai)	K2/76, khu phố 3, ấp Tân Bản	Khất sĩ	Các ngày Lễ của Phật giáo và giỗ Tổ 11/01
12	Quan Âm tu viện	Khu phố 3, ấp Tân Bản	Bắc tông (Liên tông Tịnh độ non bông)	Các ngày Lễ của Phật giáo và giỗ Tổ 11/01, lễ Hủy kỵ Tôn sư 30/7



## Phường Bửu Long

13	Chùa Bửu Phong	Khu phố 5	Cổ truyền Lục hòa tăng	Các ngày Lễ của Phật giáo
14	Chùa Bà Thiên Hậu (Tên gọi khác: Miếu Tổ sư)	Khu phố 5 đường Huỳnh Văn Nghệ	Thờ Bà Thiên Hậu và Tam vị Tổ sư: Lô Ban, Uất trì Cung, Ngũ Đăng.	23/6 (Lễ hội Cầu an vào với quy mô lớn ở Đồng Nai)
15	Chùa Bình An	Khu phố 5	Lâm Tế	Các ngày Lễ của Phật giáo và giỗ Tổ 15/5
16	Chùa Bửu Đức	C 61A, Khu phố 5	Nam tông (Theravada)	Các ngày Lễ của Phật giáo và Hội lễ vào ngày 15/10
17	Chùa Bửu Liên	Khu phố...	Bắc tông	Các ngày Lễ của Phật giáo
18	Chùa Ân	Tổ khu phố 18, 3	Bắc tông (gốc Tào Động)	10/4

19	Long Sơn Thạch động	Khu phố 5	Bắc tông	
20	Chùa Phở Hiền (Thập Nhị)	Số 6/9, Tổ 17, Khu phố 3	Bắc tông (Liên tông Tịnh độ non bông)	Các ngày Lễ của Phật giáo
21	Chùa Thừa Trung	Khu phố 2	Bắc tông	Các ngày Lễ của Phật giáo và 11/8 (giỗ Tổ khai sơn)
22	Chùa Linh Sơn	Tổ 3, Khu phố 5	Bắc tông	
23	Hải Quang ni tự	Tổ 32, Khu phố 5	Bắc tông	Các ngày Lễ của Phật giáo
24	Tịnh xá Ngọc Bửu	24/2, đường Nguyễn Ái Quốc	Khất sĩ	Các ngày Lễ của Phật giáo và giỗ Tổ 11/01
25	Tịnh xá Ngọc Ấn	Khu phố 5	Khất sĩ	Các ngày Lễ của Phật giáo và giỗ Tổ 11/01
26	Tịnh thất Phở Hạnh	Khu phố 4	Bắc tông (Liên tông Tịnh độ non bông)	Các ngày Lễ của Phật giáo

<b>Phường Hòa Bình</b>					
27	Chùa Sơn	Bửu	163/302, khu phố 5	Bắc tông (Lâm tế)	Các ngày Lễ của Phật giáo
28	Chùa Thành	Bửu	Khu phố 5	Bắc tông	Các ngày Lễ của Phật giáo
<b>Phường Long Bình Tân</b>					
	Chùa Phú	Long	Tổ 5, Khu phố Bình Dương	Bắc tông (Lâm tế)	Các ngày Lễ của Phật giáo
<b>Phường Quang Vinh</b>					
	Chùa Hưng hôn)	Bửu (Cô	241, đường Phan Đình Phùng	Bắc tông (Cổ truyền Lục hòa tăng)	Các ngày Lễ của Phật giáo
<b>Phường Quyết Thắng</b>					
32	Chùa Sơn	Phụng	167, Khu phố 3, đường Cách mạng tháng 8	Quảng Trạch Đại vương phối thờ Thiên Hậu	

<b>Phường Tam Hiệp</b>				
33	Chùa Từ Tôn	Số 3, đường Đồng Khởi	Bắc tông	Các ngày Lễ của Phật giáo
34	Chùa Viên Giác	Khu phố 3	Bắc tông	Các ngày Lễ của Phật giáo
35	Tịnh xá Quan Âm			Các ngày Lễ của Phật giáo
<b>Phường Tam Hòa</b>				
36	Chùa Hoa Quang (Tên gọi khác: Hoa Quang thiền tự)	Tổ 11, Khu phố 2	Bắc tông	Các ngày Lễ của Phật giáo
<b>Phường Tân Hiệp</b>				
37	Chùa Phước Viên	Khóm 5	Bắc tông	Các ngày Lễ của Phật giáo
<b>Phường Tân Mai</b>				
38	Chùa Long Quang	Tổ 27, Khu phố 6	Bắc tông	Các ngày Lễ của Phật giáo
<b>Phường Tân Phong</b>				
39	Chùa Đức Quang	Đường Nguyễn Ái Quốc, Khu phố 2	Bắc tông	Các ngày Lễ của Phật giáo

40	Chùa Quang Long (Chùa Thầy Viên)	Khu phố 1	Bắc tông	Các ngày Lễ của Phật giáo 15/10: thành lập chùa 29/11: vía Tổ khai sơn
<b>Phường Tân Tiến</b>				
41	Chùa Tam Bửu Gia	Số 330/20, khu phố 5	Bắc tông	Các ngày Lễ của Phật giáo và ngày 19-20/9. Giỗ Tổ 19-20/5
42	Chùa Phi Lai	Số 142/13, Khu phố 2	Bắc tông	Các ngày Lễ của Phật giáo
43	Chùa Phúc Lâm	Khu phố 1		Các ngày Lễ của Phật giáo
44	Già Lam Thiện sanh	Khu phố 6	Bắc tông	Các ngày Lễ của Phật giáo
<b>Phường Tân Vạn</b>				
45	Chùa Giác Minh	A1/14, đường Bùi Hữu Nghĩa, Khu phố 1	Bắc tông	Các ngày Lễ của Phật giáo và giỗ Tổ 20/12

46	Chùa Vạn Linh (chùa Ông Sảnh)	444, ấp 4, đường Bùi Hữu Nghĩa	Bắc tông	Các ngày Lễ của Phật giáo và giỗ Tổ 08/12
47	Chùa Hộ quốc quan tự (Tên gọi khác: chùa Sắc tứ)	A 1/114, đường Bùi Hữu Nghĩa, Khu phố 1	Bắc tông	Các ngày Lễ của Phật giáo và giỗ Tổ 30/8

### Phường Thống Nhất

48	Chùa Phước Huệ	Khu phố 1	Khất sĩ (trước là Lục Hòa tăng)	Các ngày Lễ của Phật giáo
49	Chùa Tịnh Châu Như Ý	4B, Khu phố 1	Bắc tông (Liên tông Tịnh độ non bồng)	Các ngày Lễ của Phật giáo
50	Chùa Thiên Quốc (chùa Ao hồ, chùa Ruộng)	288/3, Khu phố 3	Bắc tông (Liên tông Tịnh độ Non bồng )	Các ngày Lễ của Phật giáo
51	Chùa Đức Tường	Khu phố 2	Bắc tông (Tịnh độ)	Các ngày Lễ của Phật giáo

52	Chùa Pháp Bửu	Khu phố 2	Bắc tông	Các ngày Lễ của Phật giáo
53	Chùa Long Hòa	Khu phố 3	Khất sĩ (trước là Bắc Tông)	Các ngày Lễ của Phật giáo
54	Tịnh xá Ngọc Hiệp	Khu phố 3	Khất sĩ	Các ngày Lễ của Phật giáo
55	Chùa Thiên Long (chùa làng, chùa Bình Trước)	1/17, khu phố 4	Bắc tông	Các ngày Lễ của Phật giáo
56	Chùa Hòa Phổ	Khu phố 4	Khất sĩ	Các ngày Lễ của Phật giáo
57	Chùa Tam Bửu	491/25, Khu phố 4	Bắc tông	Các ngày Lễ của Phật giáo
58	Tịnh thất Đại thế chí	Khu phố 4	Bắc tông	Các ngày Lễ của Phật giáo
59	Tịnh thất Thích Ca	Khu phố 4	Bắc tông	Các ngày Lễ của Phật giáo
60	Tịnh xá Ngọc Hòa	Khu phố 6	Khất sĩ	Các ngày Lễ của Phật giáo và giỗ Tổ 12/7

61	Tịnh xá Ngọc Long	Khu phố 6	Khất sĩ	Các ngày Lễ của Phật giáo
62	Chùa Đại Phước (Tên gọi khác: chùa ông Tám)	Khu phố 6	Bắc tông (Lục hòa tăng)	Các ngày Lễ của Phật giáo và giỗ Tổ 14/9
<b>Phường Trung Dũng</b>				
63	Chùa Thanh Long	Đường Hưng Đạo Vương, khu phố 2.	Bắc tông (Lục hòa tăng)	Các ngày Lễ của Phật giáo
64	Chùa Hưng Bình	Đường Hưng Đạo Vương, Khu phố 4.	Bắc tông (Tịnh độ cư sĩ)	Các ngày Lễ của Phật giáo
<b>Xã Hiệp Hòa</b>				
65	Chùa Đại Giác	Đường Võ Văn Thi, ấp Nhị Hòa	Bắc tông (Lục hòa tăng)	



66	Chùa Hoàng Ân	Áp Nhị Hòa	Bắc tông	Các ngày Lễ của Phật giáo và giỗ Tổ 05/12. Vía Bà Chúa Xứ 23-24/4 - Gắn với chuyện tích báo ân
67	Chùa Chúc Thọ (Chúc Đảo, Thủ Huồng)	Áp Nhị Hòa	Bắc tông	Các ngày Lễ của Phật giáo - Gắn với chuyện tích về nhân vật Võ Thủ Huồng
68	Chùa Phước Hội	Áp Nhất Hòa	Bắc tông	Các ngày Lễ của Phật giáo và giỗ Tổ 13-14/11
69	Chùa Phước Long (Tên gọi khác: chùa Gò Cát)	Áp Tam Hòa	Bắc tông	Các ngày Lễ của Phật giáo
70	Chùa Tịnh Lâm		Bắc tông	Các ngày Lễ của Phật giáo và giỗ Tổ 26/11

71	Chùa Ông (Miếu Quan Đế)	Đường Đặng Đại Độ	Thờ Quan Thánh và phối thờ các Thiên Hậu, Quan Âm	Tam nguyên QuanThánh13/01 : vía sanh; 13/5: vía tử QT, 24/6: QT hiển thánh 23/3: vía Thiên Hậu.
72	Tịnh xá Thắng Liên Hoa	Áp Nhất Hòa	Bắc tông (Liên tông Tịnh độ non bồng)	Các ngày Lễ của Phật giáo và giỗ Tổ 13-14/11

### **Xã Hoá An**

73	Chùa Hóc Ông Che (Hiền Lâm son tự)	Áp An Hóa	Bắc tông (Lâm Tế)	Các ngày Lễ của Phật giáo
74	Chùa Tân Quang	Áp An Hóa	Bắc tông	
75	Chùa Công Si	Áp Bình Hóa	Thiên Hậu, Quan Thánh	Gốc Hoa

### **Xã Tân Hạnh**

76	Chùa Hạnh Sơn	Áp 3	Bắc Tông (Lâm Tế)	Các ngày Lễ của Phật giáo và giỗ Tổ 27/8
----	------------------	------	----------------------	--

**Phường Hòa Bình**

27	Chùa Sơn	Bửu	163/302, khu phố 5	Bắc tông (Lâm tế)	Các ngày Lễ của Phật giáo
28	Chùa Thành	Bửu	Khu phố 5	Bắc tông	Các ngày Lễ của Phật giáo

**Phường Long Bình Tân**

	Chùa Phú	Long	Tổ 5, Khu phố Bình Dương	Bắc tông (Lâm tế)	Các ngày Lễ của Phật giáo
--	----------	------	--------------------------	-------------------	---------------------------

**Phường Quang Vinh**

	Chùa Hưng hôn)	Bửu (Cô)	241, đường Phan Đình Phùng	Bắc tông (Cổ truyền Lục hòa tăng)	Các ngày Lễ của Phật giáo
--	----------------	----------	----------------------------	-----------------------------------	---------------------------

**Phường Quyết Thắng**

32	Chùa Sơn	Phụng	167, Khu phố 3, đường Cách mạng tháng 8	Quảng Trạch Đại vương phối thờ Thiên Hậu	
----	----------	-------	---	--	--

<b>Phường Tam Hiệp</b>				
33	Chùa Từ Tôn	Số 3, đường Đồng Khởi	Bắc tông	Các ngày Lễ của Phật giáo
34	Chùa Viên Giác	Khu phố 3	Bắc tông	Các ngày Lễ của Phật giáo
35	Tịnh xá Quan Âm			Các ngày Lễ của Phật giáo
<b>Phường Tam Hòa</b>				
36	Chùa Hoa Quang (Tên gọi khác: Hoa Quang thiền tự)	Tổ 11, Khu phố 2	Bắc tông	Các ngày Lễ của Phật giáo
<b>Phường Tân Hiệp</b>				
37	Chùa Phước Viên	Khóm 5	Bắc tông	Các ngày Lễ của Phật giáo
<b>Phường Tân Mai</b>				
38	Chùa Long Quang	Tổ 27, Khu phố 6	Bắc tông	Các ngày Lễ của Phật giáo
<b>Phường Tân Phong</b>				
39	Chùa Đức Quang	Đường Nguyễn Ái Quốc, Khu phố 2	Bắc tông	Các ngày Lễ của Phật giáo

40	Chùa Quang Long (Chùa Thầy Viên)	Khu phố 1	Bắc tông	Các ngày Lễ của Phật giáo 15/10: thành lập chùa 29/11: vía Tổ khai sơn
----	-------------------------------------	-----------	----------	--

### Phường Tân Tiến

41	Chùa Tam Bửu Gia	Số 330/20, khu phố 5	Bắc tông	Các ngày Lễ của Phật giáo và ngày 19-20/9. Giỗ Tổ 19-20/5
42	Chùa Phi Lai	Số 142/13, Khu phố 2	Bắc tông	Các ngày Lễ của Phật giáo
43	Chùa Phúc Lâm	Khu phố 1		Các ngày Lễ của Phật giáo
44	Già Lam Thiện sanh	Khu phố 6	Bắc tông	Các ngày Lễ của Phật giáo

### Phường Tân Vạn

45	Chùa Giác Minh	A1/14, đường Bùi Hữu Nghĩa, Khu phố 1	Bắc tông	Các ngày Lễ của Phật giáo và giỗ Tổ 20/12
----	----------------	---	----------	---

46	Chùa Vạn Linh (chùa Ông Sảnh)	444, ấp 4, đường Bùi Hữu Nghĩa	Bắc tông	Các ngày Lễ của Phật giáo và giỗ Tổ 08/12
47	Chùa Hộ quốc quan tự (Tên gọi khác: chùa Sắc tứ)	A 1/114, đường Bùi Hữu Nghĩa, Khu phố 1	Bắc tông	Các ngày Lễ của Phật giáo và giỗ Tổ 30/8

### Phường Thống Nhất

48	Chùa Phước Huệ	Khu phố 1	Khất sĩ (trước là Lục Hòa tăng)	Các ngày Lễ của Phật giáo
49	Chùa Tịnh Châu Như Ý	4B, Khu phố 1	Bắc tông (Liên tông Tịnh độ non bồng)	Các ngày Lễ của Phật giáo
50	Chùa Thiên Quốc (chùa Ao hồ, chùa Ruộng)	288/3, Khu phố 3	Bắc tông (Liên tông Tịnh độ Non bồng)	Các ngày Lễ của Phật giáo
51	Chùa Đức Tường	Khu phố 2	Bắc tông (Tịnh độ)	Các ngày Lễ của Phật giáo

52	Chùa Pháp Bửu	Khu phố 2	Bắc tông	Các ngày Lễ của Phật giáo
53	Chùa Long Hòa	Khu phố 3	Khất sĩ (trước là Bắc Tông)	Các ngày Lễ của Phật giáo
54	Tịnh xá Ngọc Hiệp	Khu phố 3	Khất sĩ	Các ngày Lễ của Phật giáo
55	Chùa Thiên Long (chùa làng, chùa Bình Trước)	1/17, khu phố 4	Bắc tông	Các ngày Lễ của Phật giáo
56	Chùa Hòa Phổ	Khu phố 4	Khất sĩ	Các ngày Lễ của Phật giáo
57	Chùa Tam Bửu	491/25, Khu phố 4	Bắc tông	Các ngày Lễ của Phật giáo
58	Tịnh thất Đại thế chí	Khu phố 4	Bắc tông	Các ngày Lễ của Phật giáo
59	Tịnh thất Thích Ca	Khu phố 4	Bắc tông	Các ngày Lễ của Phật giáo
60	Tịnh xá Ngọc Hòa	Khu phố 6	Khất sĩ	Các ngày Lễ của Phật giáo và giỗ Tổ 12/7

61	Tịnh xá Ngọc Long	Khu phố 6	Khất sĩ	Các ngày Lễ của Phật giáo
62	Chùa Đại Phước (Tên gọi khác: chùa ông Tám)	Khu phố 6	Bắc tông (Lục hòa tăng)	Các ngày Lễ của Phật giáo và giỗ Tổ 14/9

### Phường Trung Dũng

63	Chùa Thanh Long	Đường Hưng Đạo Vương, khu phố 2.	Bắc tông (Lục hòa tăng)	Các ngày Lễ của Phật giáo
64	Chùa Hưng Bình	Đường Hưng Đạo Vương, Khu phố 4.	Bắc tông (Tịnh độ cư sĩ)	Các ngày Lễ của Phật giáo

### Xã Hiệp Hòa

65	Chùa Đại Giác	Đường Võ Văn Thi, ấp Nhị Hòa	Bắc tông (Lục hòa tăng)	
----	---------------	------------------------------	----------------------------	--



66	Chùa Hoàng Ân	Áp Nhị Hòa	Bắc tông	Các ngày Lễ của Phật giáo và giỗ Tổ 05/12. Vía Bà Chúa Xứ 23-24/4 - Gắn với chuyện tích báo ân
67	Chùa Chúc Thọ (Chúc Đảo, Thủ Hoàng)	Áp Nhị Hòa	Bắc tông	Các ngày Lễ của Phật giáo - Gắn với chuyện tích về nhân vật Võ Thủ Hoàng
68	Chùa Phước Hội	Áp Nhất Hòa	Bắc tông	Các ngày Lễ của Phật giáo và giỗ Tổ 13-14/11
69	Chùa Phước Long (Tên gọi khác: chùa Gò Cát)	Áp Tam Hòa	Bắc tông	Các ngày Lễ của Phật giáo
70	Chùa Tịnh Lâm		Bắc tông	Các ngày Lễ của Phật giáo và giỗ Tổ 26/11

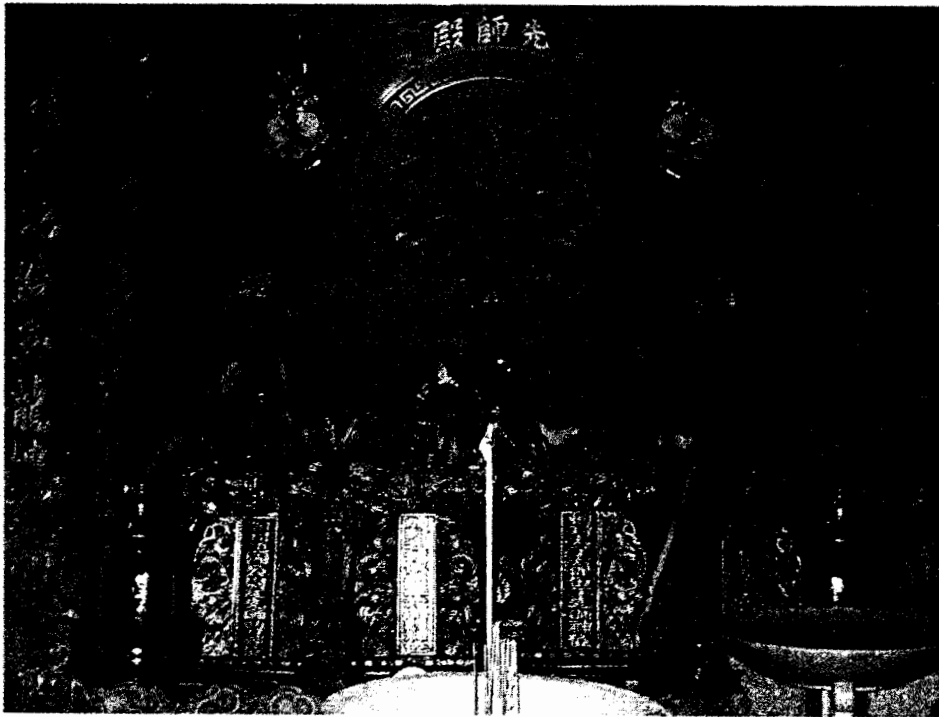
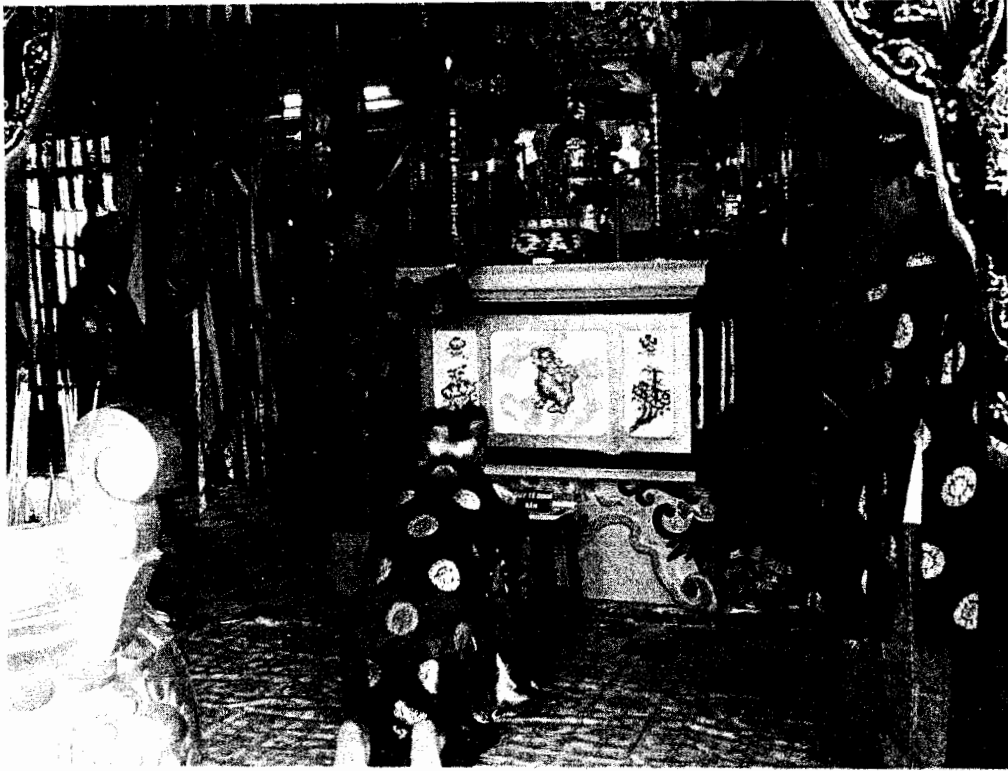
71	Chùa Ông (Miếu Quan Đế)	Đường Đặng Đại Độ	Thờ Quan Thánh và phôi thờ các Thiên Hậu, Quan Âm	Tam nguyên QuanThánh13/01 : vía sanh; 13/5: vía tử QT, 24/6: QT hiển thánh 23/3: vía Thiên Hậu.
72	Tịnh xá Thắng Liên Hoa	Áp Nhất Hòa	Bắc tông (Liên tông Tịnh độ non bồng)	Các ngày Lễ của Phật giáo và giỗ Tổ 13-14/11

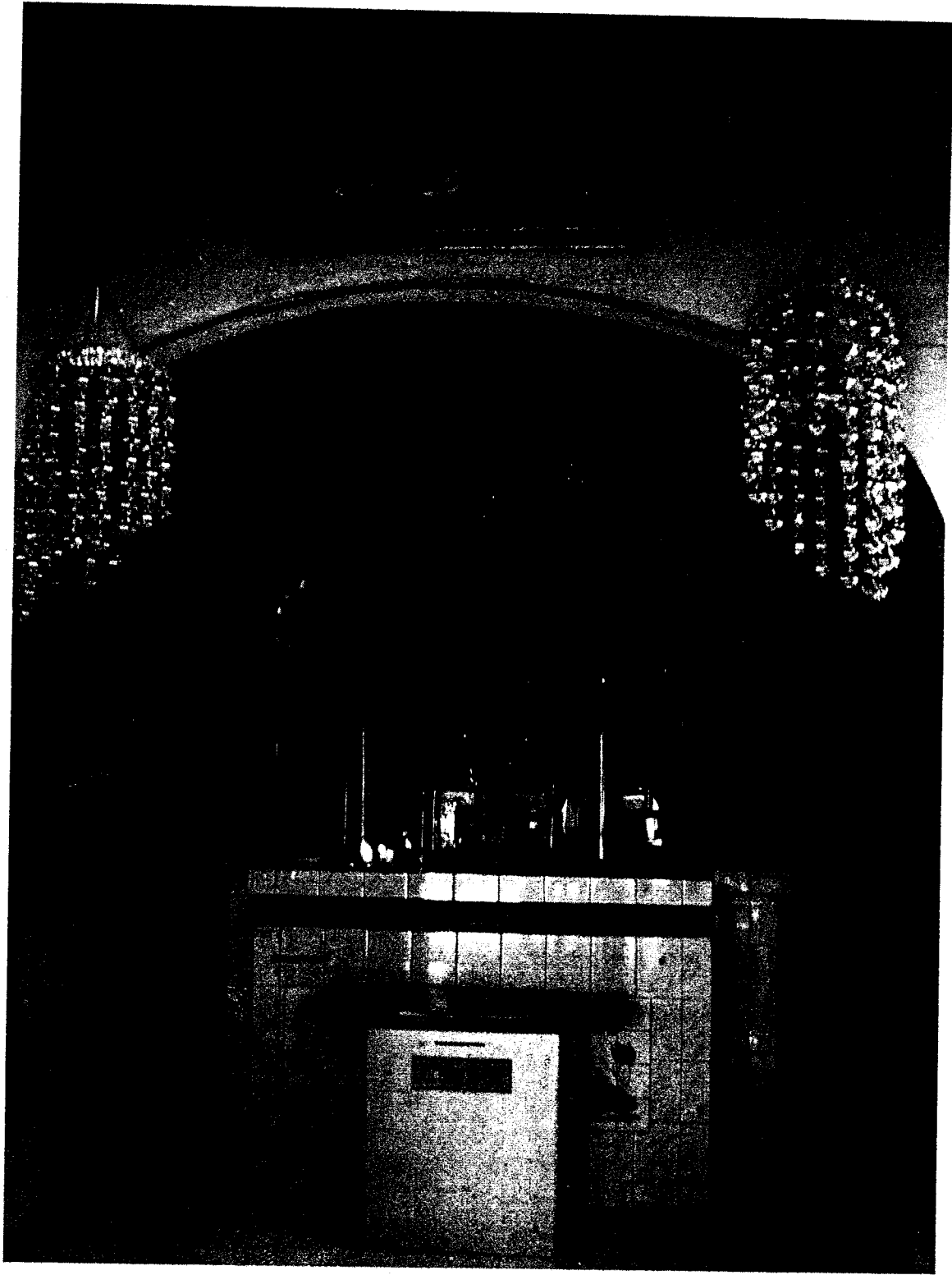
### **Xã Hoá An**

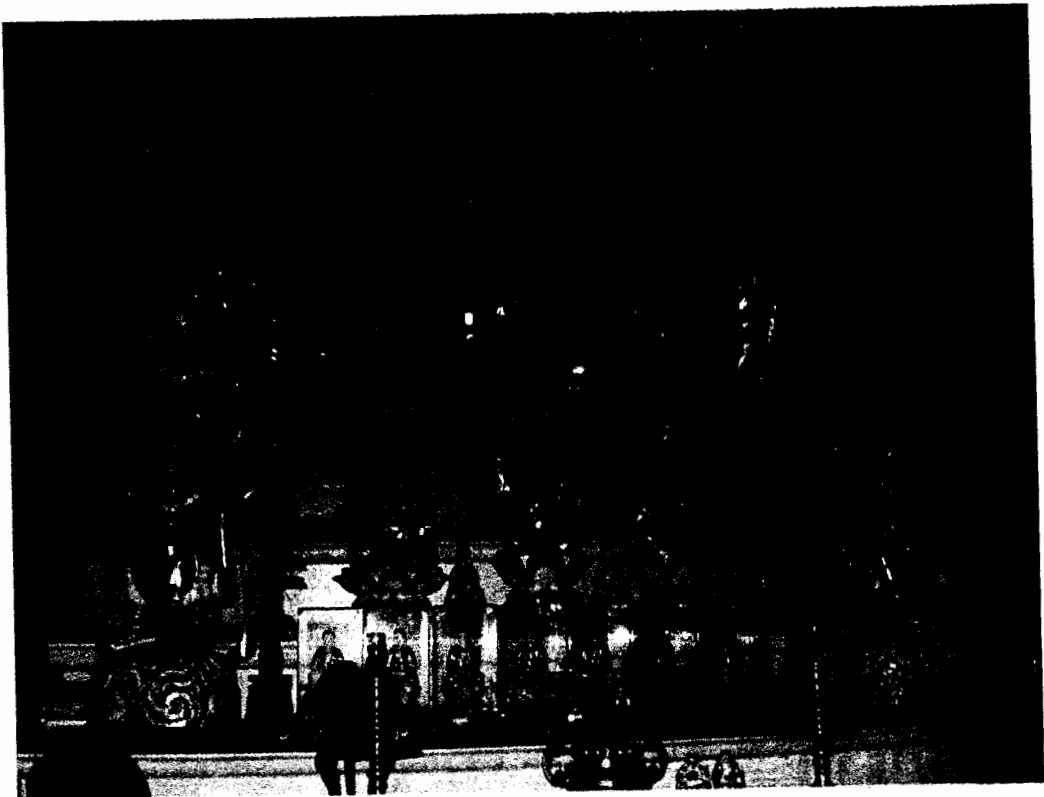
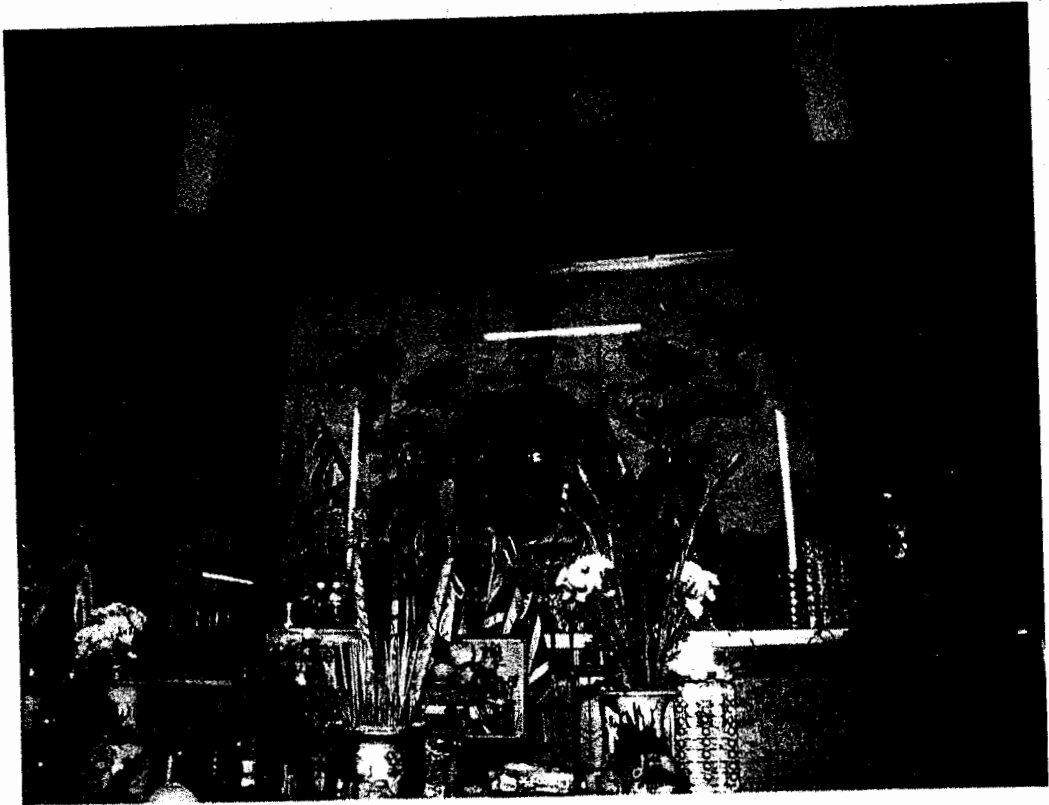
73	Chùa Ông (Hiển son tự)	Hóc Che Lâm	Áp An Hóa	Bắc tông (Lâm Tế)	Các ngày Lễ của Phật giáo
74	Chùa Quang	Tân	Áp An Hóa	Bắc tông	
75	Chùa Si	Công	Áp Bình Hóa	Thiên Hậu, Quan Thánh	Gốc Hoa

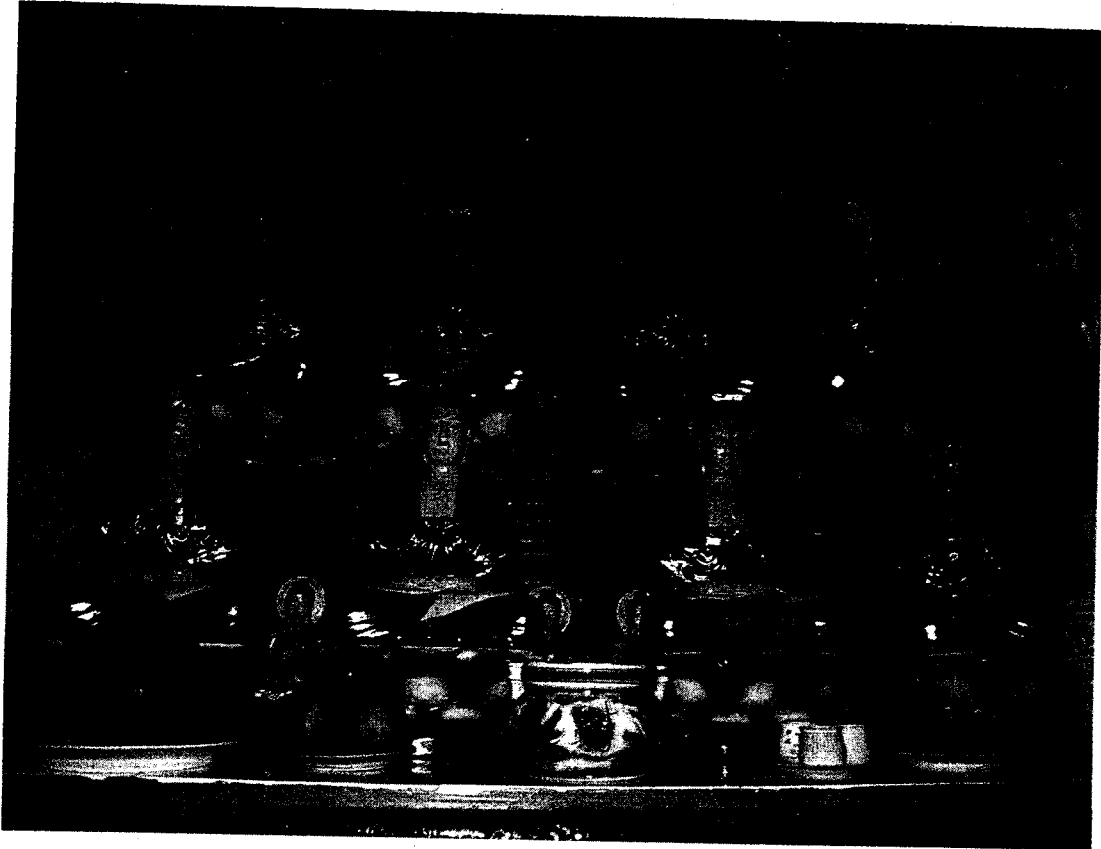
### **Xã Tân Hạnh**

76	Chùa Sơn	Hạnh	Áp 3	Bắc Tông (Lâm Tế)	Các ngày Lễ của Phật giáo và giỗ Tổ 27/8
----	-------------	------	------	----------------------	--









## SUMMARY

The work *The belief - religious institutions and traditional ceremonies of people living in Bien Hoa region* of the author Phan Đình Dung is a work studying the system of belief - religious institutions in their different types, scales and architectural models.

Beside the *Appendix*, there are three chapters:

*Chapter I:* The author introduces some traits about Bien Hoa region. General view of some fundamental characteristics of Bien Hoa region such as geographical location, population, name and history of region...

*Chapter II: The belief – religious institutions and traditional ceremonies of Viet people living in Bien Hoa region:*

+ Studying some traits about human being and its religious life

+ Studying some beliefs

- Religious institutions and their concerning ceremonial types of Viet people living in Bien Hoa region such as:

- The communal houses and their corresponding ceremonies;

- The shrines and their corresponding ceremonies;

- The temples and their corresponding ceremonies

- The pagodas and their corresponding ceremonies.

*Chapter III:* Introducing some belief – religious institutions and traditional ceremonies of Chinese minority living in Bien Hoa region. General view of Chinese minority and the belief institutions of Chinese minority communities living in Bien Hoa region and their ceremonies.

At appendix part of the work is a statistical list of three different forms of the belief – religious institutions in Bien Hoa region mainly the communal houses, shrines, temples and pagodas.



## TÀI LIỆU THAM KHẢO

### I. SÁCH

1. Phan Đình Dũng, Ngọc Thành, Hiếu Tâm. *Văn bia Biên Hòa - Đồng Nai 300 năm* (chú giải). NXB Đồng Nai, 2000.
2. Phan Đình Dũng. *Biên Hòa – di tích lịch sử văn hóa*. Trung tâm Văn miếu Trấn Biên, 2008.
3. Trịnh Hoài Đức. *Gia Định thành thông chí*. NXB Tổng hợp Đồng Nai, 2005.
4. Mai Thanh Hải. *Từ điển tôn giáo*. NXB Từ điển Bách Khoa, 2002.
5. Chu Huy. *Sổ tay kiến thức văn hóa dân gian Việt Nam*. NXB Giáo dục, 2004.
6. Nguyễn Văn Quyết (chủ biên), Phạm Lan Hương, Lâm Nhân. *Nhạc lễ Nam Bộ. Nghi thức và nhạc lễ trong cúng đình và tang ma của người Việt ở Đồng Nai*. NXB Tổng hợp Đồng Nai, 2005.
7. Huỳnh Quốc Thắng. *Lễ hội dân gian của người Việt ở Nam Bộ*. Viện Văn hóa & NXB Văn hóa Thông tin, 2003.
8. Ngô Đức Thịnh (chủ biên). *Đạo Mẫu ở Việt Nam*, NXB Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 1993.

9. Huỳnh Tới, Phan Đình Dũng và nhóm tác giả. *Truyện Dân gian Đồng Nai*. NXB Tổng hợp Đồng Nai, 1995.
10. Huỳnh Tới, Phan Đình Dũng, Tuyết Hồng, Võ Thu Trang. *Văn hóa – Du lịch Đồng Nai*. Tài liệu tập huấn. Sứ Văn hóa Thông tin, Sở Thương mại Du lịch Đồng Nai, 1999.
11. Huỳnh Văn Tới, Phan Đình Dũng. *Văn hóa Đồng Nai* (sơ thảo). NXB Đồng Nai, 2005.
12. Trương Ngọc Tường và nhóm tác giả. *Đình Nam Bộ - Tín ngưỡng và nghi lễ*. NXB Tp. Hồ Chí Minh, 1993.
13. Hồ Tường, Nguyễn Hữu Thế. *Đình ở Thành phố Hồ Chí Minh*. NXB Trẻ, 2005.
14. Ban Trị sự Phật giáo Đồng Nai (nhiều tác giả). *Những ngôi chùa Đồng Nai* (tập I). NXB Văn hóa thông tin, 2002.
15. Bảo tàng Đồng Nai (Phan Đình Dũng và nhóm tác giả). *Đồng Nai di tích lịch sử - văn hóa*. NXB Đồng Nai, 1993.
16. Bảo tàng Đồng Nai (Phan Đình Dũng và nhóm tác giả). *Người Đồng Nai*. NXB Đồng Nai, 1995.
17. Bảo tàng Đồng Nai (Diệp Đình Hoa). *Làng Bến Gỗ xưa & nay*. NXB Đồng Nai, 1995.
18. Bảo tàng Đồng Nai (Diệp Đình Hoa, Phan Đình Dũng và nhóm tác giả). *Làng Bến Cá xưa & nay*. NXB Đồng Nai, 1998.

1. Bảo tàng Đồng Nai (Huỳnh Ngọc Trảng, Phan Đình Dũng và nhóm tác giả). *Cù lao Phố - Lịch sử và văn hóa*. NXB Đồng Nai, 1998.
1. Bảo tàng Đồng Nai (Trần Quang Toại, Phan Đình Dũng và nhóm tác giả). *Việt Nam – Đồng Nai trăm năm nhìn lại*. NXB Đồng Nai, 2002.
1. Hội Khoa học Lịch sử TP. HCM. *Nam Bộ đất & người*, tập V. NXB Trẻ, 2007.
2. Quốc sử quán triều Nguyễn. *Đại Nam nhất thống chí*, tập 5. NXB Thuận Hóa, Huế, 1992.
3. Nguyễn Yên Tri, Phan Đình Dũng, Nguyễn Văn Thông. *Gốm Biên Hòa*. NXB Đồng Nai, 2005.
4. Tỉnh ủy, UBND Đồng Nai (nhiều tác giả). *Biên Hòa – Đồng Nai 300 năm hình thành và phát triển*. NXB Đồng Nai, 1998.
5. Tỉnh ủy, UBND Đồng Nai (nhiều tác giả). *Địa chí Đồng Nai* (5 tập: Tổng quan, Địa lý, Kinh tế, Lịch sử, Văn hóa – xã hội). NXB Đồng Nai, 2001.
5. Viện nghiên cứu xã hội Tp.HCM. Tô Thanh Bằng (chủ biên). *Tín ngưỡng dân gian ở Thành phố Hồ Chí Minh*. NXB Đại học Quốc gia Tp.HCM, 2008.
7. Viện nghiên cứu Văn hóa – nghệ thuật Việt Nam, Phân viện tại TP. HCM (Huỳnh Ngọc Trảng và nhóm tác giả). *Sổ tay hành hương đất phương Nam*. NXB Tp. HCM, 2002

28. Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật (Nhiều tác giả). *Kho tàng Lễ hội Việt Nam*. NXB Văn hóa dân tộc. Hà Nội, 2000.

## II. TÀI LIỆU, CÔNG TRÌNH

29. Ủy ban Nhân dân thành phố Biên Hòa. *Di sản chữ Hán trong các đình, chùa, miếu – mạo, từ đường ở Biên Hòa – Đồng Nai*, 1998.
30. Bảo tàng Đồng Nai. *Cở sở tín ngưỡng người Hoa ở Đồng Nai*, 2002.
31. Bảo tàng Đồng Nai. *Hồ sơ kiểm kê di tích phổ thông ở Biên Hòa*, 2004.
32. Nguyễn Thị Nguyệt. *Lễ hội cầu an, cầu siêu của người Hoa ở Đồng Nai*. Luận văn Cao học. Đại học KHXH & NV Tp. HCM, 2005.
33. Phan Đình Dũng. *Khảo sát cơ sở tín ngưỡng người Hoa ở Biên Hòa. Chuyên khảo điền dã*, 2001.
34. Phan Đình Dũng. *100 câu hỏi đáp về Biên Hòa – Đồng Nai. Bản thảo tài trợ biên khảo*. Hội Văn học nghệ thuật Đồng Nai, 2008.
35. Bảo tàng Đồng Nai. *Tập tài liệu Kiểm kê phổ thông di tích địa bàn Biên Hòa*.
36. Huỳnh Ngọc Trảng. *Đồng Nai danh lam cổ tự*. Kịch bản phim tư liệu. Bảo tàng Đồng Nai, 1997.
37. Hội Văn nghệ Dân gian Việt Nam, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Đồng Nai. *Vai trò Văn hóa dân gian trong phát triển ở miền Đông Nam Bộ*. Kỷ yếu Hội thảo 9, 2008.

## II. TẠP CHÍ, BÁO

8. Phan Đình Dũng. *Đồng Nai văn vật*. Tập san Thông tin Đồng Nai, số 6, 1994.
9. Phan Đình Dũng, Đỗ Bá Nghiệp. *Di tích lịch sử đền thờ Nguyễn Tri Phương*. Tạp chí Sông Phố Xuân Giáp Tuất, 1994.
10. Phan Đình Dũng (Huyền Bảo Tang). *Những ngôi chùa cổ xứ Biên Hòa*. Tập san Thông tin Đồng Nai, số 2, 1995.
11. Phan Đình Dũng. *Lễ hội dân gian ở Đồng Nai*. Tạp chí Sông Phố - Đồng Nai, Xuân Ất Hợi, 1995.
12. Phan Đình Dũng. *Du lịch Đồng Nai tiềm năng từ di sản văn hoá*. Tạp chí Văn hoá nghệ thuật (Bộ Văn hoá Thông tin). Số 155, 1997.
13. Phan Đình Dũng. *Biên Hòa trong dòng chảy lịch sử*. Tập san Thông tin Đồng Nai, số 2, 1997.
14. Phan Đình Dũng. *Dấu ấn người Hoa ở Đồng Nai*. Tạp chí Văn nghệ Đồng Nai, số 2, 2001.
15. Phan Đình Dũng. *Về Di sản văn hóa Cù lao Phố*. Tạp chí Di sản văn hóa. Cục Di sản văn hoá (Bộ Văn hoá – Thông tin), số 2/19, 2007.
16. Phan Đình Dũng. *Chùa Đại Giác và những chuyện tích*. Báo Đồng Nai, số 1421, 2008.
17. Phan Đình Dũng. *Miếu Tổ sư nghề đá Bửu Long*. Báo Đồng Nai số 1439, 2008.

48. Phan Đình Dũng (Đình Huyền Dũng). *Ngôi chùa Hoa cổ kính trên đất Cù lao Phố*. Báo Đồng Nai, số 1445, 2008.
49. Phan Đình Dũng (Phan Mỹ Đình). *Đền thờ vua Hùng trên đất Biên Hòa*. Báo Đồng Nai số 1457, 2008.
50. Phan Đình Dũng. *Đền thờ bậc khai quốc công thần xứ Biên Hòa*. Báo Đồng Nai số 1462, 2008.
51. Phan Đình Dũng (Phan Nguyễn). *Chuyện tích về Thủ Huồng*. Báo Đồng Nai số 1471, 2008.
52. Phan Đình Dũng (Đình Huyền Phan). *Đền thờ anh hùng dân tộc Nguyễn Tri Phương*. Báo Đồng Nai số 1474, 2008.
53. Phan Đình Dũng (Đình Huyền Dũng). *Chùa Long Thiên*. Báo Đồng Nai số 1486, 2008.
54. Phan Đình Dũng (Nguyễn Mỹ Đình). *Chùa Cô hồn*. Báo Đồng Nai số 1498, 2008.
55. Phan Đình Dũng (Duyên Tâm). *Di tích đình Tân Lân*. Báo Đồng Nai số 1501, 2008.
56. Phan Đình Dũng (Phan Nguyễn). *Lễ hội Kỳ yên ở đình làng Đồng Nai*. Báo Đồng Nai số 1519, 2008.
57. Phan Đình Dũng (Phan Đình Mỹ). *Chùa Hóc Ông che*. Báo Đồng Nai số 1522, 2008.
58. Phan Đình Dũng (Phan Đình Mỹ). *Nét kiến trúc đình ở Biên Hòa*. Báo Đồng Nai số 1536, 2008.

59. Phan Đình Dũng (Phan Đình Mỹ). *Nét kiến trúc đình ở Biên Hòa*. Báo Đồng Nai số 1536, 2008.
50. Phan Đình Dũng. *Thờ thần làng ở Biên Hòa*. Báo Đồng Nai số 1538, 2008.
51. Phan Đình Dũng. *Tục thờ thần Hổ ở Biên Hòa*. Báo Đồng Nai số 1545, 2008.
62. Phan Đình Dũng. *Tục thờ Tiên hiền, Hậu hiền ở Biên Hòa*. Đặc san Báo Đồng Nai 12, 2008.
63. Phan Đình Dũng. *Nét Kiến trúc Hoa ở Biên Hòa*. Tạp chí Thế giới Di sản (Bộ VH, TT&DL), 2008.

## MỤC LỤC

• <i>Lời giới thiệu</i> .....	9
<b>Chương I. VÀI NÉT VỀ VÙNG ĐẤT BIÊN HÒA</b> .....	11
<b>Chương II. CƠ SỞ TÍN NGƯỠNG VÀ LỄ HỘI NGƯỜI VIỆT Ở BIÊN HÒA</b> .....	29
<b>I. Vài nét về người Việt ở Biên Hòa</b> .....	29
<b>II. Loại hình đình và lễ hội</b> .....	31
1. Sự hình thành và tên gọi.....	31
2. Những thành tố kiến trúc.....	36
3. Đối tượng thờ .....	44
<b>III. Lễ hội ở đình</b> .....	69
1. Lễ hội Kỳ yên qua những góc nhìn .....	69
2. Các nghi thức trong Đại lễ Kỳ yên.....	90
<b>IV. Loại hình miếu và lễ hội</b> .....	101
1. Tổng quan về loại hình miếu.....	101
2. Lễ hội ở miếu.....	117
<b>V. Loại hình đền và lễ hội</b> .....	124
1. Kiến trúc và lối bài trí.....	125



2. Đôi tượng thờ .....	127
3. Lễ hội trong năm .....	129
<b>VI. Loại hình chùa và lễ hội .....</b>	<b>135</b>
1. Tổng quan về loại hình chùa .....	135
2. Kiến trúc và bài trí đôi tượng thờ .....	149
3. Những ngày lễ trong năm ở chùa .....	165
<b>Chương III. CƠ SỞ TÍN NGƯỠNG VÀ LỄ HỘI</b>	
<b>NGƯỜI HOA Ở BIÊN HÒA .....</b>	<b>173</b>
<b>I. Vài nét về người Hoa ở Biên Hòa .....</b>	<b>173</b>
<b>II. Cơ sở tín ngưỡng của người Hoa .....</b>	<b>176</b>
1. Khái quát chung .....	176
2. Tên gọi các cơ sở tín ngưỡng .....	179
3. Đôi tượng thờ .....	179
<b>III. Lễ hội người Hoa ở Biên Hòa .....</b>	<b>189</b>
1. Lễ vía Quan Đế hiển thánh .....	189
2. Lễ vía Thiên Hậu .....	193
3. Lễ vía Quan Âm .....	210
4. Lễ Tả tài phán .....	215
5. Lễ cầu siêu .....	228
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>233</b>
• Phân Phụ lục .....	237
• Tóm tắt nội dung công trình bằng tiếng Anh .....	269
• Tài liệu tham khảo .....	271

**NHÀ XUẤT BẢN THỜI ĐẠI**

B15 - Lô 2 - Mỹ Đình I - Từ Liêm - Hà Nội

ĐT: (04) 62872348 - Fax: (04) 62871730

*Chịu trách nhiệm xuất bản:*

BÙI VIỆT BẮC

*Biên tập:* PHƯƠNG THẢO - BÍCH NGỌC

*Biên tập kỹ thuật:* PHAN NGA

*Sửa bản in:* VĂN HIỂN

*Chế bản:* NGUYỄN DUNG

*Trình bày bìa:* CTY. TNHH SX&TM HUNG HÀ

*Đối tác liên kết:*

HỘI VĂN NGHỆ DÂN GIAN VIỆT NAM

---

**CƠ SỞ TÍN NGƯỠNG VÀ LỄ HỘI TRUYỀN THỐNG Ở BIÊN H**

---

In 2000 cuốn, khổ 14,5x20,5cm, tại Công ty In TNHH TM&DV C

Số xuất bản: 550 - 2010/CXB/28 - 18/TĐ, Ngày 21 tháng 10 năm

Quyết định xuất bản số: 768/QĐ - TĐ,

In xong và nộp lưu chiểu năm 2010.